



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG – PHẠM KIỀU ANH – VŨ THỊ LAN
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – PHAN THỊ QUỲNH NHƯ – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

TIẾNG VIỆT

LỚP 5 – TẬP MỘT

(HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
THEO SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5 – BỘ SÁCH
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV: Giáo viên
HS: Học sinh
SGK: Sách giáo khoa



THỂ GIỚI TUỔI THƠ

TUẦN 1

BÀI 1 THANH ÂM CỦA GIÓ (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc:

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Thanh âm của gió*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

– Đọc hiểu: Nhận biết được các sự việc gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng, mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu biết và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

b. Viết: Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (bằng cách sáng tạo thêm chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

– Ôn tập về 3 từ loại đã được học ở lớp 4: danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại đó.

2. Phẩm chất

- Biết sáng tạo trong các trò chơi và hoạt động tập thể.
- Biết hoà đồng với bạn bè và có suy nghĩ độc lập, mang cá tính riêng.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh hoạ chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*, tranh minh hoạ bài đọc *Thanh âm của gió*.
- Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn từ trong văn học.
- Màn hình hoặc máy chiếu để trình chiếu nội dung bài học.
- Phiếu học tập, bút dạ dùng cho Trò chơi bài tập 2 phần Luyện từ và câu.

- Video cảnh giò ra chơi trên sân trường, lưu ý có hình ảnh lá cờ Tổ quốc đang tung bay trên cột cờ.
- Tranh minh hoạ bài *Thanh âm của gió*.
- Một số câu văn mẫu (dùng cho Vòng 4 của bài tập 2 – Luyện từ và câu)
- Một số bài văn kể chuyện sáng tạo

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Giới thiệu sách *Tiếng Việt 5* và chủ điểm mở đầu

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của sách *Tiếng Việt 5* nói chung và các bài học trong chủ điểm đầu tiên (*Thế giới tuổi thơ*) nói riêng.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Giới thiệu chương trình môn Tiếng Việt và cấu trúc sách Tiếng Việt 5:</i> + Sách <i>Tiếng Việt 5</i> vẫn thống nhất với các lớp 3 và 4: mỗi tuần có 7 tiết, chia làm 2 bài học lớn (bài thứ nhất học trong 3 tiết, gồm hoạt động Đọc, Luyện từ và câu, Viết; bài thứ hai học trong 4 tiết, gồm Đọc, Viết, Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng). + Sách gồm 2 tập, mỗi tập có 4 chủ điểm (tên các chủ điểm được ghi trong mục lục sách). Mỗi chủ điểm có tranh minh hoạ giúp các em cảm nhận được ý tưởng, nội dung các bài đọc, viết, nói nghe được học trong chủ điểm. – GV yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung tranh Dự kiến câu trả lời: Tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang chơi trò chơi trốn tìm. Một bạn nam đang quay mặt vào thân cây. Các bạn khác đang chạy khắp các hướng để tìm chỗ trốn. Vẻ mặt của các bạn vô cùng vui vẻ và hào hứng. Có lẽ các bạn đang chơi rất vui. Khung cảnh thiên nhiên xung quanh các bạn rất đẹp. Các bạn đang chơi ở trên đồi, xa xa là nhà cửa, phố xá. Cây cối và thảm cỏ xanh mát mắt, hoa cỏ li ti mọc đầy dưới chân, gió hiu hiu thổi. Bức tranh thể hiện sự vui tươi và bình yên.	Mở sách TV5, xem mục lục và lắng nghe lời giới thiệu của GV Làm việc chung cả lớp – Quan sát tranh chủ điểm. – 1 – 2 em nêu nội dung tranh theo cảm nhận cá nhân (hoạt động của các bạn nhỏ và niềm vui của các bạn trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp).

– Tổng hợp ý kiến của HS và có thể nói thêm: Bức tranh sẽ cho các em thấy được tinh thần của chủ điểm đầu tiên, đó là thế giới vui tươi, hồn nhiên và bình yên của chính các em: Thế giới tuổi thơ. Đây là chủ điểm nói về lứa tuổi học sinh tiểu học. Trong chủ điểm này, các em sẽ được đọc những câu chuyện, bài thơ viết về thế giới tuổi thơ, về tình bạn, về kỉ niệm với người thân, với thầy cô, về những trò chơi và những giờ phút vui chơi đáng nhớ, về những suy nghĩ, cảm xúc của chính các em,... Các bài học ở chủ điểm này giúp các em hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần có ở lứa tuổi các em – những chủ nhân tương lai của đất nước.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS hào hứng đón nhận bài đọc *Thanh âm của gió*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS đọc yêu cầu của khởi động (<i>Trao đổi với bạn những trò chơi hay hoạt động mà em thường thực hiện khi chơi ngoài trời.</i>). – Hướng dẫn HS suy nghĩ về những trò chơi mình thường chơi để trao đổi với bạn.	Làm việc nhóm Lần lượt từng HS nói về những trò chơi hoặc hoạt động mình thường thực hiện khi chơi ngoài trời (Trò chơi tên là gì? Chơi ở đâu? Chơi với ai? Chơi những gì? Thích nhất hoạt động gì?...). Các HS khác lắng nghe, trao đổi và góp ý. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.
– Giới thiệu: Những trò chơi hay hoạt động ngoài trời mang lại rất nhiều điều hữu ích cho HS. HS được hoà vào thiên nhiên, được vui chơi trong một môi trường trong lành và thoáng đãng, ngoài ra khi chơi ngoài trời HS có thể phát huy sự sáng tạo. Hôm nay, các em sẽ được tìm hiểu một câu chuyện về một trò chơi thú vị của các bạn nhỏ.	

– Mời 1 HS đọc tên bài đọc và 1 HS nêu nội dung tranh minh hoạ. Ví dụ: Tranh vẽ khung cảnh thiên nhiên rộng lớn. Có con suối chảy dài uốn lượn quanh co. Xa xa có mấy chú trâu đang thong dong gặm cỏ và nghỉ ngơi. Cạnh suối có mấy bác nông dân đang nghỉ ngơi và mấy bạn nhỏ đang chơi đùa. Có bạn ở cạnh cảnh đang úp hai tay vào tay, bạn bên cạnh như đang rất hào hứng với điều gì đó.

– Có thể cho HS đoán nội dung câu chuyện. Sau đó giới thiệu khái quát bài đọc *Thanh âm của gió*: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Thanh âm của gió*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu các bạn nhỏ trong câu chuyện đã sáng tạo ra trò chơi gì thú vị.

– HS đọc tên bài đọc và quan sát tranh minh hoạ để đoán về nội dung câu chuyện.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài đọc *Thanh âm của gió*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Đọc mẫu: GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến <i>tìm những viên đá đẹp cho mình</i>, đoạn 2: tiếp theo đến <i>“cười, cười, cười, cười...”</i>, đoạn 3: còn lại). Luyện đọc đúng: – GV hướng dẫn đọc đúng: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: ngày nào, lên núi, lạ lẫm, lần lượt, thung lũng, la lên, lừa trâu, ...). + Cách ngắt giọng ở những câu dài, Ví dụ: <i>Chiều về,/ đàn trâu no cỏ/ đằm mình dưới suối,/ chúng tôi tha thẩn/ tìm những viên đá đẹp cho mình; Khi nghe anh em tôi kể/ cả hội chơi trò bịt tai nghe tiếng gió,/ bố bảo/ nghe kể thôi đã thích,/ nhất định sáng mai/ bố sẽ thử ngay/ xem gió nói điều gì;...</i>	Làm việc chung cả lớp – HS lắng nghe GV đọc mẫu sau đó 3 HS đọc nối tiếp. Làm việc nhóm – HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các đoạn (1 – 2 lượt).

- + Đọc đúng ngữ điệu: giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật; đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên “Ồ”, ngữ điệu đồng tình “Đúng rồi”; ngữ điệu cảm thán “hay lắm”,
- GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp).

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào từ ngữ, chi tiết trong câu chuyện để cảm nhận được cảm xúc tự hào của tác giả về sản vật quê hương.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn chung	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài. Ví dụ: + <i>men theo</i> (bờ suối): di chuyển lần theo phía bên (bờ suối). + <i>đằm mình</i>: ngâm mình lâu trong nước. + <i>thung lũng</i>: vùng đất trũng thấp giữa hai sườn dốc. +... <i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> Tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây: <u>Phương án 1:</u> Nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp <u>Phương án 2:</u> Làm việc theo nhóm (các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung).	– HS lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra thêm từ điển. <u>Phương án 1:</u> Làm việc chung cả lớp <u>Phương án 2:</u> Làm việc theo nhóm – HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm – Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất câu trả lời.

	<u>Phương án 3:</u> – GV phát phiếu học tập cho từng HS – GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị.	<u>Phương án 3:</u> Làm việc cá nhân HS viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu.
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?</i> – Hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu của bài đọc và xem tranh minh họa để hình dung về khung cảnh thiên nhiên được miêu tả trong bài. – Yêu cầu 1 HS nhắc lại ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. Ví dụ: Cỏ tươi tốt, suối nhỏ, nước trong veo in rõ những viên đá cuội nằm thu lu dưới đáy. Quanh suối là đồng cỏ rộng, gió không có vật cản cứ tha hồ rong chơi, thảnh thơi lại vút qua tai chúng tôi như đùa nghịch. – Khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát. – Có thể đặt câu hỏi phụ: Nêu cảm nhận của em về khung cảnh đó (để học sinh bày tỏ cảm xúc về cảnh đẹp thiên nhiên)	Làm việc cá nhân Đọc đoạn đầu, quan sát tranh, chuẩn bị câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.
Câu 2	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi). – Hướng dẫn HS tách 2 câu hỏi: 2a/ <i>Em Bống đã phát hiện ra trò chơi gì?</i> 2b/ <i>Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi ấy?</i> – Gợi ý HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi 2a trước. – GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án cho câu hỏi 2a. Dự kiến câu trả lời: Em Bống phát hiện ra trò bịt tai nghe gió, chơi bằng cách bịt nhẹ tai lại rồi mở ra và lặp lại. – Đặt câu hỏi phụ trước khi HS trả lời câu hỏi 2b: <i>Các chi tiết nào cho biết các bạn rất thích (rất hào hứng với) trò chơi?</i> – Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2b: dựa trên đáp án của câu hỏi phụ, tìm ý trả lời cho câu hỏi 2b. – Khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.	Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 2a trước lớp. – Cả lớp nhận xét. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu trước lớp Ví dụ: Bạn nào cũng thử bịt tai nghe gió, tập trung suy nghĩ để tìm lí do giải thích cho việc gió nói, mãi mê nghe gió quên cả thời gian Làm việc nhóm: Lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị Làm việc chung cả lớp Đại diện một số nhóm nêu ý kiến trước lớp.

	Dự kiến câu trả lời: Bạn nào cũng thích trò chơi vì khi thử bịt tai nghe tiếng gió, mỗi bạn đều nghe thấy gió nói theo một cách riêng. Các bạn được phát huy trí tưởng tượng với một trò chơi nghe tưởng như vô lí nhưng lại có thật (bịt tai cũng nghe được)	
Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Việc bố hưởng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</i> – Hướng dẫn HS: Đây là kiểu câu hỏi vừa có đáp án sẵn (lựa chọn đáp án cho trước), vừa có đáp án mở (nêu ý kiến khác), HS có thể chọn các phương án đã có sẵn hoặc nêu ý kiến khác, và đưa ra lí do lựa chọn. Khuyến khích HS nêu ý kiến của mình. – Khen ngợi những HS nêu lí do lựa chọn hay, hoặc đưa ra được ý kiến riêng của mình. Dự kiến câu trả lời: – Chọn A vì bố nói mới nghe kể thôi bố đã thấy thích trò chơi ấy rồi và mai muốn thử ngay, chứng tỏ trò chơi rất hấp dẫn. Trẻ em và người lớn có những mối quan tâm khác nhau, trò chơi khác nhau, vì thế trò chơi này phải hấp dẫn đến mức nào thì bố mới thể hiện sự hứng thú và hưởng ứng như vậy. – Chọn B vì thường trẻ em và người lớn có những mối quan tâm khác nhau, trò chơi khác nhau, vì thế bố có lẽ không thực sự thích trò chơi này đến mức đó, nhưng bố muốn thể hiện sự hưởng ứng để ủng hộ các con thoả sức chơi ở ngoài trời, vừa tốt cho sức khoẻ, vừa tốt cho tinh thần. – Chọn C vì qua cách bố hưởng ứng trò chơi một cách nhiệt liệt (vừa nghe đã thấy thích, mai sẽ thử ngay) có thể thấy bố là một người rất tâm lí, hiểu con, yêu con và luôn sẵn sàng hoà mình vào với thế giới của con. Khi được người lớn hưởng ứng trò chơi của mình, em luôn cảm thấy người lớn thật đáng yêu và gần gũi, giữa em và người lớn không còn khoảng cách nào nữa, mọi thứ gắn kết thật tự nhiên. – Chọn ý kiến khác (tuỳ theo cá nhân HS).	Làm việc theo cặp/ nhóm – HS trao đổi và nhận xét, góp ý cho nhau. Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

Câu 4	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 4 – Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trước lớp (<i>Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió của các bạn nhỏ, nói với bạn điều em nghe thấy.</i>) – Hướng dẫn HS: Đây là câu hỏi mở, HS thoải mái tưởng tượng và nêu những điều tưởng tượng của mình. – Có thể hướng dẫn HS hoà nhập vào trò chơi của các bạn nhỏ bằng cách đứng trước gió (nếu lớp có quạt thì đứng trước quạt, không có quạt thì nhờ bạn ngồi cạnh quạt mạnh để tạo gió), sau đó bịt tai giống cách các bạn nhỏ trong câu chuyện đã làm để nghe tiếng gió. – Hỗ trợ các HS còn khó khăn khi trao đổi. – Khen ngợi những HS có ý kiến hay, tưởng tượng phong phú, trình bày rõ ràng, rành mạch.	Làm việc nhóm HS trao đổi, nhận xét, góp ý lẫn nhau để thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.
--------------	--	--

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc. – GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.	– HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. Ví dụ: Đọc câu chuyện <i>Thanh âm của gió</i>, em thấy rất thú vị vì em biết thêm một trò chơi độc đáo: bịt tai nghe gió. Nếu chỉ nghe tên trò chơi thôi chắc là ai cũng sẽ thấy thật vô lí: đã bịt tai, làm sao còn nghe thấy được. Nhưng quả thật khi đọc câu chuyện và làm thử giống các nhân vật trong bài, em cảm nhận được sự sáng tạo và ngộ nghĩnh của trò chơi này. Các bạn nhỏ có trí tưởng tượng thật phong phú và đáng yêu. Nếu không nhờ trí tưởng tượng, tiếng gió sẽ mãi chỉ là tiếng gió vi vu không ý nghĩa. Nhưng nhờ trí tưởng tượng vô tận, mỗi chúng ta đều có tiếng gió của riêng mình, và tiếng gió nào cũng mang ý nghĩa thật thú vị.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

I. Mục tiêu

- Ôn tập về 3 từ loại đã được học ở lớp 4: danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế hào hứng tiếp nhận bài học Luyện từ và câu đầu tiên.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu định hướng cho bài học: Ví dụ: Ở lớp 4, các em đã được học về các từ loại: danh từ, động từ, tính từ. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ củng cố kiến thức về các từ loại đó. Trước khi bước vào nội dung chính của bài học, các em cùng khởi động nhé! – Yêu cầu HS theo dõi video và tìm một số từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm của sự vật được thể hiện qua video. – Nhận xét các ý kiến phát biểu của HS và khích lệ HS tìm được đúng từ theo yêu cầu.	Làm việc chung cả lớp – Quan sát video, tìm từ ngữ theo yêu cầu. – 2 – 3 em nêu phát biểu ý kiến. Ví dụ: Từ chỉ sự vật: học sinh, sân trường, cây bàng, lá cờ, nắng, bầu trời,... Từ chỉ hoạt động, trạng thái: vui chơi, nhảy dây, chạy, bay (lá cờ),... Từ chỉ đặc điểm: nhộn nhịp, đỏ tươi (lá cờ), xanh thẫm, trong xanh (bầu trời),...

2. Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập

Bài 1.

a. Mục tiêu:

- HS nhớ lại được thế nào là danh từ, động từ, tính từ.
- HS nêu được ví dụ về các từ loại đó.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đưa nội dung bài 1 lên màn hình: – Yêu cầu HS đọc bài tập thực hiện việc ghép tương ứng cột A và cột B	Quan sát. Làm việc theo nhóm bàn – Đọc thầm yêu cầu và nội dung bài tập.

– Yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày ý kiến. Khích lệ HS ghép đúng theo yêu cầu. – Đưa đáp án đúng – Yêu cầu HS nhắc lại Dự kiến câu trả lời: Danh từ: Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian...) Động từ: từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật Tính từ: từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái Yêu cầu HS nêu ví dụ về danh từ, động từ, tính từ. GV có thể hỏi thêm (Đó là danh từ chỉ người hay vật? Đó là động từ chỉ hoạt động hay trạng thái? (Tương tự với tính từ)	– Trao đổi trong nhóm để thống nhất ý kiến. Làm việc chung cả lớp HS phát biểu ý kiến
--	--

Bài 2.

Đây là bài tập vận dụng lí thuyết đã ôn ở bài tập 1 để thực hiện. Ngữ liệu là đoạn 1, bài *Thanh âm của gió*.

a. Mục tiêu:

- HS tìm được trong đoạn văn:
- + Các danh từ chỉ con vật, chỉ thời gian, chỉ hiện tượng tự nhiên
- + Các động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người hoặc vật
- + Các tính từ chỉ đặc điểm của cỏ, suối, nước, cát, sỏi
- HS đặt câu nói về một hiện tượng tự nhiên trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Thực hiện	Đưa nội dung đoạn 1 bài <i>Thanh âm của gió</i> lên màn hình – Giới thiệu sơ bộ về trò chơi: Trò chơi có 4 vòng. Các đội chơi lần lượt từ vòng 1 đến vòng 4. Hết mỗi vòng, các đội dừng lại chấm bài và tính điểm. Điểm thi đua của cả cuộc chơi bằng điểm trung bình cộng của cả 4 vòng. – GV giới thiệu về các mẫu phiếu bài tập dành cho mỗi vòng. (Các phiếu được để riêng trong 4 giỏ khác nhau)	– HS đọc thầm – HS lắng nghe – HS hoạt động nhóm 6 để chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV.

Chấm và tính điểm	– Cách tính điểm cho 1 vòng + Nộp bài sớm nhất: 20 điểm + Nộp bài thứ nhì: 16 điểm + Nộp bài thứ ba: 12 điểm + Nộp bài thứ tư: 8 điểm... – Về nội dung: + Sai (hoặc thiếu) 1 từ: trừ 4 điểm + Sai (hoặc thiếu) 2 từ: trừ 8 điểm...	HS lắng nghe biểu điểm để xác định mục tiêu phấn đấu.
Đáp án	Đáp án Vòng 1: + 1 danh từ chỉ con vật: <i>trâu</i> + 1 danh từ chỉ thời gian: <i>ngày</i> + 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: <i>gió, nắng</i> Đáp án Vòng 2: 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật. HS có thể chọn 4 trong số các từ sau: <i>chăn, qua, ăn, lên, chiếu, rong chơi, vút, đùa nghịch.</i> Đáp án Vòng 3: 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật: <i>cỏ, suối, nước, cát, sỏi.</i> + <i>cỏ: tươi tốt</i> + <i>suối: nhỏ</i> + <i>nước: trong vắt</i> + <i>cát, sỏi: lấp lánh.</i> Đáp án Vòng 4: Đặt 1 câu nói về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ. Ví dụ 1: <i>Nắng chiếu trên những cánh hoa vàng lung linh.</i> Ví dụ 2: <i>Dòng suối nhỏ trong vắt uốn lượn mềm mại dưới chân đồi cỏ muốt màu xanh.</i> Lưu ý: GV theo dõi, quan sát HS các đội chấm bài có đúng nội dung, đúng biểu điểm hay không. Vòng 4: GV nhận xét về câu văn của HS có đảm bảo đúng ngữ pháp, có các từ loại theo yêu cầu không. Khích lệ những câu văn hay, có hình ảnh đẹp.	Làm việc chung cả lớp HS các đội chấm bài chéo nhau theo biểu điểm. Lớp trưởng ghi lại điểm số của từng đội sau mỗi vòng chơi.
Tổng kết	Kết thúc 4 vòng chơi, GV tổng kết và ghi nhận đội thắng cuộc, trao phần thưởng khích lệ các đội về nhất, nhì, ba.	

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về các từ loại: danh từ, động từ, tính từ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại nội dung kiến thức được luyện tập trong tiết học. – Giao việc cho HS: Về nhà, tập viết nhiều câu văn miêu tả các hiện tượng tự nhiên, hay cảnh vật thiên nhiên trong đó có sử dụng các danh từ, động từ, tính từ. – Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS.	– 1 – 2 HS nhắc lại nội dung kiến thức được luyện tập trong tiết học. – Ghi chép lời dặn dò của GV.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Hoạt động 1: Khởi động.

a. Mục tiêu: Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại một số nội dung quan trọng của bài văn kể lại một câu chuyện và đoạn văn tưởng tượng. Ví dụ: Bài văn kể lại câu chuyện: + Cách mở bài, kết bài + Các nội dung cần kể trong câu chuyện: các nhân vật, các sự việc và trình tự diễn ra các sự việc,... Đoạn văn tưởng tượng: + Các cách viết thêm chi tiết (<i>thêm chi tiết kể, tả; thêm lời thoại; thay hoặc viết tiếp đoạn kết,...</i>) + ... – Nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến trước lớp. – Có thể sơ đồ hoá các nội dung trên để chiếu / dán trên bảng cho HS dễ theo dõi. – Nêu nội dung tiết học: <i>Lên lớp 5, HS sẽ được học một kiểu bài mới: viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</i>	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời mỗi câu hỏi. Cả lớp nhận xét, góp ý. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (bằng cách thêm lời kể, tả, lời thoại, hoặc thay đổi cách kết thúc câu chuyện) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài 1	– Nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết sáng tạo (A, B, sau đó thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. – Hướng dẫn HS cách đọc (trong nhóm hoặc trước lớp): HS cần phải đọc 2 lượt. + Lượt 1: đọc hết bài văn kể lại câu chuyện gốc (bên trái). + Lượt 2: đọc lại bài văn (bên trái) kết hợp với đọc các chi tiết sáng tạo A, B (bên phải). Có 2 cách đọc lượt 2: 1/ (2 HS đọc) HS 1 đọc lại bài văn kể lại câu chuyện ở cột trái, đến đoạn có chi tiết sáng tạo (A, B) thì dừng lại để HS 2 đọc chi tiết sáng tạo ở cột phải. 2/ (1 HS đọc) HS chỉ cần đọc 1 câu trong bài văn gốc ngay trước đoạn được viết sáng tạo, sau đó đọc đoạn viết sáng tạo. Chuyện kể rằng, một hôm, mèo nhép rủ chuột xù sang bên kia sông chơi, nhưng chuột xù từ chối. Chuột xù nói: – Bác ngựa bảo nguy hiểm lắm. Mèo nhép hứ một cái: – Cậu không đi thì thôi, tớ đi một mình. Ví dụ: Đọc đoạn A. – Hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu a, b, c, d: theo 1 trong 2 phương án: <u>Phương án 1</u>: Làm việc chung cả lớp (GV hoặc 1 HS nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp). <u>Phương án 2</u>: Làm việc cá nhân (HS tự trả lời từng câu hỏi, có thể viết câu trả lời vào phiếu học tập, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị).	Làm việc trong nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Đọc bài văn theo hướng dẫn của GV. Làm việc trong nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

Lưu ý: Với câu a, b, c, chiếu toàn bộ bài văn và những chi tiết sáng tạo A, B trên màn hình để HS dễ quan sát (nếu có thể). Với câu d, chiếu riêng hai chi tiết sáng tạo A, B trên màn hình (nếu có thể).

– Nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến cho từng yêu cầu.

Dự kiến câu trả lời:

a. Bài văn kể lại câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* của nhà văn Nguyễn Thị Kim Hoà.

b. Mở bài: Từ đầu đến “Nguyễn Thị Kim Hoà”. Nội dung: giới thiệu tên câu chuyện và tác giả câu chuyện.

Thân bài: Tiếp theo đến “do cố nén cười”. Nội dung: kể lại câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu”.

Kết bài: Còn lại. Nội dung: nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.

c. Các chi tiết sáng tạo được bổ sung vào phần thân bài (phần kể lại câu chuyện) của bài văn.

d. A: Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật.

B: Sáng tạo thêm các chi tiết tả cảnh.

– **Có thể đặt thêm 2 câu hỏi nâng cao cho HS:**

1/ Các chi tiết sáng tạo có tác dụng gì trong bài văn? Câu trả lời tùy theo cảm nhận của HS, (Ví dụ: Các chi tiết sáng tạo giúp bài văn sinh động, cụ thể, thể hiện rõ nét hơn những tưởng tượng của người viết bài văn về câu chuyện được kể. Ngoài ra, các chi tiết sáng tạo còn giúp người viết hoà mình vào câu chuyện, như sống cùng các nhân vật trong câu chuyện để hiểu và cảm nhận câu chuyện.).

2/ Các chi tiết sáng tạo có làm ảnh hưởng đến nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện không? (Ví dụ: Không ảnh hưởng đến nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện, mà chỉ làm sinh động và rõ nét hơn một số chi tiết trong bài).

Tổng kết bài 1: Qua bài tập 1, HS đã được làm quen với một kiểu bài văn: kể chuyện sáng tạo. Người viết có thể sáng tạo thêm các chi tiết kể, tả (tả cảnh, tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật,...), hoặc thêm lời thoại cho nhân vật. Tùy theo sự tưởng tượng của mỗi người, mà các chi tiết sáng tạo sẽ được đặt vào vị trí phù hợp trong bài văn.

Bài 2 Giao việc cho HS: + 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 (<i>Theo em, đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?</i>) Chuột xù lông cồm bò dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi, run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhép mới xấu hổ bảo: – Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi. Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lẽn cười. + 1 HS đọc đoạn văn: – Có thể chiếu đoạn văn lên màn hình để HS dễ quan sát (nếu có thể). – Hướng dẫn HS: làm việc cá nhân, đọc thầm lại bài văn trong bài tập 1 và đoạn văn trong bài tập 2, tìm đoạn truyện đã được thay thế. Dự kiến câu trả lời: Đoạn truyện được thay thế là đoạn kết của câu chuyện. – Có thể hướng dẫn HS trao đổi nhanh trong nhóm về những đoạn kết khác có thể được sáng tạo cho câu chuyện này (thay đổi đoạn kết hoặc viết thêm đoạn kết). GV nhận xét, khen ngợi các HS sáng tạo hay và chốt lại: Như vậy, khi kể chuyện sáng tạo, ngoài việc thêm các chi tiết kể, tả, thêm lời thoại, thì các em còn có thể thay đổi cách kết thúc của câu chuyện. Việc sáng tạo đoạn kết có thể làm thay đổi nội dung của câu chuyện (vì đoạn kết rất quan trọng, ảnh hưởng tới cả mạch truyện), nhưng không được làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện (Ví dụ: Khi kể chuyện Thạch Sanh, HS dù sáng tạo đoạn kết như thế nào (Lý Thông bị trừng trị hay được tha, sau này có ăn năn hối cải hay không...) thì Thạch Sanh vẫn thắng Lý Thông, không thể đảo ngược là cái ác chiến thắng cái thiện). – Nếu HS học nhanh, học tốt, GV có thể cho HS đọc thêm một đoạn văn sáng tạo cho bài <i>Thanh âm của gió</i> (viết thêm kết thúc) để HS hình dung rõ hơn về các cách thay đổi kết thúc cho câu chuyện.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu và bài văn theo hướng dẫn của GV Làm việc cá nhân Mỗi HS tự đọc thầm lại bài văn, tìm đoạn truyện được thay thế trong câu chuyện gốc và ghi chú ra nháp. Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án.
--	--

	Ví dụ: Hôm sau, bố gọi tôi dậy sớm để ra bờ suối nghe tiếng gió. Tôi bật dậy ngay. Trời chưa hừng nắng, gió sớm thổi lạnh lạnh. Chạy đến bờ suối, bố lấy hai tay bịt tai rồi mở ra. Tôi hồi hộp nhìn bố. Bố cười rất tươi: “A, gió nói “tốt, tốt, tốt”. Đúng là tốt thật, vì con trai bố đã dậy sớm tập thể dục.”	
--	---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (về những cách có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo)

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo và các chi tiết sáng tạo cho bài văn, nêu được những cách có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài 3	Giao việc cho HS: Đọc yêu cầu bài tập (<i>Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</i>) và thực hiện yêu cầu. – Hướng dẫn HS: nhớ lại những điều quan trọng của một câu chuyện để có thể sáng tạo chi tiết (bối cảnh, nhân vật, các sự kiện, trình tự các sự kiện, kết thúc câu chuyện). – Khuyến khích HS nêu ví dụ cho các phát biểu của mình. (Ví dụ: Thêm chi tiết tả ngoại hình của nhân vật: <i>Bạn chuột có đôi mắt bé xíu, tròn xoe và đen láy như hai hạt đỗ. Lông cậu màu ghi nhạt, xù lên như một nắm bông, vì thế mọi người thường gọi cậu là chuột xù; thêm chi tiết tả hoạt động: Mèo nhép hát tướng lên. Mắt cậu nhắm tịt, đầu cậu lắc lư theo lời hát. Lúc đầu, chân cậu chỉ nhún nhảy nhẹ nhẹ. Rồi dần dần, đôi chân dậm càng lúc càng mạnh, cậu hứng chí nhảy nhót khắp nơi.)</i> – Khen ngợi các nhóm có nhiều ý kiến hay, sáng tạo. Dự kiến câu trả lời: Các chi tiết có thể được kể sáng tạo như: – Thêm chi tiết tả bối cảnh (không gian, thời gian); – Thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật; – Thêm (hoặc thay đổi) chi tiết kể tình huống, sự việc; – Thêm nhân vật vào câu chuyện;	Làm việc trong nhóm Từng HS nêu ý kiến của mình. Nhóm nhận xét, góp ý và tổng kết các ý kiến. Làm việc chung cả lớp Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp kết quả tổng hợp ý kiến của nhóm mình.

– Thêm lời thoại cho nhân vật; – Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện: + Thêm đoạn kết + Thay đổi đoạn kết – ... – Hướng dẫn HS đọc nội dung bóng nói trong sách và giải thích thêm: để sáng tạo thêm chi tiết hay, hấp dẫn, điều quan trọng nhất là HS cần phát huy trí tưởng tượng và hoà mình vào câu chuyện, sử dụng các giác quan để cảm nhận mọi sự vật được kể, tả trong câu chuyện. – Mời 1 HS đọc to ghi nhớ. – Mời 1 – 2 HS xung phong nói lại ghi nhớ mà không cần nhìn sách, nêu được ghi nhớ về cách sáng tạo chi tiết cho bài văn kể lại một câu chuyện. – Khen ngợi các HS nêu tốt phần ghi nhớ. – Lưu ý HS: khi viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách thêm chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, HS có thể viết mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp, kết bài mở rộng hoặc không mở rộng. Ngoài ra, câu chuyện có thể được kể lại theo cách mở bài là mở đầu câu chuyện, kết bài là kết thúc câu chuyện (mở bài trực tiếp, kết bài không mở rộng).	Làm việc chung cả lớp Đọc thầm bóng nói hoặc 1 HS đọc to trước lớp. Làm việc chung cả lớp – 1 HS đọc to ghi nhớ, cả lớp đọc thầm theo. – 1 – 2 HS nói lại ghi nhớ
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HĐ vận dụng sau tiết VIẾT giúp HS nêu được những điều học tập được từ bài văn kể chuyện sáng tạo.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau (hoặc cả 2, tùy thời gian). 1/ Nêu điều em học tập được từ bài văn kể chuyện sáng tạo. 2/ Sáng tạo chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i>. – Chấm nhanh 2 – 3 bài của HS. – Nhận xét chung cả lớp và tổng kết tiết học.	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS phát biểu tùy theo cảm nhận cá nhân. Làm việc cá nhân – Sáng tạo chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, viết vào vở hoặc nháp. Làm việc trong nhóm Trao đổi trong nhóm để góp ý cho nhau.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: 1/ Kể lại cho người thân nghe câu chuyện "Một chuyến phiêu lưu" với những chi tiết mà em sáng tạo thêm. 2/ Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng
- Hướng dẫn HS: + Với yêu cầu 1:	Làm việc cá nhân
* Khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân để có cách kể nội dung chuyện hay, hấp dẫn.	Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.
* HS có thể viết chi tiết sáng tạo vào sổ tay và ghi chép những ý hay về cách kể sáng tạo sau khi trao đổi với người thân.	
+ Với yêu cầu 2:	
* Có thể tìm truyện trong thư viện trường/lớp, tủ sách gia đình, trên mạng, báo, tạp chí,...	
* Một số truyện có thể tham khảo: Mái trường thân yêu (Lê Khắc Hoan), Những ngày thơ ấu (Nguyên Hồng), Búp sen xanh (Sơn Tùng), Tuổi thơ dữ dội (Phùng Quán), Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi), Một chuyến đi đáng nhớ (Nguyễn Nhật Ánh), Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (Nguyễn Ngọc Thuần), Tốt-tô Chan bên cửa sổ (Tetsuko Kuroyanagi), Pippi tất dài (Astrid Lindgren), Nhóc Nicolas (Goscinnny và Sempé), Anne tóc đỏ dưới mái nhà xanh (Lucy Maud Montgomery), Chiến binh cầu vồng (Andrea Hirata),...	

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HD củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học 1.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV nêu câu hỏi: <i>HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?</i> – Chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc: <i>Thanh âm của gió</i>. + Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ. + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. – Hỏi HS còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào của Bài 1. – Nhận xét kết quả học tập của HS. – Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. – Dặn dò HS đọc trước Bài 2 – <i>Cánh đồng hoa</i>.	Làm việc chung cả lớp Trả lời câu hỏi của GV

BÀI 2 CÁNH ĐỒNG HOA (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh đồng hoa*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.

– Đọc hiểu: Biết cách tiếp nhận văn bản tự sự (thông qua nắm bắt trình tự các sự việc, nhân vật; lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật). Nhận thấy những phẩm chất tốt đẹp của các bạn nhỏ người Chăm được thể hiện qua lời nói, suy nghĩ, việc làm,... (Các bạn yêu thương nhau, luôn vui tươi, hồn nhiên. Các bạn yêu quê hương, sống có trách nhiệm, biết bảo vệ môi trường bằng việc làm cụ thể, phù hợp lứa tuổi. Các bạn thông minh, tìm ra được ý tưởng sáng tạo để giải quyết tình huống.); hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Cánh đồng hoa*: Cần có những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê, khu phố luôn sạch đẹp. Việc làm đó, dù là nhỏ bé, cũng khiến chúng ta và mọi người đều cảm thấy hạnh phúc.

– Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về thế giới tuổi thơ, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

b. Viết

– Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (bằng cách đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

- Cùng cố thêm kiến thức về động từ, tính từ và từ có nghĩa giống nhau (qua hoạt động luyện tập theo văn bản đọc).

2. Phẩm chất

- Nâng cao năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: Trước những tình huống diễn ra, đều phải cùng nhau suy nghĩ, tìm cách xử lí.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, biết trân trọng và giữ gìn, làm đẹp cảnh quan môi trường (bài học rút ra từ câu chuyện *Cánh đồng hoa*).

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa câu chuyện *Cánh đồng hoa* (tranh ảnh trong SGK). Có thể đưa tranh ảnh minh họa các nhân vật trong câu chuyện, minh họa hình ảnh hoa ngũ sắc, nhạc cụ trống đặc trưng của người Chăm,...
- Phiếu bài tập cho bài 2 (phần “Luyện tập theo văn bản đọc”).
- Truyện tranh *Cánh đồng hoa* trong bộ truyện *Những đứa trẻ hạnh phúc* do Lê Anh Vinh chủ biên để HS hiểu hơn về bài đọc.
- Một số bài văn kể chuyện sáng tạo

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Kể lại trò chơi mà Bống và các bạn đã chơi trong câu chuyện *Thanh âm của gió*.
- Trả lời câu hỏi: Vì sao trò chơi đó rất thú vị và được các bạn hưởng ứng?

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS khơi gợi những trải nghiệm tại khu phố hay thôn xóm, nơi mình ở; khơi gợi suy nghĩ về trách nhiệm giữ gìn cảnh quan cho khu phố hay thôn xóm; có tâm thế sẵn sàng đón bài đọc mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao nhiệm vụ đã nêu ở phần Khởi động (SGK, trang 13). – Đánh giá, ghi nhận những chia sẻ phù hợp. (Ví dụ: quét dọn đường phố/ trồng cây ven đường/	– Trao đổi nhóm 4 về những việc đã hoặc sẽ làm để góp phần làm khu phố hay thôn xóm thêm sạch đẹp. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

trồng hoa bên đường/ nhặt rác ở nơi công cộng/ cùng các bạn tặng thùng rác cho tổ dân phố/ bỏ rác đúng nơi quy định/ tiết kiệm nước/...)

– Dẫn vào bài mới. (Ví dụ: Chúng ta đều có những việc làm ý nghĩa, giúp thôn xóm, bản làng sạch đẹp. Câu chuyện *Cánh đồng hoa* kể về nhóm bạn nhỏ người Chăm đã có hành động bảo vệ môi trường theo một cách rất riêng.)

– Ghi tên bài vào vở.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh đồng hoa*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ; thể hiện đúng thái độ, tình cảm của tác giả, của các nhân vật trong câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Đọc mẫu cả bài GV đọc diễn cảm với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện (<i>thở dài, rầu rĩ, giấu những giọt nước mắt,...</i>). Có thể mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn. – Có thể mời 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. (Đoạn 1: từ đầu đến <i>múa hát tung bừng</i>. Đoạn 2: tiếp theo đến <i>... thế nào bây giờ?</i>. Đoạn 3: tiếp theo đến <i>chỗ đổ rác đâu</i>. Đoạn 4: tiếp theo đến <i>tiếng trống rộn ràng</i>. Đoạn 5: còn lại.) Hướng dẫn HS luyện đọc đúng. – Yêu cầu 1 – 2 HS tìm và đọc từ ngữ khó phát âm. – Nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS (quan tâm đến những HS hay mắc lỗi phát âm). + Ngắt giọng ở những câu dài. + Gọi 1 – 2 HS đọc câu dài.	– Nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo để có cảm nhận về những thông tin, chi tiết thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. – Tìm từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. (Ví dụ: <i>chọi cỏ gà, vổ trống, chỗ đổ rác, hoa ngũ sắc, ...</i>) và luyện đọc cá nhân. – 1 – 2 HS đọc trước lớp. – Luyện đọc câu dài theo nhóm đôi. (<i>Họ hồ hởi/ cùng các bạn/ bắt tay vào dọn rác,/ xới đất,/ gieo hạt,/ trồng cây;/ ngày ngày,/ tưới nước,/ nhổ cỏ,/ bắt sâu.</i>)

Hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm. + Đọc diễn cảm một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật. + Hướng dẫn HS luyện đọc theo nhóm đôi, giọng chậm, buồn để thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác; giọng nhanh, vui tươi thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi nghĩ ra ý tưởng.	– 1 – 2 HS đọc lại câu dài trước lớp. – Đọc thầm. – Luyện đọc diễn cảm (theo nhóm đôi) với các câu: <i>Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi!</i> <i>Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi!.</i> <i>Biết làm thế nào bây giờ?</i> <i>Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?</i> <i>Chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa. Mọi người không nỡ lấy cánh đồng đẹp làm chỗ đổ rác đâu.</i>
Hướng dẫn HS luyện đọc toàn bài. – Chia bài đọc thành 5 đoạn (như đã nêu ở trên). – Gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp. – Nhận xét việc đọc của cả lớp.	– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp. – Đọc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài. – Cá nhân đọc nhẩm toàn bài một lượt.

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Hiểu về các bạn người Chăm : Các bạn vui tươi, hồn nhiên, thông minh như thế nào. Các bạn yêu quê hương, có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường như thế nào,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Cánh đồng hoa*: Ai cũng cần có những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê, khu phố luôn sạch đẹp.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ: <i>Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok Mư Nhơ; hoa ngũ sắc, quả nhiên,...</i> – Đưa tranh ảnh (hoặc truyện tranh <i>Cánh đồng hoa</i>) để minh họa các nhân vật trong câu chuyện; đưa tranh ảnh hoa ngũ sắc,... kết hợp giải thích.	– Quan sát tranh ảnh và đọc một số từ ngữ: <i>Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok Mư Nhơ</i>

– Yêu cầu HS sử dụng từ điển để tra nghĩa một số từ ngữ.

– Chốt nghĩa từ ngữ. Ví dụ: *quả nhiên* (đúng như vậy, như đã đoán biết trước),...

Hướng dẫn HS trả lời các câu nêu ở cuối bài đọc.

Câu 1. *Các bạn nhỏ có những hoạt động vui chơi nào trên đồng cỏ đầu làng? Chuyện gì xảy ra ở đó?*

– Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 1:

+ Xem nhanh lại đoạn 1 và 2,

+ Suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Trao đổi trong nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.

– Nhận xét và chốt câu trả lời: Trên đồng cỏ, các bạn thường vui chơi, vỗ trống, múa hát,... Các bạn múa hát từng bừng theo nhịp trống của Ja Ka. Nhưng tại nơi vui chơi ấy, một bãi rác xuất hiện và cứ lớn dần lên, bốc mùi khó chịu.

Câu 2. *Khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác, các bạn nhỏ lo buồn thế nào? Các bạn đã có ý tưởng gì?*

Với nội dung này, có thể triển khai theo 2 cách:

Phương án 1: Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi.

– Gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi 2.

– Hướng dẫn HS trả lời:

+ Xem nhanh đoạn 2 và 3; suy nghĩ, tìm câu trả lời.

+ Làm việc theo nhóm 4 (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Gọi đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– Khích lệ và khen ngợi những HS biết thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

Phương án 2: Tổ chức cho HS đóng vai (theo nhóm 4). Đoạn 2: Cử thêm 1 HS làm người dẫn chuyện, 4 HS vào vai Mư Nhơ, Mư Hoa, Ja Ka và Ja Prok. Đoạn 3: Trong lời thoại của các nhân vật, phải thể hiện rõ ý tưởng. Các nhóm cần sáng tạo thêm chi tiết 4 bạn nhỏ đồng tình với ý tưởng.

(tên riêng của các bạn nhỏ người Chăm), *tìm hiểu nghĩa của từ hoa ngũ sắc* (hoa của loài cây thân gỗ, thân nhỏ, mọc thành bụi; hoa có nhiều màu rực rỡ, tạo thành chùm,...),...

– HS tra từ điển để tìm nghĩa từ
– 1 – 2 HS nêu nghĩa từ. HS khác nhận xét.

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1.

– Xem nhanh đoạn 1 và 2, cá nhân suy nghĩ, tìm câu trả lời

– Trao đổi nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến.

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 2.

– Xem lại đoạn 2 và 3.

– Trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu ý kiến trước lớp.

– Trao đổi nhóm 4 để sáng tạo lời thoại thể hiện chi tiết “cả nhóm đồng tình thực hiện ý tưởng”. (Ví dụ: Các bạn nhỏ *(chụm đầu vào nhau rồi cùng ngẩng lên, đồng thanh)*:

Nên chuẩn bị trang phục đơn giản (khăn, hoặc mũ, áo,...) cho 4 HS để thể hiện đặc trưng dân tộc Chăm. – Quan sát các nhóm tập đóng vai và gọi 1 – 2 nhóm (làm tốt) lên thể hiện trước lớp. – Đưa câu hỏi 2 (ở trên) và gọi 1 – 2 HS trả lời. – GV nhận xét và chốt câu trả lời: Khi thấy cánh đồng có thể thành bãi rác, các bạn nhỏ rất lo buồn (chẳng nô đùa, hò hét như mọi ngày; Mư Nơ thở dài; Mư Hoa giấu những giọt nước mắt; Ja Ka, Ja Prok rầu rĩ...). Mư Hoa nghĩ ra ý tưởng và được các bạn tán thành: cải tạo đồng cỏ thành cánh đồng hoa.	Quyết tâm thực hiện ý tưởng cải tạo đồng cỏ!/ Hoặc: Ja Ka (vui hẳn lên): “Ý tưởng của Mư Hoa hay quá! Chúng ta cùng thực hiện nhé!”. Cả nhóm (đồng thanh): “Nhất trí!”...) – Tập nói lời của các bạn nhỏ (theo nhóm 4), thể hiện tâm trạng thông qua lời nói, cử chỉ và nét mặt (phù hợp nội dung câu chuyện). – Đại diện 1 – 2 nhóm đóng vai trước lớp. Cả lớp theo dõi. – 1 – 2 HS trả lời.
Câu 3. Các bạn nhỏ đã thực hiện ý tưởng đó như thế nào và kết quả ra sao? Các bạn có cảm xúc gì trước thành quả đạt được? – Đọc câu hỏi 3. – Gợi ý: Các bạn thực hiện ý tưởng với một tinh thần như thế nào? Các bạn có kể ý tưởng đó cho mọi người trong làng biết không? Ngoài các bạn, còn ai tham gia thực hiện ý tưởng? Tất cả đã tiến hành những công việc gì để biến ý tưởng thành hiện thực? Sau cùng, ý tưởng đó có đạt như mong muốn? Có kết quả nào nằm ngoài mong đợi?...) – Khuyến khích những câu diễn đạt theo ý hiểu của HS. Đánh giá, ghi nhận những câu trả lời hợp lí. (Ví dụ: Các bạn quyết tâm thực hiện ý tưởng; nói với cô bác trong làng và được nhiều người hưởng ứng. Các bạn cùng cô bác bắt tay vào dọn rác, xới đất, gieo hạt, trồng cây; ngày ngày tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu. Kết quả: Cây đâm chồi, nảy lộc, nhú nở những bông hoa đầu tiên, rồi đua nhau khoe sắc, không ai đến cánh đồng đổ rác. Kết quả ngoài mong đợi: Với đồng hoa đẹp, ngôi làng trở nên nổi tiếng, đón nhiều khách tới tham quan. Trước thành quả ấy, các bạn rất vui, cùng nhảy múa, ca hát giữa rừng hoa trong tiếng trống rộn ràng.)	– Xem lại đoạn 3, đoạn 4; suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời. – Trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời. – Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

Câu 4. Kể tóm tắt nội dung câu chuyện “Cánh đồng hoa” theo gợi ý.

– Gọi HS nêu yêu cầu của câu 4.

– Hướng dẫn HS:

+ Xem nhanh lại toàn bộ câu chuyện.

+ Làm việc theo nhóm 4: dựa vào gợi ý ở sách, lần lượt từng em tóm tắt, sau đó trao đổi, góp ý cho nhau.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– Nhận xét và ghi nhận những bài tóm tắt hay, đủ ý. (Ví dụ: Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok và Mư Nhơ thường vui chơi trên đồng cỏ. Gần đây, trên đồng cỏ xuất hiện bãi rác lớn. Các bạn rất buồn và lo lắng, vì nguy cơ đồng cỏ sẽ thành bãi rác. Bồng Mư Hoa nghĩ ra ý tưởng biến cánh đồng cỏ thành cánh đồng hoa, để mọi người không đến đổ rác. Thế là các bạn cùng cô bác trong làng bắt tay dọn rác, xới đất, trồng cây và chăm sóc cây. Ba tháng sau, cánh đồng cỏ đã thành rừng hoa rực rỡ. Không ai đến đây đổ rác nữa. Với đồng hoa, ngôi làng trở nên nổi tiếng, đón nhiều khách tới tham quan. Các bạn nhỏ và dân làng vô cùng hạnh phúc.)

Câu 5. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?

– Gọi 1 HS nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

– Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi theo nhóm 4 (hình thức “Khăn trải bàn”).

– Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Khích lệ và khen ngợi những HS nêu ý kiến riêng của mình.

– Ghi nhận ý kiến xác đáng, hợp lí, chân thực. (Ví dụ: Cần có việc làm cụ thể để góp phần làm đẹp làng quê, khu phố/ Cùng nhau bàn bạc, sẽ có những ý tưởng thú vị, bất ngờ/ Ai cũng có thể làm được những việc có ích/ Làm được việc có ích, mình sẽ thấy hạnh phúc/ ...)

Phương án 2: Chuyển câu 5 sang hình thức trắc nghiệm.

Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện? Chọn câu trả lời phù hợp hoặc nêu ý kiến của em.

– 1 – 2 HS nêu yêu cầu của câu 4.

– Thực hiện theo hướng dẫn của GV: xem nhanh toàn bộ câu chuyện, làm việc theo nhóm 4 (lần lượt từng em tóm tắt, sau đó trao đổi, góp ý cho nhau) để thống nhất bài kể.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– 1 HS nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

– Trao đổi ý kiến theo hình thức “Khăn trải bàn”. Thư kí tổng hợp ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Lớp nhận xét. Bình chọn ý kiến hay nhất, sâu sắc nhất.

Phương án 2: Làm bài tập trắc nghiệm.

A. Cần có việc làm cụ thể để góp phần giữ gìn vẻ đẹp của làng quê, khu phố. B. Cùng nhau bàn bạc, sẽ tạo nên những ý tưởng thú vị, bất ngờ. C. Khi làm được việc tốt, chúng ta sẽ thấy vô cùng hạnh phúc.)	– Lựa chọn 1 câu trả lời mà mình thấy phù hợp (giải thích lí do lựa chọn – nếu có thể) hoặc đưa ra ý kiến khác.
---	--

3.3. Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:
- + Làm việc chung cả lớp 3 hoặc 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
- + HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 5 HS/nhóm), góp ý trong nhóm.
- GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.

3.4. Luyện tập theo văn bản đọc

a. *Mục tiêu:* Ôn lại kiến thức và cách sử dụng động từ, tính từ (đã học ở lớp 4). Ngữ liệu của bài tập có trong chính bài đọc *Cánh đồng hoa*, điều này giúp HS hiểu thêm về bài đọc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài 1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp... – Trình chiếu bài tập. Yêu cầu 1 – 2 HS đọc lại. – Hướng dẫn HS làm bài: + Nhớ lại thế nào là động từ và tính từ. + Làm bài theo hình thức cá nhân. – Gọi 1 – 2 HS nêu kết quả. – Đánh giá, chốt đáp án: Động từ: <i>vui chơi, hưởng ứng</i>. Tính từ: <i>tưng bừng, rộn ràng</i>.	– Quan sát bài tập. 1 – 2 HS đọc lại bài. – Làm bài theo hình thức cá nhân. – 1 – 2 HS trình bày kết quả. HS khác nhận xét.
Bài 2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1. – Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. – Hướng dẫn HS làm bài theo hình thức nhóm đôi. – Gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày.	– 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. – Làm bài theo hình thức nhóm đôi.

– Đánh giá, ghi nhận những từ ngữ thay thế phù hợp. (Ví dụ: rộn rã, rộn ràng, sôi nổi,... (thay cho *tưng bừng*), vui đùa, nô đùa, đùa chơi, đùa nghịch,... (thay cho *vui chơi*), ủng hộ, tán thành, đồng thuận,... (thay cho *hưởng ứng*), rộn vang, rộn rã, âm vang,... (thay cho *rộn ràng*).

Phương án 2: Phát phiếu bài tập, cho HS làm việc nhóm 4.

Phiếu học tập

Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.

tưng bừng:

vui chơi:

hưởng ứng:

rộn ràng:

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày. Lớp nhận xét.

Phương án 2: Làm việc nhóm (nhóm 4), hoàn thành phiếu bài tập.

– Làm bài vào phiếu bài tập theo nhóm 4.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình chiếu bài làm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu*: Liên hệ từ nội dung bài đọc tới thực tế, biết những việc nên làm và việc không nên làm. Qua đó, hiểu thêm về ý nghĩa của câu chuyện *Cánh đồng hoa*: cần có việc làm thiết thực để bảo vệ môi trường, làm đẹp cảnh quan nơi công cộng.

b. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV đưa ra một bảng gồm rất nhiều việc làm, trong đó có việc tạo ảnh hưởng tốt (trồng cây, nhặt rác, tái chế đồ nhựa,...), gây ảnh hưởng xấu (đốt rơm rạ, xả rác bừa bãi, chặt cây xanh,...) cho môi trường, cho cảnh quan; yêu cầu HS xếp vào 2 nhóm: <i>việc nên làm</i> và <i>việc không nên làm</i> .	HS tìm hiểu tác động của mỗi việc làm và xếp vào 2 nhóm phù hợp.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu*: Nhớ lại các cách kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tiết trước. – Chiếu bài văn kể lại câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> với các chi tiết sáng tạo A, B lên màn hình để HS dễ trả lời. – Hướng dẫn HS chọn một đoạn trong câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> để kể sáng tạo theo cách HS chọn, sau đó chốt lại các cách kể sáng tạo đã học. Dự kiến câu trả lời: Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước: + Thêm lời kể, lời tả, lời thoại,... + Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện Giới thiệu tiết học: Ở tiết Viết, Bài 1, HS đã được tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo như bổ sung chi tiết kể, tả, thêm lời thoại cho nhân vật, thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.... Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng một cách khác.	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời hoặc đóng vai để kể sáng tạo một đoạn trong truyện. Hỏi đáp về các cách sáng tạo đã được dùng để kể chuyện.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1 a, b, c	Giao việc cho HS: 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (<i>Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi</i>), 1 – 2 HS đọc hai đoạn văn kể lại câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i>. Lưu ý HS đọc đúng và diễn cảm theo giọng của nhân vật kể chuyện. – Hướng dẫn HS trả lời câu a, b, c: làm việc cá nhân, đọc thầm yêu cầu a, b, c và tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả. – Chốt: Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện làm một cách kể chuyện sáng tạo.	Làm việc trong nhóm hoặc chung cả lớp – Đọc hai đoạn truyện theo hướng dẫn của GV.

	Dự kiến câu trả lời: a. Các đoạn văn kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật chuột xù. b. Nhân vật chuột xù dùng “tôi” để gọi bản thân, dùng “cậu ấy” để gọi mèo nhép, dùng “bác ngựa” để gọi bác ngựa. c. Những từ ngữ in đậm thể hiện người kể không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác (phương án A).		Làm việc trong nhóm Mỗi HS trả lời một câu hỏi trong nhóm.						
Câu 1d	– Hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu d: + HS làm việc trong nhóm, 1 HS mở sách trang 11, 1 HS mở sách trang 15 có 2 đoạn truyện trong tiết học này + Từng HS so sánh và nhận xét lần lượt về điểm khác nhau giữa các phần: 1/ Cách mở đầu câu chuyện; 2/ Cách kể lại các sự việc trong câu chuyện; 3/ Cách kết thúc câu chuyện. – Có thể chiếu lên màn hình để HS so sánh theo từng phần: đầu tiên chiếu 2 đoạn mở đầu, sau đó chiếu 2 đoạn kể lại sự việc và cuối cùng chiếu 2 đoạn kết thúc. – Lưu ý: sau khi HS làm việc chung cả lớp trả lời xong ý 1 (so sánh về cách mở đầu câu chuyện), GV có thể mời 1 – 2 HS chọn một nhân vật khác trong câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i> để tự giới thiệu trước lớp (thực hiện phần mở đầu). Lưu ý HS chọn từ ngữ để tự xưng phù hợp. – Nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến cho từng yêu cầu. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><td></td><td>Bài văn kể lại câu chuyện trang 11</td><td>Hai đoạn truyện được kể theo lời của chuột xù</td></tr><tr><td>Cách mở đầu câu chuyện</td><td>Người viết giới thiệu câu chuyện.</td><td>Người viết trong vai nhân vật chuột xù tự giới thiệu về bản thân mình (Tôi là chuột xù), sau đó mới giới thiệu câu chuyện (Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép).</td></tr></table>			Bài văn kể lại câu chuyện trang 11	Hai đoạn truyện được kể theo lời của chuột xù	Cách mở đầu câu chuyện	Người viết giới thiệu câu chuyện.	Người viết trong vai nhân vật chuột xù tự giới thiệu về bản thân mình (Tôi là chuột xù), sau đó mới giới thiệu câu chuyện (Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép).	Làm việc trong nhóm – Mỗi HS so sánh một phần trong hai bài văn. – Cả nhóm góp ý, nhận xét, thống nhất ý kiến. – 1 HS có thể ghi nhanh các ý trả lời đã thống nhất ra nháp. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 đại diện nhóm trả lời cho 1 ý.
	Bài văn kể lại câu chuyện trang 11	Hai đoạn truyện được kể theo lời của chuột xù							
Cách mở đầu câu chuyện	Người viết giới thiệu câu chuyện.	Người viết trong vai nhân vật chuột xù tự giới thiệu về bản thân mình (Tôi là chuột xù), sau đó mới giới thiệu câu chuyện (Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép).							

Cách kể lại các sự việc trong câu chuyện	+ Người viết kể lại các sự việc diễn ra theo đúng lời kể trong câu chuyện gốc. + Người viết không tham gia vào câu chuyện, nên không xuất hiện trong câu chuyện.	+ Người viết kể lại các sự việc diễn ra theo lời của chuột xù nhân vật được đóng vai kể chuyện) + Người viết trong vai chuột xù xưng là tôi và tham gia vào câu chuyện, thể hiện cảm xúc cá nhân với các sự kiện trong câu chuyện.
Cách kết thúc câu chuyện	Nêu suy nghĩ, cảm xúc của người viết về câu chuyện.	Kể kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của chuột xù.

– Sau khi chốt các ý trả lời, có thể mời 1 – 2 HS lên đóng vai một nhân vật trong câu chuyện để kể tiếp đoạn truyện còn thiếu trong bài văn. GV khuyến khích HS phát huy trí tưởng tượng để kể chuyện thật sinh động, hấp dẫn.

– Tổng kết bài 1: Qua bài tập 1, HS đã được làm quen với một cách sáng tạo trong bài văn kể lại câu chuyện: đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện. Đây là một cách kể chuyện sinh động, tự nhiên và giúp cho bài văn mang đậm cá tính của người viết.

– Có thể chốt cấu trúc bài văn đóng vai kể chuyện:

- + Mở bài: Nhân vật tự giới thiệu bản thân và giới thiệu câu chuyện.
- + Thân bài: Kể các sự việc theo cảm nhận của nhân vật.
- + Kết bài: Kể kết thúc câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật.

3. Hoạt động 3: Vận dụng (Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện.)

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, nêu được những điểm cần lưu ý khi kể chuyện và viết bài văn.

b. Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi:

– Khích lệ HS chọn một nhân vật trong câu chuyện yêu thích và kể một đoạn truyện trong nhóm hoặc trước lớp. – Có thể tổ chức thành trò chơi: Đoán nhân vật (Tôi là ai? Ai đoán nhanh?...): + 1 HS đóng vai một nhân vật và kể một đoạn truyện trước lớp, nhưng không được giới thiệu mình đang đóng vai nhân vật nào. + Các HS khác (hoặc các nhóm) đoán HS đang đóng vai nhân vật nào, trong câu chuyện gì. + HS (hoặc nhóm) đoán được nhanh và đúng sẽ chiến thắng. – Mời HS nhận xét phần đóng vai kể chuyện của bạn và rút ra những bài học để đóng vai kể chuyện hay hơn, tự nhiên hơn, hấp dẫn hơn. – Nhận xét chung cả lớp và tổng kết tiết học.	Làm việc chung cả lớp Đóng vai kể trong nhóm hoặc trước lớp. Có thể viết đoạn truyện vừa kể ra vở hoặc nháp.
---	--

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

a. *Mục tiêu:* HĐ Đọc mở rộng câu chuyện về thế giới tuổi thơ giúp các em mở rộng hơn về chủ điểm, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc từng yêu cầu: 1. Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ. 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu. – Hướng dẫn HS làm việc cá nhân: + Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về thế giới tuổi thơ em đã chuẩn bị. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích HS sáng tạo. 3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc. – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.	Làm việc cá nhân HS đọc gợi ý trong sách để viết phiếu đọc sách theo mẫu hoặc sáng tạo phiếu đọc sách theo ý tưởng của mình và tùy theo nội dung câu chuyện đã đọc. – HS có thể chia sẻ các câu chuyện đã đọc cho nhau để cùng trao đổi. Làm việc nhóm – HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong sách.

BÀI 3 TUỔI NGỰA (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tuổi Ngựa*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời nói của mỗi nhân vật (mẹ và con); nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú ngựa con.
- Đọc hiểu: Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống,...

b. Viết

- Lập được dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.
- Có thêm kiến thức về 1 từ loại mới là đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng đại từ cho phù hợp với ngữ cảnh.

2. Phẩm chất

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.
- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.
- Tranh ảnh (sưu tầm) về vẻ đáng yêu của những chú ngựa non, hình ảnh ngựa phi trên những đồng cỏ, triền núi,...
- Phần Luyện từ và câu, để tổ chức cho HS chơi trò chơi, GV cần chuẩn bị giấy A5 (để phát cho các nhóm), chuẩn bị 4 cái hộp hoặc giỏ (để HS nộp bài).
- Tài liệu về phương pháp dạy đọc hiểu văn bản thơ.
- Tài liệu về từ loại tiếng Việt (đại từ).

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

- 2 HS đọc nối tiếp bài *Cánh đồng hoa* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Em nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện *Cánh đồng hoa*?).
- GV nhận xét, động viên.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của chủ điểm *Thế giới tuổi thơ* (chủ điểm hướng đến những điều trẻ em yêu thích, mong ước,...), tạo cơ hội cho các em phát huy trải nghiệm của bản thân, hào hứng đón nhận nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Giao việc cho HS</i> – GV nêu tên bài học, nêu nhiệm vụ của hoạt động Khởi động và yêu cầu HS: + Thực hiện yêu cầu của hoạt động Khởi động theo cặp hoặc theo nhóm. GV khích lệ HS mạnh dạn nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch). + GV nhắc HS đọc giải nghĩa từ ngữ ở cuối bài đọc. – GV giới thiệu tên gọi của 12 con giáp. <i>Giới thiệu bài đọc</i> – Mời HS nhận xét tranh minh hoạ bài thơ. – Nhận xét ý kiến phát biểu của HS và nhấn mạnh: Tranh vẽ cảnh thực tại (hai mẹ con đang trò chuyện) và cảnh trong tưởng tượng của bạn nhỏ về những vùng đất mà chú ngựa con đã đi qua... – GV giới thiệu khái quát về bài thơ (Ví dụ: <i>Đọc bài thơ, các em sẽ được biết về cuộc trò chuyện của hai mẹ con và trí tưởng tượng bay bổng của bạn nhỏ</i>).	Làm việc theo cặp/ nhóm – HS trao đổi theo cặp/ nhóm. – Đại diện chia sẻ kết quả trao đổi trước lớp (Ví dụ: Tên gọi của các năm: năm Tí (năm Chuột), năm Sửu (năm Trâu), năm Dần (năm Hổ),... Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS nhận xét tranh minh hoạ bài thơ.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tuổi Ngựa*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời nói của mỗi nhân vật (mẹ và con); nhấn giọng vào những

từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú ngựa con.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– <i>Đọc mẫu:</i> GV (hoặc HS) đọc cả bài (đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú ngựa theo trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ. GV có thể mời 2 hoặc 4 em đọc nối tiếp 4 đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>Tuổi con là tuổi đi...</i> + Đoạn 2: Tiếp theo đến <i>Ngọn gió của trăm miền.</i> + Đoạn 3: Tiếp theo đến <i>Khắp đồng hoa cúc dại.</i> + Đoạn 4: Còn lại. – <i>Luyện đọc đúng:</i> + GV hướng dẫn đọc: • Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: <i>triển núi đá, loá màu trắng...</i> • Đọc diễn cảm: Đọc đúng ngữ điệu câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ (ở khổ 1); đọc với giọng điệu hào hứng, xúc động ở đoạn thơ nói về chú ngựa non rong ruổi khắp đó đây... – GV nhận xét việc đọc của các nhóm.	– 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. – HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: *Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống...*

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. – GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách. GV có thể nêu từng câu hỏi hoặc mời HS đọc từng câu hỏi rồi nêu cách thức thực hiện.	– Nghe GV giải thích nghĩa của các từ ngữ khó hoặc thực hiện tra từ điển để hiểu nghĩa của từ.

Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?</i> – Hướng dẫn HS: cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc lướt bài thơ, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. + Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời, Ví dụ: Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ biết tuổi của mình là tuổi Ngựa. Ngựa không yên một chỗ, người tuổi Ngựa thích đi đây, đi đó. Bởi vậy, bạn nhỏ đã tưởng tượng mình như một chú ngựa con rong ruổi khắp đó đây, được tung vó đi đến muôn nơi.	Làm việc cá nhân Thực hiện yêu cầu và chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.
Câu 2	– GV nêu yêu cầu: <i>Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ: những miền đất đã qua, những cảnh vật đã thấy, những cảm nghĩ đã có.</i> – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm hoặc theo lớp: + Đọc kĩ đoạn thơ thứ hai và thứ ba kể về hành trình rong ruổi của chú ngựa con (theo tưởng tượng của bạn nhỏ). + Chuẩn bị câu trả lời theo 3 gợi ý dưới câu hỏi 3. Có thể ghi vắn tắt những điều sẽ trình bày trong nhóm hoặc trước lớp. – GV nhận xét, góp ý, khen ngợi những HS diễn đạt rõ ràng, lưu loát, phù hợp với ý thơ. Dự kiến câu trả lời: Hai đoạn thơ như một thước phim tái hiện lại hành trình của chú ngựa con. – Những miền đất ngựa con đã đi qua, đó là: miền trung du, vùng đất đỏ, rừng đại ngàn, triền núi đá, những cánh đồng hoa,... – Những cảnh vật đã thấy: mỗi miền đất có những vẻ đẹp riêng – gió xanh miền trung du (trung du xanh màu cây lá), gió hồng vùng đất đỏ (vùng cao nguyên đất đỏ có bụi hồng cuốn theo vó ngựa, gió đen hút đại ngàn (những cánh	Làm việc cá nhân – HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời (tập kể). Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Nhiều HS trình bày, các bạn khác góp ý.

	rừng đại ngàn âm u), những triền núi đá lấp mô, hiểm trở; những cánh đồng bạt ngàn hoa: loá màu trắng hoa mơ; mùi hoa huệ ngọt ngào; cánh đồng hoa cúc đại xôn xao trong nắng, gió,... – Những cảm nghĩ của chú ngựa con: nhớ mẹ, nghĩ đến mẹ, muốn mang quà về cho mẹ; ngắm hoa mơ trắng liên tưởng đến trang giấy nguyên chưa viết,...).	
Câu 3	– Nêu câu hỏi 3 (<i>Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?</i>) và dành thời gian phù hợp cho HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. – GV có thể gợi ý: Qua đoạn kể về hành trình của chú ngựa con với cảm xúc hào hứng, say sưa, theo em, bạn nhỏ muốn chia sẻ với mẹ mong ước gì của mình? GV nhận xét, góp ý, khen ngợi những HS trình bày có sức thuyết phục. Dự kiến câu trả lời: Sau khi hình dung về chuyến rong ruổi khắp đó đây của mình qua hình ảnh chú ngựa con với ước mơ đi đến nhiều nơi, khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng mình rất yêu mẹ, dù đi khắp đó đây, ngắm bao nhiêu cảnh đẹp, vui thích trước bao điều mới lạ, nhưng vẫn luôn nhớ đến mẹ, luôn mong ước chia sẻ với mẹ những điều đẹp để mình cảm nhận được và không bao giờ quên đường về với mẹ.)	Làm việc cá nhân HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời (chú ý đưa ra lí lẽ, giải thích ý kiến). Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Nhiều HS trình bày, các bạn khác góp ý.
Câu 4	– Nêu câu 4 (<i>Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.</i>) và dành thời gian phù hợp cho HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. – GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, nhận xét, suy luận hợp lí, thú vị. Dự kiến câu trả lời: Bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, ước mơ bay bổng và rất yêu mẹ,...	Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm/ trước lớp.

3.3. Đọc thuộc lòng.

a. *Mục tiêu:* HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn học sinh học thuộc lòng bài thơ. Có thể tổ chức cho HS thi học thuộc lòng. – GV nhắc HS về tiếp tục nhà học thuộc lòng bài thơ, nếu chưa thuộc.	– <i>Học thuộc lòng</i>: HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ). – <i>Thi đọc thuộc lòng</i>: HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HĐ vận dụng sau tiết Đọc giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ.	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐẠI TỪ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Qua hoạt động tìm tổ hợp từ giống nhau trong câu nói, giúp HS:

- Khơi gợi trí tò mò, động não cho HS trước giờ học;
- Nối kết với bài được học nhằm kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể đặt một câu nói như gợi ý và cho HS nghe: “Lan đi học đúng giờ và Nam cũng đi học đúng giờ.” – Gọi HS phát hiện tổ hợp từ nào giống nhau; – GV nhận xét và chốt lại; – GV dẫn dắt vào bài (gợi ý): Vậy những tổ hợp từ giống nhau ấy chúng ta có thể thay thế bằng từ khác được hay không? Hôm nay các em tìm hiểu qua bài học Đại từ.	– HS trả lời.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Bài tập 1

a. *Mục tiêu:* Giúp HS hình thành kiến thức về đại từ thay thế: nhận diện được chúng và xác định được đại từ đó thay thế cho từ ngữ nào.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– HS đọc yêu cầu đề bài và nhắc lại các từ in đậm: vậy, thế, đó. – GV có thể chọn kĩ thuật dạy học <i>Hoàn tất một nhiệm vụ</i> để tổ chức làm mẫu câu a “Lúa cũng vậy” tức là lúa thế nào? GV gọi HS tìm từ ngữ thay thế. HS trình bày và GV nhận xét, chốt đáp án: a. <i>Nắng vàng óng. Lúa cũng vậy</i>. → Từ “vậy” được dùng để thay cho “vàng óng”; câu thứ hai được hiểu là “Lúa cũng vàng óng”. – GV cho các cá nhân thực hiện câu b, câu c để hoàn tất nhiệm vụ còn lại. – GV tổ chức cho HS trình bày và nhận xét, chốt đáp án: b. <i>Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng thế</i>. → Từ “thế” được dùng để thay cho “cao và thẳng”. Câu sau được hiểu là “Các cây kia cũng cao và thẳng”. c. <i>Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. Đó là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân</i>. → Từ “đó” được dùng để thay cho toàn bộ câu thứ nhất; câu thứ hai được hiểu là “cánh đồng vàng ruộm báo hiệu vụ mùa bội thu là thành quả của các cô bác nông dân”. => GV kết luận: Các từ dùng để thay thế được gọi là đại từ thay thế.	– HS thực hiện theo yêu cầu. – HS thực hiện nhiệm vụ còn lại. – HS trình bày.

2.2. Bài tập 2

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận diện đại từ nghi vấn là những từ nào.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của đề bài. – HS làm việc nhóm đôi, trao đổi, thống nhất câu trả lời. – GV quan sát và hỗ trợ các nhóm khi cần. – GV có thể đặt câu hỏi phụ để gợi ý HS: Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào? (trong câu hỏi). Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì? (dấu hỏi chấm)	– HS thực hiện. – HS hoạt động nhóm đôi.

– GV gọi ngẫu nhiên HS trong các nhóm trả lời. GV và HS khác cùng nhận xét, góp ý. GV chốt đáp án: + Đoạn 1: từ <i>ai</i> (hỏi về người gõ cửa..) + Đoạn 2: từ <i>đâu</i> (hỏi về nơi ngủ của nằng). + Đoạn 3: từ <i>nào</i> (hỏi về mùa có hoa phượng nở và ve sầu kêu). => GV kết luận: Các từ dùng để hỏi sẽ được gọi là đại từ nhị vấn. Những từ này đi cùng với dấu hỏi chấm, giúp ta nhận diện rõ câu hỏi và mục đích hỏi. Bài tập này giúp HS nhận diện đại từ nhị vấn.	– HS báo cáo nhóm.
---	---------------------------

2.3. Bài tập 3

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận diện đúng đại từ xưng hô.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của đề bài. a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì? b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe? – GV giới thiệu: Để nói chuyện với nhau, chúng ta cần sử dụng các từ ngữ chỉ chính mình (người nói) hoặc người đang nói chuyện với mình (người nghe). Hãy đọc câu chuyện <i>Hạt thóc</i> và lần lượt trả lời các câu hỏi. – GV gọi 1 – 2 HS đọc câu chuyện <i>Hạt thóc</i>, sau đó nhắc lại các từ được in đậm: tôi, bạn, tớ, cậu. – GV cho HS làm việc nhóm đôi, trao đổi, thống nhất câu trả lời. Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát và hỗ trợ các nhóm khi cần. – GV gọi ngẫu nhiên cá nhân trong nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý. – GV và HS cùng chốt đáp án. Dự kiến câu trả lời: a. Các từ in đậm trong câu chuyện dùng để xưng hô. b. Cặp xưng hô thứ nhất là <i>tôi</i> và <i>bạn</i>. Từ <i>tôi</i> được dùng để chỉ người nói, là hạt thóc. Từ <i>bạn</i> được dùng để chỉ người nghe, ở đây <i>các bạn</i> dùng chỉ nhiều người nghe, là các cây ngô, khoai, sắn. Cặp xưng hô thứ hai là <i>tớ</i> và <i>cậu</i>. Từ <i>tớ</i> được dùng để chỉ người nói là ngô và từ <i>cậu</i> được dùng để chỉ người nghe là hạt thóc. => GV kết luận: Các từ trên được gọi là đại từ xưng hô.	– HS thực hiện. – HS thực hiện. – HS hoạt động nhóm đôi – HS báo cáo nhóm.

2.4. Ghi nhớ kiến thức lí thuyết về đại từ

a. Mục tiêu: Giúp HS ghi nhớ kiến thức về đại từ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 3 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình về đại từ? – Gọi 1 – 2 HS và GV tổ chức nhận xét, chốt lại kiến thức khái niệm từ đồng nghĩa trong Ghi nhớ ở sách. => GV kết luận: đại từ là những từ dùng để thay thế. Khi viết hoặc nói, ta cần lựa chọn từ phù hợp với ý nghĩa được thể hiện. – Gọi 1 HS khá giỏi trình bày lại (khuyến khích không nhìn sách đọc mà diễn đạt theo trí nhớ bằng lời nói tự nhiên).	– HS trình bày theo cách hiểu của bản thân. – HS khá giỏi trình bày.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động viết câu có sử dụng một đại từ, HS có thể:

- Hoàn thành theo hướng trải nghiệm, phát huy vốn hiểu biết sẵn có của mình về đại từ đã học để luyện tập thực hành;
- Vận dụng kiến thức đã học để luyện tập về đại từ để viết câu đúng, hay.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS làm việc nhóm 4. – GV mời đại diện một số nhóm đọc câu của mình trước lớp. Cả lớp cùng nhận xét, góp ý và bình chọn cho những câu viết đúng, hay nhất. => GV kết luận: Khi viết câu có dùng đại từ, HS cần sử dụng đúng chức năng của loại đại từ mà mình sử dụng.	– HS hoạt động nhóm 4: Dành thời gian để tự viết câu của mình, đọc lại cho các bạn trong nhóm cùng nghe, chỉ ra đại từ mà mình đã sử dụng. – HS trình bày.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS hoàn thành theo hướng trải nghiệm, phát huy vốn hiểu biết sẵn có của HS về đại từ đã học để vận dụng trong thực tiễn giao tiếp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV vận dụng phương pháp Trò chơi học tập: Hiểu ý đồng đội – Cách thức: + GV cho một bạn HS lên bảng chọn gói từ là các đại từ thay thế (đó, đây, kia...), đại từ xưng hô (tôi, bạn,...). + GV sẽ lần lượt lấy ra từng từ để HS đó dùng cử chỉ, điệu bộ của mình diễn tả từ đó cho các HS dưới lớp quan sát. + Cá nhân HS sẽ xung phong đoán từ đó. Nếu đoán sai thì gọi HS khác; nếu đoán đúng, HS đó sẽ được các bạn tặng tràng pháo tay thật lớn để cổ vũ tinh thần.	– HS tương tác, thực hiện trò chơi. – HS đoán từ.

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ lại các cách kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị lập dàn ý cho một đề bài viết bài văn kể chuyện sáng tạo cụ thể.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở 2 tiết trước.	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời
Dự kiến câu trả lời: Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước: + Thêm lời kể, lời tả, lời thoại,... + Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện + Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện. – Giới thiệu tiết học: Ở tiết Viết, Bài 1, 2, HS đã được tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo như bổ sung chi tiết kể, tả, thêm lời thoại cho nhân vật, thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện... HS có thể lựa chọn một trong những cách này hoặc phối hợp nhiều cách để có một bài văn kể chuyện sáng tạo hấp dẫn, mang đậm dấu ấn cá nhân. Trong tiết học này, HS sẽ được thực hành lập dàn ý cho một đề bài cụ thể.	Làm việc cá nhân Lắng nghe

2. Hoạt động 2: Luyện tập.

a. Mục tiêu: Biết cách lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Chuẩn bị.	Giao việc cho HS: 1 HS đọc yêu cầu và 2 đề bài. – Hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài, sau đó thực hiện các bước: + Lựa chọn câu chuyện để kể lại + Nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện (bối cảnh, nhân vật, diễn biến,...). + Lựa chọn cách kể sáng tạo (sáng tạo thêm chi tiết, thay đổi cách kết thúc, đóng vai kể chuyện). – Lưu ý HS: + Nếu lựa chọn cách sáng tạo thêm chi tiết, HS có thể lựa chọn các chi tiết chưa được kể cụ thể trong câu chuyện để sáng tạo thêm. HS có thể thêm hoặc thay đổi 1 hay một vài chi tiết, nhưng không nên sáng tạo quá nhiều chi tiết khiến bài văn bị dài dòng. + Nếu lựa chọn thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, HS cần suy nghĩ và tưởng tượng để chọn cách viết lại đoạn kết hay viết thêm đoạn kết. + Nếu lựa chọn cách đóng vai để kể chuyện, HS cần chú ý từ ngữ tự xưng và các chi tiết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật. + HS cũng cần kể câu chuyện theo cách tóm tắt hợp lý, tránh kể toàn bộ như câu chuyện gốc vì không đủ thời gian.	Làm việc cá nhân – HS đọc thầm các yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong sách. – Thực hiện các bước theo hướng dẫn của GV. Làm việc trong nhóm Từng HS trình bày các ý kiến của mình (đề đã chọn, câu chuyện đã chọn, cách sáng tạo đã chọn) và các ý sáng tạo của mình trong nhóm để nghe góp ý của các bạn.
2. Lập dàn ý	– Hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý lập dàn ý trong sách theo từng phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). – GV nhận xét nhanh một số bài của HS. GV khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.	Làm việc cá nhân – HS dựa vào các câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình. – HS viết dàn ý vào vở hoặc giấy.

3. Góp ý và chỉnh sửa.	- Hướng dẫn HS đối vờ với bạn trong nhóm hoặc bàn, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong sách. - Tổng kết tiết học, khen ngợi các HS hoàn thành tốt dàn ý.	Làm việc trong nhóm Trao đổi vờ, góp ý cho nhau và chỉnh sửa ý theo góp ý.
-------------------------------	--	---

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết và trao đổi về cách viết những ý sáng tạo trong bài.</i> - Hướng dẫn HS: khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân để có cách viết hay, hấp dẫn. - Lưu ý HS: có thể ghi chép những góp ý hay của người thân vào sổ tay.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV nêu câu hỏi: <i>HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?</i> - Chốt lại hôm nay HS đã được: - Đọc và tìm hiểu văn bản <i>Tuổi Ngựa</i> - Đọc mở rộng câu chuyện viết về thế giới tuổi thơ - Lập dàn ý bài văn kể chuyện sáng tạo. - GV dặn dò HS: <i>Về nhà đọc trước bài 4: Bến sông tuổi thơ.</i>	Làm việc chung cả lớp Trả lời câu hỏi của GV

BÀI 4 BẾN SÔNG TUỔI THƠ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ câu chuyện *Bến sông tuổi thơ*. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Biết đến những câu chuyện hay (cổ tích, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,...) và những điều làm nên sự thú vị của câu chuyện: bối cảnh, nhân vật, sự việc,... Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

b. Viết

- Biết viết bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.
- Ôn luyện đại từ xưng hô, từ đồng nghĩa và cách sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh

c. Nói và nghe

Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích. Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn,...

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước (lòng tự hào và những kỉ niệm đẹp về những hình ảnh, phong cảnh quê hương).
- Biết tôn trọng ý kiến của người khác.
- Nâng cao hứng thú đọc sách, khả năng tự đọc, tự học.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học
- Nhạc bài hát: *Con sông tuổi thơ tôi* (Tuấn Phương)
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc
- Tranh ảnh, video, sách truyện,... minh họa những câu chuyện lí thú

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu: Nhận ra được những dấu hiệu liên quan tới nội dung bài học; nêu được những ý kiến, cảm xúc của bản thân về tiêu đề bài học; có tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cách 1: Cho HS chia sẻ về những kí ức, những tình cảm đẹp đối với quê hương (GV khuyến khích HS vừa chia sẻ vừa bộc lộ cảm xúc của bản thân), cho HS xem tranh trong bài rồi dẫn vào bài đọc. – Cách 2: Cho HS nghe và xem clip <i>Con sông tuổi thơ tôi</i> và yêu cầu các em nêu cảm nhận về bài hát. – Cho HS quan sát tranh minh họa bài học. – GV giới thiệu vào bài.	HS chia sẻ. 1– 2 HS nhận xét. Sau đó nghe GV nhận xét ý kiến, giới thiệu tranh và dẫn dắt vào bài. – HS nghe và xem clip <i>Con sông tuổi thơ tôi</i> và nêu cảm nhận về bài hát. – HS quan sát, miêu tả tranh.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản, luyện đọc những từ dễ phát âm sai, nhận biết được bố cục của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. – Chia đoạn: + Đoạn 1: <i>Từ khi sinh ra... bóng nghiêng nghiêng.</i> + Đoạn 2: <i>Mỗi chiều... hít hà vì cay.</i> + Đoạn 3: <i>Những ngày nước ròng... xứ cù lao này.</i> + Đoạn 4: <i>Trái bần chua... xem như chưa đến.</i> + Đoạn 5: phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>lững lờ, con nước, nước ròng, nước lớn, cù lao</i> – Gọi HS đọc phần chú giải.	– HS lắng nghe. – HS đọc nối tiếp đoạn. Đại diện một vài nhóm thi đọc. – Lắng nghe.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết các nhân vật, các kỉ niệm cùng bạn bè trên bến sông quê hương, cảm nhận được vẻ đẹp quê hương, từ đó thể hiện lòng tự hào, yêu vùng đất cù lao với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1, 2	– Cho HS đọc thầm lại bài văn và thảo luận theo nhóm rồi thực hiện phiếu học tập sau: Phiếu học tập 1. Theo em, trong truyện có những nhân vật nào? Em hãy giới thiệu những nhân vật ấy? 2. Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ? Chi tiết: Hình ảnh: 3. Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ? 	– Lớp hoạt động nhóm trong 5 phút. – Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung. HS trả lời được trong phiếu: + Chi tiết: <i>buổi chiều vui đùa, các trò chơi tuổi con nít, kiếm cá bông lau, món ăn đặc sản... những chi tiết lắng đọng trong tâm trí thể hiện những quan sát và sự gắn bó mật thiết bạn nhỏ với bến sông quê.</i> + Những hình ảnh của quê hương: <i>dòng sông êm đềm lững lờ con nước, hàng bắp xanh soi bóng nghiêng nghiêng... là những hình ảnh đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ từ khi sinh ra.</i> + Những hình ảnh: <i>bọn trẻ tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít, lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rửa nhau hái những trái bắp để ăn, hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quá thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.</i>

**Câu
3, 4, 5**

a. *Mục tiêu:* HS đọc đúng, đọc diễn cảm, biết ngắt nghỉ, thể hiện đúng mạch cảm xúc của văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. + Giáo viên đọc mẫu. + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. + Thi đọc diễn cảm trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc diễn cảm.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
– GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời. Câu 1. Từ “tôi” và “chúng tôi” ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người? Câu 2. a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu được nêu trong sách? b. Qua những từ ngữ vừa tìm được, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài “Bến sông tuổi thơ”? – GV có thể tích hợp luyện nói cho HS: Yêu cầu: <i>Hãy chia sẻ cho cả lớp những cảm nhận đáng nhớ nhất của mình về quê hương em?</i>	HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. Câu 1. <table border="1"> <tr> <td>Tôi</td><td>Chỉ bạn nhỏ – nhân vật chính, một người</td></tr> <tr> <td>Chúng tôi</td><td>Bạn nhỏ và những người bạn thời thơ ấu, chúng tôi để chỉ nhiều người</td></tr> </table> Câu 2. a. – Từ in đậm: <i>rốt, cù lao, con nít, trái</i> – Từ có nghĩa giống với từ in đậm: <i>rơi, đảo, trẻ con, quả.</i> b. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ – HS nêu được cảm nhận về một di tích, một danh lam thắng cảnh ở chính quê hương em. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân, có những chi tiết, những hình ảnh cụ thể càng tốt.	Tôi	Chỉ bạn nhỏ – nhân vật chính, một người	Chúng tôi	Bạn nhỏ và những người bạn thời thơ ấu, chúng tôi để chỉ nhiều người
Tôi	Chỉ bạn nhỏ – nhân vật chính, một người				
Chúng tôi	Bạn nhỏ và những người bạn thời thơ ấu, chúng tôi để chỉ nhiều người				

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ lại các yêu cầu viết của tiết trước và đọc một số đoạn văn minh họa để chuẩn bị viết bài văn hoàn chỉnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu viết (đã nêu ở tiết lập dàn ý – Bài 3). – Hướng dẫn HS đọc kĩ lưu ý trong sách và xem lại dàn ý đã lập ở Bài 3. – Mời 3 HS lần lượt đọc 3 đoạn văn tham khảo trong sách (hoặc cho HS tự đọc thầm). – Có thể cho HS nhận xét nhanh về cách sáng tạo, cách sử dụng từ ngữ trong 3 đoạn văn tham khảo: + Đoạn 1: sáng tạo thêm chi tiết tả bầu trời, sáng tạo thêm lời thoại. Các từ ngữ được dùng rất sinh động, giàu hình ảnh. + Đoạn 2: thêm chi tiết cho kết thúc của câu chuyện (thay đổi cách kết thúc của câu chuyện). + Đoạn 3: đóng vai nhân vật cá vàng để kể lại câu chuyện. Các từ ngữ được dùng rất sinh động để tự bộc lộ cảm xúc và tự kể lại các hoạt động của nhân vật cá vàng (tung tăng, bỗng nhiên, bị cuốn phăng, hốt hoảng, bị nhấc bổng lên,...), từ ngữ phỏng đoán cũng được sử dụng khi nói về cảm xúc của nhân vật ông lão (về thất vọng, có lẽ vì).	Làm việc chung cả lớp HS làm việc theo hướng dẫn của GV

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Biết viết bài văn kể chuyện sáng tạo dựa trên dàn ý đã lập

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Viết	– Giao việc cho HS: Viết bài theo cấu trúc đã học ở bài Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài 1 và bài 2), và các ý đã lập trên cơ sở dàn ý ở Bài 3. – Quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS để đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. – Kiểm tra bài của HS khi các em đang làm bài, dự kiến một số bài hay để đọc trước lớp, những bài chưa tốt thì trao đổi, góp ý, hướng dẫn riêng từng em.	Làm việc cá nhân Viết bài văn hoàn chỉnh

Đánh giá và chỉnh sửa bài viết	– Chấm nhanh một số bài. – Mời một số HS đọc bài. – Nhận xét, khen ngợi các bài viết đúng yêu cầu và hay, sinh động. – Hướng dẫn HS làm việc cá nhân và trong nhóm để góp ý lẫn nhau và chỉnh sửa bài viết. Dự kiến câu trả lời: Những nội dung cần rà soát, chỉnh sửa: • Bố cục bài văn đầy đủ. • Phần mở đầu giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc. • Phần nội dung kể chuyện sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính hay ý nghĩa của câu chuyện gốc. • Trình tự các sự việc trong câu chuyện được kể theo đúng trình tự trong câu chuyện hoặc theo cách sáng tạo của người viết, đảm bảo được logic. • Đối với bài văn lựa chọn cách sáng tạo chi tiết, các chi tiết được lựa chọn để kể sáng tạo là các chi tiết chưa được kể cụ thể, hoặc các chi tiết có thể khai thác thêm cho sinh động hơn. Đối với bài văn lựa chọn thay đổi cách kết thúc, cách kết thúc mới cần phải phù hợp với diễn biến câu chuyện. Đối với bài văn lựa chọn cách đóng vai kể chuyện, ngôi kể và các từ ngữ dùng để xưng hô, để nêu tình cảm, cảm xúc,... cần phải phù hợp. Cách kể sáng tạo trong bài văn cần tự nhiên để tạo sự hấp dẫn. • Cách dùng từ, viết câu độc đáo, ấn tượng,...	Làm việc chung cả lớp – Một số HS đọc bài trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý. Làm việc cá nhân – Tự đọc lại bài của mình để rà soát và sửa lỗi. Làm việc trong nhóm – Chia sẻ bài làm, đọc bài của nhau và nêu điều mình muốn học tập bạn, điều mình muốn góp ý cho bạn.
Tổng kết	Tổng kết tiết học và khen ngợi các HS có bài viết hay.	

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Khơi gợi những cảm xúc, suy nghĩ tích cực với việc đọc sách để hứng thú tìm đọc và kể về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện/ cuốn sách.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đưa ra hình ảnh <i>Hội thi Kể chuyện theo sách</i> và hỏi: bức ảnh này nói đến hội thi nào? – Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: “Theo em, để đoạt giải cao, các bạn nhỏ phải thể hiện kỹ năng kể chuyện như thế nào? ”. <i>Gợi ý</i>: giọng kể, nội dung kể, phương tiện minh họa, yếu tố đi kèm (cử chỉ, điệu bộ,...). – Gọi 1 – 2 đại diện nhóm trình bày. – Nhận xét và chốt ý, dẫn vào bài: Để kể chuyện hay, cần rất nhiều kỹ năng, trong đó, quan trọng nhất phải là kể sao cho nội dung thực sự hấp dẫn, phải tập trung kể về các chi tiết, sự việc chính, thú vị. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta biết chi tiết thú vị trong câu chuyện gồm những gì, biết trao đổi với các bạn những chi tiết thú vị trong câu chuyện mà mình yêu thích.	– Quan sát hình ảnh và trả lời: Đây là những bức ảnh trong <i>Hội thi Kể chuyện theo sách</i>. – Thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi. Có thể nêu được các kỹ năng: giọng kể truyền cảm, phù hợp; nội dung kể phong phú, hấp dẫn; có phương tiện minh họa sinh động; kết hợp điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,... – 1 – 2 đại diện nhóm trình bày.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: Trên cơ sở đã đọc hoặc đã nghe một câu chuyện nào đó, biết tìm ra những chi tiết thú vị trong câu chuyện và thảo luận với bạn về những chi tiết thú vị đó.

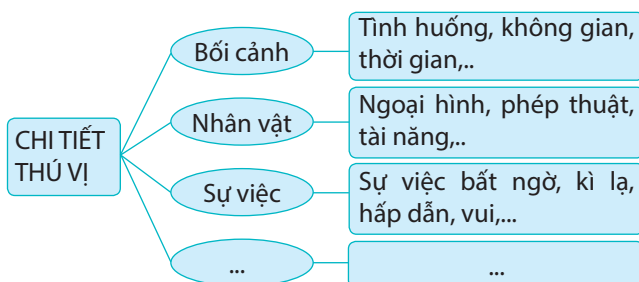
b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Hướng dẫn HS chuẩn bị cho thảo luận:</i> – Hướng dẫn HS: + Nhớ lại những câu chuyện thú vị đã đọc, đã nghe; được nhiều người yêu thích. (Truyện cổ tích, ngụ ngôn, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,... chính là những câu chuyện thú vị.) + Cá nhân lựa chọn và nhớ lại câu chuyện mà mình yêu thích: * Tên câu chuyện * Tác giả câu chuyện (nếu có) * Nội dung chính của câu chuyện	– Nhớ lại những câu chuyện cổ tích, ngụ ngôn, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,... chứa đựng nhiều điều thú vị. – Nhớ lại câu chuyện mà mình yêu thích: tên câu chuyện, tác giả câu chuyện (nếu có), nội dung chính của câu chuyện,...

* Các chi tiết thú vị có trong câu chuyện

– Trình chiếu sơ đồ gợi ý về chi tiết thú vị trong câu chuyện.

– Gọi 1 – 2 HS trình bày về chi tiết thú vị trong câu chuyện



– Yêu cầu HS ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.

– Quan sát HS làm việc. Nhận xét, đánh giá ý thức và kết quả chuẩn bị của HS. Khen ngợi HS nghiêm túc và tích cực.

Hướng dẫn HS thảo luận:

– Gọi 1 – 2 HS đọc lại yêu cầu của bài học.

– Hướng dẫn HS thảo luận:

Phương án 1: Thảo luận theo lớp.

+ Người điều hành nêu lại nội dung thảo luận: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện bạn yêu thích.

+ Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị.

Giới thiệu tên, nội dung chính của câu chuyện;
Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện;
Có thể nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện,...

– Người điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.

– Dựa theo gợi ý, trình bày theo cách hiểu và cách diễn đạt riêng. (Ví dụ: Muốn tìm chi tiết thú vị trong câu chuyện, ta phải xét bối cảnh câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện, sự việc trong câu chuyện,... Bối cảnh câu chuyện thú vị khi có tình huống độc đáo, hoặc không gian thơ mộng, hay thời gian cổ tích,... Nhân vật trong câu chuyện với ngoại hình khác thường, có phép biến hóa, tài năng đặc biệt,... cũng tạo nên những chi tiết thú vị. Sự việc trong câu chuyện thú vị là sự việc bất ngờ, kì lạ, cuốn hút, hài hước,...).

– Sử dụng vở nháp, liệt kê các chi tiết thú vị có trong câu chuyện em yêu thích.

– Ghi chép những ý kiến dự định phát biểu.

– 1 – 2 HS đọc lại yêu cầu của bài học.

Thảo luận cả lớp

+ 1 HS điều hành chung, nêu nội dung thảo luận: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện bạn yêu thích.

+ Một số thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị.

Giới thiệu tên, nội dung chính của câu chuyện; Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện;
Nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện,...

– Lớp nhận xét.

Phương án 2: Thảo luận theo nhóm 4. + Người điều hành nhóm nêu nội dung thảo luận. + Từng thành viên trong nhóm nêu ý kiến đã chuẩn bị. Nhóm trao đổi, góp ý cho nhau. Người điều hành nhóm tổng hợp các ý kiến trong nhóm. + Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến. + Lớp trao đổi, góp ý. – Nhận xét, ghi nhận những ý kiến trao đổi hợp lí. Đánh giá kết quả thảo luận của HS: – Tổ chức cho HS bình chọn người kể được nhiều chi tiết thú vị nhất, người trình bày ý kiến hấp dẫn nhất, người tham gia thảo luận tích cực nhất,... – Đánh giá kết quả thảo luận của HS; giới thiệu thêm một vài câu chuyện thú vị khác (hay cuốn sách có nhiều câu chuyện thú vị) để HS cùng biết và hứng thú tìm đọc.	– Người điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận. Thảo luận theo nhóm 4 + Người điều hành nêu nội dung thảo luận. + Từng thành viên trong nhóm nêu ý kiến đã chuẩn bị. Nhóm trao đổi, góp ý cho nhau. Người điều hành nhóm tổng hợp các ý kiến trong nhóm. + Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến. + Lớp trao đổi, góp ý. – Bình chọn bạn đã kể được nhiều chi tiết thú vị nhất, bạn trình bày ý kiến hấp dẫn nhất, bạn tham gia thảo luận tích cực nhất,... – Ghi nhớ những câu chuyện/những cuốn sách thú vị mà GV đã giới thiệu để tìm đọc.
--	---

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Biết gắn nội dung học tập với cuộc sống: Chia sẻ thành quả học tập của mình với người thân

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân về những điều thú vị trong câu chuyện em yêu thích.</i> + Nhớ lại câu chuyện em đã giới thiệu với các bạn trong lớp. + Kể lại với người thân về những chi tiết thú vị trong câu chuyện đó. + Lắng nghe góp ý của người thân về những điều em đã chia sẻ.	HS thực hiện yêu cầu vận dụng theo hướng dẫn của GV.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao việc cho HS: đọc yêu cầu Vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân về những điều thú vị trong câu chuyện em đã đọc, đã nghe.</i> – Hướng dẫn HS: + Khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân. + HS có thể ghi chép lại những ý kiến góp ý của người thân.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu câu hỏi: <i>HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?</i> – Chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc – hiểu: <i>Bến sông tuổi thơ</i> + Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo + Nói và nghe: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích – Hỏi HS còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào của Bài 1. – Nhận xét kết quả học tập của HS. – Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. – Dặn dò HS đọc trước Bài 5 – <i>Tiếng hạt nảy mầm.</i>	Làm việc chung cả lớp – Trả lời câu hỏi của GV. Làm việc cá nhân – Tự tổng kết nội dung bài học – Ghi chép những lời dặn dò của GV.

BÀI 5 TIẾNG HẠT NẢY MẦM (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc:

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng hạt nảy mầm*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – lớp học của trẻ khiếm thính; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.

– Đọc hiểu: Nhận biết được cách thể hiện tình cảm, cảm xúc qua ngôn ngữ thơ. Hiểu bài thơ viết về một tiết học với bao nghĩ suy, cảm xúc, mong ước của cô giáo và học trò; nhận ra được mối liên hệ giữa các chi tiết về hình ảnh và âm thanh mà cô giáo mong muốn truyền tải đến các em học sinh thiệt thòi về khả năng nghe, khả năng nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các em học sinh như những cánh chim non, tất cả đều được chấp cánh bay cao, bay xa bởi tình yêu thương vô bờ và sự tận tâm với nghề của thầy cô giáo.

b. Viết:

– Giúp HS biết ưu điểm, hạn chế của mình khi viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Biết trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau và điều chỉnh lại một số câu văn trong bài cho hay hơn.

– Có thêm kiến thức về ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế và đại từ nghi vấn. Hiểu được chức năng của chúng, biết cách sử dụng những đại từ này cho phù hợp.

2. Phẩm chất

– Biết quan tâm, giúp đỡ, thể hiện sự đồng cảm sẻ chia với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi.

– Hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

– Biết hoà đồng với bạn bè và có suy nghĩ độc lập, mang cá tính riêng.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh (sưu tầm), video, phóng sự,... về lớp học của trẻ khiếm thính (nếu có).

- Các đoạn bài hát có sử dụng đại từ thay thế, đại từ xưng hô, nghi vấn (tổ chức trò chơi ở hoạt động Khởi động); đoạn văn trình chiếu trên màn hình ti vi/ bảng phụ/ bảng nhóm (Bài tập 1 – Luyện từ và câu); máy chiếu vật thể (trình chiếu sản phẩm viết đoạn văn của HS)

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

- 2 HS đọc nối tiếp bài *Bến sông tuổi thơ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ đề *Thế giới tuổi thơ*?).
- GV nhận xét, động viên.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của chủ đề *Thế giới tuổi thơ*, giúp các em có trải nghiệm để có thể đồng cảm, sẻ chia với hoàn cảnh của các bạn nhỏ được nói đến trong bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện:. + HS đọc yêu cầu của hoạt động Khởi động và thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm + 1 bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, 1 bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào.	Làm việc theo cặp/ nhóm – 2 HS chơi đồ vui trước lớp để làm mẫu. (Hoặc HS nghe GV nêu một số từ ngữ chỉ âm thanh để đoán, Ví dụ: tí tách (tiếng mưa rơi, tiếng nước rơi xuống từng giọt, cách quăng), rì rào (tiếng gió thổi qua vòm lá, tiếng sóng vỗ), thành thịch (tiếng tim đập mạnh, tiếng chân giẫm mạnh trên nền đất), bì bõm (tiếng bước chân lội nước, tiếng mái chèo khua nước),...). – HS chơi đoán âm thanh theo cặp/ nhóm.
– GV nhận xét các nhóm.	

Giới thiệu bài đọc – GV mời HS nhận xét tranh minh hoạ bài thơ. – GV có thể tổng hợp ý kiến của GV và nhấn mạnh: + Tranh minh hoạ là hình ảnh lớp học của các bạn khiếm thính, các bạn đang làm động tác theo cô. + Bài thơ <i>Tiếng hạt nảy mầm</i> là một bài thơ rất xúc động, viết về một lớp học đặc biệt: các bạn trong lớp học này là HS khiếm thính, các bạn không nghe được gì và vì thế các bạn cũng không nói được. Các em đọc bài thơ để biết cô giáo đã giúp các bạn học tập như thế nào.	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS nhận xét tranh minh hoạ bài thơ.
---	--

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu:

Giúp HS đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng hạt nảy mầm*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – lớp học của trẻ khiếm thính; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.

b. Tổ chức thực hiện:

– *Đọc mẫu*: GV đọc cả bài hoặc mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.

– *Hướng dẫn đọc*:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: nụ môi hồng, nắng vàng, lặng chăm, nảy mầm, vách đá, lo toan,...

+ Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, Ví dụ: từng bưng, vụt qua song, ánh ỏi, ran vách đá,...

– HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 hoặc 6 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu*: Giúp HS hiểu bài thơ viết về một tiết học với bao nghĩ suy, cảm xúc, mong ước của cô giáo và học trò; nhận ra được mối liên hệ giữa các chi tiết về hình ảnh và âm thanh mà cô giáo mong muốn truyền tải đến các em học sinh thiệt thòi về khả năng nghe, khả năng nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các em học sinh

như những cánh chim non, tất cả đều được chấp cánh bay cao, bay xa bởi tình yêu thương vô bờ và sự tận tâm với nghề của thầy cô giáo.

b. Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ: GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. Ví dụ: ánh ỏi (tiếng, giọng ngân vang lạnh lót); từng bừng (quang cảnh, không khí nhộn nhịp, vui vẻ); lặng chằm (im lặng và chăm chú);...
- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách.

	Hoạt động của GV		Hoạt động của HS
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là giờ học của trẻ khiếm thính (mất khả năng nghe hoặc nghe khó)?</i> – Hướng dẫn HS cách thức thực hiện: đọc khổ thơ mở đầu để chuẩn bị trả lời câu hỏi. – Mời HS phát biểu trước lớp. – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời, có thể chiếu trên màn hình (nếu có):		Làm việc nhóm Thực hiện yêu cầu và chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV: Cùng trao đổi để lựa chọn những chi tiết trong khổ thơ để giải thích cho ý kiến của mình. Làm việc chung cả lớp Đại diện một số HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét, góp ý.
	Học trò	Mắt sáng, nhìn lên bảng Lớp mười nụ môi hồng	
	Cô giáo	Đôi tay cô cup mở Báo từng bừng âm thanh	
	– Lớp học ít HS, các bạn rất chăm chú nhìn lên bảng, nhìn lên cô giáo. – Cô giáo sử dụng bàn tay để thể hiện kí hiệu âm (báo âm thanh) – GV có thể giảng giải: Bằng những động tác khéo léo, đôi bàn tay của cô đã gọi lên trong tâm trí các bạn học sinh những hình ảnh và âm thanh của cuộc sống theo cách cảm nhận riêng của các bạn học sinh trong lớp học đặc biệt này.		

	– GV có thể nhấn mạnh thêm: Đối với HS không thể nghe được từ nhỏ, chưa bao giờ nghe tiếng nói, cách giao tiếp thích hợp nhất với các em trước tiên là qua nét mặt, điệu bộ, ra hiệu bằng tay, “đọc môi” (khẩu hình), kết hợp giữa chữ với hình. Việc giúp các bạn nhớ các kí hiệu của tay và đọc khẩu hình ở giai đoạn ban đầu rất khó khăn, vất vả.	
Câu 2	– GV nêu câu hỏi: <i>Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?</i> – GV nêu cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, suy đoán những khó khăn của các bạn HS khiếm thính, chuẩn bị câu trả lời. + Bước 2: HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (GV có thể gợi ý: Các em thử tưởng tượng nếu không nghe được gì thì sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp và trong học tập như thế nào). – GV nhận xét, góp ý, khen ngợi những HS diễn đạt rõ ràng, lưu loát, phù hợp với ý thơ. Dự kiến câu trả lời: Đây là lớp học của các bạn HS khiếm thính. Các bạn không nghe được, vì chưa bao giờ nghe được âm thanh xung quanh cũng như tiếng nói nên các bạn cũng không nói được. Việc học tập của các bạn sẽ vô cùng khó khăn. – GV có thể nhấn mạnh thêm hoặc giúp HS hình dung được rằng: Ngày ngày, tháng tháng, năm năm, các bạn HS khiếm thính ở mức độ nặng nhất) phải sống trong một thế giới vắng âm thanh. Vì thế, các bạn cũng không nói được, không giao tiếp được bằng tiếng nói, bằng ngôn ngữ. Để có kiến thức, khám phá, chiếm lĩnh kiến thức được ghi lại bằng ngôn ngữ, các bạn phải học rất vất vả để có thể kết nối kênh hình hoặc các kí hiệu với kênh chữ	Làm việc cá nhân – HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời (tập kể). Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp – Nhiều HS trình bày, các bạn khác góp ý.

Câu 3	– GV mời HS nói về nội dung của 5 bức tranh nhỏ trước khi HS chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời: + Hình hạt cây đang nảy mầm, bật ra lá non. + Hình con chim sẻ bay trong nắng vàng. + Hình tàu biển buông neo, sóng vỗ. + Hình con ngựa phi bên vách núi... + Hình ảnh cánh rừng chiều lúc chạng vạng có những ngôi sao nhấp nháy. – Nêu câu hỏi 3 (<i>Cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?</i>) và hướng dẫn cách thực hiện: Dựa vào lời thơ và tranh minh họa, các em hãy diễn tả lại ý nghĩa của bài học cô giáo đã đem đến cho các học trò của mình. + Bước 1: HS làm việc cá nhân (trả lời câu hỏi dựa theo gợi ý của 5 hình ảnh dưới câu hỏi). + Bước 2: HS làm việc theo nhóm, lần lượt từng em trả lời theo ý đã chuẩn bị, thống nhất câu trả lời. + Bước 3: Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. – GV nhận xét, góp ý, khen ngợi những HS trình bày có sức thuyết phục. – GV tổng kết ý kiến HS: Cô giáo đã giúp các bạn học sinh cảm nhận những hình ảnh cùng âm thanh rộn rã, từng bừng của cuộc sống, đó là: – Tiếng cánh chim sẻ vụt qua song cửa, hót ánh ỏi trong nắng vàng. – Tiếng hạt cây tách vỏ, nảy mầm, bật dậy từ đất. – Tiếng lá động trong vườn vì những cơn gió thổi qua. – Tiếng mẹ gọi dậy mỗi buổi sớm mai. – Tiếng tàu biển buông neo. – Tiếng vó ngựa khua ran vách đá. – Ngôi sao mọc khi chiều buông, đêm xuống.	Làm việc chung cả lớp HS nhìn tranh và có thể nêu ý kiến. Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời dựa theo gợi ý của 5 hình ảnh dưới câu hỏi. Làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo ý đã chuẩn bị, thống nhất câu trả lời trong nhóm. Làm việc chung cả lớp Một số HS trình bày, các bạn khác góp ý.
---------------------	--	--

	(GV có thể nhấn mạnh: Bằng những động tác cup – mở của bàn tay, ngón tay, cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học sinh mình những hình ảnh của cuộc sống. Dựa vào lời thơ, hoạ sĩ đã vẽ mình hoạ về những điều cô giáo đã làm sống dậy trong tâm trí các bạn học sinh: cả hình ảnh và âm thanh của cuộc sống.)	
Câu 4	– Nêu câu hỏi 4: <i>Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?</i> – Dành thời gian phù hợp cho HS tìm chi tiết ở toàn bộ bài thơ. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp. – GV khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, thể hiện được sự thấu hiểu, cảm thông với những bạn HS khiếm thính. Dự kiến câu trả lời: Các chi tiết: “Mắt sáng nhìn lên bảng”, “Các bé vẫn lặng chăm/ Nhìn theo cô mấp máy” cho thấy các bạn học sinh trong lớp học tập chăm chú, tích cực. Giờ học của cô cuốn hút các bạn học sinh, phương pháp dạy của cô giúp các bạn cảm nhận được bao điều thú vị của cuộc sống; giúp các bạn cảm nhận được cuộc sống từng bừng âm thanh theo một cách riêng;...	Làm việc cá nhân – HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm/ trước lớp.: + Đọc lướt bài thơ để tìm chi tiết cho thấy các bạn học sinh trong lớp học tập chăm chú, tích cực. + Chuẩn bị ý kiến giải thích vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn. Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp – Từng em phát biểu ý kiến theo điều hành của nhóm trưởng – Cả nhóm thống nhất câu trả lời hoặc chấp nhận các cách giải thích khác nhau.
Câu 5	– Nêu câu hỏi 5: <i>Em có suy nghĩ gì về cô giáo của lớp học đặc biệt này qua 2 khổ thơ cuối?</i> – Dành thời gian phù hợp cho HS chuẩn bị ý kiến. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp. – GV có thể tổng kết ý kiến của HS hoặc có thể nêu ý kiến của GV để cùng chia sẻ với HS.	Làm việc cá nhân HS chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 5 theo cảm nhận của riêng mình. Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp

– GV khen ngợi những em có suy nghĩ sâu sắc hoặc có nhiều cố gắng. Dự kiến câu trả lời: Hai khổ thơ cuối bài, nhà thơ nói về nghĩ suy, tâm trạng, cảm xúc của cô giáo. Cô giáo dạy lớp học đặc biệt này mang trong lòng bao nỗi lo toan, bao nghĩ suy vất vả, mong tìm được cách giúp các em HS khiếm thính học tập, hiểu được ý nghĩa của câu chữ, giúp các em cảm nhận được những thanh âm của cuộc sống, có thể nghe tiếng vỗ cánh của chim non, có thể cảm nhận được điều diệu kì của tiếng hát... Trước vẻ hồn nhiên và sự chăm chú, háo hức học tập của các em HS, cô giáo đã vui mừng, đã xúc động trào nước mắt (<i>Ai nụ cười rừng rưng</i>).	Từng em trình bày ý kiến của mình trong nhóm hoặc một số em phát biểu ý kiến trước lớp, ; có thể giải thích lí do mình có câu trả lời đó.
--	--

3.3. Đọc thuộc lòng

a. *Mục tiêu:* HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ. Có thể cho HS thi học thuộc lòng. – GV nhắc HS về nhà tiếp tục học thuộc lòng bài thơ nếu chưa thuộc	– <i>Học thuộc lòng:</i> HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ). – <i>Thi đọc thuộc lòng:</i> HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng sau tiết Đọc giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về các bạn nhỏ hoặc cô giáo được nói đến trong bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ.	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học;
- Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể hát (nếu được) hoặc mở nhạc có những đoạn nhạc có sử dụng đại từ và yêu cầu HS tìm ra những đại từ có trong đoạn nhạc đó. *Gợi ý: + Đoạn 1: “Cho tôi đi làm mưa với/ Chị gió ơi chị gió ơi/ Tôi muốn cây được xanh lá/ Hoa lá được tốt tươi” (Cho tôi đi làm mưa với, Hoàng Hà) + Đoạn 2: “Quả gì mà da cứng cứng/Xin thưa rằng quả trứng/Ăn vào thì nó làm sao/ Không sao/ Ăn vào người sẽ thêm cao” (Quả gì?, Xanh Xanh) + Đoạn 3: “Trái đất này là của chúng mình/ Quả bóng xanh bay giữa trời xanh/ Bỏ câu ơi tiếng chim gù thương mến/ Hải âu ơi cánh chim vờn trên sóng/ Cùng bay nào/ Cho trái đất quay/ Cùng bay nào/ Cho trái đất quay.” (Trái đất này là của chúng mình, Trương Quang Lục) – Gọi HS phát hiện tìm đại từ ở từng đoạn bài hát; – GV nhận xét và chốt lại: Dự kiến câu trả lời: Đáp án: Đoạn 1: tôi, chị; đoạn 2: gì, nó; đoạn 3: này, chúng mình. – GV dẫn dắt vào bài: Ở tiết học trước, các em đã được học 3 loại đại từ. Tiết này chúng ta sẽ tiếp tục luyện tập về 3 loại đại từ để biết thêm những tác dụng khác nữa của đại từ.	– HS tìm đại từ trong các đoạn bài hát.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Bài tập 1

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn lại 3 loại đại từ đã học: xưng hô, nghi vấn, thay thế.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV mời HS đọc câu lệnh của bài tập; – GV mời 2 HS khác đọc 2 đoạn văn và yêu cầu những HS còn lại dò đọc thầm; – GV yêu cầu nhóm đôi thảo luận; – GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày: + Nhóm 1 (đoạn a): 1 HS lên bảng tìm đại từ bằng cách gạch dưới từ được chọn (đoạn văn được trình chiếu ở màn hình ti vi/ ở bảng phụ GV đã viết sẵn/ giấy in phóng to trên giấy A0); 1 bạn HS còn lại của nhóm nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó. Đáp án: Nhân vật bà gọi người cháu là <i>cu Dũng</i> và <i>cháu</i>, xưng là <i>bà</i>, gọi con và cháu của mình là <i>mẹ con</i> (đây là những danh từ được dùng làm đại từ xưng hô.) Cách xưng hô như vậy thể hiện mối quan hệ gần gũi, thân thiết. + Nhóm 2 (đoạn b): 1 HS lên bảng tìm đại từ bằng cách gạch dưới từ được chọn (đoạn văn được trình chiếu ở màn hình ti vi/ ở bảng phụ GV đã viết sẵn/ giấy in phóng to trên giấy A0) 1 bạn HS còn lại của nhóm nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó. Đáp án: Các từ xưng hô là <i>ta</i> và <i>người</i>. Chuột cống xưng là <i>ta</i>, gọi cánh cam (và một số loài vật khác nữa) là <i>nhà người/ người</i>. Cách gọi này thể hiện sự ngạo mạn, tự phụ, coi mình là hơn người khác của chuột cống. => GV kết luận: Từ xưng hô thường thể hiện thái độ, thứ bậc, tuổi tác,... của người nói. Do vậy, khi xưng hô, ta cần dùng từ sao cho lịch sự, nhã nhặn thể hiện đúng mối quan hệ với người nghe.	– HS thực hiện. – HS thực hiện. – HS thực hiện nhóm đôi. – HS đại diện nhóm trình bày.

2.2. Bài tập 2

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách sử dụng đại từ thay thế trong những ngữ cảnh cụ thể, đồng thời giúp HS hiểu rằng ở một vị trí nhất định, có thể chọn được nhiều đại từ thay thế khác nhau.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của đề bài; – Cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi, thống nhất câu trả lời.	– HS thực hiện theo yêu cầu.

– GV quan sát và hỗ trợ các nhóm khi cần. – GV gọi ngẫu nhiên HS trong các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý. GV chốt đáp án: a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác đó/ ấy/ này thật lạ. b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì thế/ vậy, con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín. c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều đó/ ấy/ này. => GV kết luận: Các từ thế và vậy có thể thay thế cho nhau. Ở một vị trí nhất định, có thể chọn được nhiều đại từ thay thế khác nhau.	– Nhóm 4 thảo luận. – HS trong nhóm trình bày, chia sẻ.
---	--

2.3. Bài tập 3

- a. *Mục tiêu:* Giúp HS hiểu sâu về đại từ nghi vấn với mục đích sử dụng cụ thể của nó.
- b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
– GV cho HS làm việc nhóm 4 vào: Phiếu học tập Hãy nối câu chứa đại từ nghi vấn ở cột trái tương ứng với mục đích sử dụng của đại từ ở cột bên phải: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tbody> <tr> <td style="width: 50%;">a. Anh muốn gặp ai?</td><td style="width: 50%;">(1) Hỏi về số lượng</td></tr> <tr> <td>b. Sao con về muộn thế?</td><td>(2) Hỏi về người</td></tr> <tr> <td>c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?</td><td>(3) Hỏi về thời gian</td></tr> <tr> <td>d. Bao giờ cháu về quê?</td><td>(4) Hỏi về địa điểm</td></tr> <tr> <td>e. Nó ngồi ở đâu?</td><td>(5) Hỏi về nguyên nhân</td></tr> </tbody> </table> – Trong khi các nhóm làm việc, GV quan sát và hỗ trợ khi cần. – GV gọi 1 nhóm trình bày trên máy chiếu vật thể, các nhóm khác quan sát, đối chiếu kết quả bài làm của nhóm bạn; – GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án (Các đại từ nghi vấn được in đậm):	a. Anh muốn gặp ai ?	(1) Hỏi về số lượng	b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người	c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian	d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm	e. Nó ngồi ở đâu ?	(5) Hỏi về nguyên nhân	– HS hoạt động nhóm 4. – HS báo cáo nhóm.
a. Anh muốn gặp ai ?	(1) Hỏi về số lượng										
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người										
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian										
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm										
e. Nó ngồi ở đâu ?	(5) Hỏi về nguyên nhân										

Đáp án:

Câu có chứa đại từ nghi vấn	Mục đích sử dụng của đại từ nghi vấn
a. Anh muốn gặp ai ?	⁽²⁾ Hỏi về người
b. Sao con về muộn thế?	⁽⁵⁾ Hỏi về nguyên nhân
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	⁽¹⁾ Hỏi về số lượng
d. Bao giờ cháu về quê?	⁽³⁾ Hỏi về thời gian
e. Nó ngồi ở đâu ?	⁽⁴⁾ Hỏi về địa điểm

=> GV kết luận: Mỗi đại từ nghi vấn đều có với mục đích sử dụng riêng nên cần sử dụng đúng ngữ cảnh.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Giúp HS phát huy vốn hiểu biết sẵn có của HS về đại từ đã học để luyện tập thực hành sâu hơn;
- Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để luyện tập về đại từ để viết đoạn văn ngắn (từ 3 – 4 câu).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS làm việc nhóm đôi. Cá nhân tự viết vào giấy nháp, sau đó trao đổi, nhận xét cho nhau. – GV mời đại diện một số cá nhân trong các nhóm trình bày. HS đem sản phẩm trình chiếu ở máy chiếu vật thể (nếu có) và đọc đoạn văn của mình trước lớp. Cả lớp cùng nhận xét, góp ý và bình chọn cho những đoạn văn viết đúng, hay nhất.	– HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập. – HS trình bày.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS hoàn thành theo hướng trải nghiệm, phát huy vốn hiểu biết sẵn có của HS về luyện tập đại từ đã học để vận dụng trong thực tiễn giao tiếp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tổ chức trò chơi: Các bạn lớp mình GV nói các câu về đặc điểm của HS trong lớp mình và để trống các đại từ. HS tự tìm, ghép từ sau dấu “...” để thành câu nói hoàn chỉnh. Dự kiến câu trả lời: Câu 1: <i>Bạn A dễ thương, bạn B cũng...</i> → vậy/ thế Câu 2: <i>Lớp ... bạn nào cũng ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập.</i> → chúng tôi/ ta/ chúng ta/ mình/ chúng mình,... Câu 3: <i>...(1) trực nhật hôm nay mà lớp sạch đẹp (2)...?</i> → (1) Ai; (2) thế, vậy, thế kia	– HS tương tác, thực hiện trò chơi: Cá nhân HS sẽ xung phong tìm đại từ đó sau mỗi câu GV đọc lên. Nếu đoán sai thì gọi HS khác; nếu đoán đúng, HS đó sẽ được GV và các bạn khen tặng bằng cách nói to: “<i>Bạn giỏi quá!</i>” và vỗ tay theo nhịp 3 lần để cổ vũ tinh thần.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS biết nội dung chính của tiết học, khơi gợi hứng thú để HS bước vào tiết học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu viết (đã nêu ở tiết lập dàn ý – Bài 3 và tiết Viết – Bài 4). – Mời HS nêu một số nội dung về bài viết đã thực hiện ở tiết 4: + HS gặp khó khăn gì khi viết bài văn ở tiết 4? (Thời gian hoàn thành bài viết, nội dung bài viết, cách sáng tạo, cách dùng từ ngữ,...) + HS tự đánh giá bài làm ở mức nào? + HS có thể làm gì để bài làm tốt hơn? – Khen ngợi HS có ý kiến hay, trình bày tốt và giới thiệu bài học: Trong tiết học này, HS sẽ được đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo mà HS viết ở tiết trước.	Làm việc chung cả lớp HS làm việc theo hướng dẫn của GV

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Giúp HS đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Biết trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm của nhau và điều chỉnh lại một số câu văn trong bài cho hay hơn.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Nhận xét chung	– Trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. – Nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. – Có thể đọc 1 – 2 bài làm tốt để HS học tập. – Hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV. – Dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét.	Làm việc chung cả lớp Nghe GV nhận xét chung Làm việc cá nhân – Đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV. – Sửa lỗi theo nhận xét.
Trao đổi và góp ý	– Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau. – Bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau. – Mời 2 – 3 HS đọc một số ghi chép mà HS ghi lại về các nội dung: + Ý hay mình muốn học tập ở bạn. + Ý hay mình được góp ý + 1 đoạn văn trước và sau khi nhận được góp ý chỉnh sửa của GV và bạn.	Làm việc trong nhóm – Chia sẻ bài làm, đọc bài của nhau và nêu điều mình muốn học tập bạn, điều mình muốn góp ý cho bạn Làm việc chung cả lớp – Một số HS đọc bài trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý.
Chỉnh sửa bài viết	– GV hướng dẫn HS tự chỉnh sửa bài viết của mình. – Tổng kết tiết học và khen ngợi các HS có bài viết hay.	Làm việc cá nhân HS tự chỉnh sửa bài viết của mình.

VẬN DỤNG

- ### a. Mục tiêu:
- HS vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: 1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được để viết bài văn kể chuyện sáng tạo. 2/ Tìm một bài thơ viết về trẻ em. – Hướng dẫn HS: + Đối với yêu cầu 1, HS ghi lại những điều học được sau khi nhận được trao đổi, góp ý từ thầy cô, bạn bè trên lớp và có thể chia sẻ các ghi chép với người thân. HS cần lưu ý ghi sổ tay một cách khoa học và rõ ràng để dễ theo dõi, đồng thời có những khoảng trống để bổ sung những ý cần thiết sau này. + Đối với yêu cầu 2, HS tìm bài thơ để chuẩn bị cho tiết đọc mở rộng ở bài sau. Có thể tìm truyện trong thư viện trường/lớp, tủ sách gia đình, trên mạng, báo, tạp chí,... Có thể tham khảo tập thơ <i>Góc sân và khoảng trời</i> của Trần Đăng Khoa, tập thơ <i>Bầu trời trong quả trứng</i> của Xuân Quỳnh, tập thơ <i>Bài ca Trái Đất</i> của Định Hải; tập thơ <i>Làm anh</i> của Phan Thị Thanh Nhàn, tập thơ <i>Ngày xưa của con</i> và <i>Biển là trẻ con</i> của Huỳnh Mai Liên,...	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu câu hỏi: <i>HS thích nhất điều gì trong bài vừa học?</i> – Chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc và tìm hiểu văn bản <i>Tiếng hạt nảy mầm</i>. + Luyện tập về đại từ + Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo. – Hỏi HS còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào của bài. – Nhận xét kết quả học tập của HS. – Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. – Dặn dò HS đọc trước bài 6 – <i>Ngôi sao sân cỏ</i>.	Làm việc chung cả lớp Trả lời câu hỏi của GV

BÀI 6 NGÔI SAO SÂN CỎ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc:

- *Đọc thành tiếng*: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Ngôi sao sân cỏ*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- *Đọc hiểu*: Nhận biết được các yếu tố của một văn bản truyện (bối cảnh, nhân vật, diễn biến,...). Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong một tập thể, mỗi cá nhân đều cần biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.
- *Đọc mở rộng*: Đọc bài thơ viết về trẻ em, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về bài thơ (về câu thơ hay, hình ảnh thơ đẹp).

b. Viết

- Nhận biết được cách viết báo cáo công việc phù hợp với lứa tuổi
- Mở rộng vốn từ về Bóng đá.

2. Phẩm chất

- Biết rèn luyện, phấn đấu vì mục tiêu của bản thân.
- Biết cách phối hợp để làm việc trong một tập thể.
- Biết nhận lỗi và sửa lỗi.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo
- Tranh minh hoạ bài đọc *Ngôi sao sân cỏ*.
- Một số hình ảnh trong một trận đấu bóng đá (bằng tranh ảnh treo lên bảng hoặc clip chiếu lên màn hình)

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

- a. *Mục tiêu*: Giúp HS củng cố lại kiến thức bài học trước đó và tạo tâm thế để tiếp nhận các kiến thức mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> Yêu cầu 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài thơ <i>Tiếng hạt nảy mầm</i>, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc. <u>Phương án 2:</u> GV nêu câu hỏi: – Em thích hình ảnh nào trong bài thơ? – Bài thơ giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i>? – ...	<u>Phương án 1:</u> 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài thơ <i>Tiếng hạt nảy mầm</i>, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc. <u>Phương án 2:</u> 2 – 3 HS trả lời miệng câu hỏi GV nêu hoặc làm vào phiếu bài tập.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của HS về các môn thể thao cá nhân và đồng đội, giúp HS có tâm thế hào hứng đón nhận bài đọc *Ngôi sao sân cỏ*.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu mở đầu tiết học: Thể thao và các hoạt động thể chất nói chung rất cần thiết để chúng ta có một cơ thể khoẻ mạnh. Các em có thường chơi thể thao không? Các em giỏi môn thể thao nào nhất? Bây giờ, cả lớp sẽ thực hiện một hoạt động để xem các em biết những môn thể thao nào, và các môn thể thao đó được chơi cá nhân hay chơi cùng đồng đội. Giao việc cho HS đọc yêu cầu của Khởi động (<i>Chơi trò chơi: Kể tên các môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội.</i>) – Hướng dẫn HS chơi trong nhóm hoặc đại diện nhóm lên chơi trước lớp. Ví dụ chơi trước lớp: + Chia 2 đội. + Chia đôi bảng, mỗi bên gắn hai thẻ “Môn thể thao cá nhân”, “Môn thể thao đồng đội” + Phát cho mỗi đội một số thẻ trống. + Trong thời gian 3 – 5 phút, các đội viết nhanh tên các môn thể thao lên thẻ và chạy lên gắn trên bảng theo đúng nhóm. + Đội nào kể được nhiều tên và kể đúng sẽ thắng. Tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, HS có thể thấy, có những môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội, với những yêu cầu vô cùng khác nhau. Với những môn thể thao cá nhân, từng cá nhân phải tự cố gắng hết sức để giành lấy kết quả tốt nhất mà không hề có sự trợ giúp của người khác. Còn đối với những môn thể thao đồng đội (tập thể), mỗi cá nhân phải là một mắt	Làm việc nhóm hoặc chung cả lớp HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV.

xích trong cả tập thể ấy. Tập thể muốn mạnh thì từng cá nhân phải phối hợp với nhau thật hài hoà để tạo ra sức mạnh. Môn thể thao đồng đội không giống môn thể thao cá nhân ở chỗ, dù cá nhân có thể rất giỏi và cố gắng hết sức, nhưng nếu không có sự hợp tác ăn ý, nhịp nhàng cùng đồng đội thì kết quả chắc chắn vẫn không thể như mong đợi.

– Giới thiệu: Hôm nay, HS sẽ được tìm hiểu một câu chuyện về tinh thần đồng đội trong một trận đấu thể thao thú vị.

– Mời 1 HS đọc tên bài đọc và 1 HS nêu nội dung tranh minh hoạ.

Ví dụ: Tranh vẽ một trận bóng đá với rất đông các bạn tham gia cổ vũ. Một bạn nhỏ là cầu thủ trên sân đang dang 2 tay chạy như bay, đằng sau là một số bạn cũng đang chạy theo, vẻ mặt vui mừng. Có lẽ là bạn ấy vừa ghi bàn nên đang ăn mừng bàn thắng.

– Giới thiệu khái quát bài đọc *Ngôi sao sân cỏ*: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Ngôi sao sân cỏ*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện đã ước ao trở thành ngôi sao sân cỏ như thế nào và bạn ấy đã làm gì trong trận đá bóng.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài đọc *Ngôi sao sân cỏ*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Đọc mẫu GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến <i>ghi liền hai bàn</i>; đoạn 2: tiếp theo đến <i>nóng bừng mặt</i>, đoạn 3: còn lại) Luyện đọc đúng – GV hướng dẫn đọc đúng: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: <i>lăn xả, xô lên, lạng lẽ, lâu bàu, nóng bừng...</i>	Làm việc chung cả lớp – HS lắng nghe GV đọc mẫu hoặc 3 em đọc nối tiếp 3 đoạn. Làm việc cá nhân – Lắng nghe hướng dẫn đọc của GV để tự luyện đọc cho đúng.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, Ví dụ: *Mạnh và Chiến đã lên kíp,/ nhưng tôi không muốn nhường chúng ghi bàn đầu tiên/ nên hất nhanh bóng qua mấy đứa lớp C; Tôi ngẩn ra giây lát/ rồi tức tốc chạy theo Vinh,/ cứ như vừa đón được một đường bóng/ đồng đội chuyển đến cho tôi.*

+ Đọc đúng ngữ điệu: đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. Ví dụ: “Hiệp sau đừng ích kỉ thế” “Tớ không đá nữa, xem các cậu làm được gì”

– Cho HS luyện đọc theo nhóm

– GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm.

Làm việc theo nhóm

HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/nhóm): đọc nối tiếp các đoạn (1 – 2 lượt).

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào từ ngữ, chi tiết trong câu chuyện để cảm nhận được sự chuyển biến tâm lí của các nhân vật trong truyện.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài. Ví dụ: + <i>gay cấn</i>: có xung đột gay gắt gây hấp dẫn, hồi hộp. + <i>lăn xả</i>: lao vào một cách kiên quyết, bất kể khó khăn, nguy hiểm. + <i>vòng cấm địa</i> (còn gọi là khu vực 16 mét 50): là khu vực hình chữ nhật quanh khung thành. Từ hai cột khung thành, người ta kéo một đường dài 16m50 sang mỗi bên đường biên. Từ hai điểm đó dựng hai đường thẳng song song dài 16m50, sau đó nối hai đầu còn lại của hai đường thẳng song song bằng một đường thẳng. Trong vòng cấm địa, bất cứ lỗi nào của cầu thủ cũng sẽ bị phạt bằng một quả phạt đền (đá phạt trực tiếp, cách khung thành 11 mét) (có thể giải thích kèm hình ảnh). + <i>ghi bàn</i>: tạo ra bàn thắng	

	+ <i>như hình với bóng</i>: gần bó không lúc nào rời. + ... <i>Trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> GV có thể tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây: + Cách 1: Làm việc chung cả lớp (nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất câu trả lời). + Cách 2: Làm việc theo nhóm (các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung). + Cách 3: Làm việc cá nhân (GV phát phiếu học tập cho từng HS, các em viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị).	
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Tìm các thông tin về câu chuyện theo gợi ý: thời gian, địa điểm, các nhân vật, nhân vật chính.</i> – Hướng dẫn HS: đọc lướt bài đọc và đọc kĩ lại đoạn đầu để tìm ý trả lời. – Tổng hợp ý kiến của HS Dự kiến câu trả lời: Thời gian: sáng nay; Địa điểm: sân đá bóng; Tên các nhân vật: Việt (nhân vật xưng tôi), Mạnh, Chiến, Vĩnh, Long; Tên nhân vật chính: Việt	Làm việc cá nhân Đọc lướt lại câu chuyện, đọc kĩ đoạn đầu, chuẩn bị câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.
Câu 2	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Việt được giới thiệu như thế nào ở đầu câu chuyện?</i> – Hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu của văn bản, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi. – GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án.	Làm việc theo cặp/nhóm – Từng em trả lời câu hỏi – Cả nhóm thống nhất đáp án.

	Dự kiến câu trả lời: Việt được bạn bè khu phố nhận xét là một cầu thủ xuất sắc và Việt muốn thể hiện điều đó với các bạn ở trường	Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trả lời trước lớp – Cả lớp nhận xét.
Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Ở đấu trận bóng, hành động của Mạnh và Việt khác nhau ra sao? Những hành động đó cho biết điều gì về hai bạn?</i> – Hướng dẫn HS: đọc kĩ đoạn miêu tả trận đấu trong những phút đầu tiên, tìm chi tiết miêu tả hành động của Mạnh và của Việt, sau đó so sánh với nhau. – HS có thể có ý kiến khác nhau khi nhận xét về Mạnh và Việt, GV chấp nhận các đáp án miễn là hợp lí. – Khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình. Dự kiến câu trả lời: Mạnh: chuyển bóng cho bạn; Việt: không muốn chuyển cho ai vì không muốn nhường cơ hội ghi bàn. Mạnh: biết phối hợp trong thể thao, biết đoàn kết khi thi đấu; Việt: thi đấu cá nhân, không phối hợp với đồng đội, muốn thể hiện mình là một ngôi sao.	Làm việc theo cặp/nhóm – HS trao đổi và nhận xét, góp ý cho nhau. Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trình bày trước lớp.
Câu 4	– Yêu cầu HS làm việc nhóm (nhóm 2 hoặc nhóm 4), đọc câu hỏi và thống nhất câu trả lời để trao đổi trước lớp (<i>Vì sao Việt không đá hiệp 2 nữa? Theo em, Việt đã nhận ra được những gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?</i>). – Hướng dẫn HS: có thể đọc tách thành 2 câu hỏi (1/ Vì sao Việt không đá hiệp 2 nữa? 2/ Theo em, Việt đã nhận ra được những gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?) và yêu cầu HS trả lời lần lượt từng câu. – Với câu hỏi thứ nhất, có thể gợi ý cho HS đọc lại hội thoại của các bạn nhỏ để tìm ý cho câu trả lời. Với câu hỏi thứ hai, gợi ý HS đọc lại các đoạn sau khi Việt ra khỏi sân, phân tích từng chi tiết nhỏ thể hiện suy nghĩ của Việt để tìm ý trả lời (Ví dụ: chi tiết Việt làu bàu khi Vĩnh không kịp chuyển làm lơ cơ hội ghi bàn; chi tiết Việt quan sát đường bóng phối hợp	Làm việc nhóm HS trao đổi, nhận xét, góp ý lẫn nhau để thống nhất câu trả lời.

	rất đẹp của bộ ba Long, Chiến, Mạnh; chi tiết bản thân nghĩ nếu mình là một trong ba bạn, bàn thắng có đẹp thế không). – Hỗ trợ các HS còn khó khăn khi trao đổi. – Khen ngợi những HS có ý kiến hay, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết) để thống nhất đáp án. Dự kiến câu trả lời: Việt không đá hiệp 2 nữa vì Việt tức giận và dỗi dằn khi các bạn nhận xét là Việt ích kỉ, không chuyển bóng cho ai. Khi xem hiệp hai không có mình, Việt nhận ra: 1/ giữ bóng không chuyển cho người khác là một việc làm ích kỉ, thiếu tính đồng đội; 2/ bàn thắng ghi bởi pha phối hợp đồng đội là một bàn thắng rất đẹp; 3/ không có mình, đội bóng vẫn có thể đá rất tốt. Ngoài ra, Việt còn thể hiện mong muốn được phối hợp cùng các bạn ghi bàn qua câu “Nếu tôi là một trong ba đứa, bàn thắng có đẹp thế không?”	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.
Câu 5	– Yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc câu hỏi và thống nhất câu trả lời để trao đổi trước lớp (<i>Em hiểu như thế nào về câu cuối cùng trong bài đọc?</i>). – Hướng dẫn HS: Đây là câu hỏi mở, HS đọc kĩ lại câu cuối cùng trong bài đọc và liên hệ với nội dung trả lời của các câu hỏi trên để tìm ý trả lời. – Khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch. Dự kiến câu trả lời: Đồng đội không quay lưng lại với Việt dù cậu ích kỉ mà vẫn cho cậu cơ hội vào sân bóng để sửa chữa sai lầm, có lẽ lần này Việt sẽ biết cách xử lý tình huống với tinh thần tập thể.	Làm việc nhóm HS trao đổi, nhận xét, góp ý lẫn nhau để thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc. – GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. Ví dụ: Câu chuyện <i>Ngôi sao sân cỏ</i> cho thấy vẻ đẹp của thể thao, ý nghĩa của chiến thắng và một bài học sâu sắc về tinh thần đồng đội.

4. Hoạt động 4: Luyện tập gắn với văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS mở rộng vốn từ về một trận đấu bóng đá và thực hành kiến thức luyện từ và câu đã học (đại từ) trên cơ sở ngữ liệu bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
Câu 1	– Yêu cầu 1 HS đọc câu hỏi và 1 HS đọc đoạn văn. – Hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn, xác định các từ ngữ theo yêu cầu. – Góp ý và tổng hợp đáp án. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><th>Sự vật</th><th>Hoạt động</th></tr><tr><td>Bóng, vòng cấm địa, hậu vệ, thủ môn</td><td>Lăn xả, cướp bóng, chuyền, dẫn (xuống), xô lên, chặn, ghi bàn, hất, lao lên, bắt bóng</td></tr></table>	Sự vật	Hoạt động	Bóng, vòng cấm địa, hậu vệ, thủ môn	Lăn xả, cướp bóng, chuyền, dẫn (xuống), xô lên, chặn, ghi bàn, hất, lao lên, bắt bóng	Làm việc cá nhân 1 HS đọc câu hỏi, cả lớp theo dõi. Làm việc nhóm – HS làm việc trong nhóm, chuẩn bị câu trả lời và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét. – Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.
Sự vật	Hoạt động					
Bóng, vòng cấm địa, hậu vệ, thủ môn	Lăn xả, cướp bóng, chuyền, dẫn (xuống), xô lên, chặn, ghi bàn, hất, lao lên, bắt bóng					
Câu 2	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá.</i>	Làm việc cá nhân – 1 HS đọc câu hỏi, cả lớp theo dõi.				

	– Có thể cho HS xem một số hình ảnh trong một trận đấu bóng đá (bằng tranh ảnh treo lên bảng hoặc clip chiếu lên màn hình) để HS tham khảo. Có thể gợi ý HS nhớ lại những trận đá bóng mà HS từng tham gia hoặc từng xem. – Có thể tổ chức trò chơi để HS thi đội nào tìm được từ ngữ nhiều và nhanh hơn. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><th>Sự vật</th><th>Hoạt động</th></tr><tr><td> – tiền đạo, tiền vệ, trung vệ, huấn luyện viên,... – còi, khung thành, lưới, cỏ, chấm phạt đền, ... </td><td> – rê, sút, tâng, tạt, cắt (bóng), đỡ, chạy, nhảy,.. </td></tr></table>	Sự vật	Hoạt động	– tiền đạo, tiền vệ, trung vệ, huấn luyện viên,... – còi, khung thành, lưới, cỏ, chấm phạt đền, ...	– rê, sút, tâng, tạt, cắt (bóng), đỡ, chạy, nhảy,..	– Quan sát tranh/ảnh, theo dõi clip GV chiếu trên màn hình. Nhớ lại những trận bóng đá từng xem để tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong trận đấu bóng đá. Ghi lại những từ ngữ em tìm được. Làm việc nhóm Trao đổi để thống nhất câu trả lời trong nhóm. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS trả lời câu hỏi – Cả lớp nhận xét.
Sự vật	Hoạt động					
– tiền đạo, tiền vệ, trung vệ, huấn luyện viên,... – còi, khung thành, lưới, cỏ, chấm phạt đền, ...	– rê, sút, tâng, tạt, cắt (bóng), đỡ, chạy, nhảy,..					
Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): Đặt câu nối tiếp câu cho trước, trong đó có sử dụng đại từ thay thế cho phần in đậm. Hướng dẫn HS: đọc câu ví dụ, phân tích để nhận diện đại từ được dùng để thay thế cho phần in đậm trong câu cho trước, từ đó rút ra cách làm cho các câu sau. – Khen ngợi các HS đặt câu hay và đúng. Dự kiến câu trả lời: a. Bộ ba Long, chiến, Mạnh chuyển bóng rất ăn ý. Chúng chơi bóng như diễn tập, khiến cả sân hò reo cổ vũ, sôi động hẳn lên. b. Lớp tôi càng đá càng hay. Trận đấu bóng nào lớp tôi cũng vậy. (hoặc: Còn lớp C chỉ mong thế mà không được.).	Làm việc cá nhân Đọc nhẩm lại từng câu văn, chú ý phần được in đậm để tìm từ ngữ thay thế, sau đó nghĩ câu nối tiếp. Làm việc trong nhóm HS nêu kết quả làm việc trong nhóm, nghe góp ý, nhận xét. Mỗi HS viết vào vở hoặc nháp câu của mình sau khi sửa chữa theo góp ý của nhóm. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS trả lời cho mỗi ý a, b. – Cả lớp nhận xét.				

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ lại những quy định về thể thức của một báo cáo (đã được học ở lớp 4).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Trước khi tìm hiểu bài mới, GV cho nhắc lại những bản báo cáo đã viết ở lớp 4. – GV có thể chiếu hoặc giới thiệu 1 – 2 báo cáo đã học ở lớp 4.	– 1 HS nhắc lại những nội dung báo cáo đã học ở hoạt động Viết lớp 4. – 1 HS nêu những quy định về thể thức của một báo cáo.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Nhận biết được cách viết báo cáo công việc phù hợp với lứa tuổi, nắm được quy định về thể thức của 1 báo cáo công việc.

b. Tổ chức thực hiện

GV có thể hướng dẫn HS trả lời từng câu hỏi, thống nhất đáp án trước khi trả lời câu hỏi tiếp theo hoặc tổ chức như dưới đây:

2.1. Bài tập 1: HS tự trả lời 4 câu hỏi a, b, c, d

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV mời 1 HS đọc báo cáo (ở lớp 4, HS đã biết cách đọc báo cáo) hoặc yêu cầu HS nghe đọc báo cáo (đã được GV ghi âm, nếu có). – GV hướng dẫn HS cách thực hiện: + Bước 1: làm việc cá nhân, đọc thầm báo cáo, chú ý cách đọc bảng nêu thành tích có trong báo cáo (đọc các thông tin trong bảng theo hàng ngang, từ trái sang phải); trả lời câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu a, b, c, d. + Bước 2: làm việc nhóm, đối chiếu kết quả làm bài, thảo luận và thống nhất đáp án; các nhóm ghi kết quả thảo luận vào vở hoặc phiếu bài tập, vở bài tập (nếu có). – Mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp hoặc mời mỗi nhóm trả lời 1 trong 4 câu hỏi/ yêu cầu a, b, c, d. – GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả.	Làm việc chung cả lớp Nghe đọc báo cáo và nghe GV hướng dẫn cách thực hiện. Làm việc cá nhân Đọc bản báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi a. Làm việc nhóm Trao đổi để thống nhất ý kiến.

Dự kiến câu trả lời:

- a. *Bản báo cáo viết về điều gì?* (Báo cáo về hoạt động tháng 9 của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học Kim Đồng.)
- b. *Báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó?* (Báo cáo được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp. Người viết báo cáo là bạn tổ trưởng của tổ 1, tên là Nguyễn Đức Việt.)
- c. *Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo.*

Phần đầu	Quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết báo cáo.
Phần chính	Tiêu đề báo cáo, người nhận, nội dung báo cáo (kết quả về học tập, về thực hiện nội quy, về các hoạt động khác).
Phần cuối	Chức danh, chữ kí, họ và tên của người viết báo cáo.

d. *Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo.*

- Về hình thức: Báo cáo phải viết đúng thể thức ở cả 3 phần như trong báo cáo mẫu ở bài tập 1.
- Về nội dung: Báo cáo công việc phải nêu công việc đã thực hiện theo từng lĩnh vực, được sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.

Làm việc chung cả lớp

Một vài nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV.

2.2. Bài tập 2: Trao đổi về những điều cần lưu ý khi viết báo cáo công việc

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu theo nhóm: Đọc các câu hỏi gợi ý thảo luận, sau đó đọc thầm, đọc lướt lại báo cáo ở bài 1 để trả lời câu hỏi hoặc nêu thêm vấn đề cần lưu ý. – GV hoặc HS tổng kết các ý kiến thảo luận và nhấn mạnh vào một số điểm quan trọng. Ví dụ: + Về hình thức, cần nhớ cách viết quốc hiệu và tiêu ngữ; cách trình bày tên báo cáo, cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo,...	Làm việc nhóm HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV. Làm việc chung cả lớp – Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

+ Về nội dung: cần biết cách thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu,... để nội dung báo cáo đầy đủ và chính xác;... – GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận và yêu cầu 1 HS đọc Ghi nhớ.	– 1 – 2 HS nhắc lại nội dung ghi nhớ (khích lệ HS nhắc lại ghi nhớ mà không nhìn sách).
--	---

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* HS nêu được những điều cần nhớ về cách viết báo cáo công việc (có thể so sánh với mẫu báo cáo đã học ở lớp 4).

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS thực hiện yêu cầu sau: Nêu những điều em thấy cần nhớ nhất để viết được báo cáo đúng yêu cầu.	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Hoạt động 1: Đọc, ghi phiếu đọc sách và trao đổi về bài thơ đã đọc (bài thơ viết về trẻ em.)

a. *Mục tiêu:* HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc bài thơ viết về trẻ em, biết ghi chép những thông tin quan trọng.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu nhiệm vụ của tiết học: HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu 1 và 2 trong sách. Cụ thể: + Đọc bài thơ viết về trẻ em (theo gợi ý trong sách). + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách. + Trao đổi, chia sẻ với bạn về sách báo đã đọc. Lưu ý: GV nhắc HS có thể chia sẻ bài thơ / tập thơ cho nhau.	HS làm việc cá nhân (thực hiện yêu cầu 1 và 2).

2. Hoạt động 2: Vận dụng (Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.)

a. *Mục tiêu:* HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ những cảm nhận, hiểu biết về bài thơ đã đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu nhiệm vụ. – GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu nhiệm vụ mà mình lựa chọn (theo gợi ý trong sách). – Thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về bài thơ mà các bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS được mở rộng hiểu biết về lĩnh vực thể thao và có thêm vốn từ về lĩnh vực này.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu nhiệm vụ. – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: <i>Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.</i> – GV nhắc HS giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được.	HS ghi chú những lưu ý của GV để thực hiện hoạt động tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1</u>: Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. <u>Phương án 2</u>: GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 6. + Đọc: <i>Ngôi sao sân cỏ.</i> + Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc. + Đọc mở rộng: Đọc bài thơ viết về trẻ em. – GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 6. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. – Dặn dò HS đọc trước Bài 7 – <i>Bộ sưu tập đọc đáo.</i>	Làm việc chung cả lớp Trả lời câu hỏi của GV

BÀI 7 BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và đọc diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Bộ sưu tập đọc đảo*, biết nhấn giọng vào các từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài; giọng đọc phù hợp với mỗi nội dung thông tin trong văn bản giới thiệu, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút

– Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Mỗi sự vật trong cuộc sống đều có ý nghĩa riêng, không phải do giá trị vật chất mà là do giá trị tinh thần của chúng mang lại. Nếu biết trân trọng các sự vật quanh mình, ta sẽ phát hiện ra giá trị ấy.

b. Viết

- Viết được một báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.
- Củng cố lại kiến thức về đại từ và những loại đại từ; biết sử dụng, giải thích, đánh giá được tác dụng của đại từ trong những tình huống cụ thể.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức chú ý quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá trị đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học được phóng to (nếu có).
- Nhạc bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết*.
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.
- Gói câu hỏi có những đại từ thay thế, đại từ xưng hô (tổ chức trò chơi khi cho HS tham gia thực hiện một số bài tập).

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: giúp HS cảm nhận được sự thú vị của câu chuyện, khen ngợi sự hứng thú trước khi vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> - GV chiếu một vài hình ảnh liên quan tới một triển lãm: (Ví dụ: Triển lãm tranh dân gian đặc sắc tại Bảo tàng Hà Nội; Triển lãm “Hóa thạch – Hành trình khám phá nguồn gốc sự sống trên Trái Đất” trong Tuần lễ Festival Huế 2022) và hỏi HS: <i>Theo em, hình ảnh này thường gặp ở đâu? Em biết tới những triển lãm nào trong đời sống hằng ngày? Theo em, có khi nào có những triển lãm rất độc đáo, đặc biệt không?</i> - Dẫn dắt vào bài <u>Phương án 2:</u> - GV cung cấp hình ảnh liên quan tới bài học. Cho HS xem tranh và phán đoán tình huống. - GV dẫn dắt vào bài. - Ghi tên bài.	<u>Phương án 1:</u> HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi. <u>Phương án 2:</u> HS xem tranh và tự nêu ý kiến cá nhân.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV đọc mẫu (hoặc có thể gọi HS đọc) với giọng đọc diễn cảm, biết nhấn giọng ở một số từ ngữ tình huống hướng vào thông tin quan trọng trong bài. - GV hỏi HS: Theo em, câu chuyện này có thể chia thành mấy đoạn? Dự kiến câu trả lời: Câu chuyện được chia làm 2 đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>đã ghi âm xong</i> + Đoạn 2: Phần còn lại	- HS lắng nghe. - HS suy nghĩ và trả lời.

– Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>triển lãm, nảy ra, giọng nói, lâu bền, cười lẫn, liến thoắng, liên tiếp, xen lẫn...</i> + Cách ngắt giọng ở những câu dài, Ví dụ: <i>Thấy bố,/ vốn là một giáo viên,/ nghe lại băng ghi âm các bài giảng,/ Loan chợt nảy ra ý tưởng/ sưu tầm giọng nói của cả lớp; Long – / chủ nhân của giọng nói liến thoắng vừa vang lên – / cũng ôm bụng cười;...</i> + Đọc diễn cảm và đúng giọng các câu thể hiện thái độ, cảm xúc và cá tính của nhân vật: <i>Chúc tình bạn của chúng mình thật lâu bền!</i> (giọng dịu dàng, mềm mại); <i>Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua</i> (giọng liến thoắng, lém lỉnh) – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm đôi. – GV nhận xét, tuyên dương.	– 2 HS đọc nối tiếp, lớp đọc thầm. – HS nghe và đọc lại. – HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm đôi.
--	---

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết nội dung, ý nghĩa được rút ra từ câu chuyện, hứng thú với nội dung bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS đọc thầm lại văn bản và thực hiện các câu hỏi đọc hiểu. Câu 1. <i>Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động gì? Các bạn trong lớp có thái độ như thế nào với hoạt động ấy?</i> Dự kiến câu trả lời: Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện một hoạt động vui và ý nghĩa, là sưu tầm một món đồ gì đó để triển lãm ở lớp. 2/ Cả lớp ồ lên thể hiện thái độ ngạc nhiên, có bạn cười rất “oách” thể hiện thái độ vui mừng, tự hào (Long); có bạn thể hiện thái độ đặc ý (Khánh); cũng có bạn thể hiện thái độ lo lắng (Loan).	– HS đọc thầm văn bản và xem nhanh các câu hỏi đọc hiểu. – HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi.

Câu 2. Đóng vai Loan, kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.

– Giao cho HS làm việc nhóm để thực hiện câu hỏi.

Câu 3. Các bạn cảm thấy thế nào về bộ sưu tập của Loan?

Dự kiến câu trả lời: Ban đầu, khi thấy Loan chuẩn bị bộ loa, cả lớp tò mò. Sau khi nghe các giọng nói trong bộ sưu tập, có bạn ngạc nhiên (giật mình), các bạn khác thì vui vẻ, háo hức (vỗ tay như pháo ran, chồm hân người lên, cười lăn). Ngoài ra, các bạn còn cảm thấy bộ sưu tập rất quen thuộc, gần gũi vì đó là những giọng nói mà hằng ngày các bạn vẫn được nghe. Riêng thầy Dương còn cảm thấy bộ sưu tập rất độc đáo và ý nghĩa.

Câu 4, 5.

Giao cho HS làm việc nhóm và hoàn thiện phiếu học tập:

Phiếu học tập

Câu 4. Theo em, vì sao thầy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo?

Vì
.....
.....

Câu 5. Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm món đồ gì? Vì sao?

.....
.....
.....

Dự kiến câu trả lời:

Câu 4. Bộ sưu tập mang đến niềm vui, sự gắn kết cho cả lớp. Bộ sưu tập độc đáo vì: 1/ món đồ trong bộ sưu tập không nhìn, sờ, chạm được như nhiều món đồ khác; 2/ bộ sưu tập thể hiện sự sáng tạo độc đáo của Loan, 3/ bộ sưu tập rất ý nghĩa, có giá trị tinh thần to lớn, thể hiện tình cảm bạn bè sâu sắc...

Câu 5. Khuyến khích học sinh tự nêu ý kiến và có những sáng tạo riêng.

– GV và HS nhận xét, đánh giá.

– HS thảo luận cách thể hiện, cử đại diện và đứng lên trình bày ý tưởng của nhóm.

– HS làm việc cá nhân và trả lời

– HS tự nêu ý kiến và thống nhất trong nhóm để hoàn thiện phiếu bài tập.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – Gọi 2 HS đọc nối tiếp. – Giao cho HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. – Tổ chức thi chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; chú ý giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 2 HS đọc nối tiếp. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời.

Yêu cầu: Em hãy chọn và lập bộ sưu tập các đồ dùng học tập của bản thân.	Yêu cầu cần đạt: HS chọn đúng vật dụng phục vụ hoạt động học tập.
---	--

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (tiếp theo)

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Củng cố được những hiểu biết về đại từ mà HS đã được tìm hiểu ở tiết trước.
- Khơi gợi trí tò mò, sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trò chơi Ai nhanh nhất? – GV nêu yêu cầu: <i>Hãy nhắc lại định nghĩa về đại từ, các loại đại từ, và lấy ví dụ về từng loại đại từ mà các em đã biết.</i> – Phát phiếu cho các nhóm và hướng dẫn các nhóm thi đua với nhau xem nhóm nào thực hiện đúng và nhanh nhất.	Làm việc nhóm – Các nhóm trao đổi, thống nhất câu trả lời và thực hiện nhanh phiếu bài tập.

Phiếu bài tập

Đại từ nghi vấn	Đại từ xưng hô	Đại từ thay thế
.....		
.....		

Dự kiến câu trả lời:

Đại từ nghi vấn	Đại từ xưng hô	Đại từ thay thế
từ dùng để hỏi	từ dùng để xưng hô	từ dùng để thay thế
sao, nào, đâu, gì,...	tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,...	thế, vậy, đó, này,...

– GV nhận xét chung, khen ngợi các nhóm tích cực.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.

– Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau và bình chọn nhóm thực hiện đúng và nhanh nhất.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận ra, biết sử dụng và đánh giá được tác dụng về các loại đại từ trong bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV		Hoạt động của HS																									
Bài tập 1, 2	- GV cho HS đọc yêu cầu trong sách. - Phát phiếu cho các nhóm, hướng dẫn HS thực hiện bài tập vào phiếu bài tập theo nhóm. PHIẾU BÀI TẬP Bài tập 1: <table><tr><td>a</td><td>Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i></td><td>Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa):</td></tr><tr><td>b</td><td>Đại từ thay thế trong câu 6:</td><td>Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó:</td></tr><tr><td>c</td><td>Đại từ nghi vấn trong câu 8:</td><td>Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó:</td></tr></table> Bài tập 2: <table><tr><th></th><th>Phần lặp</th><th>Từ thay thế</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>b</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>c</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>		a	Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i>	Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa):	b	Đại từ thay thế trong câu 6:	Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó:	c	Đại từ nghi vấn trong câu 8:	Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó:		Phần lặp	Từ thay thế	Tác dụng	a				b				c				Làm việc nhóm - Các nhóm trao đổi, thống nhất câu trả lời và thực hiện nhanh phiếu bài tập. - Đại diện nhóm trình bày kết quả của nhóm mình. - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau và bình chọn nhóm thực hiện đúng và nhanh nhất.
	a	Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i>	Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa):																									
	b	Đại từ thay thế trong câu 6:	Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó:																									
	c	Đại từ nghi vấn trong câu 8:	Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó:																									
		Phần lặp	Từ thay thế	Tác dụng																								
a																												
b																												
c																												

Dự kiến câu trả lời: Bài tập 1: <table><tr><td>a</td><td>Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i></td><td>Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa): <i>anh, tôi, chúng ta, anh, anh, tôi, chúng ta.</i></td></tr><tr><td>b</td><td>Đại từ thay thế trong câu 6: <i>thế</i></td><td>Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó: <i>vậy</i> (cũng có thể dùng từ đó, nhưng cần thêm từ điều phía trước.)</td></tr><tr><td>c</td><td>Đại từ nghi vấn trong câu 8: <i>sao</i></td><td>Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó: <i>gì, thế nào.</i></td></tr></table>			a	Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i>	Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa): <i>anh, tôi, chúng ta, anh, anh, tôi, chúng ta.</i>	b	Đại từ thay thế trong câu 6: <i>thế</i>	Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó: <i>vậy</i> (cũng có thể dùng từ đó, nhưng cần thêm từ điều phía trước.)	c	Đại từ nghi vấn trong câu 8: <i>sao</i>	Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó: <i>gì, thế nào.</i>								
a	Các đại từ cho sẵn: <i>tôi, anh, chúng ta</i>	Các từ chọn (lần lượt theo vị trí của từng bông hoa): <i>anh, tôi, chúng ta, anh, anh, tôi, chúng ta.</i>																	
b	Đại từ thay thế trong câu 6: <i>thế</i>	Đại từ có thể thay thế cho đại từ đó: <i>vậy</i> (cũng có thể dùng từ đó, nhưng cần thêm từ điều phía trước.)																	
c	Đại từ nghi vấn trong câu 8: <i>sao</i>	Đại từ nghi vấn có thể thay thế cho đại từ đó: <i>gì, thế nào.</i>																	
Bài tập 2: <table><tr><td></td><td>Phần lặp</td><td>Từ thay thế</td><td>Tác dụng</td></tr><tr><td>a</td><td><i>Thành tặng tôi một quyển truyện tranh</i></td><td>đó/ này/ đây/ ấy</td><td>Tránh lặp từ</td></tr><tr><td>b</td><td><i>cái khung cửa mở rộng</i></td><td>ấy/ đó</td><td></td></tr><tr><td>c</td><td><i>xem phim hoạt hình</i></td><td>vậy/ thế</td><td></td></tr></table> – GV nhận xét chung, khen ngợi các nhóm tích cực.				Phần lặp	Từ thay thế	Tác dụng	a	<i>Thành tặng tôi một quyển truyện tranh</i>	đó/ này/ đây/ ấy	Tránh lặp từ	b	<i>cái khung cửa mở rộng</i>	ấy/ đó		c	<i>xem phim hoạt hình</i>	vậy/ thế		
	Phần lặp	Từ thay thế	Tác dụng																
a	<i>Thành tặng tôi một quyển truyện tranh</i>	đó/ này/ đây/ ấy	Tránh lặp từ																
b	<i>cái khung cửa mở rộng</i>	ấy/ đó																	
c	<i>xem phim hoạt hình</i>	vậy/ thế																	
Bài tập 3	GV cho HS đóng vai và thực hiện yêu cầu bài tập . Dự kiến câu trả lời: (1) Ôi tôi không chú ý? Giờ <i>chúng ta phải làm gì?</i> (2) <i>Hả? Sao anh không nói ngay việc đó?</i>	HS đóng vai và thực hiện yêu cầu bài tập																	

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

a. *Mục tiêu:* HS viết được một báo cáo công việc hoàn chỉnh, đúng thể thức.

b. *Tổ chức thực hiện*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuẩn bị	– Trước khi thực hiện các nhiệm vụ của bài học, GV cho HS nhắc lại những điểm cần ghi nhớ khi viết một bản báo cáo (hoặc yêu cầu cả lớp đọc lại Ghi nhớ ở hoạt động Viết của Bài 6).	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

	GV nói để HS hiểu rằng việc tổng hợp thông tin để viết báo cáo giúp các em đánh giá kết quả học tập của bản thân sau 1 tháng học, từ đó xác định mục tiêu, kế hoạch học tập cho tháng tiếp theo hiệu quả hơn. – GV nêu mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của tiết học. – Mời HS đọc thầm lại đề bài (gồm 2 đề để lựa chọn). – GV nhắc HS đọc những điều hướng dẫn, gợi ý trong sách. – Lưu ý HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát báo cáo. – GV có thể nói các việc dưới đây trước khi HS viết báo cáo: + Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ,... trong báo cáo mẫu ở hoạt động Viết, Bài 6. + Thu thập số liệu để viết báo cáo theo đúng các hoạt động và kết quả có thực (số liệu có thật). + Lập bảng biểu ra giấy nháp trước khi viết vào báo cáo. + Chú ý cách đánh số thứ tự các mục hoặc cách viết các dấu gạch ngang liệt kê các ý trong phần nội dung báo cáo.	
Viết báo cáo	– GV hướng dẫn HS viết báo cáo dựa trên những nội dung đã chuẩn bị. – GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế khi viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số bài viết điển hình.	Làm việc cá nhân HS viết báo cáo dựa trên những nội dung đã chuẩn bị.
Đọc soát bài viết.	– GV hướng dẫn HS đọc lại bài viết, phát hiện lỗi dựa vào các tiêu chí nêu trong sách. – Khuyến khích HS trao đổi bài viết và góp ý cho nhau.	Làm việc cá nhân và làm việc nhóm – HS tự đọc lại bài viết của mình và đọc chéo bài cho nhau để soát lỗi theo hướng dẫn trong sách rồi góp ý cho nhau.

		– Từng em tự chỉnh sửa báo cáo (nếu phát hiện có lỗi).
--	--	--

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Trao đổi với người thân:</i> a. <i>Những hoạt động em đã tham gia trong tháng vừa qua.</i> b. <i>Những mong muốn, dự định của em trong tháng tiếp theo.</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo. + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: <i>Bộ sưu tập độc đáo.</i> Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ. Viết: Viết báo cáo công việc. – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 8 – <i>Hành tinh kì lạ</i> . Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về một hành tinh trong tưởng tượng để mang đến lớp thực hiện phần Khởi động của bài 8.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 8 HÀNH TINH KÌ LẠ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- a. *Kiến thức tiếng Việt*: Củng cố lại kiến thức về đại từ và những loại đại từ; mở rộng vốn từ về chủ điểm Hành tinh.
- b. *Kiến thức văn học*: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện.

2. Năng lực

a. Đọc

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Hành tinh kì lạ*. Biết đọc đúng lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.
- Đọc hiểu: Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ;... nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: *Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không làm được*. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản.

b. Viết

- Biết cách đánh giá, chỉ nh sử a báo cáo công việc.
- Củng cố lại kiến thức về đại từ và những loại đại từ; mở rộng vốn từ về chủ điểm Hành tinh.

c. Nói và nghe

Giới thiệu được một địa chỉ vui chơi lí thú và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc,... về nơi đó .

2. Phẩm chất

- Biết quan sát và nhận xét về những điều quan sát được, biết thích nghi với hoàn cảnh mới.
- Biết cập nhật những thay đổi của thời đại để bản thân không ngừng hoàn thiện.
- Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sinh sống, có tình cảm với quê hương.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học, video giới thiệu về các hành tinh.

- Nhạc bài hát: *Trái đất này là của chúng mình*;
- Bảng phụ có sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS bộc lộ những cảm nhận ban đầu của bản thân về các hành tinh, khen ngợi trí tò mò, sự hứng thú để tạo tâm thế vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV dẫn dắt. <u>Phương án 1:</u> GV cho HS xem tranh bài đọc, cho các em phán đoán nội dung của tranh rồi dẫn dắt vào bài. <u>Phương án 2:</u> Cho HS xem clip <i>Những sự thật thú vị về hệ Mặt Trời</i>, và yêu cầu các em nêu những điều mà mình được thấy, được nghe; sau đó dẫn dắt sang nội dung câu chuyện và giới thiệu bài học. – GV giới thiệu vào bài.	<u>Phương án 1:</u> 2 – 3 HS chia sẻ cảm nghĩ của mình về bức tranh minh hoạ bài đọc. <u>Phương án 2:</u> HS xem clip, chia sẻ những điều các em nghe và xem được. Sau đó GV nhận xét ý kiến và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. – Chia đoạn: Hỏi HS <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> rồi cho HS thảo luận nhóm. Dự kiến câu trả lời: + Đoạn 1: <i>Khi tàu vượt... hành tinh gần nhất.</i> + Đoạn 2: <i>Cửa tàu hé mở... Trái Đất nhỉ?</i> + Đoạn 3: <i>Tôi thì mãi mê... sở hữu của tôi.</i> + Đoạn 4: <i>Cái gì cũng hấp dẫn... mới được trở về?</i> – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn.	Làm việc chung cả lớp HS lắng nghe. Làm việc nhóm Nhóm thảo luận để phân chia văn bản thành các phần theo nội dung câu chuyện sao cho hợp lí.

– Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>hành lang, lửa, thám hiểm, buông lái, rối loạn, sĩ quan, huých, đời non, lấp biển, nóng lắm, lạ thường, gốc rễ xù xì,...</i> Dùng bảng phụ, hướng dẫn HS cách đọc ngắt nghỉ ở những câu dài: <i>Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố,/ tôi quan sát những người xung quanh/ mới nhận ra khác biệt; Mỗi ngày mười giờ,/ một tuần mười ngày,/ mỗi tháng mười tuần,/ một năm mười tháng; Ở Trái Đất,/ 30 độ chưa nóng lắm,/ nhưng ở đây oi bức lạ thường,// mặc dù có rất nhiều cây.</i> – GV giải thích nghĩa từ ngữ: + <i>Đáp xuống</i>: hạ xuống và dừng lại. + <i>Sĩ quan</i>: cán bộ thuộc lực lượng vũ trang (quân đội, cảnh sát, công an) của một quốc gia – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV nhận xét, tuyên dương các em đọc tốt.	Làm việc chung cả lớp – 4 HS đọc nối tiếp. – 2 – 3 HS đọc lại các từ dễ phát âm sai. Lớp nhận xét. – HS lắng nghe. Có thể tra từ điển để hiểu thêm nghĩa của các từ khó. Làm việc nhóm (nhóm 4) HS luyện đọc nối tiếp trong nhóm. Các thành viên trong nhóm nhận xét, góp ý cho nhau.
--	---

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết các chi tiết, sự kiện, ý nghĩa của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS						
Câu 1, 2	– Cho HS thảo luận theo nhóm rồi thực hiện phiếu học tập số 1. Lưu ý: GV hướng dẫn HS suy nghĩ cá nhân trước khi trao đổi trong nhóm. Phiếu bài tập <table><tr><th>Câu hỏi</th><th>Trả lời</th></tr><tr><td>Câu 1: <i>Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.</i></td><td>.....</td></tr><tr><td>Câu 2: <i>Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?</i></td><td>.....</td></tr></table>	Câu hỏi	Trả lời	Câu 1: <i>Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.</i>		Câu 2: <i>Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?</i>		Làm việc nhóm – HS trao đổi trong nhóm để thống nhất câu trả lời và điền vào phiếu bài tập. – Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung
Câu hỏi	Trả lời							
Câu 1: <i>Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.</i>								
Câu 2: <i>Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?</i>								

	Dự kiến câu trả lời : Câu 1: Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất. Câu 2: Con người: là người máy, có vẻ ngoài rất đặc biệt (da có nhiều màu, tay làm bằng thép). + Cách tính thời gian: mỗi ngày mười giờ, mỗi tuần mười ngày, mỗi tháng mười tuần, một năm mười tháng. + Máy móc: dọc đường toàn là máy móc làm việc; ô tô vừa chạy vừa bay và hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.	
Câu 3	– HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện câu hỏi 3: <i>Vì sao nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất?</i> Dự kiến câu trả lời: Nhân vật “tôi” nhận ra trên hành tinh lạ này không có sự sống bình thường, mà tất cả chỉ là những đồ mô phỏng (qua chi tiết nhân vật “tôi” phát hiện ra cây đại thụ không phải là cây thật, mà chỉ là máy mang hình cây). Trên hành tinh này không có con người thật, chỉ có người máy. Không có cây cối thật, sinh vật thật, mà chỉ có máy móc mô phỏng. Điều đó khác xa với Trái Đất, nơi có sự sống tự nhiên, nơi có con người, có động vật, có cây cối,... và bao nhiêu tình cảm, cảm xúc được tạo ra từ sự sống tự nhiên đó. Nhân vật “tôi” đã quen thuộc với cuộc sống đó, vì vậy khi đến một hành tinh mà sự sống chỉ do người máy tạo ra, nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ quê hương của mình	Làm việc nhóm – HS trao đổi trong nhóm để thống nhất câu trả lời – Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp.
Câu 4, 5	– GV cho HS làm việc nhóm và thực hiện câu 4 và câu 5: Câu hỏi 4: <i>Đóng vai một người máy trên hành tinh lạ, giới thiệu về hành tinh đó.</i>	Làm việc nhóm – HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu. – Đại diện 2 – 3 HS nhóm trình bày lời giới thiệu theo ý kiến cả nhóm đã thống nhất.

	Câu hỏi 5. Kể tiếp phần kết thúc cho câu chuyện. – GV và lớp nhận xét lời giới thiệu và phần kể tiếp hay, sáng tạo.	– HS kể phần kết thúc sáng tạo cho câu chuyện theo như nhóm đã thống nhất. Có thể thể hiện dưới hình thức đóng vai.
--	--	--

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. – Thi đọc diễn cảm trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc diễn cảm.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1, 2	– GV cho HS thảo luận theo nhóm để trả lời lần lượt các câu hỏi trong sách Dự kiến câu trả lời : Câu 1: hành tinh, sao, thiên hà, Mặt Trời, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hoả, Trái Đất, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, Mặt Trăng,... Câu 2: Đại từ tôi, chúng. Tôi dùng để xưng hô, chúng dùng để thay thế.	Làm việc nhóm – HS thảo luận nhóm để thực hiện các câu hỏi trong sách. – Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Câu 3	GV cho HS tự suy nghĩ để viết tiếp câu đã cho, sử dụng đại từ thay thế. Dự kiến câu trả lời: Tôi lại gần một cây đại thụ. Tuổi của nó còn lớn hơn tôi chắc tới sáu, bảy lần. Tôi lại gần một cây đại thụ. Thân của nó to tới mức phải tầm 5 người lớn nổi tay nhau mới ôm xuể. Tôi lại gần một cây đại thụ. Tán của nó như một chiếc ô khổng lồ sừng sững một góc sân trường.	– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại câu văn và thêm đại từ để viết tiếp câu. – 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.
--------------	---	--

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nêu được những điều cần nhớ để viết được báo cáo công việc đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của báo cáo, đánh giá đúng kết quả làm bài của mình.

b. *Tổ chức thực hiện:*

HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu những điều cần lưu ý khi viết báo cáo công việc. Cả nhóm nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Nhận xét về bài làm

a. *Mục tiêu:* HS hiểu nhận xét của thầy cô giáo về bài làm của lớp và của mình. Từ đó, biết cách chỉnh sửa nhược điểm, phát huy ưu điểm.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu 1	GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây: – GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết (dựa trên quan sát bài làm của HS ở tiết Viết – Bài 7 và đọc một số bài làm của HS): nêu rõ các ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức báo cáo, đặc biệt là cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo.	Làm việc chung cả lớp Lắng nghe thầy cô nhận xét, có thể hỏi lại những điều mình chưa rõ.

	– GV chiếu một số báo cáo của HS trên màn hình (nếu có) hoặc mời một số HS đọc báo cáo của mình trước lớp; hướng dẫn cả lớp nhận xét, góp ý. – GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác (theo kết quả bài làm của HS).	
Yêu cầu 2	– GV nhắc HS đọc lại bài văn của mình và bảng yêu cầu/ tiêu chí về bài văn tả người trong sách, xác định bài của mình đạt được những yêu cầu/ tiêu chí nào. – GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý để viết được báo cáo đúng yêu cầu, thể thức, cách khắc phục lỗi đã mắc trong báo cáo vừa viết.	Làm việc cá nhân/ cặp HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, dựa vào những tiêu chí nêu trong sách, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của báo cáo mình đã viết. HS (Có thể thực hiện hoạt động tự đánh giá theo cặp, theo nhóm và nêu phương án chỉnh sửa)

3. Hoạt động 3: Vận dụng.

a. *Mục tiêu:* Tự rút ra những lưu ý về cách viết báo cáo để có thể dễ dàng thực hiện trong những tình huống cụ thể.

b. *Tổ chức thực hiện:*

- GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến của mình, Ví dụ:
- + Đưa ra những tình huống cần viết báo cáo.
- + Nêu phương án khắc phục hạn chế, phát huy điểm mạnh của bản báo cáo đã viết.
- GV chốt nội dung của tiết học.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.</i>	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

	– Có thể sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất trên sách báo hoặc internet. Ghi lại các thông tin thú vị để chia sẻ với người thân. – Chia sẻ với người thân một thông tin thú vị mà em tìm hiểu được (kết hợp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em).
--	---

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo. – GV chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc – hiểu: <i>Hành tinh kì lạ</i>. + Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc. + Nói và nghe: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến. – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 9 – <i>Trước cổng trời</i>.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.



BÀI 9 TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.
- Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống.

b. Viết

- Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.
- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

2. Phẩm chất

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.
- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ; tranh ảnh (sưu tầm) về cổng trời (của Việt Nam và nước ngoài) để đọc hiểu tốt hơn bài thơ *Trước cổng trời*.
- Clip tiếng suối chảy, tiếng thác reo (nếu có).
- Thẻ từ hoặc phiếu học tập bài *Từ đồng nghĩa*.
- Phiếu học tập của tiết Viết, bài tập 1c.

- Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, nghệ thuật của thơ ca.
- Một số bài văn tả cảnh thiên nhiên.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Hành tinh kì lạ*, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ:

- Em thấy chi tiết nào trong câu chuyện thú vị?
- Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*?
- ...

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của chủ điểm mới (*Thiên nhiên kì thú*) nói chung và hào hứng đón nhận bài thơ *Trước cổng trời*.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu chủ điểm mới. (Ví dụ: Chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i> khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng <i>Hành tinh kì lạ</i> đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên <i>Thiên nhiên kì thú</i>, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta. Giao việc cho HS – Yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung bức tranh minh hoạ chủ điểm. – Khích lệ HS nêu suy nghĩ, cảm nhận riêng về bức tranh.	Làm việc chung cả lớp – Quan sát tranh chủ điểm, nêu nội dung tranh, vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên trong tranh. – 1 – 2 em nêu nội dung tranh và phát biểu ý kiến. Ví dụ: <i>Tranh chủ điểm minh hoạ thế giới thiên nhiên, gồm núi rừng, sông suối, cây cỏ, muông thú,... và hoạt động tìm hiểu, khám phá thiên nhiên của các bạn nhỏ.</i>

Nhận xét các ý kiến phát biểu của HS và nêu yêu cầu của HĐ Khởi động bài học. – Có thể mời 1 HS nhắc lại những ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. Ví dụ: <i>Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.</i> – Giới thiệu khái quát về bài thơ, Ví dụ: <i>Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh gửi đến cho người đọc.</i>	Làm việc nhóm – Quan sát tranh minh hoạ bài thơ <i>Trước cổng trời</i> và trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh được gọi là “cổng trời”? – Từng em nêu ý kiến, cả nhóm chuẩn bị câu trả lời của nhóm dựa trên ý kiến của từng cá nhân. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.
--	--

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– <i>Đọc mẫu:</i> GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. – <i>Luyện đọc đúng:</i> + GV hướng dẫn đọc đúng:	– HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc thầm theo GV để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.

• Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: vách đá, ngút ngát, vạt nương, lòng thung, gặt lúa, nắng chiều,... • Đọc đúng ngữ điệu: Đọc câu hỏi gợi vẻ ngạc nhiên ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”); nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao (Ví dụ: ngút ngát, ngàn nga,...). – GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp).	– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt).
---	--

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, cảm nhận được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... và những con người yêu lao động, dạt dào sức sống, chan hoà với thiên nhiên tươi đẹp.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này. Ví dụ: + <i>Nguyên sơ:</i> còn nguyên vẻ tự nhiên như lúc ban đầu (sử dụng tranh, ảnh về những cánh rừng mà con người chưa khai phá, tác động). + <i>Vạt nương:</i> mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt (sử dụng tranh, ảnh về những nương lúa chín ở vùng cao). + <i>Triền:</i> dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi (sử dụng tranh, ảnh về những triền núi). – GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà HS chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV giải thích và hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc

Ví dụ: + <i>Áo chàm</i>: một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam. Áo được nhuộm chàm (cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm, dùng để nhuộm, in, vẽ). + <i>Ráng chiều</i>: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm. + ... <i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> – GV tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 phương án dưới đây: <u>Phương án 1</u>: Nêu lần lượt từng câu hỏi rồi yêu cầu HS trả lời <u>Phương án 2</u>: GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm. <u>Phương án 3</u>: – GV phát phiếu học tập cho từng HS – GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị.	<u>Phương án 1</u>: Làm việc chung cả lớp – HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm – Một số HS phát biểu trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất câu trả lời. <u>Phương án 2</u>: Làm việc theo nhóm – Các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi. – 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. <u>Phương án 3</u>: Làm việc cá nhân HS viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu, sau đó trả lời trước lớp
---	---

Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.</i> – Hướng dẫn HS: Các em dựa vào khổ thơ thứ nhất và tranh minh hoạ để trả lời câu hỏi này. Các em có thể miêu tả khung cảnh cổng trời theo sự hình dung của mình. – GV tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Giữa những dãy núi trùng điệp, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành 2 cánh cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.	Làm việc cá nhân Đọc khổ 2, quan sát tranh, chuẩn bị câu trả lời. Làm việc theo cặp/nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét. 1 HS nhắc lại ý kiến có sức thuyết phục
Câu 2	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?</i> – Hướng dẫn HS: Các em đọc lướt bài thơ để tìm những hình ảnh được nhìn ngắm qua cổng trời, từ cổng trời. Có thể tả lần lượt từng hình ảnh được nhắc đến trong bài thơ, không nhất thiết theo đúng trình tự xuất hiện. Sau đó, các em cần nêu hình ảnh mình thấy thú vị nhất và giải thích lí do. – Khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp. Dự kiến câu trả lời: Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vằn sắc màu cỏ hoa, những vật nường, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bằng phẳng mây trôi, gió thoảng. Xa xa kia là thác nước trắng xoá đổ xuống từ triền núi cao, vang vọng, ngân nga như khúc nhạc của đất trời. Dưới chân núi, bên dòng suối trong vắt nhìn thấu tới đáy, đàn dê thông dong soi bóng mình xuống suối.	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình, cả nhóm nhận xét. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS trả lời ý thú nhất: <i>Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào?</i> – Cả lớp nhận xét. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.

	Không gian nơi đây gợi về nguyên sơ, bình yên như thể hàng ngàn năm nay vẫn như vậy. – Mời một số em nêu hình ảnh mình thấy thú vị nhất và giải thích lí do. – Khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, khen ngợi các em có câu trả lời thể hiện cảm nhận riêng, diễn đạt có sức lôi cuốn,... Dự kiến câu trả lời: – Em thích hình ảnh đứng ở cổng trời nhìn ra, thấy khoảng không có gió thoảng, mây trôi, tưởng như đó là cổng đi lên trời, đi vào thế giới thần tiên trong truyện cổ tích. – Em thích những hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ nhìn từ cổng trời: muôn sắc màu tươi rói của cỏ hoa, con thác trắng xoá từ trên núi đổ xuống, réo ngân nga, vang vọng. – Em thích hình ảnh dòng suối trong vắt, bên bờ suối, đàn dê soi bóng mình dưới đáy suối. – Em thích hình ảnh ráng chiều vàng óng ả như nổi đất với trời./...					
Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?</i> – Gợi ý HS cách thực hiện: tìm những câu thơ nói về con người, từ đó tìm ra điểm chung theo suy nghĩ, suy luận hợp lí, thú vị của từng em. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><th>Hình ảnh con người được tả trực tiếp</th><th>Hình ảnh con người được tả gián tiếp</th></tr><tr><td>Người Tày từ khắp ngả Đi gặt lúa, trồng rau Những người Giáy, người Dao Đi tìm măng, hái nấm.</td><td>Những vật nường màu mật Lúa chín ngập lòng thung Và tiếng nhạc ngựa rung Suốt triển rừng hoang dã Vật áo chàm thấp thoáng Nhuộm xanh cả nắng chiều</td></tr></table>	Hình ảnh con người được tả trực tiếp	Hình ảnh con người được tả gián tiếp	Người Tày từ khắp ngả Đi gặt lúa, trồng rau Những người Giáy, người Dao Đi tìm măng, hái nấm.	Những vật nường màu mật Lúa chín ngập lòng thung Và tiếng nhạc ngựa rung Suốt triển rừng hoang dã Vật áo chàm thấp thoáng Nhuộm xanh cả nắng chiều	Làm việc theo cặp/nhóm Từng em trả lời, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.
Hình ảnh con người được tả trực tiếp	Hình ảnh con người được tả gián tiếp					
Người Tày từ khắp ngả Đi gặt lúa, trồng rau Những người Giáy, người Dao Đi tìm măng, hái nấm.	Những vật nường màu mật Lúa chín ngập lòng thung Và tiếng nhạc ngựa rung Suốt triển rừng hoang dã Vật áo chàm thấp thoáng Nhuộm xanh cả nắng chiều					

	→ Hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên, chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Hình ảnh “Những vật nường màu mỡ/ Lúa chín ngập lòng thung” cũng gián tiếp nói lên phẩm chất đáng quý của những con người lao động vùng cao.	
Câu 4	– Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trước lớp. – Có thể định hướng cho HS cách suy nghĩ, suy luận để tìm câu trả lời. Ví dụ: Bài thơ gọi lên một không gian hùng vĩ, khoáng đạt, với núi non, mây trời trải ra bất tận... <i>Nếu thiếu vắng hình ảnh con người, cảnh vật sẽ thế nào?</i> – Khen ngợi các HS có câu trả lời thuyết phục. Tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều đang làm việc (Người Tày từ khắp các ngả đi gặt lúa, trồng rau; Những người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; Người cưỡi ngựa, tiếng nhạc ngựa âm vang suốt triền rừng hoang dã; Những người dân với màu áo chàm như nhuộm xanh cả nắng chiều,...). Hình ảnh con người hăng say lao động, tất bật, hối hả trong công việc hoà với tiếng gió thổi, tiếng suối reo đã làm cho cảnh rừng sương giá như ấm lên.	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. (Có thể viết các ý trả lời vào vở/ giấy nháp). Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.
Câu 5	– Nêu câu hỏi 5: <i>Nêu chủ đề của bài thơ.</i> – Với câu hỏi này, GV có thể giải thích cho HS: Chủ đề của bài thơ là nội dung trọng tâm, là vấn đề chính mà tác giả muốn nói trong bài thơ. Dự kiến câu trả lời: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người./...	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

3.3. Đọc thuộc lòng

a. *Mục tiêu:* HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng. – GV nhắc HS về tiếp tục nhà học thuộc lòng bài thơ, nếu chưa thuộc.	– Học thuộc lòng: HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ). – Thi đọc thuộc lòng: HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ. Dự kiến câu trả lời: Đọc bài thơ <i>Trước cổng trời</i>, em thực sự thấy thú vị. Thiên nhiên thật kì diệu, như thể có bàn tay xếp đặt, tô vẽ của tạo hoá, của “mẹ thiên nhiên”./ Em yêu thích vẻ đẹp hoang sơ, trong lành, thơ mộng của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao. Em mong ước một ngày được tận mắt ngắm cảnh cổng trời như vậy./ Qua những câu thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, em thấy thích thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên miền núi cao và những người lao động cần cù, chăm chỉ, họ đã góp phần tô điểm thêm vẻ đẹp của quê hương, đất nước./...	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp trước.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Dẫn dắt và nêu nhiệm vụ cho HS: – GV chiếu bài tập trên màn hình hoặc giao phiếu học tập như dưới đây: Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong bài thơ dưới đây: Cò biết ở sạch Cò mãi mê nhặt ốc Nhưng cò biết ở sạch Chui giữa lách với lau. Vội vã bước ra sông Đôi cánh cò trắng phau Cò tắm gội sạch bong Bị lấm đầy bùn đất! Lại tung bay trắng toát! (Võ Quảng) – Nhận xét kết quả làm việc của các cặp/ các nhóm. – Thống nhất đáp án: + <i>trắng phau – trắng toát</i> + <i>sạch – sạch bong</i>	Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm Quan sát trên màn hình hoặc phiếu học tập. Trao đổi và nêu đáp án. Làm việc chung cả lớp Một số HS nêu kết quả làm việc của cặp/ nhóm trước lớp.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau trong câu, trong đoạn văn, đoạn thơ.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	GV cần phát huy những kiến thức về từ có nghĩa giống nhau đã được học và luyện tập ở lớp 3 và lớp 4 để lựa chọn cách thức tổ chức hoạt động học tập một cách linh hoạt, phù hợp với HS trong lớp. Với mỗi bài tập, GV cần dành thời gian hợp lý cho HS tự đọc yêu cầu và làm bài trước khi tổ chức chữa bài trong nhóm hoặc trước lớp. Ví dụ: Bài tập 1. HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trao đổi, tranh luận, giúp nhớ lại kiến thức đã biết về từ có nghĩa giống nhau. Bài tập 2. HS làm việc cá nhân để phát huy năng lực tự học, khả năng suy nghĩ và làm việc độc lập.	

	(Sau khi HS đã hoàn thành bài tập 1 và bài tập 2, GV hướng dẫn HS nhận biết khái niệm (Ghi nhớ) từ đồng nghĩa) – <i>Bài tập 3 và bài tập 4</i>: HS làm việc cá nhân (làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có), sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm hoặc chữa bài trước lớp.															
Bài tập 1	– Mời 2 HS, mỗi em đọc 1 đoạn văn ở bài tập 1, sau đó GV đọc yêu cầu của bài tập 1, nhắc HS chú ý các từ được in đậm để có câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b. – Mời đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp. – Khích lệ HS giải thích lí do mà nhóm chọn đáp án đó. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><td><u>Đoạn a</u> chứa các từ có nghĩa gần giống nhau: <i>khuân, tha, vác, nhấc.</i></td><td>4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.</td></tr><tr><td></td><td>– Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật thay đổi vị trí.</td></tr><tr><td></td><td>+ <i>khuân</i>: khiêng vác đồ vật nặng;</td></tr><tr><td></td><td>+ <i>tha</i>: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;</td></tr><tr><td></td><td>+ <i>vác</i>: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;</td></tr><tr><td></td><td>+ <i>nhấc</i>: nâng lên, đưa lên cao hơn.</td></tr></table> <table><tr><td><u>Đoạn b</u> chứa các từ có nghĩa giống nhau: <i>ban mai, sáng sớm.</i></td><td>2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời</td></tr></table>	<u>Đoạn a</u> chứa các từ có nghĩa gần giống nhau: <i>khuân, tha, vác, nhấc.</i>	4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.		– Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật thay đổi vị trí.		+ <i>khuân</i> : khiêng vác đồ vật nặng;		+ <i>tha</i> : mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;		+ <i>vác</i> : mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;		+ <i>nhấc</i> : nâng lên, đưa lên cao hơn.	<u>Đoạn b</u> chứa các từ có nghĩa giống nhau: <i>ban mai, sáng sớm.</i>	2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời	Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm – Nghe đọc bài tập 1. – Đọc kĩ các từ in đậm. – Trả lời câu hỏi a, b. – Nêu đáp án. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS trả lời câu hỏi a, b / nêu đáp án, cả lớp nhận xét.
<u>Đoạn a</u> chứa các từ có nghĩa gần giống nhau: <i>khuân, tha, vác, nhấc.</i>	4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.															
	– Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật thay đổi vị trí.															
	+ <i>khuân</i> : khiêng vác đồ vật nặng;															
	+ <i>tha</i> : mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;															
	+ <i>vác</i> : mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;															
	+ <i>nhấc</i> : nâng lên, đưa lên cao hơn.															
<u>Đoạn b</u> chứa các từ có nghĩa giống nhau: <i>ban mai, sáng sớm.</i>	2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời															
Bài tập 2	– Mời 3 HS đọc nội dung bài tập 2. – Hướng dẫn HS phải so sánh nghĩa của các từ trong mỗi nhóm để xác định những từ nào có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau (cùng nói về điều gì). Có 2 cách làm:	– 1 HS đọc câu lệnh và nhóm từ a. – 1 HS đọc nhóm từ b. – 1 HS đọc nhóm từ c.														

	+ Cách 1: Tìm trong mỗi nhóm các từ có nghĩa giống nhau (để loại ra từ có nghĩa khác với từ còn lại). + Cách 2: Tìm từ có nghĩa khác với các từ trong nhóm. – Nhận xét chung và chốt đáp án. Dự kiến câu trả lời: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm</th><th>Những từ có nghĩa giống nhau</th><th>Từ không cùng nhóm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a</td><td>chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó</td><td>sắt đá</td></tr> <tr> <td>b</td><td>non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia</td><td>núi non</td></tr> <tr> <td>c</td><td>yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh</td><td>bình tĩnh</td></tr> </tbody> </table> <i>Lưu ý:</i> Sau khi thống nhất đáp án của bài tập 1 và bài tập 2, GV nói với HS về khái niệm từ đồng nghĩa nêu trong Ghi nhớ. Nhắc các em lưu ý: Nghĩa của một số từ đồng nghĩa giống nhau và nghĩa của một số từ đồng nghĩa chỉ gần giống nhau. Do đó, khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ ngữ thích hợp nhất.	Nhóm	Những từ có nghĩa giống nhau	Từ không cùng nhóm	a	chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó	sắt đá	b	non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia	núi non	c	yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh	bình tĩnh	Làm việc cá nhân – Đọc từng nhóm từ. – Đánh dấu (nếu có phiếu học tập/ vở bài tập) vào các từ có nghĩa giống nhau hoặc viết các từ cần loại khỏi nhóm (vì có nghĩa khác với các từ còn lại). Làm việc nhóm hoặc cả lớp – 1 HS chữa bài 2.a, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả. – 1 HS chữa bài 2.b, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả. – 1 HS chữa bài 2.c, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả.
Nhóm	Những từ có nghĩa giống nhau	Từ không cùng nhóm												
a	chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó	sắt đá												
b	non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia	núi non												
c	yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh	bình tĩnh												
Bài tập 3	– Mời 1 HS đọc nội dung bài tập 3. – Có thể hỏi HS thành ngữ nào các em chưa hiểu để mời các HS khác hoặc GV giải thích. – Nhắc HS đọc kĩ từng câu thành ngữ để xác định câu nào chứa các từ đồng nghĩa và đó là những từ nào Tổ chức chữa bài theo hình thức thi đua giữa các nhóm: <i>Ai nhanh, ai đúng?</i> – Thành lập các nhóm, gấp thăm để chọn 2 hoặc 3 nhóm dự thi (tuỳ không gian lớp rộng hay hẹp). – Các bộ thẻ từ đã đảo thứ tự các thẻ. – Hướng dẫn cách thực hiện cuộc thi. Cuộc thi chia làm 2 vòng:	Làm việc cá nhân – Làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có). – Đối chiếu kết quả bài làm theo nhóm. Làm việc chung cả lớp – Các nhóm xem lại đáp án của nhóm. – 2 hoặc 3 nhóm thi cùng 1 lúc (mỗi nhóm có 3 hoặc 6 HS).												

	Vòng 1: Khi hiệu lệnh cho phép thực hiện nhiệm vụ, lần lượt từng HS của mỗi nhóm lên nhắc 1 thẻ từ lên đọc và xếp vào rổ/ ô /cột phù hợp (có chứa từ đồng nghĩa / không chứa từ đồng nghĩa). Các đội có nhiều đáp án đúng nhất và nhanh hơn, được vào vòng 2. Vòng 2: Khi hiệu lệnh bắt đầu, đội thi cần chỉ rõ (gạch chân / viết) những cặp từ đồng nghĩa có trong các thành ngữ đã chọn. Đội thắng cuộc là đội nêu đáp án đúng nhất. Dự kiến câu trả lời: <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa</th><th>Từ đồng nghĩa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>e</td><td><i>Ngăn sông cấm chợ</i></td><td>Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm</td></tr> <tr> <td>g</td><td><i>Thay hình đổi dạng</i></td><td>Có 2 cặp từ đồng nghĩa: – thay, đổi – hình, dạng</td></tr> </tbody> </table>	TT	Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa	Từ đồng nghĩa	e	<i>Ngăn sông cấm chợ</i>	Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm	g	<i>Thay hình đổi dạng</i>	Có 2 cặp từ đồng nghĩa: – thay, đổi – hình, dạng	
TT	Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa	Từ đồng nghĩa									
e	<i>Ngăn sông cấm chợ</i>	Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm									
g	<i>Thay hình đổi dạng</i>	Có 2 cặp từ đồng nghĩa: – thay, đổi – hình, dạng									
Bài tập 4.	– Nhắc HS tự đọc thầm yêu cầu và nội dung bài tập 4. – Lưu ý HS: Cần dựa vào nội dung của câu trong đoạn văn để chọn 1 từ có nét nghĩa phù hợp nhất trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa rồi đọc lại câu với từ đã chọn xem có thật phù hợp hay không. – Hướng dẫn HS cách thực hiện bài tập 4. + Cách 1: 1 em chữa toàn bài, sau đó mời HS khác góp ý cách lựa chọn từ trong mỗi nhóm (1), (2), (3), (4). + Cách 2: Chữa lần lượt từng nhóm từ, mỗi nhóm từ mời 1 em nêu cách chọn, cả lớp nhận xét, góp ý. Dự kiến câu trả lời: Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no đủ, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. – GV có thể khích lệ HS giải thích cách lựa chọn của mình (Vì sao không chọn các từ còn lại?).	Làm việc cá nhân – Đọc kĩ đoạn văn và các từ trong ngoặc đơn để chọn ra 1 từ thích hợp nhất với câu văn/ đoạn văn.. – Làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có. – Đối chiếu kết quả bài làm theo nhóm. Làm việc chung cả lớp – 1 HS chữa bài (theo hướng dẫn của GV). – Cả lớp đối chiếu kết quả với bạn lên chữa bài và nêu nhận xét, góp ý.									

Câu	Đáp án	Giải thích
1	<i>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa.</i>	Không chọn <i>khai mạc</i> vì <i>khai mạc</i> chỉ dùng trong trường hợp bắt đầu/mở đầu một buổi biểu diễn hay một buổi lễ.
2	<i>Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó.</i>	Chọn <i>tươi tốt</i> vì từ này diễn tả được đặc điểm của cây cối xanh tốt do được phát triển trong điều kiện thuận lợi. Không chọn <i>tươi tắn</i> vì từ này còn có nét nghĩa “ánh lên niềm vui” (nụ cười tươi tắn).
3	<i>Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no đủ, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát mùa thu.</i>	– Câu văn nói về một vùng đất, từ <i>no đủ</i> phù hợp để nói về đời sống vật chất của một nơi sinh sống. Không chọn <i>no nê</i> vì từ này chỉ nói về cảm giác ăn một bữa no. – Chọn <i>đói khát</i> vì từ này diễn tả sự thiếu ăn, khổ cực. Không chọn <i>đói rách</i> vì từ này diễn tả cảnh sống khổ cực của con người (ăn đói, mặc rách).

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về từ đồng nghĩa.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giao nhiệm vụ cho HS (làm bài vào phiếu hoặc nhìn trên màn hình và giơ tay phát biểu). Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây: Lên rừng bắt tép kho cà Xuống sông hái quả thanh trà về ăn Lên rừng bắt con cá măng Xuống sông đánh hổ, đánh trăn mang về... (Ca dao)	– HS viết từ ra phiếu / vỗ ghi hoặc giơ tay phát biểu theo hướng dẫn của GV. – Cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

– GV tổng kết và nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến câu trả lời:

quả – trái ; hồ – cộp ; mang – đem / vác/...

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3, 4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi HS nêu các kiểu bài văn miêu tả đã học. – GV nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến trước lớp. Yêu cầu cần đạt với dạng văn miêu tả ở các lớp: + Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật. + Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật. + Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối. Những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn, bài văn miêu tả: + Quan sát để tìm đặc điểm riêng của sự vật được miêu tả. + Lựa chọn từ ngữ, cách viết câu để nêu bật đặc điểm riêng của sự vật. – GV nêu nội dung tiết học: Các em được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tức là tả cảnh đẹp thiên nhiên). Có 2 tiết <i>Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh</i>. Trong tiết thứ nhất này, các em tìm hiểu cách tả phong cảnh qua bài <i>Đà Lạt</i> (tả lần lượt từng cảnh vật, từng cảnh đẹp). Trong tiết thứ hai, các em được tìm hiểu cách tả phong cảnh theo trình tự thời gian qua bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i>.	– HS nêu các kiểu bài miêu tả đã học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. *Mục tiêu:* Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	– <i>Tìm hiểu bài văn miêu tả (Đà Lạt).</i> GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn <i>Đà Lạt</i> và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. GV có thể tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây: <u>Phương án 1:</u> 1 em đọc bài văn trước lớp, sau đó GV hoặc 1 HS nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp). <u>Phương án 2:</u> Yêu cầu HS đọc thầm bài văn, tự trả lời từng câu hỏi, có thể viết câu trả lời vào phiếu học tập, đặc biệt là bài tập 1c theo phiếu học tập, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị).	<u>Phương án 1:</u> Làm việc chung <u>Phương án 2:</u> Làm việc cá nhân cả lớp
Câu a	– Nêu yêu cầu: Đọc thầm, đọc lướt bài văn và trả lời câu hỏi: Bài văn này tả gì? – Khuyến khích HS trả lời theo cách hiểu, cách cảm nhận của mình. Dự kiến câu trả lời: Có thể chấp nhận nhiều cách trả lời như sau: – Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt. – Bài văn tả cảnh đẹp của Đà Lạt. – ...	Làm việc cá nhân – Đọc bài văn <i>Đà Lạt</i>, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi. – Trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm. Làm việc chung cả lớp Một số HS trả lời câu hỏi a trước lớp.
Câu b	– Có thể chiếu toàn bộ bài văn trên màn hình (nếu có thể), không cần gợi ý gì thêm. – Nêu yêu cầu b: <i>Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</i> Dự kiến câu trả lời: HS có thể diễn đạt khác nhau, song nêu đúng bố cục bài văn như sau:	Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm – Từng em đọc thầm, đọc lướt bài văn, thực hiện yêu cầu b. – Trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm.

	Mở bài: (Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.) – Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật: – Thành phố ngàn hoa – Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng. <i>(Mở giới thiệu khái quát về sự nổi tiếng của thành phố Đà Lạt)</i>	
	Thân bài: Gồm có 4 đoạn văn. – Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp). – Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt – Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt. – Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt. <i>(Thân bài miêu tả từng vẻ đẹp của cảnh vật Đà Lạt.)</i>	
	Kết bài: (“Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn bình lai tiên cảnh”.) – Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt. <i>(Kết bài khẳng định về đẹp, sức hấp dẫn kì diệu của Đà Lạt.)</i>	
	– GV nhấn mạnh: Bài văn có mở bài chỉ bằng 1 câu – câu mở đầu bài văn, kết bài cũng chỉ có 1 câu – câu kết thúc bài văn. Thân bài gồm có 4 đoạn văn ngắn.	
Câu c	– GV nêu câu hỏi: <i>Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật về đẹp của phong cảnh.</i> – GV nhắc HS đọc kĩ bài văn để trả lời câu hỏi, viết câu trả lời ngắn gọn vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). – GV có thể hướng dẫn HS phát biểu ý kiến để hoàn thành thông tin ở những ô trống trong bảng sơ đồ hoặc có thể trình bày như sau:	HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi thống nhất trong nhóm/ trước lớp.

Phong cảnh Đà Lạt				
Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi	Vị trí địa lí	Đà Lạt nằm trên độ cao 1 500 mét so với mặt nước biển, nơi nghỉ mát lí tưởng		
	Khí hậu	Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành.		
	Cảnh vật	– Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. – Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào... – Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn. – Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thắm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ... – Những hồ nước: trong suốt như pha lê.		
Vẻ đẹp do con người tạo nên	Vườn rau	Những vườn rau xanh tươi	như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.	
	Vườn hoa	Những vườn hoa muôn hồng ngàn tía		
		Hương hoa lá	Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.	
Câu d	– GV nêu câu hỏi: <i>Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?</i> – GV lưu ý HS: Trong bài văn tả phong cảnh, trọng tâm là miêu tả đặc điểm của phong cảnh. Việc đan xen bộc lộ cảm xúc giúp người đọc hiểu được rằng cảnh vật nơi đây gợi cảm xúc cho mọi người hoặc cảnh vật được miêu tả qua cảm nhận riêng của người viết.			Một số HS phát biểu trước lớp.

	Dự kiến câu trả lời: Câu trả lời có thể được trình bày như: Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... Ví dụ: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “là nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp”, “dễ chịu vô cùng”,...	
--	--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.)

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh Đà Lạt và những trải nghiệm viết đoạn văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi theo nhóm / lớp: Dự kiến câu trả lời: Tả phong cảnh: tả cảnh đẹp thiên nhiên. Bố cục: bài văn gồm 3 phần (mở bài – thân bài – kết bài). Trình tự miêu tả: tả lần lượt từng cảnh vật/... Cách lựa chọn cảnh vật: tả những cảnh vật tạo nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh. ... – GV chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh (dựa trên phần Ghi nhớ). – GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).	Làm việc cá nhân HS đọc yêu cầu và các gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại bài <i>Đà Lạt</i>, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh. Làm việc theo nhóm HS trao đổi nhóm hoặc trước lớp theo hướng dẫn của GV (có thể chọn những điểm mình cho là quan trọng nhất, cần lưu ý nhất).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS nêu được những điều học tập được từ bài văn tả cảnh Đà Lạt.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau: (1) Nêu điều em học tập được từ bài văn tả cảnh Đà Lạt.	– HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau (với yêu cầu 1), yêu cầu 2

(2) Tìm trong bài những câu văn có hình ảnh so sánh, nhân hoá. Nêu tác dụng của những hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài văn.

Dự kiến câu trả lời:

Câu văn có hình ảnh nhân hoá	Câu văn có cả hình ảnh so sánh và nhân hoá
– Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh, và thông mơ màng. – Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.	– Thác Cam Ly như một dải lụa trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. – Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ.
– Tác dụng: Các câu văn sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá giúp người đọc dễ dàng cảm nhận/ hình dung được đặc điểm của cảnh vật, gợi cho người đọc những liên tưởng thú vị; làm cho cảnh vật sinh động, thêm gần gũi với con người. <i>Lưu ý:</i> Để tả được các đặc điểm của mỗi cảnh vật ở Đà Lạt, tác giả phải tìm hiểu, quan sát rất kĩ từng cảnh vật, để cảm nhận những đặc điểm nổi bật và tìm những từ ngữ thích hợp để miêu tả.	

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Vận dụng	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà:

	– Tìm đọc các bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...) trong sách báo hoặc trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 và 4 (Ví dụ: <i>Những cánh bướm</i> (Tiếng Việt 4, tập hai; ...)) – Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập.
--	--

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 9: + Đọc – hiểu: <i>Trước cổng trời</i>. + Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa. + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh. – GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 9 thú vị, dễ nhớ. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn dò HS đọc trước Bài 10.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 10 KÌ DIỆU RỪNG XANH (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

a. *Kiến thức tiếng Việt:*

b. *Kiến thức văn học:* Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh gợi tả không gian được thể hiện trong bài, hiểu được công dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

2. Năng lực

a. *Đọc*

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

– Đọc hiểu: Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh gợi tả không gian được thể hiện trong bài, hiểu được công dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

– Đọc mở rộng: Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc.

b. Viết

– Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả cảnh vật theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau), viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh đã được đọc.

– Ôn luyện từ đồng nghĩa.

2. Phẩm chất

Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Tranh ảnh minh họa bài đọc, tranh ảnh (sưu tầm) minh họa cây cối, con vật được miêu tả trong bài; cảnh sắc trong rừng.

– Văn bản tả phong cảnh, tranh ảnh (sưu tầm) về cảnh sắc các vùng miền,...

– Đọc hiểu văn bản văn học.

– Văn bản miêu tả, cách viết văn miêu tả.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Trước cổng trời* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Tả lại một hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ *Trước cổng trời* mà em yêu thích).

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận, khám phá những vẻ đẹp mới mẻ, thú vị qua bài *Kì diệu rừng xanh*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu bài học: – GV nêu tên bài học và những nội dung học trong 4 tiết của Bài 10 <i>Kì diệu rừng xanh</i>. – GV giới thiệu bài đọc học trong 2 tiết. Tên bài đọc là <i>Kì diệu rừng xanh</i>, hứa hẹn cho chúng ta biết thêm vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. – Giao việc cho HS: GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Khởi động. Kết nối với bài mới: – GV nhận xét các nhóm và khích lệ.	Làm việc nhóm – Từng em nói những điều thú vị về rừng theo hiểu biết của mình hoặc theo tưởng tượng của mình về rừng xanh, cả nhóm nhận xét. (Lưu ý: HS đã được đọc, được học nhiều bài về rừng từ các lớp 2, 3, 4, các em sẽ có nhiều điều để nói, GV không cần gợi ý). Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước nhóm (tổng hợp ý kiến của cả nhóm). – 1 – 2 HS nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về những hình ảnh trong tranh.
– GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài <i>Kì diệu rừng xanh</i> tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng.	

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS nhận biết cách đọc và được luyện đọc đúng và diễn cảm bài *Kì diệu rừng xanh*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muôn thú trong rừng.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đọc mẫu: GV đọc cả bài (hoặc 3 HS đọc nối tiếp), đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì diệu của rừng hoặc của nhân vật đi rừng. + Đoạn 1: Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”. + Đoạn 2: Tiếp đến “đưa mắt nhìn theo”. + Đoạn 3: Còn lại. – GV hướng dẫn đọc: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: loanh quanh, nắm đại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng,... + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ: Tôi có cảm giác/ mình là một người khổng lồ/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon. Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyển nhANH NHƯ tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. + ... – GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	Làm việc chung cả lớp HS nghe GV đọc mẫu. Làm việc nhóm HS làm việc theo nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc. Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu: Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này (Ví dụ: tranh ảnh rừng khộp – loại rừng thưa lá rộng).	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc.

	– GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài. <i>Trả lời câu hỏi:</i> – GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong sách hoặc giao cho HS làm việc nhóm, cùng nhau trả lời cả 5 câu hỏi, sau đó tổ chức trình bày trước lớp.	– HS lắng nghe GV giải thích nghĩa của từ hoặc tra thêm từ điển. – HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong sách theo hướng dẫn của GV
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?</i> – Hướng dẫn HS: Làm việc cá nhân sau đó làm việc chung cả lớp. – GV nhận xét và khái quát ý kiến của HS, Ví dụ: Ở đoạn 1, nhân vật tôi bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm đại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đèn đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện... của người tí hon. Nhân vật tôi bỗng dưng trở thành “người khổng lồ” ở vương quốc ấy. – GV có thể chỉ vào tranh minh hoạ để HS cảm nhận được những liên tưởng, tưởng tượng của nhà văn.	Làm việc cá nhân Đọc lướt toàn bài và chuẩn bị câu trả lời. Làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trả lời câu hỏi theo điều hành của nhóm trưởng, các bạn khác nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt.
Câu 2	– GV nêu câu hỏi. 2 (<i>Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?</i>) và nhắc HS suy nghĩ để câu trả lời có lí lẽ. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi đối chiếu kết quả theo nhóm hoặc trước lớp. – GV hỏi các câu hỏi dưới đây và mời HS trả lời:	Làm việc cá nhân HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời (chú ý có cách lí giải để thuyết phục người nghe).

	+ Chi tiết nào cho thấy muông thú trong rừng rất đông? (Đáp án: Những con vật thấy người lạ vào rừng, chúng chạy, nhảy, chuyển cảnh khiến cây rừng như chuyển động. Câu “Chúng tôi đi đến đâu, rừng rào rào chuyển động đến đấy” cho thấy muông thú trong rừng rất đông.) + Chi tiết nào cho thấy muông thú trong rừng thoát ẩn, thoát hiện? (Đáp án: Trên cây, những con vượn bạc má khéo léo vừa ôm con vừa <i>chuyển nhanh như tia chớp</i>, những con chồn sóc xinh đẹp <i>vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo</i>.) + Theo em, sự có mặt của muông thú mang lại vẻ đẹp gì cho rừng. (HS có thể có cách cảm nhận và giải thích khác nhau, Ví dụ: Muông thú thoát ẩn, thoát hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn/ khiến cảnh rừng thêm vui nhộn, đầy sức sống,...).	Làm việc theo nhóm Nhiều HS nêu ý kiến, các bạn khác góp ý.
Câu 3	– GV nêu câu hỏi. 3 (Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “<i>giang sơn vàng rọi</i>”?) và nhắc HS suy nghĩ để câu trả lời có lí lẽ. – GV hướng dẫn HS: Đọc giải nghĩa “rừng khộp” trong sách, chuẩn bị câu trả lời. – GV thống nhất câu trả lời, Ví dụ: Đoạn cuối miêu tả cảnh rừng khộp. Nơi đây được gọi là “<i>giang sơn vàng rọi</i>” vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quện hoà với ánh nắng vàng,... – GV chiếu trên màn hình đoạn cuối bài đọc và đánh dấu những sự vật có màu vàng (nếu có phương tiện).	Làm việc cá nhân – HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV (chú ý có cách lí giải để thuyết phục người nghe). Làm việc theo nhóm/ lớp – Từng em phát biểu ý kiến theo điều hành của nhóm trưởng.

	Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, <u>lá úa vàng</u> như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt. <u>Những sắc vàng</u> động đậy. <u>Mấy con mang vàng</u> hết như màu lá đang ăn cỏ non. <u>Những chiếc chân vàng</u> giẫm lên <u>thảm lá vàng</u> và <u>sắc nắng cũng rực vàng</u> trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái gang sơn vàng rọi.	– Cả nhóm nhận xét câu trả lời của từng thành viên và thống nhất câu trả lời.												
Câu 4 – GV nêu câu hỏi 3: <i>Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.</i> – Hướng dẫn HS: Làm việc cá nhân sau đó làm việc chung cả lớp. Đáp án tham khảo:	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Đoạn</th><th>Đặt tên</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.</td><td>Những cây nấm rừng/ Thành phố nấm/ Vương quốc tí hon/...</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Tiếp theo đến “đưa mắt nhìn theo”.</td><td>Muông thú trong rừng/ Nhịp sống rừng xanh/ ...</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Tiếp theo đến “gang sơn vàng rọi”.</td><td>Giang sơn vàng rọi/ Cánh rừng thơ mộng/...</td></tr> </tbody> </table>	Đoạn		Đặt tên	1	Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.	Những cây nấm rừng/ Thành phố nấm/ Vương quốc tí hon/...	2	Tiếp theo đến “đưa mắt nhìn theo”.	Muông thú trong rừng/ Nhịp sống rừng xanh/ ...	3	Tiếp theo đến “gang sơn vàng rọi”.	Giang sơn vàng rọi/ Cánh rừng thơ mộng/...	Làm việc cá nhân Đọc lướt toàn bài và chuẩn bị câu trả lời (suy nghĩ để đặt tên cho mỗi đoạn theo ý của riêng mình). Làm việc nhóm/ làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu hỏi theo điều hành của nhóm trưởng (đặt tên cho mỗi đoạn văn, có thể trao đổi về lí do mình lựa chọn tên cho mỗi đoạn), các bạn khác nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt
Đoạn		Đặt tên												
1	Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.	Những cây nấm rừng/ Thành phố nấm/ Vương quốc tí hon/...												
2	Tiếp theo đến “đưa mắt nhìn theo”.	Muông thú trong rừng/ Nhịp sống rừng xanh/ ...												
3	Tiếp theo đến “gang sơn vàng rọi”.	Giang sơn vàng rọi/ Cánh rừng thơ mộng/...												

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* HS đọc lại bài đọc sau khi đã đọc hiểu, giúp các em cảm nhận một lần nữa một văn bản hoàn chỉnh để có ấn tượng sâu đậm hơn.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.	Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm. – Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

4. Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc

a. *Mục tiêu:* Qua việc thực hiện các bài tập Luyện tập theo văn bản đọc, HS được mở rộng vốn từ về sự vật trong thế giới tự nhiên, được củng cố kiến thức về từ đồng nghĩa và kĩ năng sử dụng từ đồng nghĩa.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể nêu thời gian thực hiện 3 bài tập và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tùy vào năng lực của HS trong lớp). – Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp. Dự kiến câu trả lời: Câu 1. Ở bài “Kì diệu rừng xanh”, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả? – Về thực vật: vạt nấm đại, rừng khộp (rừng thưa lá rộng), vạt cỏ xanh. – Về động vật: những con vượn bạc má, những con chồn sóc. – Về hiện tượng tự nhiên: nắng. Câu 2. Tìm từ đồng nghĩa với từ “gọn ghẽ”, “tí hon”, “thưa thớt”. – gọn ghẽ, gọn gàng, gọn (Ví dụ: Em dọn nhà gọn gàng, ngăn nắp). – tí hon, tí xiu, bé xiu,... (Ví dụ: Những chú kiến nhỏ tí xiu công hạt vừng trên lưng.) – thưa thớt, thưa / lơ thơ (Sau trận lũ, vườn chỉ còn vài gốc cây thưa).	HS thực hiện bài tập theo hướng dẫn của GV.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiếp theo)

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ lại cách viết bài văn miêu tả phong cảnh đã học ở hoạt động Viết của Bài 9.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước khi tìm hiểu bài mới, GV cho nhắc lại bài văn tả cảnh Đà Lạt (ở hoạt động Viết của Bài 9).	– 1 HS nhắc lại những nội dung đã học ở hoạt động Viết, bài 9. – 1 HS nêu cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt (theo trình tự thế nào). – 1 HS nêu những chi tiết còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần khi tả cảnh theo thời gian.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Tìm hiểu bài văn miêu tả (Bốn mùa trong ánh nước).</i> – GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. Ví dụ: – <i>Thình không (danh từ)</i>: không trung, nơi hoàn toàn vắng lặng. – <i>Trầm mặc (tính từ)</i>: có dáng vẻ đang tập trung suy tư, ngẫm nghĩ điều gì.	– HS đọc thầm bài văn và nêu các từ ngữ chưa hiểu. – HS tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. Sau khi HS thống nhất câu trả lời, GV mời 1 HS đọc bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> trước lớp, mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.
Câu a	GV yêu cầu HS đọc thầm, đọc lướt bài văn và trả lời câu hỏi: Bài văn tả cảnh gì? Lưu ý: Có thể mời 1 HS đọc bài <i>Chú bé vùng biển</i> trước lớp (cũng có thể không cần đọc trước lớp để rèn cho HS việc tự đọc thầm, đọc lướt theo yêu cầu của chương trình). Dự kiến câu trả lời: HS có thể có những cách diễn đạt khác nhau, Ví dụ: Bài văn tả hồ Hoàn Kiếm/ Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm. / Bài văn tả cảnh vật ở hồ Hoàn Kiếm./...	Làm việc nhóm – Đọc bài văn, chuẩn bị câu trả lời. – Trao đổi để thống nhất ý kiến. (Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm.)
Câu b	– Nêu yêu cầu b: <i>Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu nội dung chính của mỗi phần.</i> Lưu ý: – Cần dành thời gian cho HS suy nghĩ, để thực hiện yêu cầu tìm nội dung chính của mỗi phần. – Có thể chiếu toàn bộ bài văn trên màn hình (nếu có thể), không cần gọi ý gì thêm.	Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm – Từng em đọc thầm, đọc lướt bài văn, thực hiện yêu cầu b. – Trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm.

	Dự kiến câu trả lời: Bài có 6 đoạn văn. <table><tr><td>Mở bài</td><td>Đoạn 1</td><td>Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).</td></tr><tr><td>Thân bài</td><td>Đoạn 2, 3, 4, 5</td><td>Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.</td></tr><tr><td>Kết bài</td><td>Đoạn 6</td><td>Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.</td></tr></table>	Mở bài	Đoạn 1	Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).	Thân bài	Đoạn 2, 3, 4, 5	Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.	Kết bài	Đoạn 6	Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.	Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS chỉ ra bố cục của bài văn. Cả lớp góp ý, thống nhất ý kiến.
Mở bài	Đoạn 1	Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).									
Thân bài	Đoạn 2, 3, 4, 5	Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.									
Kết bài	Đoạn 6	Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.									
Câu c	– Nhắc HS đọc yêu cầu: Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó? – Hướng dẫn HS cách thực hiện: Dựa vào gợi ý trong SGK, có thể viết câu trả lời của mình ra bảng nhóm/ phiếu học tập của nhóm (nếu có) hoặc viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, phiếu học tập cá nhân (nếu có). Dự kiến câu trả lời: Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được miêu tả lần lượt theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu. Từ ngữ giúp nhận ra thời gian các mùa: <table><tr><td>Mùa hè</td><td>mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió</td></tr><tr><td>Mùa đông</td><td>mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương</td></tr><tr><td>Mùa xuân</td><td>dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân</td></tr><tr><td>Mùa thu</td><td>mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu</td></tr></table>	Mùa hè	mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió	Mùa đông	mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương	Mùa xuân	dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân	Mùa thu	mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu	Làm việc cá nhân Từng em đọc bài văn, thực hiện yêu cầu c. Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm Trao đổi và thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trình bày kết quả trao đổi trên phiếu học tập/ bảng nhóm/... hoặc phát biểu ý kiến (nói miệng). Cả lớp góp ý, thống nhất ý kiến.	
Mùa hè	mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió										
Mùa đông	mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương										
Mùa xuân	dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân										
Mùa thu	mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu										

Câu d	– GV nêu câu hỏi: <i>Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</i> – GV nhấn mạnh: Tả phong cảnh theo mùa, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được nhiều vẻ đẹp, nhiều đặc điểm của hồ Hoàn Kiếm (theo trình tự thời gian của một năm). Theo tác giả, cảnh hồ Hoàn Kiếm đẹp nhất vào mùa thu nên đã tả đặc điểm hồ Hoàn Kiếm vào mùa thu sau cùng.	Làm việc cá nhân Từng em đọc thầm, đọc lướt bài văn, trả lời câu hỏi theo cảm nhận của mình. Làm việc nhóm Trao đổi và xác nhận những câu trả lời thuyết phục. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu d. Cả lớp góp ý. (Lưu ý: Câu hỏi này tôn trọng ý kiến khác biệt).
---------------------	--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh *Bốn mùa trong ánh nước* và những trải nghiệm viết đoạn văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh theo trình tự thời gian.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3.1. Trao đổi về những điều học được về cách tả phong cảnh từ bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i>. – GV hướng dẫn HS: Dựa các vào gợi ý và những điều cảm nhận của riêng mình để nêu điều mình học được về cách viết bài văn tả phong cảnh. Ví dụ: + Cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng mắt nhìn, tai nghe,... + Miêu tả cảnh vật bằng những từ ngữ giàu sức gợi tả. + Sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hoá làm nổi bật đặc điểm của cảnh vật,... + ... – GV nêu yêu cầu: Cách tả cảnh vật ở bài <i>Đà Lạt</i> và bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> có gì khác nhau? – GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).	– Nhiều HS nêu ý kiến. – HS đọc và nêu nội dung Ghi nhớ.

3.2. So sánh trình tự miêu tả cảnh vật của bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> với bài <i>Đà Lạt</i>. – GV nêu yêu cầu bài tập. – GV khen ngợi những HS biết đưa dẫn chứng cho trình tự miêu tả của mỗi bài: + Bài <i>Đà Lạt</i>: Tả theo trình tự không gian, tả từng bộ phận/ từng vẻ đẹp của phong cảnh. + Bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i>: tả theo trình tự thời gian 4 mùa, mỗi mùa hiện ra trong trí nhớ/ kí ức. Mùa yêu thích nhất được nhắc đến sau cùng. – GV có thể nhắc các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh (dựa trên phần Ghi nhớ).	– HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. – HS ghi chép những điều cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh.
---	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS nhớ được những điều học tập được từ 2 tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau: (1) Nêu điều em học tập được từ 2 tiết học tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh. (2) Nếu viết bài văn tả phong cảnh, em chọn tả phong cảnh gì, phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào?	– HS có thể phát biểu theo ý kiến của cá nhân.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Hoạt động 1: Luyện tập (Đọc sách báo viết về thế giới động vật hoang dã.)

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV nêu nhiệm vụ của tiết học: HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu 1 và 2 trong sách. <i>Lưu ý:</i> GV nhắc HS có thể chia sẻ sách, báo cho nhau;...	HS làm việc cá nhân (thực hiện yêu cầu 1 và 2). Cụ thể: + Đọc sách, báo khoa học viết về thế giới động vật hoang dã (theo gợi ý). + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách. + Trao đổi, chia sẻ với bạn về sách báo đã đọc.

2. Hoạt động 2: Vận dụng (Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.)

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kĩ năng trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm. – GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	HS làm việc theo nhóm: Từng em chia sẻ, phát biểu ý kiến, Ví dụ: + Động vật hoang dã là gì? Môi trường sống của động vật hoang dã ra sao? Vì sao phải bảo vệ động vật hoang dã?... + Những thông tin thú vị, bổ ích đối với bản thân;... – Thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong <i>Sách đỏ Việt Nam</i> . – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng. – GV nhắc HS chia sẻ các thông tin các em tìm hiểu được cho nhau.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 10: + Đọc: <i>Kì diệu rừng xanh</i>. + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiết 2). + Đọc mở rộng: Đọc sách báo khoa học viết về động vật trong <i>Sách đỏ Việt Nam</i>. – GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 10. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. – Dặn dò HS đọc trước Bài 11.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 11 HANG SƠN ĐOÀNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực:

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản thông tin này. Biết thể hiện ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí theo đúng mạch văn bản; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Nhận biết được các thông tin nổi bật, hiểu nội dung của đoạn và văn bản, bộc lộ được ý kiến của bản thân về những thông tin đã tiếp nhận được sau khi đọc văn bản. Nhận biết được những thông tin nổi bật về hang Sơn Đoòng (niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang), biết phân bố bố cục của văn bản, tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.

b. Viết

- Củng cố lại kiến thức về từ đồng nghĩa; biết sử dụng các từ đồng nghĩa trong những tình huống cụ thể.
- Biết cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

2. Phẩm chất:

- Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.
- Bồi đắp lòng tự hào về cảnh đẹp quê hương và ý thức trách nhiệm với việc giữ gìn bảo vệ những danh thắng đẹp của đất nước.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học.
- Video giới thiệu về hang Sơn Đoòng.
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* giúp HS quan sát cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên ở hang Sơn Đoòng và từ đó khơi gợi trí tò mò, hứng thú để bước vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV dùng 1 trong 2 phương án sau: <u>Phương án 1:</u> Cho HS xem tranh, khuyến khích HS vừa chia sẻ vừa bộc lộ cảm xúc của bản thân), cho HS xem tranh trong bài rồi dẫn vào bài đọc. <u>Phương án 2:</u> Cho HS nghe clip (chọn 01 clip được giới thiệu phía trên), và yêu cầu các em nêu cảm nhận về clip đã xem. - GV giới thiệu vào bài. - Ghi tên bài lên bảng.	- HS quan sát, miêu tả tranh: hình ảnh bên ngoài và bên trong hang. Nó đẹp hoang sơ và có vẻ bí ẩn. - HS chia sẻ cảm nhận về những hình ảnh trong clip. Gọi 1 – 2 HS nhận xét. - HS nhắc lại tên bài và ghi tên bài vào vở.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV đọc mẫu với giọng đọc diễn cảm, thể sự tự hào, say mê, thích thú, tự hào, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. - Gọi HS đọc bài. - Hướng dẫn HS làm việc nhóm và trả lời hai câu hỏi sau: (1) <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: Bài chia 4 đoạn, nhưng cấu trúc thành 3 phần (câu đầu là câu dẫn dắt người đọc vào nội dung văn bản).	- HS lắng nghe. - HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - HS thảo luận trong 3 phút và trả lời hai câu hỏi của GV.

+ Đoạn 1: từ đầu đến <i>ngay dưới mặt đất</i>. + Đoạn 2: tiếp theo đến <i>40 tầng</i>. + Đoạn 3: phần còn lại. (2) Trong 3 đoạn đó, trừ câu mở đầu, ba đoạn có điểm gì giống nhau? Theo em điểm đó thể hiện ý nghĩa gì cho nội dung của từng đoạn? Dự kiến câu trả lời: Ba đoạn đều có phần in đậm, chúng là chủ đề, là thông tin có ý nghĩa khái quát cho nội dung từng đoạn. – GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>Sơn Đoòng</i>, <i>vết đứt gãy</i>, <i>Rào Thương</i>, <i>sầm uất</i>... – Gọi HS đọc phần chú giải trong sách. Có thể cho HS tra từ điển hoặc xem thêm hình ảnh trong các bức tranh để hiểu rõ hơn một số từ ngữ. – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV + HS nhận xét, tuyên dương.	– 3 HS đọc nối tiếp đoạn. – HS luyện đọc các từ dễ phát âm sai, đọc chú giải trong sách hoặc tra từ điển để hiểu nghĩa của một số từ khó. – HS đọc nối tiếp trong nhóm. Đại diện một vài nhóm thi đọc.
---	--

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết thông tin về hang Sơn Đoòng, cảm nhận được vẻ đẹp của hang, từ đó thể hiện lòng tự hào, hứng thú với nội dung thông tin của văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS đọc thầm lại bài văn và thảo luận theo cặp đôi rồi trả lời câu hỏi: Câu 1. <i>Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?</i> Dự kiến câu trả lời: <i>Những câu in đậm cho biết 3 nội dung chính của bài, cũng là 3 điều kì thú về hang Sơn Đoòng: niên đại của hang (đoạn 2); độ lớn của hang (đoạn 3); hệ sinh thái đặc biệt của hang (đoạn 4).</i> HS kết hợp làm việc nhóm để thực hiện câu hỏi sau: Câu 2. <i>Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?</i>	– Nhóm đôi hoạt động nhóm trong 3 phút. Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến câu trả lời:

Hang Sơn Đoòng được hình thành từ:

+ vết đứt gãy của dãy Trường Sơn

+ bị nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong nhiều năm liền (từ 2 đến 5 triệu năm) → Tạo thành một “lỗ hổng khổng lồ” – chính là hang Sơn Đoòng.

* Câu hỏi mở rộng: Theo em, quá trình hình thành của hang đã cho thấy điều gì?

Dự kiến câu trả lời:

Hang Sơn Đoòng có bề dày lịch sử lâu dài.

– Gọi HS đọc câu hỏi 3, 4 và yêu cầu làm việc nhóm rồi hoàn thành phiếu học tập sau:

Câu hỏi	Chi tiết tìm được	Ý nghĩa của chi tiết đó
Câu 3. Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?		
Câu 4. Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng?		

Dự kiến câu trả lời:

Câu 3. Những chi tiết cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn là:

(1) chiều dài ước tính 9 ki-lô-mét; (2) thể tích 38,5 triệu mét khối, (3) có thể chứa tới 68 máy bay Bô-ing 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những toà nhà cao 40 tầng. (GV lưu ý: Các con số này là theo “ước tính”, rất khó có thể đưa ra được một con số chính xác tuyệt đối về kích thước hang Sơn Đoòng, do hang lớn và phức tạp, không dễ gì dùng máy móc đo đạc).

Câu 4. Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. Trong hang có cả một khu rừng nguyên sinh với động thực vật rất phong phú và khác lạ (thực vật rất mỏng manh, động vật không có mắt và cơ thể trong suốt...).

HS làm việc cá nhân để thực hiện câu hỏi số 5:

Câu 5. Tưởng tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách?

– HS suy nghĩ và trả lời.

– HS thực hiện và điền thông tin tìm được và nêu ý nghĩa vào các cột tương ứng trong phiếu học tập.

– HS làm việc nhóm để thực hiện câu 5.

– Lưu ý HS: có thể có những cách sắp xếp thông tin khác nhau trên cơ sở: + Dựa vào các thông tin có trong bài đọc. + Có thể bổ sung thêm các thông tin bên ngoài nếu các em biết nhưng phải chính xác. – GV nhận xét, đánh giá.	– Các nhóm thay phiên nhau trình bày.
--	---

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. + Giáo viên đọc mẫu. + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. + Thi chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1, 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu: Em đã được đến hang Sơn Đoòng chưa? Nếu được tôi em có kể cho người đi cùng nghe những điều đã được học về nó không?	Yêu cầu cần đạt: HS biết thể hiện được ý kiến, nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của Sơn Đoòng. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân, có những chi tiết, những hình ảnh cụ thể càng tốt.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Củng cố được những hiểu biết về từ đồng nghĩa mà HS đã được tìm hiểu ở tiết trước. Khởi gợi trí tò mò, sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
Trò chơi Ai giỏi nhất? – GV phát phiếu học tập dưới đây và yêu cầu HS làm việc nhóm. <i>Tìm và nối các từ có ý nghĩa tương đồng ở cột A với các từ ở cột B?</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>má, u, bầm</td><td>tàu hoả</td></tr> <tr> <td>cha, thầy</td><td>mẹ</td></tr> <tr> <td>xe lửa</td><td>hồ</td></tr> <tr> <td>hùm, cọp</td><td>bố</td></tr> </tbody> </table> Dự kiến câu trả lời: má, u, bầm – mẹ cha, thầy – bố xe lửa – tàu hỏa hùm, cọp – hổ – Câu hỏi củng cố: Theo em, các từ có nghĩa tương đồng (giống nhau) như vậy được gọi là từ gì? Dự kiến câu trả lời: Đó là các từ đồng nghĩa. – GV dẫn dắt vào nhiệm vụ luyện tập, ghi tên bài lên bảng.	A	B	má, u, bầm	tàu hoả	cha, thầy	mẹ	xe lửa	hồ	hùm, cọp	bố	– HS thực hiện theo hình thức thảo luận nhóm, trao đổi và thực hiện. Nhóm nào nổi nhanh nhất và đúng nhiều nhất thì giành chiến thắng, được thưởng 1 bông hoa. – HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi. – HS lắng nghe và ghi bài vào vở.
A	B										
má, u, bầm	tàu hoả										
cha, thầy	mẹ										
xe lửa	hồ										
hùm, cọp	bố										

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận ra, biết sử dụng và đánh giá được tác dụng về từ đồng nghĩa trong bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
Bài tập 1: – GV cho học sinh chơi trò chơi Tiếp sức để thực hiện yêu cầu: <i>Chọn từ thích hợp để hoàn thiện các thành ngữ:</i> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Ngày ... tháng tốt</td><td>Sóng ... biển lặng</td></tr> <tr> <td>Năm lần bảy ...</td><td>Cầu được ... thấy</td></tr> </tbody> </table>	Ngày ... tháng tốt	Sóng ... biển lặng	Năm lần bảy ...	Cầu được ... thấy	– Các nhóm cùng thi tìm. Các thành viên hỗ trợ tìm từ và xem nhóm nào nhanh nhất, đúng nhiều nhất) vào các ô theo yêu cầu của bài tập:
Ngày ... tháng tốt	Sóng ... biển lặng				
Năm lần bảy ...	Cầu được ... thấy				

Đao to búa ...

Đi đến ... về đến chốn

Dự kiến câu trả lời: a. lành; b. lượt; c. yên; d. ước; e. lớn; g. nơi

Bài tập 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây:

*Góc sân **nhỏ nhỏ** mới xây*

*Chiều chiều em đứng nơi này em **trông***

*Thấy trời xanh biếc **mênh mông***

Cánh cò chợp trắng trên sông Kinh Thầy...

(Trần Đăng Khoa)

Dự kiến câu trả lời:

+ *nhỏ nhỏ* : nghĩa là nhỏ => các từ đồng nghĩa là: *nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,...*

+ *trông* : nghĩa là hoạt động dùng mắt, quan sát và thu nhận hình ảnh => các từ đồng nghĩa là: *nhìn, xem, coi,...*

+ *mênh mông*: dùng để biểu thị độ rộng => các từ đồng nghĩa là: *bao la, bát ngát, rộng lớn...,*

Bài tập 3: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

– GV cho HS chơi trò chơi: ***Đoàn tàu thông minh***

Dự kiến câu trả lời:

(1): *nhỏ bé*

(2): *khô cằn*

(3): *trong lành*

(4): *dịu mềm*

(5): *sức sống*

Bài tập 4: Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa

– Cho HS làm việc cá nhân. Nhắc HS chú ý tới các từ khoá: đoạn tả cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng từ đồng nghĩa.

– GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá một số bài cho HS.

– HS làm việc cá nhân và trả lời nối tiếp nhau. GV có thể kiểm tra kết quả của các bạn khác trong lớp qua câu hỏi thăm dò để kiểm chứng kết quả HS thực hiện.

– Các thành viên của 1 – 3 nhóm lên ghi đáp án của nhóm. Nhóm nào đúng nhất, nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.

– HS thực hiện được theo hướng dẫn của GV.

3. Hoạt động 3: Vận dụng (có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng những hiểu biết của mình vào nhận biết, lí giải được tác dụng của từ đồng nghĩa đại từ trong tình huống mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1: Trong câu văn dưới đây, từ nào đồng nghĩa với nhau? <i>Cánh đồng làng em rộng bát ngát, trải dài bao la vô tận, gợi một cảm giác xanh ngợp tới chân trời.</i> Dự kiến câu trả lời: các từ đồng nghĩa là: bao la, bát ngát.	HS làm việc cá nhân (kĩ thuật tia chớp): đọc thầm và nêu ý kiến của bản thân về phương án lựa chọn.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ được các cách viết mở bài, kết bài cho bài văn tả cây cối, tả con vật (đã học ở lớp 4) để từ đó nhận biết các cách viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học ở lớp 4. – GV nhấn mạnh: Các em đã biết hai cách mở bài (mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp) và hai cách kết bài (kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng) cho bài văn miêu tả (tả cây cối, tả con vật). Tiết học này, các em tiếp tục tìm hiểu và luyện tập viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS nêu những điều đã biết về cách viết mở bài, kết bài cho bài văn tả cây cối, tả con vật đã học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Tìm hiểu các cách viết mở bài, kết bài.)

a. Mục tiêu: Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện bài tập 1:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS đọc các mở bài và kết bài ở mục 1, sau đó nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách mở bài và kết bài đó và cho biết mình thích cách viết nào hơn. (GV có thể chiếu toàn bộ bài tập 1 trên màn hình hoặc yêu cầu HS đọc trong sách. Có thể có cách thiết kế khác sinh động hơn để tăng sự chú ý của HS). – Khuyến khích HS nêu ý kiến theo suy nghĩ của mình Dự kiến câu trả lời: – Về mở bài: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp). Mỗi cách mở bài có ưu điểm riêng. HS có thể nêu mình thích cách mở bài nào và giải thích. Ví dụ: + Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh. + Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn. – Về kết bài: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng. + Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc. + Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn.	Làm việc cá nhân Đọc các mở bài, kết bài và chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau. Làm việc theo cặp/ nhóm Chia sẻ, trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm. Làm việc chung cả lớp Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp.

3. Hoạt động 3: Thực hành (Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.)

a. Mục tiêu: Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn *Bốn mùa trong ánh nước* theo cách của mình.

b. Tổ chức thực hiện bài tập 2:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học ở lớp 4. – GV nhấn mạnh: Các em đã biết hai cách mở bài (mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp) và hai cách kết bài (kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng) cho bài văn miêu tả (tả cây cối, tả con vật). Tiết học này, các em tiếp tục tìm hiểu và luyện tập viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh. – GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Ví dụ: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu phong cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả trong bài./...; Để viết kết bài mở rộng, có thể giải thích vì sao người dân mọi miền đất nước về thăm Hà Nội bao giờ cũng đến hồ Hoàn Kiếm, hoặc tưởng tượng sau này lớn lên và nhớ về hồ Hoàn Kiếm cùng những kỉ niệm đã có với hồ Hoàn Kiếm, /... – GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét. – GV mời một số HS đọc mở bài, kết bài của mình trước lớp (nếu có thời gian). GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bạn viết được mở bài, kết bài hay (hoặc góp ý để HS chỉnh sửa).	– HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học ở lớp 4. – Dựa trên các đoạn mở bài, kết bài đã đọc và phân tích ở bài tập 1, HS thực hành viết mở bài và kết bài cho bài văn <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> theo cách của mình. Sau đó đọc trong nhóm để nhận xét, góp ý cho nhau.

4. Hoạt động 4: Trao đổi (Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.)

a. Mục tiêu: Nắm được các cách mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS dựa vào những cách mở bài và kết bài mà cả nhóm/ lớp đã viết và những gợi ý trong sách để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh. – GV mời một số em phát biểu kết quả trao đổi nhóm và hướng dẫn cả lớp nhận xét, đánh giá hoặc bổ sung. Ví dụ:	– HS dựa vào những cách mở bài và kết bài mà cả nhóm/ lớp đã viết và những gợi ý trong sách để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

Cách viết mở bài gián tiếp	Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,...
	Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...
	Nhắc đến cuộc thi giới thiệu một phong cảnh của quê hương, đất nước mình đã chứng kiến hoặc tham gia,...
	Nói về một kỉ niệm với người thân, với bạn bè,... gắn với phong cảnh được miêu tả.
	...
Cách viết kết bài mở rộng	Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...
	Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...
	Giải thích vì sao những cảnh đẹp thiên nhiên luôn được nhiều người yêu thích, tới thăm.
	Tưởng tượng sau này lớn lên sẽ làm gì để góp phần làm cho phong cảnh đẹp thêm.
	...

– HS nêu những điểm cần nhớ khi viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

– GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

5. Hoạt động 5: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS nêu được cách viết mở bài, kết bài cho bài văn tả phong cảnh mà mình muốn vận dụng.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS thực hiện yêu cầu sau: Nêu cách mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng mà mình muốn vận dụng. – GV nhắc HS: Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh trong sách báo hoặc trong sách Tiếng Việt đã học ở các lớp. Chú ý học tập cách mở bài, kết bài của các đoạn văn, bài văn đó.	– HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ Vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

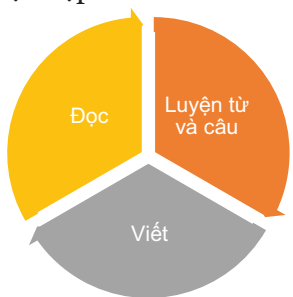
b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Em hãy kể cho người thân nghe những cảm nhận của em về hang Sơn Đoòng: a. <i>Vẽ đẹp của hang.</i> b. <i>Cảm xúc của em khi đọc văn bản “Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú”.</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng. Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây: + Bài học này các em đã được học những nội dung nào? Hãy thảo luận cặp đôi và điền vào sơ đồ dưới đây:  – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 12 – <i>Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long</i>.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV. (Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) hoặc câu chuyện truyền thuyết về sự hình thành vịnh Hạ Long để chuẩn bị cho bài 12.)

BÀI 12 NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài *Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.
- Đọc hiểu: Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh). Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bầy đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

b. Viết

- Biết cách quan sát phong cảnh để chuẩn bị cho bài văn tả phong cảnh.
- củng cố thêm kiến thức về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa (qua hoạt động luyện tập theo văn bản đọc).

c. Nói và nghe

Biết cách thảo luận vấn đề bảo tồn động vật hoang dã.

2. Phẩm chất:

Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên; niềm tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, video về vịnh Hạ Long.
- Một số thông tin cập nhật về vịnh Hạ Long.
- Tranh ảnh, video phục vụ cho việc hướng dẫn quan sát phong cảnh.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV hướng dẫn học sinh ôn lại bài cũ:

- 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú*.
- Trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Em thấy điều gì trong bài đọc làm nên sự kì thú của hang Sơn Đoòng?).

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị tâm thế tiếp nhận bài đọc *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* thuộc chủ điểm *Thiên nhiên kì thú* và hào hứng đón nhận, thưởng thức những vẻ đẹp được gợi lên qua những hình ảnh, cảnh vật trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu khái quát bài đọc – GV nêu tên bài học và những nội dung học trong 4 tiết của Bài 12 (<i>Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long</i>). – GV mời HS nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về cảnh vật trong bức ảnh. Giao việc cho HS – GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: <i>Trao đổi với bạn về những điều mình biết về vịnh Hạ Long.</i> – GV có thể nhắc HS quan sát hình minh họa để nhớ lại những điều đã biết về vịnh Hạ Long để chia sẻ trong nhóm. – GV khích lệ HS nêu ý kiến riêng theo hiểu biết của cá nhân. – Mời 1 – 2 em phát biểu trước lớp (nếu có thời gian). – Nhận xét các nhóm, sau đó có thể bổ sung/ cập nhật một số thông tin về vịnh Hạ Long (có thể cho HS xem video về vịnh Hạ Long). – Giới thiệu khái quát về bài đọc, Ví dụ: Ở tiết Đọc, các em được tìm hiểu vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long, ở tiết Luyện từ và câu, các em luyện tập về từ đồng nghĩa, ở tiết Viết, các em được hướng dẫn cách quan sát phong cảnh.	Làm việc chung cả lớp HS quan sát bức ảnh về vịnh Hạ Long và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về cảnh vật trong bức ảnh. Làm việc nhóm – Chia sẻ và trao đổi với các bạn những điều mình biết về vịnh Hạ Long (Ví dụ: Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới; phong cảnh thiên nhiên đặc biệt, lượng khách tham quan,...). – Cả nhóm nhận xét, chia sẻ cảm nhận. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS nêu ý kiến; cả lớp nhận xét, góp ý.

(GV có thể giới thiệu đôi nét về tác giả Thi Sánh: Nhà thơ Thi Sánh tên thật là Nguyễn Thanh Sỹ, sinh năm 1941 tại xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Thơ Thi Sánh thể hiện những cảm xúc gần gũi, là những người thân quanh mình, là quê hương, là những bộn bề của cuộc sống thường nhật... Thơ ông cũng lắng đọng những xúc cảm rất riêng, bằng hình ảnh thơ nhiều sức gợi, bằng giọng điệu thơ có cá tính và bằng một trái tim đau đáu những nỗi niềm. Trong cuộc đời sáng tác của mình, Thi Sánh đã có 16 tập thơ được xuất bản, trong đó ở tập nào cũng đều có những bài thơ viết về vùng mỏ Quảng Ninh.)

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc đúng và diễn cảm bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– <i>Đọc mẫu</i>: GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. – <i>Luyện đọc đúng</i>: GV hướng dẫn đọc: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: “ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời”; “lúc neo thuyền, phơi lưới”; “ông lão trầm tĩnh”,... + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ: “Có chỗ/ đảo dàn ra thưa thớt,/ hòn này với hòn kia biệt lập, /xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển.” “Có hòn trông như đôi gà /đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước/ (hòn Gà Chọi);/ có hòn bê thế như mái nhà/ (hòn Mái Nhà);/ có hòn/ chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng/ (hòn Con Cóc), /có hòn/ như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá / (hòn Ông Lã Vọng).” ...	Làm việc chung cả lớp – HS nghe GV đọc mẫu.

– GV hướng dẫn 2 HS đọc trước lớp (đọc nối tiếp các đoạn trong bài).	– 2 HS đọc nối tiếp trước lớp. Làm việc nhóm HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc.
– GV nhận xét việc đọc của các nhóm/ cả lớp.	Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này. Ví dụ: + <i>Trường thành:</i> bức thành dài và vững chắc + <i>Khởi:</i> vùng biển xa bờ. + <i>Lộng:</i> vùng biển gần bờ. – GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài. Ví dụ: + <i>Khuất khúc</i> (tính từ): có nhiều đoạn quanh co, gấp khúc. + <i>Chon von</i> (tính từ): lơ lửng ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn. <i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> – GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục bài văn trước khi trả lời các câu hỏi dưới bài đọc.	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc. – HS lắng nghe GV giải thích nghĩa của từ hoặc tra thêm từ điển.

	+ Đoạn thứ nhất: Giới thiệu bao quát về vịnh Hạ Long với rất nhiều hòn đảo được xếp đặt độc đáo. + Đoạn 2 và 3: Miêu tả bao quát toàn cảnh đảo trên vịnh Hạ Long và miêu tả hình dáng một số hòn đảo có hình dáng đặc biệt. + Đoạn 4: Khẳng định Hạ Long là một bộ phận của non sông Việt Nam mà chúng ta yêu quý, bảo vệ, giữ gìn.	– HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong sách theo hướng dẫn của GV.		
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?</i> – Hướng dẫn HS: Làm việc cá nhân sau đó làm việc theo cặp hoặc nhóm. Dựa vào đoạn văn thứ nhất để trả lời, sau đó thống nhất câu trả lời theo nhóm. – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời. Dự kiến câu trả lời: Câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long là câu “Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, uốn khúc như rồng chầu, phượng múa.”. Câu văn này giúp người đọc hình dung được toàn cảnh vịnh Hạ Long: vịnh rất rộng với hàng nghìn đảo; những hòn đảo được tạo hoá xếp đặt rất đẹp mắt.	Làm việc cá nhân Đọc đoạn 1, chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt.		
Câu 2	– GV nêu yêu cầu: <i>Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó? và nhắc HS tìm chi tiết trong bài để minh hoạ ý kiến của mình.</i> – GV nhận xét và tổng hợp ý kiến phát biểu của HS. Tham khảo cách tổng hợp ý kiến để thống nhất nội dung trả lời đối với câu hỏi 2. Dự kiến câu trả lời: Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt rất thú vị: <table><tr><td>Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, uốn khúc như rồng chầu, phượng múa.</td><td>Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.</td></tr></table>	Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, uốn khúc như rồng chầu, phượng múa.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.	Làm việc cá nhân – HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời và phát biểu ý kiến theo nhóm hoặc trước lớp. Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp – Nhiều HS nêu ý kiến.
Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, uốn khúc như rồng chầu, phượng múa.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.			

	Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.	
	Có chỗ đảo dàn ra thừa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển.	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.	
	Có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới.	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.	
	-> Bằng biện pháp so sánh hoặc nhân hoá, tác giả đã giúp người đọc hình dung sự thú vị đó.		
Câu 3	– Nêu yêu cầu: Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long. – Hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu theo nhóm. Khuyến khích HS bổ sung những thông tin các em biết hoặc tìm hiểu thêm. – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời. – GV có thể cung cấp một số tranh ảnh. Dự kiến câu trả lời: Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thấp thoáng hình ảnh của sự sống. Cụ thể:		Làm việc cá nhân và làm việc nhóm – Làm việc cá nhân sau đó làm việc theo cặp hoặc nhóm. Dựa vào đoạn văn thứ nhất để trả lời, sau đó thống nhất câu trả lời theo nhóm. (HS có thể nói được nhiều chi tiết hơn nếu có được những thông tin từ những nguồn khác.) – Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
	Có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc).	Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọi).	Có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng).

Câu 4	– Nêu câu hỏi: <i>Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá”?</i> – GV nêu cách thức thực hiện. – GV có thể lựa chọn cách trình bày dựa trên ý hiểu của HS. Dự kiến câu trả lời: Khi ngắm đảo ở Hạ Long, tác giả có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá vì hình dáng mỗi hòn đảo trên vịnh Hạ Long đều giống hình người hoặc vật quen thuộc (hình ảnh mái nhà, hình ảnh ông lão ngồi câu cá, hình con cóc, con gà, con rùa, con thiên nga,...). Những hòn đảo tụ họp lại bên nhau làm hiện lên thấp thoáng hình ảnh của sự sống là vậy.	Làm việc cá nhân và làm việc nhóm – Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. – Bước 2: HS làm việc nhóm: từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. – Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.
Câu 5	– Nêu câu hỏi: <i>Chủ đề của bài “Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long” là gì?</i> – GV hướng dẫn HS suy nghĩ để chọn phương án trả lời đúng. Dự kiến câu trả lời: Phương án A – Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long	– HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu ý kiến, có thể trao đổi về lí do mình có ý kiến như vậy. – Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* HS đọc lại bài đọc sau khi đã đọc hiểu, giúp các em cảm nhận một lần nữa một văn bản hoàn chỉnh để có ấn tượng sâu đậm hơn về độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.	Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm. – Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

3.4. Luyện tập theo văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn luyện kiến thức đã học ở những tiết Luyện từ và câu (tiết học này luyện tập về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa) gắn với ngữ liệu của bài đọc, qua đó các em vừa hiểu sâu thêm về bài đọc và nắm vững hơn kiến thức về từ và câu.

b. Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS tự thực hiện yêu cầu, sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm hoặc trước lớp.

– Có thể hướng dẫn kĩ bài tập 1 hơn như sau:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1	– Nêu câu hỏi: <i>Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long: nhấp nhô, sừng sững, thừa thốt, chon von, xúm xít, chông chênh</i> – GV gợi ý cách thực hiện: Nhận xét về các từ ngữ được sử dụng để miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long (<i>nhấp nhô, sừng sững, thừa thốt, chon von, xúm xít, chông chênh</i>) từ đó nêu tác dụng của các từ ngữ này trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. – GV mời HS nêu ý kiến trước lớp. – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời. Dự kiến câu trả lời: Các từ có âm đầu hoặc vần giống nhau, tạo sự độc đáo về âm điệu khi đọc, đồng thời các từ này đều giàu sức gợi tả, giúp người đọc hình dung được hình dáng, sự xếp đặt thú vị của các hòn đảo trên vịnh. (GV có thể nhắc HS tra từ điển để hiểu rõ nghĩa của các từ.)	Làm việc cá nhân Đọc đoạn 1, chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt.

Bài tập 2 và 3	– GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 2 và 3. Bài tập 2. <i>Tìm trong các từ được nêu trong sách những cặp từ đồng nghĩa.</i> Bài tập 3. <i>Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.</i> – GV nhắc HS tự làm bài tập 2 và 3, sau đó thống nhất kết quả theo nhóm/ lớp. Dự kiến câu trả lời: Bài tập 2. – trầm tĩnh, trầm lặng – quần tụ, quây quần – vững chắc, vững chãi – ngắm nhìn, chiêm ngưỡng: Bài tập 3. – Dân cư quần tụ đông đúc dọc hai bên bờ sông. – Cả gia đình quây quần bên nhau cùng thưởng thức bữa tối ấm cúng.	– 1 HS đọc câu hỏi và suy nghĩ để thực hiện từng yêu cầu. – Một số HS phát biểu. Cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.
-----------------------	---	--

TIẾT 3

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS huy động trải nghiệm về kĩ năng quan sát cây cối, con vật, đồ vật đã học để biết cách quan sát phong cảnh, nhận ra những đặc điểm riêng của phong cảnh mình muốn miêu tả.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS: Làm việc theo nhóm để chia sẻ những điều đã biết về cách quan sát cây cối, con vật, đồ vật nào đó để tìm ra một số đặc điểm nổi bật của người đó. – GV quan sát các nhóm, sau đó nhận xét chung về những ý kiến của HS.	Làm việc nhóm: Từng em chia sẻ những điều đã biết về cách quan sát cây cối, con vật, đồ vật nào đó để chỉ ra cách quan sát và tìm đặc điểm nổi bật của phong cảnh muốn miêu tả.

– GV nêu nhiệm vụ của tiết học: Ở tiết học này, các em luyện tập cách quan sát phong cảnh ghi chép kết quả quan sát để có nội dung viết bài văn tả phong cảnh ở những tiết học tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện kỹ năng quan sát để tìm ý cho bài văn tả người

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách quan sát phong cảnh: quan sát những gì, quan sát theo trình tự nào, huy động những giác quan nào để quan sát, cảm nhận các đặc điểm của phong cảnh, cách ghi chép kết quả quan sát,...

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Chuẩn bị	– Hướng dẫn HS đọc nội dung yêu cầu 1. – Cho HS biết bức tranh minh hoạ chỉ là gợi ý về việc lựa chọn phong cảnh để quan sát và miêu tả. – Hướng dẫn HS ghi chép kết quả quan sát.	Làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp, theo nhóm Đọc và thực hiện những hướng dẫn ở yêu cầu 1 (Chuẩn bị). – Chọn phong cảnh để quan sát. – Xác định cách quan sát: quan sát trực tiếp, qua tranh ảnh, video,... – Lựa chọn trình tự quan sát. – Chuẩn bị phiếu ghi kết quả quan sát.
2. Quan sát và ghi chép kết quả	– GV hướng dẫn HS đọc mẫu và các gợi ý về cách quan sát nêu trong sách trước khi thực hiện nhiệm vụ quan sát và ghi chép kết quả quan sát. – GV nhắc HS: Khi quan sát (hoặc nhớ lại những đặc điểm của phong cảnh được chọn quan sát và miêu tả), cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh (Ví dụ: nhìn ngắm hình dáng, màu sắc,...; lắng nghe âm thanh; ngửi mùi hương,...).	Làm việc cá nhân Dựa trên mẫu minh hoạ trong sách, quan sát (hoặc nhớ lại kết quả đã quan sát) và ghi chép vào vở hoặc phiếu học tập, vở bài tập (nếu có).

	Lưu ý HS: cần lựa chọn một số chi tiết tiêu biểu (về đặc điểm bao quát toàn cảnh, về đặc điểm của một số sự vật, hiện tượng,... tiêu biểu, làm nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh). – GV có thể chiếu trên màn hình/ giới thiệu phiếu quan sát của một số HS. Dự kiến câu trả lời <table><tr><th>Cảnh vật</th><th>Hình dáng, kích thước</th><th>Màu sắc</th><th>Âm thanh</th><th>Hương vị</th><th>(...)</th></tr><tr><td>Dòng suối</td><td>uốn lượn,...</td><td>trong vắt,...</td><td>róc rách,...</td><td>(...)</td><td>(...)</td></tr><tr><td></td><td>uốn lượn như dải lụa mềm mại</td><td>trong vắt như pha lê</td><td>róc rách, thánh thót như tiếng đàn.</td><td>(...)</td><td>(...)</td></tr></table> – GV có thể nhắc HS: Khi nêu đặc điểm cụ thể của từng sự vật, hiện tượng, ngoài việc nêu các từ ngữ gợi tả đặc điểm của phong cảnh, các em có thể nêu hình ảnh so sánh, nhân hoá.	Cảnh vật	Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	(...)	Dòng suối	uốn lượn,...	trong vắt,...	róc rách,...	(...)	(...)		uốn lượn như dải lụa mềm mại	trong vắt như pha lê	róc rách, thánh thót như tiếng đàn.	(...)	(...)	Làm việc nhóm/ lớp Đọc phiếu ghi chép và góp ý cho nhau.
Cảnh vật	Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	(...)															
Dòng suối	uốn lượn,...	trong vắt,...	róc rách,...	(...)	(...)															
	uốn lượn như dải lụa mềm mại	trong vắt như pha lê	róc rách, thánh thót như tiếng đàn.	(...)	(...)															
3. Trao đổi về kết quả quan sát	– GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu và các gợi ý trong sách. – GV nhắc HS: Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của phong cảnh được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả phong cảnh, để người đọc nhận rõ được đặc điểm của cảnh vật, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng.	Làm việc theo cặp/ theo nhóm – Chia sẻ kết quả quan sát. HS trình bày kết quả ghi chép hoặc đổi phiếu ghi chép cho nhau: + Cảnh vật nào được quan sát? + Cảnh vật đó có những đặc điểm nào nổi bật? – Nhận xét, góp ý kết quả quan sát: Từng em nêu ý kiến nhận xét kết quả quan sát của bạn:																		

		+ Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của phong cảnh được quan sát có hợp lí không? + Cách miêu tả đặc điểm (sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...) của bạn đã giúp làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được tả hay chưa? + Bạn đã học tập được điều gì từ các bài văn tả phong cảnh đã học? + ...
--	--	--

3. Hoạt động 3: Vận dụng

- a. Mục tiêu: HS nêu được cách quan sát trước khi viết bài văn tả phong cảnh.
- b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS chia sẻ theo các yêu cầu sau: + Cách quan sát để nhận biết những đặc điểm riêng của một phong cảnh nào đó. + Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát (Ví dụ: Đây là một khâu quan trọng, không thể thiếu để viết được bài văn tả phong cảnh hay.). – GV nhắc HS: Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh trong sách báo hoặc trong sách Tiếng Việt đã học ở các lớp trước.	Làm việc cá nhân – Từng em chia sẻ những điều em biết về cách quan sát phong cảnh và ý nghĩa của việc quan sát trước khi viết bài văn miêu tả phong cảnh. – Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh theo hướng dẫn của GV.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nhận biết được chủ đề sắp được thảo luận (bảo tồn các loài động vật hoang dã); khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Phương án 1: GV giới thiệu 1 số bức tranh về các loài động vật hoang dã; cho HS xem tranh rồi và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, hiện nay các loài động vật hoang dã đang phải đối diện với vấn đề gì?</i> => Dẫn dắt vào bài. Phương án 2: GV chiếu đoạn clip về nguy cơ tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã, HS xem và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, đoạn clip vừa xem đã phản ánh tình trạng gì của các loài động vật hoang dã? Muốn các loài động vật hoang dã không phải đối diện với tình trạng đó, chúng ta cần làm gì?</i> Dự kiến câu trả lời: Đoạn clip trên phản ánh tình trạng các loài động vật đang dần biến mất, có nguy cơ tuyệt chủng. Muốn các loài động vật đó không bị tuyệt chủng, chúng ta cần có những biện pháp bảo vệ chúng. – GV nhận xét câu trả lời, dẫn dắt HS vào bài và ghi tên bài lên bảng.	– HS xem tranh, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần thảo luận. – HS xem vi deo, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần thảo luận. – HS lắng nghe và ghi bài.

2. Hoạt động 2: Chuẩn bị

a. *Mục tiêu:* Giúp HS thực hiện các yêu cầu để chuẩn bị những nội dung sẽ thảo luận.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu hỏi 1: <i>Hãy kể tên sản phẩm mà nhóm em đã chuẩn bị để nói về các loài động vật hoang dã?</i> Câu hỏi 2: (Dành cho những nhóm tìm sách về các loài động vật hoang dã) <i>Khi giới thiệu về các loài động vật hoang dã, sản phẩm của nhóm em có nhắc tới vấn đề gì liên quan tới cuộc sống của các loài động vật ấy hay không?</i>	– HS nghe và trả lời. (Các em có thể giới thiệu về các loài động vật, về các hoạt động bảo tồn các loài động vật).

Câu hỏi 3: (Dành cho những nhóm tìm sách về bảo tồn các loài động vật hoang dã)

Khi giới thiệu về việc bảo tồn các loài động vật hoang dã, sản phẩm của nhóm em chọn có nhắc tới những nội dung nào?

Phiếu học tập

Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau:

Lí do cần bảo tồn	Các hoạt động bảo tồn
.....	
.....	
.....	
.....	

Dự kiến câu trả lời:

- Lí do: bị săn bắn, môi trường sống bị ảnh hưởng...
- Các hoạt động bảo tồn: kêu gọi, tuyên truyền, xây khu bảo tồn....

Câu hỏi 4: *Ngoài những thông tin trên, em còn có ý kiến riêng nào khác không?*

– HS trả lời theo ý kiến nhóm.

– HS dựa vào ý kiến của nhóm để hoàn thiện phiếu học tập.

– HS trả lời ý kiến riêng của các em nếu có.

3. Hoạt động 3: Trình bày

a. *Mục tiêu:* HS tiến hành thảo luận theo những nội dung đã chuẩn bị trước đó.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV cho đại diện nhóm (cá nhân) đứng lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. Quan sát phần thảo luận của các thành viên trong nhóm.	HS thực hiện.

4. Hoạt động 4: Đánh giá

a. *Mục tiêu:* HS tiến hành đánh giá trên cơ sở phần thảo luận của nhóm.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV cho cá nhân đại diện các nhóm nhận xét, đánh giá. GV nhận xét, củng cố.	HS thực hiện.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Có thể thực hiện theo các phương án sau: <u>Phương án 1:</u> GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy viết một bài văn miêu tả cảnh vịnh Hạ Long và đọc cho người thân nghe bài văn ấy</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả. <u>Phương án 2:</u> GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: (Nếu có điều kiện có thể ghi lại một phần hoạt động chia sẻ của em với mọi người nhé!) Để bảo vệ các loài động vật hoang dã, em sẽ làm gì? Hãy chia sẻ với người thân và bạn bè ý tưởng của mình.	<u>Phương án 1:</u> Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu Vận dụng. <u>Phương án 2:</u> Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, hoặc phần nói và nghe. + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: <i>Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long</i> Viết: Quan sát phong cảnh Nói và nghe: Bảo tồn động vật hoang dã – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 13 – <i>Mầm non</i> để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 13 MÂM NON (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- a. *Kiến thức tiếng Việt*: Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa.
- b. *Kiến thức văn học*: Nhận biết được hình ảnh thơ, cảnh vật và không gian trong bài thơ

2. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Mâm non*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- Đọc hiểu: Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự chuyển mùa của thiên nhiên qua lời thơ, hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nhân hoá của tác giả. Hiểu được điều bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh mâm non: Vẻ đẹp của thiên nhiên vào thời khắc chuyển mùa từ đông sang xuân. Cảm nhận được tình yêu của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước.

- b. *Viết*: Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết

2. Phẩm chất

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.
- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa bài thơ (tranh ảnh trong SGK); tranh ảnh (sưu tầm) về cảnh vật giao mùa từ đông sang xuân (của Việt Nam và nước ngoài) để đọc hiểu tốt hơn bài thơ *Mâm non*.
- Clip chồi cây đang vươn mình, đâm chồi (nếu có).
- Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, nghệ thuật của thơ ca.
- Một số bài văn tả cảnh vật thiên nhiên vào thời điểm giao mùa giữa đông và xuân.

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Những hòn đảo trên vịnh Hà Long*, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ:

- Tìm những câu so sánh có trong bài đọc. Cách so sánh như vậy có tác dụng gì?
- ...

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu

Giúp HS:

- Huy động được những tri thức, trải nghiệm có liên quan đến bài đọc *Mầm non*;
- Có tâm thế, hứng thú, nhu cầu đọc hiểu bài thơ *Mầm non*.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Mời 1– 2 HS đọc yêu cầu nêu trong mục Khởi động. – Yêu cầu HS xác định nhiệm vụ của HĐ này: Em hãy nêu sự thay đổi của thời tiết, cỏ cây... khi mùa đông chuyển sang mùa xuân hoặc mùa khô chuyển sang mùa mưa – Tổng hợp, nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm. (Mời 1 HS nhắc lại những ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Khi mùa đông chuyển sang mùa xuân, thời tiết, cỏ cây có sự thay đổi rõ rệt. Chẳng hạn như khí hậu sẽ ấm hơn, không còn lạnh giá. Những cơn gió rét thổi vù vù được thay bằng những làn gió nhẹ nhàng. Trời bắt đầu xuất hiện những cơn mưa bụi / mưa phùn chỉ đủ để làm không khí ẩm ướt. Những chồi non xuất hiện trên những cành cây, lá cây xanh mướt, những ngọn cỏ nằm ngủ im lìm dưới mặt đất bỗng trỗi dậy xanh nõn nà...	Làm việc nhóm – Từng cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi. – Từng em nêu ý kiến, cả nhóm chuẩn bị câu trả lời của nhóm dựa trên ý kiến của từng cá nhân. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

Khi mùa khô kết thúc, mùa mưa bắt đầu, cảm nhận em thấy rõ nhất là khí hậu. Không còn cái nóng khô rang nữa. Những cơn mưa xối xả trong chốc lát đã mang lại cái mát lạnh, đầy hơi nước cho không gian. Cây cối như được tiếp thêm nguồn sống. Những tàu lá dừa, lá chuối mở xòe ra đón những hạt mưa đang rơi ào ào, xối xả. Những bụi cỏ dại ven đường, trong vườn cũng vươn cao hơn để được tắm mình trong làn mưa. Những vườn cây trở nên xanh bóng, mỡ màng...

– Giới thiệu tranh minh hoạ sau đó liên kết với bài học: Tranh vẽ khu rừng với hình ảnh cây bàng thưa thớt lá, chen vào sắc vàng của lá có sắc xanh của chồi non. Một chú chim đậu trên cành bàng khẳng khiu. Ven bờ dòng suối nhỏ, có một chú thỏ đang nép mình bên một đám cỏ. Cảnh vật thật đẹp, giúp chúng ta cảm nhận được phần nào về cảnh sắc thiên nhiên trong bài thơ *Mầm non* của Võ Quảng

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Mầm non*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp nhiều cung bậc của thiên nhiên vào thời điểm giao mùa

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Đọc mẫu: – GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật vào mùa đông và mùa xuân, miêu tả hình ảnh chồi non.). Hoặc GV hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 1 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo, có thể dùng bút chì đánh dấu những câu thơ, hình ảnh thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. Luyện đọc đúng: – GV hướng dẫn đọc đúng: – Đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai. Ví dụ: <i>nằm nép lặng im, chíp chiu chiu xuân đến...</i> (GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài).	Làm việc chung cả lớp – HS nghe GV đọc mẫu.

– Đọc đúng ngữ điệu, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc: Đọc chậm rãi, nhấn vào từ “thấy” với những câu: Thấy mây bay hối hả/ Thấy lất phất mưa phùn...; Ngữ điệu nhanh, tươi vui, rộn ràng khi đọc những câu: Túc thì trăm ngọn suối / Túc thì ngàn tiếng chim...; nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của khu rừng (ví dụ: hối hả, lất phất, lim dim, xanh biếc...) – GV tổ chức cho HS thực hành đọc.	– 2 HS đọc nối tiếp trước lớp. Làm việc nhóm HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (4 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt). Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.
– GV nhận xét việc đọc của cả lớp	

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết dựa vào câu thơ, chi tiết, hình ảnh để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên khi giao mùa (sự chuyển đổi của cảnh vật như đang chìm trong giấc ngủ, từ yên tĩnh, vắng lặng, rét buốt đến bừng tỉnh, rộn ràng tươi vui, náo nức tràn đầy sức sống).

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	GV có thể tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 phương án: <u>Phương án 1:</u> Nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp.	<u>Phương án 1:</u> Làm việc chung cả lớp HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi một số HS phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất câu trả lời.

	<u>Phương án 2:</u> Cho HS hoạt động nhóm <u>Phương án 3:</u> GV phát phiếu học tập cho từng HS, các em viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị.	<u>Phương án 2:</u> Làm việc theo nhóm Các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. <u>Phương án 3:</u> Làm việc cá nhân HS thực hiện phiếu học tập theo hướng dẫn của GV.
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Trong hai khổ thơ đầu, mầm non được miêu tả như thế nào? Cách miêu tả đó có gì thú vị?</i> – Hướng dẫn HS: Các em đọc hai khổ thơ đầu, tìm từ ngữ miêu tả mầm non. Sau đó nêu cảm nhận của em về cách miêu tả mầm non của nhà thơ. – Mời một số em nêu cảm nhận về cách miêu tả mầm non của nhà thơ Võ Quảng. – Khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, khen ngợi các em có câu trả lời thể hiện cảm nhận riêng, diễn đạt có sức lôi cuốn,... 1 HS nhắc lại ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Một mầm non nho nhỏ, nằm nép lặng im, mắt lim dim, cố nhìn qua kẽ lá Nhà thơ sử dụng những động từ chỉ hoạt động của con người để miêu tả mầm non (<i>nằm, nép, lim dim, nhìn</i>) khiến cho mầm non hiện lên rất sinh động. Cũng giống như con người, mầm non biết đi trốn cái rét, biết co mình lại vì sợ lạnh, cũng tò mò, muốn biết cảnh vật quanh mình thế nào (<i>cố nhìn</i>). Biện pháp nhân hóa đã khiến cho mầm non hiện ra thật đẹp, ngộ nghĩnh đáng yêu.	Làm việc cá nhân – Đọc 2 khổ thơ, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. – Từng em trả lời theo cách cảm nhận của mình. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét. – Cả lớp nhận xét. (Chú ý tôn trọng sự khác biệt.)

	Dự kiến câu trả lời: Bức tranh mùa xuân và mùa đông có sự khác biệt. Về âm thanh, bao trùm bức tranh mùa đông là sự tĩnh lặng. Tĩnh lặng từ ngọn cỏ, làn rêu đến tiếng gió, tiếng lá reo. Trong khi đó bức tranh mùa xuân tràn ngập âm thanh rộn ràng, náo nức. Đầu tiên là tiếng chim hót chíp chiu, và ngay tức thì, vạn vật trong khu rừng cất tiếng hoà ca cùng tiếng chim; Về màu sắc, bức tranh mùa đông được dệt nên bởi gam màu đỏ đồng của lá bàng, gam màu vàng của lá rụng. Ở bức tranh mùa xuân, sắc màu chủ đạo, như là tâm điểm của bức tranh là màu xanh biếc của chồi non nổi lên trên nền trời mùa xuân.	Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.
Câu 4	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 4: <i>Nêu nhận xét của em về hình ảnh của mầm non trong khổ thơ cuối?</i> – Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trước lớp. – Có thể định hướng cho HS cách suy nghĩ, suy luận để tìm câu trả lời. Ví dụ: <i>Những từ ngữ nào miêu tả mầm non ở khổ 4? Nhà thơ dùng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả mầm non? Nêu tác dụng của biện pháp đó.</i> – Khen ngợi các HS có câu trả lời thuyết phục. Tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động của con người: <i>nghe thấy, vội, đứng dậy, khoác áo</i> để miêu tả mầm non, nhà thơ đã làm cho người đọc như nhìn thấy được sự trỗi dậy, vươn lên của mầm non. Mầm non cũng giống con người, phấn chấn, hào hứng trước vẻ đẹp của đất trời. Mầm non cũng tự hào, hãnh diện chào đón cuộc sống mới. Hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối thật đẹp, thật đáng yêu.	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. (Có thể viết các ý trả lời vào vở/ giấy nháp). HS làm việc theo cặp (lần lượt từng HS nêu đáp án), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.

Câu 5	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 5 Nêu câu hỏi 5: <i>Nội dung chính của bài thơ là gì?</i> Dự kiến câu trả lời: Bài thơ miêu tả vẻ đẹp giao mùa của thiên nhiên từ mùa đông chuyển sang mùa xuân, miêu tả sự chuyển mình, thay đổi của vạn vật khi mùa xuân về.	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.
--------------	---	--

3.3. Đọc thuộc lòng.

a. *Mục tiêu:* HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng – Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng – GV nhắc HS về nhà tiếp tục học thuộc lòng bài thơ (nếu chưa thuộc).	– HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ). – HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ. – GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. Ví dụ: Bài thơ <i>Mâm non</i> mang đến cho em rất nhiều cảm xúc về vẻ đẹp kì lạ nhưng cũng rất đổi thân quen của thiên nhiên. Cảnh vật thay đổi theo mùa, nhất là từ mùa đông sang mùa xuân, có thể em đã được nhìn thấy ở ngay tại nơi em sinh sống. Nhưng nhờ có bài thơ mà em đã nhìn thấy, cảm nhận được sức sống diệu kì của thiên nhiên. Từng nhánh cỏ, đám mây, dòng suối đến loài vật cũng biết khao khát mùa xuân, khao khát sự sống mạnh mẽ.

	Bài thơ giúp em biết yêu quý thiên nhiên hơn, mang đến cho em một mong ước lắng nghe được tiếng nói của thiên nhiên ...
--	--

TIẾT 2

TỪ ĐA NGHĨA

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Khơi gợi trí tò mò, động não cho HS trước giờ học;
- Nối kết với bài được học nhằm kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS xem một đoạn clip cắt đoạn để nối kết bài học về một trận đá bóng bắt đầu với không khí nhiệt thành, hào hứng của các cổ động viên Việt Nam. – GV đặt câu hỏi: Giả định Cô/ Thầy là một bình luận viên thì Cô/ Thầy sẽ bình luận như sau: “<i>Khán đài bắt đầu nóng dần lên</i>”. Vậy các em hiểu như thế nào là “nóng”? Từ này có phải muốn nói đến nhiệt độ ngoài trời đang cao hay không? – GV tổ chức cho HS chia sẻ và nhận xét, chốt lại. – GV dẫn dắt vào bài (gợi ý): Vậy từ “nóng” là từ gì thì hôm nay các em tìm hiểu qua bài học Từ đa nghĩa nhé! (GV ghi tên bài học trên bảng).	– HS xem clip. – HS lắng nghe tích cực. – HS chia sẻ theo cách nghĩ của cá nhân. – HS lắng nghe và ghi bài vào vở.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS: hình thành kiến thức về từ đa nghĩa: nhận diện được chúng và xác định được từ đa nghĩa trong từng ngữ cảnh; nhận diện từ theo nghĩa gốc/ nghĩa chuyển trong thơ, ca dao; ghi nhớ kiến thức về từ đa nghĩa.

b. Tổ chức thực hiện

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1, 2	Bài tập 1: – GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 2;	– HS thực hiện theo yêu cầu.

	– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, dựa vào đặc điểm của nghĩa gốc và nghĩa chuyển đã xác định trong bài tập 1 để xác định nghĩa của từ <i>biển</i> trong các câu thơ, câu ca dao; – HS làm việc nhóm đôi; – GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả bằng cách thức GV chia bảng ra thành 2 cột và yêu cầu HS của 1 nhóm lên điền câu a, câu b, câu c vào mỗi cột hoặc GV chuẩn bị 3 bảng từ để HS đính lên bảng ở cột Nghĩa gốc/ Nghĩa chuyển: <table><tr><td>Nghĩa gốc</td><td>Nghĩa chuyển</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> Dự kiến câu trả lời: <table><tr><td>Nghĩa gốc</td><td>Nghĩa chuyển</td></tr><tr><td>Câu b</td><td>Câu a, câu c</td></tr></table> – GV tiếp tục đặt câu hỏi cho các nhóm khác: Vì sao câu b là nghĩa gốc, còn câu a, c là nghĩa chuyển? Dự kiến câu trả lời: a. Từ <i>biển</i> chỉ khối lượng lớn trên một diện tích rộng. Đây là nghĩa chuyển. b. Từ <i>biển</i> chỉ vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt trái đất. Đây là nghĩa gốc. c. Từ <i>biển</i> chỉ phần của đại dương ở ven đất liền. Đây là nghĩa chuyển. => GV kết luận: Dựa vào ngữ cảnh mà xem từ đó là từ theo nghĩa gốc hay từ nghĩa chuyển.	Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển			Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển	Câu b	Câu a, câu c	– HS thực hiện nhiệm vụ nhóm đôi HS nêu thắc mắc (nếu có). – HS trình bày kết quả. – Nhóm HS Chuyên gia tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV (mỗi HS sẽ nhận xét 1 nhóm). – HS trình bày
Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển									
.....										
Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển									
Câu b	Câu a, câu c									
Ghi nhớ	– GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 2 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình về từ đa nghĩa? – Gọi 1 – 2 HS và GV tổ chức nhận xét, chốt lại kiến thức khái niệm từ đồng nghĩa trong Ghi nhớ ở sách.	– HS thực hiện cá nhân.								

	=> GV kết luận: từ đa nghĩa là những từ có nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của một từ đa nghĩa luôn có mối liên hệ với nhau. – Gọi 1 HS khá giỏi trình bày lại (khuyến khích không nhìn sách đọc mà diễn đạt theo trí nhớ bằng lời nói tự nhiên).	– HS khá giỏi trình bày.
--	--	--------------------------

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Phát huy vốn hiểu biết của HS về từ đa nghĩa đã học để luyện tập thực hành.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 3, 4	Bài tập 3. – GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 3; – GV gọi HS khác đọc câu a, câu b; – GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc kĩ từng câu/ đoạn thơ, dựa vào khái niệm từ đa nghĩa và xem từ nào mang nghĩa gốc, từ nào mang nghĩa chuyển và giải thích; – HS thực hiện cá nhân; – Gọi ngẫu nhiên HS trình bày kết quả; – GV tổ chức cho HS nhận xét, góp ý. Dự kiến câu trả lời: + Trong câu a, từ <i>lưng</i> mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là ở khoảng giữa trời. + Trong câu b, từ <i>lưng</i> được dùng ở 3 vị trí, từ <i>lưng</i> ở vị trí thứ nhất mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là ở khoảng giữa từ chân lên đỉnh núi”; vị trí thứ 2 và thứ 3, từ <i>lưng</i> mang nghĩa gốc, nghĩa đó là bộ phận phía sau cơ thể. => GV kết luận: Sử dụng từ đa nghĩa trong thơ làm cho cách diễn đạt thêm hay, gợi sự liên tưởng độc đáo. Bài tập 4. – GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập. – GV gọi HS khác đọc câu a, câu b;	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS hoạt động cá nhân. – HS trình bày kết quả.

	– GV hướng dẫn cách làm và yêu cầu HS thực hiện cá nhân (làm vào giấy nháp); GV hỗ trợ cho những HS còn khó khăn trong thực hiện kết hợp sửa sai (nếu có); – Gọi ngẫu nhiên HS trình bày kết quả; – GV tổ chức cho HS nhận xét, góp ý: + Biểu dương các câu văn hay, thể hiện đúng các nghĩa của từ đa nghĩa; + Điều chỉnh những câu viết chưa đúng hoặc dùng từ đa nghĩa chưa đúng yêu cầu. => GV kết luận: khi sử dụng từ, ta cần phân biệt nghĩa của từ để đặt câu cho đúng ngữ cảnh.	– HS thực hiện. – Cá nhân thực hiện nhiệm vụ. – HS báo cáo kết quả thực hiện.
--	--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Giúp HS hoàn thành theo hướng trải nghiệm, phát huy vốn hiểu biết sẵn có của HS về từ đa nghĩa đã học để vận dụng trong thực tiễn giao tiếp;

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trò chơi ngôn ngữ: – GV cho bài tập nâng cao nhằm đánh giá năng lực HS và tạo bầu không khí vui vẻ, học mà chơi, chơi mà học – GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm bốc thăm chọn gói câu hỏi: + Gói câu 1: Cho các từ sau: <i>chua, nhạt, cao</i>. Nhóm em hãy đặt 2 câu cho mỗi từ, 1 câu sử dụng từ ở nghĩa gốc và 1 câu sử dụng từ ở nghĩa chuyển. + Gói câu 2: Cho các từ sau: <i>mặn, ngọt, thấp</i>. Nhóm em hãy đặt 2 câu cho mỗi từ đã cho, trong đó có 1 câu sử dụng từ ở nghĩa gốc và 1 câu sử dụng từ ở nghĩa chuyển. GV hướng dẫn giải thích và làm mẫu. Ví dụ từ <i>chát</i>. Câu 1: <i>Quả sung này có vị chát.</i> Câu 2: <i>Giọng hát này nghe chát quá!</i> – GV cho các nhóm trình bày và tổ chức nhận xét và lưu ý HS cần vận dụng từ đa nghĩa trong thực tiễn.	– HS đại diện nhóm bốc thăm. – Nhóm HS thực hiện. – HS 2 nhóm trình bày.

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Biết huy động những kiến thức, kĩ năng đã được học về bài văn tả phong cảnh để tìm ý, lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh theo yêu cầu của đề bài.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS: Nêu những điều mình biết về cách quan sát phong cảnh để tìm ra một số đặc điểm nổi bật của phong cảnh.	HS làm việc nhóm: Chia sẻ những điều đã biết về cách quan sát một phong cảnh nào đó để tìm ra một số đặc điểm nổi bật của phong cảnh.
– GV nhận xét về những ý kiến của HS, từ đó giới thiệu nhiệm vụ của tiết học: Tiết học này nhằm giúp các em biết cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh.	Làm việc chung cả lớp Một số HS phát biểu ý kiến.

2. Hoạt động 2: Lập dàn ý

a. *Mục tiêu:* Dựa trên kết quả quan sát, HS biết cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Mời HS đọc yêu cầu của đề bài. – Nhắc HS dựa vào kết quả quan sát của hoạt động Viết ở Bài 12, chọn đề bài phù hợp để lập dàn ý. (GV có thể nói với HS: Các em có thể chọn tả phong cảnh khác nhưng vẫn phù hợp yêu cầu của đề bài.) – Có thể mời một số HS nêu đề bài đã chọn và giải thích lí do chọn đề bài đó. – Quan sát HS làm bài, đọc dàn ý của một số HS để có hỗ trợ phù hợp.	Làm việc cá nhân – Đọc lại kết quả quan sát. – Lựa chọn trình tự miêu tả. – Đọc thầm, đọc lướt hướng dẫn lập dàn ý trong sách (theo 3 phần của bài văn) và lập dàn ý cho đề bài đã lựa chọn.

3. Hoạt động 3: Góp ý và chỉnh sửa dàn ý

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nhắc HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn trong sách) để tự chỉnh sửa, bổ sung. – Dựa trên các dàn ý HS lập đã quan sát được, GV chốt những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả người đúng yêu cầu.	Làm việc cá nhân: Tự đọc soát và chỉnh sửa dàn ý đã lập Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm Đọc chéo dàn ý của nhau và góp ý cho bạn: – Những đặc điểm chung/ bao quát toàn cảnh. – Đặc điểm của mỗi cảnh vật được lựa chọn để miêu tả. – Cách sắp xếp các sự vật/cách sắp xếp đặc điểm của sự vật (trình tự miêu tả). – ... Làm việc cá nhân Chỉnh sửa dàn ý theo góp ý chung của GV.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Tự đánh giá dàn ý của mình và của bạn dựa vào nội dung ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá dàn ý của mình và của bạn; đưa ra những phương án để chỉnh sửa, hoàn thiện. – GV nhắc HS: Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả phong cảnh trong sách báo hoặc trong sách Tiếng Việt đã học ở các lớp.	Thực hiện theo yêu cầu của GV.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Tìm đọc sách báo viết về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...).</i> – GV nêu ý nghĩa của hoạt động Vận dụng: mở rộng kiến thức về thế giới tự nhiên.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 9: + Đọc: <i>Mầm non</i>. + Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa. + Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh – GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 13 thú vị, dễ nhớ. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. – GV dẫn dò HS về nhà sưu tầm tranh ảnh, tìm đọc thêm thông tin về vịnh Hạ Long và đọc trước Bài 14.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 14 NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. *Đọc*

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản thông tin *Những ngọn núi nóng rầy*. Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ mang nội dung quan trọng của bài (từ khóa); tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

– Đọc hiểu: Hiểu được nội dung và ý nghĩa của văn bản thông tin. Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị. Biết phân chia được bố cục của văn bản.

– Đọc mở rộng: Đọc văn bản thông tin về vật thể hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi, hang động, gió, mưa, động đất,...), viết được phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về thông tin đã đọc.

b. *Viết*

Viết được đoạn văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.
- Biết yêu và biết giữ gìn những điều kì thú của thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học, video giới thiệu về sự hình thành núi lửa
- Nhạc bài hát: *Trái đất này là của chúng mình*
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc
- Phiếu đọc sách, bài giảng điện tử, bảng phụ, tranh ảnh về hiện tượng tự nhiên
- Sách, báo in, mạng in-tơ-nét,... những văn bản thông tin về về hiện tượng tự nhiên (đã được chuẩn bị từ bài 13)
- Phiếu đọc sách

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* giúp HS bộc lộ những cảm nhận ban đầu của bản thân về núi lửa, khơi gợi trí tò mò, hứng thú để tạo tâm thế vào bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:* tham khảo các cách dưới đây:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức hoạt động theo một trong hai phương án sau: <u>Phương án 1:</u> Cho HS xem tranh liên quan tới nội dung bài đọc, cho các em phán đoán ý nghĩa của tranh rồi dẫn dắt vào bài. <u>Phương án 2:</u> Cho HS xem clip <i>Khám phá hiện tượng núi lửa phun trào</i> trong 3 Phút, và yêu cầu các em nêu những điều mà mình được thấy, được nghe; sau đó dẫn dắt sang nội dung bài đọc và giới thiệu bài học – GV giới thiệu vào bài. – Ghi tên bài.	<u>Phương án 1:</u> HS chia sẻ. 1–2 HS nhận xét. Sau đó GV nhận xét ý kiến, giới thiệu tranh và dẫn dắt vào bài. <u>Phương án 2:</u> HS xem clip, chia sẻ những điều các em nghe và xem được. Sau đó GV nhận xét ý kiến và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV gọi HS đọc, hướng dẫn giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. - GV hỏi HS: <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: - Bài chia 4 đoạn. + Đoạn 1: <i>Nói đến núi lửa... trong nước biển nữa.</i> + Đoạn 2: <i>Để hiểu núi lửa... nhiều lớp áo.</i> + Đoạn 3: <i>Lớp ngoài cùng ... thành núi lửa.</i> + Đoạn 4: <i>Vậy là nếu... quả núi lửa đấy.</i> - Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn.	- HS lắng nghe. - HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - HS nghe, đọc thầm và trả lời câu hỏi.
- Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>núi lửa, hình nón, nóng rẫy, thoải thoải, khổng lồ, nhảy nhót, nung chảy, lục bục, kẽ nứt, nóng chảy...</i> - Dùng bảng phụ, hướng dẫn HS cách đọc ngắt nghỉ ở những câu dài: <i>Để hiểu núi lửa hình thành ra sao,/ bạn cần biết /Trái Đất được tạo bởi nhiều lớp khác nhau,/ y hệt một củ hành khổng lồ/ với nhiều lớp áo; Vậy là/ nếu mặt đất tự nhiên nứt ra/ và từ kẽ nứt đó trào ra một thứ đá nóng chảy,/ thì chắc chắn là/ chúng ta đang thấy một quả núi lửa đấy;</i> - Cho HS đọc nối tiếp đoạn. - GV giải thích nghĩa từ ngữ: + <i>Nóng rẫy</i>: rất nóng, do nhiệt độ cao quá mức của lửa, điện,... + <i>Mác-ma</i>: đá nóng chảy trong lòng đất - Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 1. - HS luyện đọc - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2, - Đại diện một vài nhóm thi đọc. HS lắng nghe, nhận xét, góp ý cho bạn.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết các thông tin và cảm nhận được những điều thú vị của tự nhiên được truyền tải trong văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
– Cho HS thảo luận theo nhóm rồi thực hiện phiếu học tập số 1 (Câu hỏi 1): Phiếu học tập <table border="1"> <tr> <td>Về hình dáng</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Về hoạt động</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Về tiếng động</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Về vị trí</td><td>.....</td></tr> </table> Dự kiến câu trả lời: Câu 1. Về hình dáng: một số hình nón; một số hình tròn thoải thoải. Về hoạt động: một số phun lửa; một số phun khói, khí, hoặc các đám mây tro. Về tiếng động: Một số nổ với tiếng động kinh hoàng; Một số chỉ rít lên khe khẽ Về vị trí: Một số trên mặt đất; Một số hoạt động ngầm trong nước biển. Câu 2: HS làm việc cá nhân: <i>Vì sao Trái Đất được miêu tả “y hệt một củ hành khổng lồ”? Em nghĩ gì về hình ảnh đó?</i> Dự kiến câu trả lời: 1/ Vì cả Trái Đất và củ hành đều có đặc điểm cấu tạo là gồm nhiều lớp khác nhau. 2/ Có thể diễn tả củ hành mà các em biết và nêu sự liên tưởng thú vị với Trái Đất hoặc nêu nhận xét của cá nhân. Câu hỏi 3: HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu hỏi sau: <i>Lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới được miêu tả như thế nào</i> Dự kiến câu trả lời: – Lớp vỏ Trái Đất: rất cứng, là nơi con người đi lại, nhảy nhót, có thể nứt ra. – Mác-ma: đá nóng chảy, đặc quánh, giống như cháo đặc sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1300 độ C... HS làm việc nhóm và thực hiện câu 4	Về hình dáng		Về hoạt động		Về tiếng động		Về vị trí		– Lớp hoạt động nhóm trong 5 phút. Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung. Câu 2: HS thực hiện và nêu được ý kiến riêng của cá nhân về hình ảnh Trái Đất được miêu tả. HS thảo luận với bạn ngồi bên cạnh; thống nhất ý kiến và trả lời.
Về hình dáng									
Về hoạt động									
Về tiếng động									
Về vị trí									

Câu hỏi 4: <i>Núi lửa được hình thành ra sao?</i> GV nghe và chốt ý kiến của các nhóm. Dự kiến câu trả lời: Do nhiều nguyên nhân, mác-ma sôi sùng sục lên trên, xuyên qua kẽ nứt ở lớp vỏ và phun trào, tạo thành núi lửa.	HS thực hiện thảo luận, thống nhất ý kiến dựa vào những thông tin tiếp nhận trong bài đọc, nói được lời giới thiệu theo ý kiến cả nhóm đã thống nhất.								
Câu hỏi 5. Làm vào phiếu học tập theo nhóm: <table border="1" data-bbox="182 466 848 686"> <tr> <td>Thông tin em đã biết</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thông tin mới đối với em</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thông tin em thấy thú vị nhất</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thông tin em muốn biết thêm</td><td>.....</td></tr> </table> GV nghe và chốt ý kiến của các nhóm.	Thông tin em đã biết		Thông tin mới đối với em		Thông tin em thấy thú vị nhất		Thông tin em muốn biết thêm		HS thảo luận nhóm, ghi ý kiến thống nhất của nhóm và trả lời câu hỏi.
Thông tin em đã biết									
Thông tin mới đối với em									
Thông tin em thấy thú vị nhất									
Thông tin em muốn biết thêm									
Dự kiến câu trả lời: – Thông tin em đã biết: Núi lửa hình nón; Núi lửa phun lửa; Dưới lớp vỏ cứng của Trái Đất là mác-ma sôi sùng sục – Thông tin mới đối với em: Núi lửa hình tròn thoải; Một số núi lửa ngấm dưới nước.; Một số núi lửa phun lửa hoặc khói, khí và các đám mây tro; Một số núi lửa chỉ rít khe khẽ – Thông tin em thấy thú vị nhất: Mác-ma giống như cháo đặc, sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1300 độ C; Trái Đất giống như củ hành... – Thông tin em muốn biết thêm: Quá trình hoạt động của núi lửa: trước khi phun trào, trong khi phun trào và sau khi phun trào.									

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

- a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản.
b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. + Giáo viên đọc mẫu. + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. + Thi đọc <i>Ai đọc hay nhất?</i> trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất.	HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng. Câu 1. Chơi trò chơi Ai giỏi nhất: <i>Tìm những từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại nặng nề cho đời sống con người. (M: động đất,...)</i> Dự kiến câu trả lời: động đất, lũ lụt, bão, lở xoáy, sóng thần, mưa đá, sương muối, núi lửa phun,...	HS theo nhóm, thi nhóm nào tìm được nhanh và nhiều nhất sẽ thắng cuộc.
Câu 2. HS thảo luận cặp đôi: Trong các cặp từ ngữ dưới đây, từ “quả” và từ “lửa” nào được dùng với nghĩa gốc, từ “quả” và từ “lửa” nào được dùng với nghĩa chuyển? Dự kiến câu trả lời: Từ “quả” trong “quả núi” được dùng với nghĩa chuyển, còn “quả” trong “quả cam” được dùng với nghĩa gốc. – GV: Nghĩa gốc của từ quả là bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt (quả cam). Còn từ quả trong quả núi đã chuyển nghĩa, dùng với nghĩa chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả cầu, quả đất, quả núi,...). – GV chốt bài học sau câu trả lời của HS: <i>Cả lớp vừa tìm hiểu một hiện tượng thú vị của tự nhiên trên Trái Đất chúng ta. Vì thế chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ hành tinh của mình nào?</i> Các bạn vừa nêu ý kiến về giữ gìn hành tinh sống cho chúng ta, giờ cả lớp cùng hát to bài: Trái Đất này là của chúng mình nhé!	– HS thảo luận theo cặp và thống nhất ý kiến. – HS nêu ý kiến cá nhân. – Cả lớp cùng thực hiện.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhận biết cách triển khai ý trong đoạn văn tả phong cảnh, biết huy động những kiến thức, kĩ năng đã được học về bài văn tả phong cảnh để tìm ý và viết được đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS nhớ lại kiểu bài văn miêu tả: + Lớp 2 và lớp 3, được luyện viết <i>đoạn văn tả đồ vật</i>. + Lớp 4, được luyện viết <i>đoạn văn và bài văn tả con vật, tả cây cối</i>. + Lớp 5, được luyện viết đoạn văn, bài văn tả phong cảnh. (GV nói cho HS biết các em sẽ được luyện viết đoạn văn, bài văn tả người ở học kì II).	Làm việc chung cả lớp HS lắng nghe và tự tổng hợp kiến thức về kiểu bài văn miêu tả đã học.
– GV gọi cho HS nhớ lại chuỗi bài học về viết văn tả phong cảnh và giúp HS hiểu tiết học này các em được luyện viết đoạn văn trước khi viết bài văn trọn vẹn. – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: chia sẻ những điều đã biết về cách triển khai ý, cách sắp xếp ý theo trình tự (trình tự miêu tả) trong bài văn tả phong cảnh. – GV nhận xét về những ý kiến của HS, từ đó giới thiệu nhiệm vụ của tiết học: Tiết học này giúp các em nhận biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh, trong đó cần chú ý sử dụng những từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,... để làm nổi bật đặc điểm của người được miêu tả.	Làm việc nhóm – HS thảo luận nhóm 4. – Đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ những điều đã biết về cách triển khai ý, cách sắp xếp ý theo trình tự (trình tự miêu tả) trong bài văn tả phong cảnh. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. – HS làm việc chung cả lớp (nếu có thể): Nhiều HS phát biểu ý kiến.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các đoạn văn tả phong cảnh (bài tập 1)

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết các cách triển khai ý trong một đoạn tả phong cảnh: xác định nội dung chính của đoạn văn, trình tự miêu tả (theo vị trí quan sát phong cảnh), cách sử dụng những từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,... để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được miêu tả.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	– Trước khi HS thực hiện các nhiệm vụ của tiết học, GV có thể giúp HS hiểu: Trong một bài văn tả phong cảnh, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn, Ví dụ: đoạn tả bao quát toàn cảnh, các đoạn tả từng cảnh vật,...	

	– GV có thể tổ chức hoạt động để thực hiện yêu cầu của bài tập 1 theo các cách khác nhau sao cho có đủ thời gian để HS làm bài tập 2 (viết một đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo).	
Đoạn văn a	– Hướng dẫn HS: Tự đọc thầm đoạn văn thứ nhất (đoạn a) và trả lời lần lượt 3 câu hỏi nêu bên dưới (có thể mời 1 HS đọc 3 câu hỏi trước lớp). Mời 1 HS đọc lại đoạn văn a và 3 câu hỏi trước lớp. Dự kiến câu trả lời: + Đoạn văn miêu tả dòng suối nhỏ trong rừng trúc. + Tác giả quan sát và cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi,... + Tác giả miêu tả cảnh vật theo trình tự không gian.	Làm việc cá nhân + Đọc thầm đoạn văn. + Trả lời lần lượt 3 câu hỏi (trả lời miệng hoặc ghi vắn tắt câu trả lời vào vở, vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có)). Làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS trả lời 3 câu hỏi, cả lớp thảo luận để thống nhất ý kiến.
Đoạn văn b	– GV mời 1 HS đọc đoạn văn b (hoặc yêu cầu cả lớp đọc thầm) và 3 câu hỏi. – GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm: + Từng em đọc thầm đoạn văn rồi viết vắn tắt câu trả lời ra giấy. + Nhóm trưởng mời các thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi dưới đoạn văn. + Cả nhóm nhận xét, góp ý, thống nhất câu trả lời. – GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến. – GV khích lệ HS phát biểu ý kiến: Nêu tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hoá trong đoạn văn. Dự kiến câu trả lời: + Câu chủ đề: Câu mở đầu đoạn (Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời). + Tác giả quan sát biển trời vào những ngày/ vào những lúc thời tiết khác nhau: lúc trời xanh thẳm, lúc rải mây trắng nhạt, lúc trời âm u mây mưa, lúc trời âm ỉm dông gió. + Những câu văn có chứa hình ảnh so sánh, nhân hoá:	– 1 HS đọc đoạn văn b (hoặc yêu cầu cả lớp đọc thầm) và 3 câu hỏi. Làm việc nhóm Từng HS phát biểu ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp (trả lời 3 câu hỏi) theo các bước GV đã hướng dẫn Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Tự đánh giá đoạn văn của mình và của bạn dựa vào nội dung ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá dàn ý của mình và của bạn.	Làm việc nhóm HS thảo luận trong nhóm để đưa ra những phương án để chỉnh sửa, hoàn thiện.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS hào hứng đọc sách, chia sẻ kết quả đọc sách với bạn về chủ đề Thiên nhiên kì thú

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV thực hiện theo một trong hai phương án sau: <u>Phương án 1:</u> – GV chiếu clip về cảnh núi lửa đang phun trào – Hỏi HS: Nói về những gì em quan sát được trong clip. Nói cảm xúc của em khi xem clip.	<u>Phương án 1:</u> Làm việc chung cả lớp – Xem clip. – 1 – 2 em phát biểu ý kiến cho mỗi cách khởi động của GV. (Câu trả lời của HS có thể là: Em thấy cảnh núi lửa đang phun trào dữ dội. Từng dòng nham thạch chảy xuống chân núi như những dòng lửa. Nhìn sự tuôn chảy của dòng nham thạch, em cảm nhận được sức nóng, độ huỷ diệt của núi lửa. Em cảm thấy thiên nhiên thật hùng dữ và bí hiểm.

Phương án 2:

- GV chiếu một số tranh ảnh về những cảnh đẹp nổi tiếng được tạo ra từ núi lửa.
- Hỏi HS: *Nói về những gì em thấy trong những bức ảnh trên. Em có nhận xét gì về cảnh vật trong những bức ảnh đó?*
- Tổng hợp ý kiến của HS
- Dẫn vào bài mới:

Phương án 1: Clip chúng ta vừa xem cho thấy sự hùng hãn của núi lửa phun trào. Lịch sử thế giới cho biết, cách đây hàng triệu năm, đã có những thành phố bị nhấn chìm bởi núi lửa. Nhìn cảnh núi lửa hoạt động, chúng ta nghĩ tới cơn giận dữ của mẹ thiên nhiên. Nhưng liệu có phải lúc nào mẹ thiên nhiên cũng giận dữ như thế với con người không? Bài đọc mở rộng hôm nay, sẽ mang đến cho các em cơ hội được khám phá, tìm hiểu sự kì bí của thiên nhiên không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước trên hành tinh này.

Phương án 2: Thấy/ Cô tin rằng với những bức ảnh mà chúng ta vừa xem, ai cũng có cảm giác được đi du lịch, được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, của những vùng đất khác nhau. Và thấy/ cô tin rằng tất cả các em đều sẽ rất ngạc nhiên vì mỗi ngọn núi, thung lũng, hồ nước xanh mênh mang ấy được tạo ra từ núi lửa phun trào. Rõ ràng mẹ thiên nhiên không chỉ nổi giận bởi những trận động đất, lũ lụt, hạn hán... mà mẹ thiên nhiên còn ban tặng cho loài người những kì quan, danh thắng. Bài đọc mở rộng hôm nay, sẽ mang đến cho các em cơ hội được khám phá, tìm hiểu sự kì bí của thiên nhiên không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước trên khắp hành tinh.

Phương án 2:

- Quan sát tranh ảnh về những cảnh đẹp được tạo ra từ núi lửa.

- 1 – 2 em phát biểu ý kiến.

(Câu trả lời của HS có thể là: *Em thấy hồ nước xanh biếc, xung quanh hồ là cảnh cây ngút ngàn; Thung lũng rộng bao la, có hồ nước xanh, có những ngọn núi với hình thù như chiếc giềng... cảnh vật trông thật sinh động. Em nghĩ nếu mình được đến những nơi đó để ngắm cảnh thì thật tuyệt.*)

2. Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập

2.1. Đọc phiếu đọc sách mẫu

- a. Mục tiêu: HĐ này nhằm giúp HS củng cố kĩ năng ghi chép thông tin, tóm tắt văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao việc cho HS: Yêu cầu HS đọc nội dung ghi trong phiếu đọc sách để trả lời câu hỏi: <i>Bạn Châu Anh ghi chép những gì vào phiếu đọc sách?</i> – Tổng hợp ý kiến của HS. GV khích lệ HS sáng tạo cách ghi kết quả đọc sách vào phiếu đọc	Làm việc cá nhân + Đọc phiếu đọc sách của bạn Châu Anh và trả lời câu hỏi. Ví dụ: Tên bài đọc “ Lợi ích từ núi lửa”; Những thông tin nổi bật về núi lửa; điều ấn tượng nhất về núi lửa: <i>Ngày nay có khoảng 500 triệu người dân sinh sống gần các ngọn núi lửa, trong đó có nhiều thành phố lớn nằm kề các ngọn núi lửa đang hoạt động; Cảm nhận chung về bài viết: Có nhiều thông tin thú vị. Núi lửa không chỉ là thảm họa mà còn là một kho báu...)</i> Làm việc cả lớp – 1 – 2 HS trình bày ý kiến về những nội dung cần đưa vào phiếu đọc sách. Cả lớp nhận xét

2.2. Tìm đọc sách báo về hang động, núi, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lở xoáy, mưa đá...)

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc được sách báo viết về chủ điểm Thiên nhiên kì thú.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Nêu câu hỏi: Mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập . Hướng dẫn thực hiện: – Nhắc HS đọc văn bản theo yêu cầu của bài tập 2. GV có thể cung cấp văn bản cho những HS gặp khó khăn trong việc tìm sách báo. – Khích lệ HS sáng tạo phiếu đọc mở rộng bằng cách viết thêm những ý khác tùy theo nội dung câu chuyện đã đọc). – Quan sát cá nhân đọc sách. Hỗ trợ HS gặp khó khăn trong quá trình đọc.	– HS đọc văn bản thông tin theo yêu cầu của tiết đọc mở rộng. – Viết vào phiếu đọc sách theo mẫu trong sách.

3.3. Dựa vào phiếu đọc sách, chia sẻ với bạn thông tin đã đọc được

a. Mục tiêu: Hoạt động này nhằm giúp HS củng cố kĩ năng chia sẻ nội dung cuốn sách, cảm xúc suy nghĩ của bản thân về những điều đọc được và đọc cho nhau nghe những đoạn văn hay, những chi tiết, hình ảnh thú vị...

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao việc cho HS: Dựa vào thông tin có trong phiếu đọc sách của bài tập 2, chia sẻ với bạn về cuốn sách, bài viết về vũ trụ, hiện tượng tự nhiên	Làm việc theo cặp – Lần lượt từng cá nhân chia sẻ với bạn về cuốn sách đã đọc. Ví dụ:
– Quan sát hoạt động chia sẻ của các nhóm: Khen các nhóm biết cách chia sẻ giá trị của cuốn sách; Khơi gợi được sự quan tâm của bạn với cuốn sách... – Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS Có thể hỏi thêm: <i>Có ai muốn nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà bạn chia sẻ?</i> Khen ngợi HS đọc được nhiều cuốn sách hay về vũ trụ, hiện tượng tự nhiên, chia sẻ được nhiều thông tin bổ ích với bạn; Cách trình bày rõ ràng, hấp dẫn; Giúp người nghe hiểu được nội dung cuốn sách và có nhu cầu tìm đọc cuốn sách đó; nói tự tin trước lớp, mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến... – GV tổng kết tiết học bằng cách cho HS xem clip về lịch sử hình thành bán đảo Sơn Trà từ núi lửa.	+ <i>Giới thiệu cuốn sách (tên sách, tên tác giả, cuốn sách thuộc thể loại truyện/thơ...)</i> + <i>Tóm tắt nội dung cuốn sách</i> + <i>Đọc cho bạn nghe những thông tin thú vị</i> + <i>Cảm nhận của bản thân về những chi tiết, hình ảnh, về nội dung cuốn sách.</i> Làm việc cả lớp: – 2 – 3 HS đại diện nhóm trình bày kết quả đọc sách. Ví dụ: + <i>Tên văn bản, thể loại văn bản, tên tác giả,...</i> + Thông tin cơ bản của văn bản + Thông tin thú vị của văn bản + Cảm nhận chung về văn bản – Cả lớp nhận xét, đánh giá.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy kể một câu chuyện về mặt trời mà em được nghe hoặc đọc cho bạn hoặc người thân.</i>	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng

GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân và cùng nói về sức mạnh của mặt trời đối với cuộc sống muôn loài.	Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.
--	---

CỦNG CỐ

- a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.
b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: GV chiếu 01 đoạn clip ngắn về núi lửa phun trào, cho HS xem và trả lời câu hỏi: <i>Đoạn clip lớp mình vừa xem giới thiệu hoạt động gì của núi lửa? Em ấn tượng với hình ảnh nào? Nó gắn với nội dung thông tin nào trong bài học?</i> + Hãy thảo luận nhóm và điền thông tin bài học và trong sơ đồ dưới đây: <pre> graph TD A[Đọc] --> B[Viết] B --> C[Đọc mở rộng] </pre> + Chốt lại hôm nay HS đã được: <i>Đọc: Những ngọn núi nóng rẫy</i> <i>Viết: Viết đoạn văn tả phong cảnh</i> <i>Đọc mở rộng.</i> – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 15 – <i>Bài ca về mặt trời</i>. Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về mặt trời để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 15 BÀI CA VỀ MẶT TRỜI (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bài ca về mặt trời*. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

b. Viết

- Viết được bài văn tả cảnh.
- Củng cố lại kiến thức về từ đa nghĩa; biết sử dụng, giải thích, đánh giá được tác dụng của từ đa nghĩa trong những tình huống cụ thể.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết cảm nhận trân trọng và có ý thức bảo vệ, giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học
- Video hoạt hình *Thần gió và mặt trời*
- Nhạc bài hát *Cảm ơn ông mặt trời*
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS quan sát cảm nhận vẻ đẹp của mặt trời, của thế giới thiên nhiên và từ đó khơi gợi sự tò mò, sự hứng thú để bước vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Cho HS xem video hoạt hình <i>Thần gió và mặt trời</i> và yêu cầu HS nêu cảm nhận của em về nhân vật mặt trời - GV dẫn dắt: Ngoài sức mạnh vô tận, mặt trời còn tạo ra những cảnh đẹp tuyệt vời cho Trái đất của chúng mình, cảnh đẹp đó là gì, bài học ngày hôm nay chúng mình sẽ tìm hiểu nhé!	HS chia sẻ cảm nhận về những hình ảnh trong clip. Gọi 1 – 2 HS nhận xét. Sau đó GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV đọc mẫu với giọng đọc diễn cảm, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ thể hiện sự diễn cảm (<i>cái gì vậy; rõ ràng là, từ bao giờ; chắc là, bỗng...</i>) trong văn bản. - Gọi HS đọc bài. - Hỏi HS: <i>Theo em, câu chuyện này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: Câu chuyện gồm 3 đoạn: + Đoạn 1: từ đầu đến <i>trông thấy được</i>. + Đoạn 2: tiếp theo đến càn nhích dần lên. + Đoạn 3: phần còn lại. - Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn.	- HS lắng nghe. 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - HS nghe câu hỏi, đọc thầm toàn văn bản và trả lời. 3 HS đọc nối tiếp. Cả lớp đọc thầm.

– Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>mỏng, màu sữa, bông, lẻ tè, xanh thắm, vành mũ, chiếm lĩnh,...</i> – GV dùng bảng phụ hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ ở câu dài. Ví dụ: <i>Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, / trùm lấp một khoảng sân;</i> – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV nhận xét, tuyên dương.	– HS luyện đọc các từ dễ phát âm sai và các câu dài. – HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. – Đại diện một vài nhóm thi đọc.
---	--

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết những chi tiết, cảm nhận được vẻ đẹp mặt trời, thể hiện hứng thú với nội dung câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1. GV cho HS đọc thầm lại bài văn và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: Đàn chim sẽ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý? Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó? Dự kiến câu trả lời: + Nhân vật “tôi” chú ý đến những chú chim sẽ đang thi nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao, tiếng chim khi bổng khi trầm làm xôn xao không gian. + Nhân vật “tôi” nghĩ đàn chim sẽ hót xôn xao như vậy vì đang trông thấy một điều gì đó mà nhân vật “tôi” ở thấp quá chưa nhìn ra được.	– HS đọc văn bản, đọc câu hỏi và suy nghĩ về câu trả lời. – 1 – 2 HS trả lời trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý.
Câu 2. Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào? Cảnh mặt trời mọc: + Đầu tiên: + Sau đó: + Cuối cùng: Cảm nhận của em:	– HS làm việc nhóm để thực hiện câu hỏi và hoàn thiện vào phiếu học tập. – Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình. – Cả lớp nhận xét, góp ý.

Dự kiến câu trả lời: Cảnh mặt trời mọc: + Đầu tiên: mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ. + Sau đó: chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. + Cuối cùng: mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng; vầng mặt trời bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng. Cảm nhận của em: cảnh đẹp hùng vĩ.	
Câu 3. GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: <i>Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?</i> Dự kiến câu trả lời: Bạn nhỏ thay đổi hình ảnh so sánh vì hình dáng của mặt trời thay đổi khi nhô dần lên trên bầu trời. Ban đầu, mặt trời chỉ lộ một nửa ra khỏi vòm cây, giống nửa vành mũ đội đầu (đều là nửa hình tròn). Bạn nhỏ có lẽ cũng tưởng tượng có ai đó đang trốn sau vòm cây và chỉ lộ mỗi vành mũ lên, bạn nhỏ hồi hộp chờ đợi ai là người đội chiếc mũ đó. Khi nhô lên cao, mặt trời mới hiện ra đầy đủ, tròn đầy và to rõ, giống như một chiếc mâm màu đỏ	HS nghe câu hỏi, cùng bạn bên cạnh đọc văn bản, thảo luận và chốt ý kiến trả lời.
Câu 4. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 4 và làm việc cá nhân để trả lời: <i>Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?</i> Dự kiến câu trả lời: Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” dâng trào, khiến cho trong trái tim của nhân vật “tôi” vang lên tiếng hát. Đó là một bài hát rất độc đáo, giàu hình ảnh, chứa chan cảm xúc.	– HS nghe câu hỏi, đọc văn bản và trả lời. – 1 – 2 HS trả lời trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý.
Câu 5. GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 4 và làm việc cá nhân để trả lời: <i>Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như trong sách. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?</i>	– HS làm việc và trả lời được theo ý kiến và cảm nhận của cá nhân về mỗi đoạn văn. – Cả lớp nghe và nhận xét, đánh giá ý kiến nêu ra hay, độc đáo, có sức thuyết phục.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản: + Giáo viên đọc mẫu. + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. + Thi chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Củng cố

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện: GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu yêu cầu: <i>Em hãy nêu cảm nhận của em về cảnh mặt trời mọc trong câu chuyện và tâm trạng của bạn nhỏ khi hát vang bài ca về mặt trời?</i> – Cả lớp vừa nghe và cảm nhận về vẻ đẹp của mặt trời và sự hứng khởi của bạn nhỏ khi được ngắm cảnh đẹp tuyệt vời đó. Vậy chúng mình cùng nhau hát vang bài hát Cảm ơn ông mặt trời (GV mở và chiếu bài hát cho cả lớp hát theo).	Yêu cầu cần đạt: HS biết thể hiện được ý kiến, nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân về tâm trạng vui tươi, phấn khởi của bạn nhỏ.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Củng cố được những hiểu biết về từ đa nghĩa mà HS đã được tìm hiểu ở tiết trước. Khởi gợi hứng thú tham gia bài học cho HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS chơi trò chơi Đường đua kì thú. Có một số từ sau: cửa, đầu, tay, mặt, bụng. Em hãy tìm và xếp các từ theo các nhóm nghĩa: Từ dùng với nghĩa gốc Ví dụ: khuôn mặt,... Từ dùng với nghĩa chuyển. Ví dụ: mặt bàn,... Dự kiến câu trả lời: Từ dùng với nghĩa gốc: khuôn mặt, cửa sổ, đầu tóc, tay trái, đau bụng,.... Từ dùng với nghĩa chuyển: cửa biển, đứng đầu, tay chân, mặt bàn, xấu bụng,... – GV yêu cầu HS: <i>Hãy nhắc lại thế nào là từ đa nghĩa?</i> – GV nhắc lại kiến thức và dẫn dắt vào bài.	– HS thực hiện theo nhóm, chia 2 nhóm. Các thành viên cùng lên bảng ghi từ tìm được vào ô nhiệm vụ được giao bắt đầu từ từ dùng nghĩa gốc, bạn nối tiếp sẽ điền vào ô dùng nghĩa chuyển. Nhóm nào nhanh hơn, tìm được nhiều từ dùng với nghĩa chuyển hơn thì nhóm đó thắng cuộc. – 1 – 2 HS trả lời. Cả lớp nhận xét và chốt lại.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS có thể phân biệt, biết sử dụng từ đa nghĩa.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS						
Bài tập 1: Làm việc cặp đôi để tìm ra phương án điền vào các ô theo yêu cầu của bài tập: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Từ hạt</th><th style="width: 50%;">Nghĩa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">a</td><td>.....</td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">b</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table> Dự kiến câu trả lời: a. Chỉ bộ phận nằm trong quả, có thể nảy mầm thành cây con. Đây là nghĩa gốc b. Chỉ phần chất lỏng có hình giống như hạt của quả. Đây là nghĩa chuyển.	Từ hạt	Nghĩa	a		b		– HS thảo luận theo cặp, thống nhất kết quả và trả lời câu hỏi. – Đại diện 1 – 2 nhóm trả lời trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý.
Từ hạt	Nghĩa						
a							
b							

Bài tập 2: GV cho HS thảo luận nhóm và hoàn thiện theo phiếu học tập:

Phiếu học tập

Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau:

Từ chân	So sánh	
	Giống nhau	Khác nhau
<i>a</i>		
		
<i>b</i>		
		

Dự kiến câu trả lời:

a. *chân*: phần dưới cùng của một vật (cái com-pa, cái gậy, cái kiềng) để đỡ vật đó có thể đứng được

=> nghĩa chuyển.

b. *chân*: phần dưới cùng của cơ thể người và động vật, có chức năng di chuyển (bước) => nghĩa gốc.

Giống nhau: hai nét nghĩa đều chỉ phần phía dưới cùng, có tác dụng nâng đỡ.

Khác nhau:

+ Từ *chân* ở câu a: dùng để chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ vật.

+ Từ *chân* ở câu b: dùng để chỉ bộ phận cơ thể người và động vật, tác dụng giúp nâng đỡ cơ thể và di chuyển.

– HS thảo luận theo nhóm. Nhóm trưởng ghi kết quả thống nhất

– Đại diện 1 – 2 nhóm trả lời trước lớp.

– Cả lớp nhận xét, góp ý.

Bài tập 3: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

Dự kiến câu trả lời:

(1) – Lan có **chiếc mũi** rất cao và thẳng.

Mũi tàu như một tấm khiên lớn xé toang cả khối nước khổng lồ.

(2) – Bạn Mai **cao** 1m60 rồi đấy.

Kết quả thi của Hoa **cao** thứ 2 trong khối.

– HS đọc câu hỏi, suy nghĩ, ghi kết quả ra nháp.

– 2 – 3 HS báo cáo kết quả. Cả lớp nhận xét.

3. Hoạt động 3: Mở rộng (có thể giao về nhà)

a. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng những hiểu biết của mình vào nhận biết, sử dụng từ đa nghĩa trong tình huống mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao bài tập: Hãy đặt câu và giải thích ý nghĩa của các từ sau: <i>tốt bụng, no bụng; xanh xanh, xanh xao; vị ngọt, nói ngọt...</i> Dự kiến câu trả lời: – Hân ăn ngấu nghiến cho tới khi no bụng. (bụng: bộ phận của cơ thể; nghĩa gốc) – Lan là một bạn nữ rất tốt bụng. (bụng: chỉ phần bên trong, tính cách; nghĩa chuyển). – Chiếc bút máy xanh xanh kia trông đẹp thật. – Sau trận ốm ấy, trông nó xanh xao lắm. – Mai rất thích những chiếc bánh quy có vị ngọt thanh mà mẹ mua trong ngày sinh nhật mình. – Giọng nói ngọt ngào của cô ấy khiến mọi người đều thích thú.	– HS nghe câu hỏi, đọc văn bản và trả lời. – 1 – 2 HS trả lời trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

a. Mục tiêu: Giúp HS viết được bài văn tả phong cảnh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuẩn bị – Mời HS đọc lại đề bài (gồm 2 đề để lựa chọn). – GV nhắc HS: + Đọc những điều lưu ý trong sách. + Đọc lại dàn ý đã lập ở Bài 13 (có thể điều chỉnh dàn ý nếu thấy cần thay đổi để bài văn hay hơn). + Đọc các ví dụ trong sách (ở các bài học trước) để học tập cách sử dụng từ ngữ gợi tả hoặc những hình ảnh so sánh gây ấn tượng, làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được miêu tả.	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

– Lưu ý HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn. Viết bài – GV nhắc HS: Bài làm đảm bảo có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài). – GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS để đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế khi viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số bài viết điển hình.	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.
Đọc soát bài viết GV hướng dẫn HS đọc soát và sửa lỗi trong bài viết.	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV. – HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn trong sách. – HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có). Làm việc theo cặp HS trao đổi bài viết và đọc soát cho nhau.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy ghi lại những tác dụng mà mặt trời mang tới cho vạn vật trên thế gian này.</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo. + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: <i>Bài ca về mặt trời</i>. Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa. Viết: Viết bài văn tả phong cảnh. – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 16 – <i>Xin chào, Xa-ha-ra</i>. Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về sa mạc Xa-ha-ra để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 16 XIN CHÀO, XA-HA-RA (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc:

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ câu chuyện. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;

– Đọc hiểu: Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng kì diệu và có vô vàn điều thú vị để khám phá. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

Nhận biết được các nhân vật, hiểu được thông điệp tác giả gửi gắm trong văn bản, biết phân chia bố cục bài đọc.

b. *Viết*: Biết sử dụng từ đúng ngữ cảnh. Biết vận dụng những hiểu biết về bài văn tả phong cảnh, biết vận dụng các kĩ năng viết bài văn tả cảnh để nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài viết.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết rung động trước những điều kì thú của thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo
- Tranh minh họa cho bài học.
- Bảng phụ có sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.
- Sách học sinh, vở, đồ dùng học tập

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu*: Giúp HS bộc lộ những ý kiến, cảm xúc của bản thân để có tâm thế vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1</u>: – Cho HS quan sát tranh về sa mạc Xa-ha-ra, yêu cầu HS quan sát tranh và nêu cảm nhận của em về những điều nhìn thấy trong tranh (GV khuyến khích HS vừa chia sẻ vừa bộc lộ cảm xúc của bản thân), rồi dẫn vào bài đọc. – Gọi 1 – 2 HS nhận xét. Sau đó GV nhận xét ý kiến, giới thiệu tranh và dẫn dắt vào bài. <u>Phương án 2</u>: Cho HS xem tranh minh họa trong bài học và yêu cầu các em nêu cảm nhận về bức tranh rồi dẫn vào bài đọc. – GV giới thiệu vào bài. – Ghi tên bài.	<u>Phương án 1</u>: HS quan sát, miêu tả tranh. <u>Phương án 2</u>: – HS xem tranh và nêu ý kiến cá nhân về bức tranh được xem. – HS ghi bài vào vở.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ thể hiện ngữ điệu, tâm trạng của nhân vật trong văn bản. – Gọi HS đọc bài. – GV hỏi HS: <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: – Bài được chia làm 4 đoạn. + Đoạn 1: <i>Sang phía nam...</i> “Xin chào, Xa-ha-ra.” + Đoạn 2: tiếp theo đến <i>vô địch</i>. + Đoạn 3: tiếp theo đến <i>mênh mông</i>. + Đoạn 4: phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>Át-lát, viễn tường, đồ quạch, rải lửa, lộn cộm, mỏng manh, ẩm ướt, trèo lên, đứng bồng, lưng lửng, cát lún, lỏng lẻo, túp lều, tận hưởng, hứng, nắng non, lóng lánh...</i> – Dùng bảng phụ hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ ở câu dài: Ví dụ: <i>Cát sa mạc mịn như bột/ và mỏng manh như gió bụi,/ không to như cát Phan Thiết/ hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn.; Mọi người nằm kênh ra những tấm chiếu dạ trải trên cát/ để ngắm sao,/ tận hưởng đêm duy nhất/ giữa sa mạc mênh mông.;</i> – Hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm ở những câu nói của nhân vật. – GV giải thích một số từ khó: + <i>Quành</i>: vòng ngược lại hoặc rẽ sang một bên. + <i>Túp lều du mục</i>: lều của những người không cố định nơi ở, họ di chuyển nhiều nơi để thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc. + <i>Cồn cát</i>: dải cát lớn nổi lên thành dãy. – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm và thi đọc. – GV nhận xét, tuyên dương.	– HS lắng nghe. – 1 – 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS nghe câu hỏi, đọc thầm văn bản và trả lời. – 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp đoạn. – HS luyện đọc các từ dễ phát âm sai và các câu dài. – Một vài HS đọc diễn cảm. – HS lắng nghe GV giải thích các từ ngữ khó hoặc tra từ điển để hiểu thêm nghĩa của từ. – HS đọc nối tiếp theo cặp hoặc trong nhóm 4. – Đại diện một vài nhóm thi đọc.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. *Mục tiêu:* giúp HS nhận biết những chi tiết miêu tả sa mạc, tâm trạng và cảm xúc của nhân vật, các vị khách trong câu chuyện, từ đó thể hiện tình yêu mến đối với thiên nhiên kì thú thông qua nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
Câu 1. Cho HS đọc thầm lại bài văn và thảo luận theo nhóm rồi thực hiện phiếu học tập số 1 Phiếu học tập <i>Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra và ở sa mạc Xa-ha-ra.</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chi tiết</th><th>Ý nghĩa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thời tiết:</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Không gian sống:</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Nhận xét:</td><td></td></tr> </tbody> </table> Dự kiến câu trả lời: + Thời tiết: nắng như rải lửa + Không gian: Những rặng đá xám bồng xỉn màu rồi ngả sang đen rám hoặc đỏ quạch. Bốn bề giống như sao Hoả. => Nhận xét: không gian khắc nghiệt, giống như không có sự sống; thời tiết cũng khắc nghiệt.	Chi tiết	Ý nghĩa	Thời tiết:		Không gian sống:		Nhận xét:		– Lớp hoạt động nhóm trong 5 phút. Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Chi tiết	Ý nghĩa								
Thời tiết:									
Không gian sống:									
Nhận xét:									
Câu 2. HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi 2: <i>Nhân vật “tôi” có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?</i> Dự kiến câu trả lời: + Nhân vật “tôi” phấn khích khi được đến Xa-ha-ra vì đây là sa mạc lớn nhất châu Phi, một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu. + Sự phấn khích thể hiện ở chi tiết nhân vật “tôi” quên cả nắng nóng vì bạn thì thầm chào Xa-ha-ra, nhân vật “tôi” cảm nhận giấc mơ đã thành sự thật vì có thể giẫm lên cát, sờ vào cát, cảm nhận cát khác biệt như thế nào với những nơi nhân vật “tôi” đã biết...	– HS nghe câu hỏi, nhìn văn bản, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.								

TIẾT 2

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS kết hợp làm việc nhóm để thực hiện các câu hỏi 3, 4, 5: Câu hỏi 3: <i>Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả thế nào (thời tiết, cát, lạc đà, bình minh)?</i> Dự kiến câu trả lời: – Thời tiết: Nhiệt độ chênh lệch rất lớn giữa ngày và đêm (ngày nắng nóng như rải lửa, đêm rất mát, thậm chí rất lạnh). -> Nhận xét: Khắc nghiệt – Cát: Mịn, khô và rất nhỏ (mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn) – Lạc đà: Cao lớn, chạy rất nhanh (cao lưng lững, vô địch về chạy trên cát lún). – Cảnh bình minh: rất đẹp (những cồn cát óng vàng vây quanh những căn lều vuông vắn, bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh lên những hạt cát mịn). – Cho HS làm việc cá nhân: Gọi HS đọc và trả lời câu hỏi 4: Câu hỏi 4. <i>Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?</i> Dự kiến câu trả lời: Cảm xúc của đoàn khách du lịch: Sung sướng, háo hức, muốn tận hưởng thiên nhiên, tận hưởng thời gian quý giá, không muốn bỏ lỡ bất cứ điều gì của thiên nhiên xung quanh,... Câu hỏi 5. <i>Câu cuối bài đọc cho biết điều gì?</i>	– HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và trình bày kết luận của nhóm. – HS thực hiện và trả lời. – HS làm việc và nêu được ý kiến của bản thân.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. – Thi chọn người đọc hay nhất.	HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện: GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1. Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ đặc điểm của sa mạc và những từ ngữ có nghĩa trái ngược với chúng. (M: hoang vu – sầm uất) Dự kiến câu trả lời: khô hạn – ẩm ướt, mênh mông – chật hẹp, lạnh – nóng, mịn màng – thô ráp... Câu 2: Từ “tối” và từ “lạnh” trong câu “Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh.” được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Dự kiến câu trả lời: Từ “tối” và “lạnh” được dùng trong câu với nghĩa gốc. Câu 3. Đặt câu chứa từ “thổi” mang mỗi nghĩa dưới đây: a. Chúp miệng lại và làm cho luồng hơi bật mạnh từ trong miệng ra. b. (Không khí) chuyển động thành luồng và gây ra tác động nhất định. Dự kiến câu trả lời: – Lan rủ tôi cùng chơi thổi bong bóng xà phòng xem ai thổi được nhiều nhất. – Gió thổi ào ào khiến trên mặt đất, bụi cuốn mù mịt.	– HS có thể thảo luận nhóm, chơi trò chơi <i>Ai nhanh nhất?</i> (Các nhóm thảo luận, cùng nhau nêu các phương án mà nhóm tìm ra. Nhóm nào tìm ra từ nhanh, đúng và nhiều nhất thì sẽ chiến thắng). – HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến và trả lời. – HS làm việc cá nhân và đọc câu trả lời.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nêu được một số điều mỗi em thấy cần ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể dựa vào đó nhận biết, đánh giá kết quả làm bài của mình.

b. Tổ chức thực hiện:

Cho HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu những điều cần nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh đã học. Cả nhóm nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Nhận xét bài làm

a. Mục tiêu: HS hiểu nhận xét của thầy cô giáo về bài làm của lớp và của mình. Từ đó, biết cách chỉnh sửa nhược điểm, phát huy ưu điểm.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu 1	– GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây: + Dựa trên kết quả quan sát từ tiết viết bài văn (Bài 15) và việc đọc bài làm của HS, nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả phong cảnh của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong sách); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu. + Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn tả cảnh hay và mời các em HS đó đọc bài văn, đoạn văn hay câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, có màu sắc mới mẻ, cuốn hút người đọc. + Nhận xét, động viên, khích lệ những HS có tiến bộ, có nhiều cố gắng. + ... – GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phần đầu bài làm sau sẽ tốt hơn.	Làm việc chung cả lớp – Lắng nghe thầy cô nhận xét, có thể hỏi lại những điều mình chưa rõ.
Yêu cầu 2	– GV nhắc HS đọc lại bài văn của mình và bảng yêu cầu/ tiêu chí về bài văn tả phong cảnh trong sách, xác định bài của mình đạt được những yêu cầu/ tiêu chí nào.	Làm việc cá nhân Tự đánh giá bài làm.

		Làm việc nhóm – Từng em HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết hoặc đọc chéo bài để góp ý cho nhau. – HS có thể trao đổi về phương án chỉnh sửa.
Yêu cầu 3	– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý: Đọc một số câu văn, đoạn văn tham khảo trong sách hoặc những câu văn, đoạn văn được thầy cô khen, có thể viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn. – GV có thể mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý; GV có thể chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS.	Làm việc cá nhân – Tham khảo câu văn, đoạn văn hay. – Viết lại câu văn, đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn. Làm việc chung cả lớp Một số HS đọc đoạn văn, câu văn mình chỉnh sửa, cả lớp nhận xét, góp ý.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Tự rút ra những lưu ý về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể viết được bài văn tả phong cảnh hay hơn khi được yêu cầu.

b. *Tổ chức thực hiện:*

– GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến của mình, Ví dụ: đưa ra những phương án khắc phục hạn chế, phát huy điểm mạnh.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nhận biết được chủ đề sắp được trình bày; khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> GV giới thiệu 1 số bức tranh về cảnh đẹp của Việt Nam; cho HS xem tranh rồi gợi mở: Em sẽ làm gì để nói về những cảnh đẹp của đất nước? => Dẫn dắt vào bài.	<u>Phương án 1:</u> HS xem tranh, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần giới thiệu.
<u>Phương án 2:</u> GV chiếu bài hát <i>Việt Nam quê hương tôi</i> và hỏi HS: <i>Bài hát trên nói về điều gì nào? Theo em, khi giới thiệu về đất nước, đoạn clip đã chọn những nét độc đáo nào? Em thích điều gì nhất trong đoạn clip đó?</i> – GV nhận xét câu trả lời của HS rồi dẫn dắt vào bài.	<u>Phương án 2:</u> HS xem clip, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần giới thiệu.

2. Hoạt động 2: Chuẩn bị

a. Mục tiêu: Giúp HS thực hiện các yêu cầu để chuẩn bị xây dựng những nội dung dự kiến sẽ giới thiệu.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
– Yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi: Câu hỏi 1: <i>Hãy kể tên những danh lam thắng cảnh của Việt Nam mà em biết?</i> Dự kiến câu trả lời: Vịnh Hạ Long, Huế, Eo Gió (Quy Nhơn), động Phong Nha, hang Sơn Đoòng... Câu hỏi 2: <i>Trong những danh thắng ấy, em thích cảnh đẹp nào nhất? Vì sao?</i> Câu hỏi 3: <i>Hãy ghi lại những thông tin liên quan tới cảnh đẹp mà em thích theo phiếu dưới đây:</i> Phiếu học tập Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Địa danh</th><th>Vẻ đẹp</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>– Giới thiệu tên</td><td> – Vị trí địa lí – Khung cảnh – Khí hậu, thời tiết – Không gian thiên nhiên ... </td></tr> </tbody> </table> Câu hỏi 4: <i>Em có thể ghi thêm cảm nhận riêng của bản thân về cảnh đẹp thiên nhiên mà em đã chọn?</i>	Địa danh	Vẻ đẹp	– Giới thiệu tên	– Vị trí địa lí – Khung cảnh – Khí hậu, thời tiết – Không gian thiên nhiên ...	– HS nghe câu hỏi và trả lời: – HS trả lời theo ý kiến cá nhân. – HS hoàn thiện phiếu học tập: – HS trả lời theo ý kiến cá nhân.
Địa danh	Vẻ đẹp				
– Giới thiệu tên	– Vị trí địa lí – Khung cảnh – Khí hậu, thời tiết – Không gian thiên nhiên ...				

Câu hỏi 5: Từ những thông tin đã chuẩn bị, em hãy lập một dàn ý dự kiến những nội dung giới thiệu cho cả lớp vào sơ đồ dưới đây:

Dự kiến câu trả lời:

Mở bài	• Giới thiệu được cảnh đẹp.	– HS suy nghĩ, hoàn thiện các thông tin vào sơ đồ.
Triển khai	• Cung cấp những thông tin về cảnh đẹp. • Nêu được cảm nhận về cảnh đẹp đó.	
Kết thúc	• Nhấn mạnh và bày tỏ được cảm nhận của bản thân về cảnh đẹp đã giới thiệu.	

3. Hoạt động 3: Trình bày

a. *Mục tiêu:* HS tiến hành trình bày sản phẩm nói của bản thân thông qua những nội dung đã chuẩn bị.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV cho đại diện nhóm (cá nhân) đứng lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. Quan sát phần trình bày của các bạn trong lớp.	HS thực hiện.

4. Hoạt động 4: Đánh giá

a. *Mục tiêu:* HS tiến hành đánh giá trên cơ sở thảo luận của nhóm.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho cá nhân đứng lên nhận xét, bình chọn bài giới thiệu hay nhất mà các em thích. – GV nhận xét, củng cố.	HS thực hiện.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, em hãy hướng dẫn người thân, bạn bè cùng tham gia hành trình Khám phá Xa-ha-ra (Lưu ý HS kết hợp miêu tả phong cảnh của sa mạc này để nêu ý kiến hướng dẫn và cảm nhận của bản thân về Xa-ha-ra). – GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, bạn bè, lắng nghe người thân, bạn bè góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân: Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV					Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Trong bài đọc về sa mạc Xa-ha-ra, em thích nhất hình ảnh hay chi tiết nào? Vì sao? + Em hãy giới thiệu ngắn gọn một cảnh đẹp mà em đã từng đến cùng gia đình? + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: <i>Xin chào, Xa-ha-ra</i> Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh Nói và nghe: Giới thiệu cảnh đẹp – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và điền các thông tin về những kiến thức mà em đã học vào bảng sau:					Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.
Tuần	Đọc	Luyện từ và câu	Viết	Nói và nghe	
1					
2					
...					

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

I MỤC TIÊU

Việc ôn tập giữa học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập nửa đầu học kì I theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học như sau:

1. a. Về kĩ thuật đọc:

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, bài thơ, bài miêu tả,...; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.
- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ...
- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.
- Biết đọc lướt, đọc kĩ.

b. Về đọc hiểu:

- Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính, thông tin chính của bài đọc. Hiểu nội dung hàm ẩn (dễ nhận biết) của văn bản. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. Hiểu chủ đề của văn bản.
- Đọc hiểu hình thức: Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật; nhận biết được tác dụng của chi tiết về thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá (trong văn bản văn học). Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về hiện tượng tự nhiên; nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng; nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính (của văn bản thông tin).

2. Viết được một số đoạn văn, bài văn, văn bản dưới đây:

- Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.
- Bài văn tả phong cảnh.
- Báo cáo công việc.

3. Biết giới thiệu về một địa điểm tham quan hoặc vui chơi; biết trình bày ý kiến trong cuộc thảo luận về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận. Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến người khác.

4. Nhận biết được từ đồng nghĩa (đặc điểm và tác dụng), từ đa nghĩa (nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản). Nhận biết được đại từ (đặc điểm và chức năng của đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn).

5. Chăm chỉ học tập, có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Có thể chuẩn bị các thẻ từ hoặc phiếu học tập để HS không làm bài vào sách.
- Phiếu để kiểm tra tham khảo (Tiết 6 – 7) để các em tập làm bài kiểm tra giữa học kì I.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

PHẦN I – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

Đối với bài ôn tập, GV cần tạo cơ hội phát huy năng lực tự học của HS. Trước khi làm việc nhóm, cần dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu của từng bài tập.

Bài tập 1. Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ dưới đây:

Đọc 1 câu chuyện đã học và thực hiện yêu cầu (tóm tắt câu chuyện; nêu 1 – 2 chi tiết em yêu thích).

Đọc 1 bài dưới đây và trả lời câu hỏi (Nêu cảnh vật được giới thiệu, miêu tả trong bài; Em nhớ nhất hình ảnh nào?)

a. *Mục tiêu:* Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu bài văn, câu chuyện (hiểu các chi tiết của văn bản, hiểu nội dung chính hoặc thông tin chính, biết tóm tắt văn bản,...).

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện theo một trong 2 phương án: <u>Phương án 1:</u> Yêu cầu HS chọn một trong hai nhiệm vụ và thực hiện cá nhân. <u>Phương án 2:</u> GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. <i>Lưu ý:</i> Với những nội dung trong các tiết ôn tập, cần tăng cường cơ hội cho HS tự học theo hình thức làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm.	<u>Phương án 1:</u> HS làm việc cá nhân: tự thực hiện nhiệm vụ đã lựa chọn. <u>Phương án 2:</u> HS làm việc nhóm: + Lần lượt từng em trả lời câu hỏi (hoặc thực hiện yêu cầu) đọc hiểu. + Cả nhóm nhận xét, góp ý.

Bài tập 2. Chơi trò chơi *Tìm từ đồng nghĩa*.

a. *Mục tiêu:* Ở bài tập này, HS được luyện tập về từ đồng nghĩa thông qua việc tham gia trò chơi học tập. GV chuẩn bị hoặc hướng dẫn HS chuẩn bị những bộ thẻ từ để có thể tổ chức trò chơi *Tìm từ đồng nghĩa*. GV dựa vào nội dung bài tập, có thể thiết kế những trò chơi tạo được hứng thú học tập hơn cho HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giao các bộ thẻ từ (đã chuẩn bị trước) và những chiếc hộp (như hình minh họa trong sách) cho các nhóm. – GV nhắc HS làm việc theo nhóm: Khi nghe hiệu lệnh, các nhóm xếp thẻ từ vào 3 chiếc hộp cho phù hợp. Khi nghe hiệu lệnh thông báo, cần dừng hoạt động ngay. – GV cho các nhóm kiểm tra chéo kết quả để xác định : + Các nhóm làm đúng và đầy đủ. + Các nhóm làm đủ nhưng có sai sót. + Các nhóm chưa hoàn thành. – GV mời lớp trưởng công bố kết quả. Dự kiến câu trả lời: – Nhóm 1 (chăm chỉ): siêng năng, chịu khó, cần mẫn, chuyên cần, cần cù. – Nhóm 2 (chăm sóc): chăm chút, chăm lo, trông nom, săn sóc. – Nhóm 3 (che chở): bênh, bênh vực, bảo vệ.	Làm việc nhóm – HS nghe GV hướng dẫn cách chơi. – Nghe hiệu lệnh, trao đổi nhóm để xếp từ vào 3 chiếc hộp cho phù hợp. Làm việc chung cả lớp – HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện cách thức đánh giá chéo.

Bài tập 3. Đặt 2 – 3 câu có từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.

a. Mục tiêu: Bài tập này yêu cầu HS sử dụng từ đồng nghĩa trong nói và viết bằng hình thức đặt câu.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện. – GV mời 1 – 2 HS đặt câu trước lớp (để làm mẫu). Dự kiến câu trả lời: + Đàn kiến cần mẫn tha lương thực về tổ. + Mẹ tôi chăm chút chúng tôi từng li từng tí. + Trong truyện cổ tích, ông bụt, ông tiên thường bênh vực, bảo vệ những người hiền lành, lương thiện.	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS đặt câu trước lớp (để làm mẫu), cả lớp nhận xét, góp ý. Làm việc nhóm Từng em đặt câu (nói miệng), cả nhóm nhận xét, góp ý. Làm việc cá nhân Viết câu mình đã đặt (hoặc câu bạn đặt mà em thấy hay) vào vở hoặc vở bài tập nếu có.

Bài tập 4. *Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn.*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nhắc HS: Mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 4 và đoạn văn của Tô Hoài trước lớp. – GV lưu ý HS: + Bài tập này nhằm giúp các em hiểu được các từ ngữ được sử dụng linh hoạt, tinh tế trong việc miêu tả màu sắc của sự vật, hiện tượng theo cảm nhận riêng của mỗi người. Bài tập chủ yếu hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong câu văn, đoạn văn, không yêu cầu xác định đó là “từ” hay “cụm từ”. Dự kiến câu trả lời: + Những từ ngữ chỉ màu vàng: (màu lúa chín) vàng xuộm, (nắng) vàng hoe, (chùm quả xoan) vàng lịm, (lá mít, tàu lá chuối) vàng ối, (tàu đu đủ, lá sắn héo) vàng tươi, (buồng chuối) vàng, (rơm) vàng mới, (bụi mía) vàng xọng, (rơm và thóc) vàng giòn, (con gà, con chó) vàng mượt. + Những từ chỉ màu sắc khác: đỏ, đỏ chói. + Nhận xét cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc: từ ngữ phong phú, mới mẻ, gây ấn tượng, thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà văn các sắc màu của sự vật, hiện tượng. Nhiều từ ngữ chỉ màu vàng gợi nên nét đẹp riêng cho làng quê vào ngày mùa. <i>Lưu ý:</i> HS có thể nêu cách cảm nhận nghĩa của từ ngữ trong đoạn văn theo cách của riêng mình. – GV có thể khích lệ HS tìm thêm từ ngữ chỉ màu vàng, Ví dụ: + <i>vàng rực</i> (có màu vàng trông bùng lên, như toả ánh sáng ra xung quanh): Những đoá hướng dương vàng rực trong nắng. + <i>vàng hươm</i> (có màu vàng tươi và đều, nhìn đẹp mắt): Nong kén vàng hươm. + <i>vàng óng</i> (có màu vàng bóng mượt, trông thích mắt): Sợi tơ vàng óng. + <i>vàng xuộm, vàng ruộm, vàng rộm, vàng choé, vàng chói, vàng khè, vàng ệch</i>,...	Làm việc chung cả lớp 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 4 và đoạn văn của Tô Hoài trước lớp; chỉ ra 1 từ chỉ màu sắc có trong đoạn văn. Làm việc theo cặp/ nhóm – Cùng nhau tìm và liệt kê ra giấy nháp / vở bài tập (nếu có) các từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn. – Nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn Tô Hoài.

Bài tập 5. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện. – GV và cả lớp nhận xét, góp ý (chú ý vào việc sử dụng các từ ngữ chỉ màu xanh).	Làm việc cá nhân – HS làm việc cá nhân: + Lựa chọn cảnh thiên nhiên có nhiều màu xanh để miêu tả (Ví dụ: công viên, vườn cây, bầu trời, mặt biển, dòng sông,...). + Tìm từ ngữ chỉ màu xanh phù hợp với cảnh vật rồi viết thành đoạn văn 3 – 5 câu hoặc hơn, (có thể viết vào vở). Làm việc nhóm/ làm việc chung cả lớp Từng em/ một số em đọc đoạn văn đã viết.
– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 1 – 2; động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.	

TIẾT 3 – 4

Bài tập 1. Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi trong sách.

a. *Mục tiêu:* HS được luyện tập kĩ năng đọc thuộc lòng và đọc hiểu văn bản thơ đã học (hiểu các từ ngữ, hình ảnh thơ tạo nên cái hay, cái đẹp cho bài thơ; hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ hoặc đoạn thơ).

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện.	HS được lựa chọn 1 trong 4 nhiệm vụ. – HS làm việc cá nhân: tự thực hiện nhiệm vụ đã lựa chọn (đọc thuộc lòng). – HS làm việc nhóm: + Lần lượt từng em trả lời câu hỏi (hoặc thực hiện yêu cầu) đọc hiểu bài thơ mình đã đọc thuộc lòng. + Cả nhóm nhận xét, góp ý.
– GV và cả lớp nhận xét, góp ý.	

Bài tập 2. Xác định từ “ngọn” và từ “gốc” trong mỗi câu mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

Bài tập này giúp HS ôn luyện, củng cố kĩ năng nhận biết các nghĩa của từ đa nghĩa trong tiếng Việt. (HS có thể tự nêu ý kiến hoặc tra từ điển).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu và các câu đã cho. – GV cách thực hiện. + Bước 1: Tự xác định từ “ngọn” và từ “gốc” trong mỗi câu mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. + Bước 2: Trao đổi nhóm (có thể kết hợp tra từ điển) để thống nhất đáp án. Dự kiến câu trả lời: – Từ ngọn: + Bầy chim ríu rít làm tổ trên ngọn cây. (nghĩa gốc) + Ngọn lửa bập bùng xua đi cái lạnh đầu đông. (nghĩa chuyển) + Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời. (nghĩa chuyển) – Từ gốc: + Ông tôi mới trồng thêm 5 gốc cam ở góc vườn. (nghĩa chuyển) + Các bạn nhỏ ngồi chơi dưới gốc cây đa đầu làng. (nghĩa gốc) + Nhiều người gốc Việt đã về Việt Nam làm việc. (nghĩa chuyển)	Làm việc cá nhân Thực hiện yêu cầu của bài tập 2, viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập nếu có. Làm việc nhóm Thực hiện theo hướng dẫn của GV. Từng em nêu ý kiến, cả nhóm nhận xét, góp ý.

Bài tập 3. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “lá”, “nụ”.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện. – GV và cả lớp nhận xét, góp ý và hướng dẫn chữa một số bài trên lớp. Dự kiến câu trả lời: + Lá cây rì rào trong gió. (nghĩa gốc) + Chị em tôi chụm đầu đọc lá thư của bố. (nghĩa chuyển) + Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió. (nghĩa chuyển)	– HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi theo cặp để cùng tìm các nghĩa của 2 từ nhiều nghĩa đã cho rồi đặt câu với nghĩa gốc và 1 – 2 nghĩa chuyển của từ đó. Nên viết các câu đã đặt vào vở hoặc vở bài tập (nếu có). – HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: Một số em đọc các câu mình đã viết.

+ Cây hoa hồng đã ra những cái nụ nhỏ xinh. + Dì tôi nở nụ cười thật tươi. + ...	
--	--

Bài tập 4. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

a. Từ “bà” ở vị trí nào được dùng để xưng hô?

b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô?

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn cách thực hiện. – GV và cả lớp nhận xét, góp ý. Dự kiến câu trả lời: a. Từ “bà” ở vị trí số 2 được dùng để xưng hô. b. Trong đoạn văn, danh từ “cháu” cũng được dùng để xưng hô.	– HS làm việc cá nhân: Tìm những danh từ được dùng làm đại từ xưng hô. – HS làm việc nhóm: đối chiếu và thống nhất đáp án.

Bài tập 5. Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi bông hoa.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS nhận biết yêu cầu của bài tập 5. – GV nói thêm: Có thể tìm được các đại từ thay thế khác nhau có cùng 1 vị trí. Dưới đây là đoạn văn gốc: Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi ấy có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bướm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới đây phải vượt qua những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi đó là làng hươu. (Vũ Hùng)	Làm việc cá nhân – Đọc yêu cầu. – Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi bông hoa. – Đối chiếu câu trả lời với đáp án mà GV đưa ra.

TIẾT 5

Bài tập 1. Đọc câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” trong sách và trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
a, b	GV phổ biến với HS: Ở bài tập này, các em được luyện tập kĩ năng đọc hiểu 1 văn bản mới. HS cần tự thực hiện các yêu cầu để có thể thực hiện yêu cầu của đề kiểm tra đọc hiểu giữa kì (làm việc độc lập). Dự kiến câu trả lời: a. Ba anh em Dế Mèn được mẹ giảng giải về tục lệ lâu đời của họ nhà dế là sống độc lập ngay từ nhỏ, để sớm biết tự kiếm ăn, không ỷ lại vào cha mẹ. b. Cảm nghĩ của chú dế út trước việc mẹ cho ra ở riêng: – Lúc theo mẹ đi trên đường: cảm thấy nửa lo nửa vui. – Lúc được mẹ đặt vào chỗ ở riêng: không buồn, trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ; thầm cảm ơn mẹ. c. Chú dế út thầm cảm ơn mẹ vì mẹ đã làm cho ba anh em để mỗi đứa một cái hang đất ở bờ ruộng, chỗ trông ra đầm nước; mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho ba anh em để từ bao giờ không ai hay. Dế út chỉ có thể thầm cảm ơn mẹ vì lúc đó mẹ đã về, để không thể nói để mẹ nghe được.	Làm việc cá nhân – Đọc yêu cầu. – Đọc câu chuyện. – Trả lời các câu hỏi đọc hiểu vào vở ghi hoặc vở bài tập (nếu có) – Đối chiếu các câu trả lời với đáp án.
c	Lưu ý: Trước khi đưa đáp án của câu hỏi c, GV có thể hỏi: <i>Những chi tiết nào cho biết thái độ của dế út khi bước vào cuộc sống độc lập?</i> Dự kiến câu trả lời: – Dế út không buồn mà còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. – Dế út sục sạo thăm tất cả cái hang mẹ đưa đến ở. – Khi đã xem xét cẩn thận rồi, dế ra đứng ngoài cửa, ngừng mặt lên nhìn trời trong xanh. – Dế dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ mới ngấn đến nách, cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.)	

d	Ở yêu cầu d, nên tạo cơ hội cho nhiều em nêu ý kiến. Sau khi mỗi HS đã chuẩn bị câu trả lời của mình, GV khích lệ các em trình bày ý kiến theo nhóm hoặc trước lớp. (GV khích lệ HS nêu ý kiến theo suy nghĩ của mình, các em có thể có những nhận xét khác nhau, cần tôn trọng sự khác biệt.) Dự kiến câu trả lời: Để Mèn có tính cách mạnh mẽ. / Để Mèn thích tự do, tự lập. / Để Mèn sống tình cảm./...	Làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Nhiều HS phát biểu ý kiến, các bạn khác nhận xét trên tinh thần tôn trọng ý kiến riêng
---	---	--

Bài tập 2. Kể thêm một đoạn cho câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé” theo tưởng tượng của em. (G: Có thể kể diễn biến tâm trạng của chú dế út trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh.)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giải thích cho HS về mục đích của bài tập 2: Bài tập này yêu cầu kể tiếp đoạn kết cho câu chuyện, giúp các em phát huy trí tưởng tượng và khả năng kể chuyện sáng tạo. – GV hướng dẫn HS: + Bước 1: Làm việc cá nhân, quan sát tranh, đọc lại hoặc nhớ lại câu chuyện <i>Tôi sống độc lập từ thuở bé</i>, tưởng tượng sau những giờ phút vui sướng, phấn khởi được làm chủ một “ngôi nhà” mới, tự do, thoải mái, Để Mèn sẽ cảm thấy thế nào trong đêm đầu tiên ở một mình, không có mẹ và các anh ở bên. + Bước 2: Viết nhanh lời kể hoặc các ý chính sẽ kể. + Bước 3: Kể chuyện theo cặp/ theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp; góp ý cho nhau. – GV khích lệ HS nêu ý kiến theo suy nghĩ của mình, các em có thể có những nhận xét khác nhau, cần tôn trọng sự khác biệt. – GV nhắc HS viết lại đoạn kết cho câu chuyện mình đã sáng tạo. – GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. – GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.	Làm việc cá nhân – Nhớ lại cách viết đoạn văn tưởng tượng (đã học ở lớp 4), cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (đã học ở lớp 5), tìm ý cho đoạn kết theo tưởng tượng hoặc mong muốn của mình. Làm việc theo cặp /nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Nhiều HS phát biểu ý kiến, các bạn khác nhận xét trên tinh thần tôn trọng ý kiến riêng.

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

Tuần 9 có 7 tiết, trong đó:

- 5 tiết dành cho ôn tập.
- 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá giữa học kì.

sách có giới thiệu để kiểm tra để HS luyện tập hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra giữa học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

- Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng).
- Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một câu chuyện và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).
- Viết một bài văn kể chuyện sáng tạo hoặc bài văn tả phong cảnh theo yêu cầu. (Đây là 2 kiểu bài đã được học ở 8 tuần đầu).

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tùy theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

Hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo:

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài *Vườn mặt trời, quả mặt trăng* của nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn và giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu).

- HS đọc bài và trả lời câu hỏi.

+ **Câu 1.** HS có thể trả lời: Trái chôm chôm được so sánh với mặt trời (Ngẩng lên vườn chôm chôm đỏ/ Trái xoè những tia mặt trời), trái táo chín vàng được so sánh với mặt trăng (Chợt nhớ bao mùa táo ngọt/ Quả vàng mát đất ngoại ô/ Dịu như mặt trăng mềm mại). Những hình ảnh so sánh đó gợi hình ảnh khu vườn kì diệu với rất nhiều mặt trời, mặt trăng lung linh./Gợi lên thế giới huyền ảo như trong những câu chuyện cổ tích./...).

+ **Câu 2.** HS có thể trả lời: “Con người thấy vườn cây trái rất thân thiện, đáng yêu. Trái cây như vẫy gọi, như mời chào, như đùa vui với con người” qua các từ ngữ:

“Trái **xoè** những tia mặt trời

Cành cao **trĩu** lời **mời** mọc

Đung đưa chùm quả **tươi** ngời.”

“Quả vàng **mát đất** ngoại ô

Dịu như mặt trăng **mềm mại**

Ríu rít tiếng cười trẻ thơ.

+ **Câu 3.** HS có thể trả lời: Đi trong vườn cây, tác giả có cảm tưởng như mình lạc vào một thế giới huyền ảo với rất nhiều mặt trời, mặt trăng, còn mặt đất thì dâng đầy hương thơm của trái chín. Đi trong vườn cây với những trái chín thơm hương, nhà thơ thầm nói lời cảm ơn với đất, với trời, với cây, và đặc biệt là với những người trồng cây ngày đêm vất vả cho mình được hái quả chín hôm nay.

II. Đọc hiểu

– HS làm bài tập cá nhân: thực hiện các yêu cầu của bài đọc hiểu văn bản *Cánh đồng vàng* theo thời gian quy định (khoảng 1 tiết)

– Đối chiếu kết quả làm bài với đáp án.

Dự kiến câu trả lời:

Câu 1. Phương án C (*Buổi chiều*).

Câu 2. Khi ngồi trên đê ngắm cánh đồng lúa, bạn nhỏ cảm nhận được màu vàng rực của lúa chín trong nắng chiều hanh hao, cảm thấy cả cánh đồng lúa đang chuyển động, đang chen lấn nhau mà chín, như nghe thấy tiếng những bông lúa nói với nhau, giục nhau chín nhanh lên.

Câu 3. Những từ ngữ chỉ màu sắc của cánh đồng: *vàng rực, vàng chanh, vàng cam, vàng chói*.

Câu 4. Cây lúa trong bài được nhân hoá bằng các cách: (1) sử dụng từ ngữ chỉ hoạt động của người để kể, tả về cây lúa (“chen lấn nhau”, “kêu lên”, “thúc giục”, “thì thầm”,...); (2) trò chuyện với cây lúa:

– *Ai ngồi trên đê cao? Chín nhanh lên!*

Tôi nghe lúa thì thầm. Tôi cũng thì thầm đáp lời chúng:

– *Tôi ngồi trên đê cao. Tôi cũng đang chín với các bạn đây.*

Câu 5. Biện pháp nhân hoá góp phần làm cho cánh đồng lúa càng trở nên gần gũi, thân thiết với con người (bạn nhỏ trong bài), chúng như có sức sống mạnh mẽ, đang náo nức lớn lên, trưởng thành, dâng cho người những bông lúa trĩu hạt, cho mùa vàng bội thu.

Lưu ý: Ở lớp 4, HS đã được học các cách nhân hoá và tác dụng của biện pháp nhân hoá là làm cho các vật, hiện tượng tự nhiên trở nên gần gũi, sinh động hơn. Với câu hỏi 5 này, HS có thể trả lời theo cách cảm nhận riêng của mình và phù hợp với nội dung được miêu tả trong bài.

Câu 6. Nhân vật “tôi” cảm thấy mình bập bênh trên con thuyền giữa biển màu vàng là vì: Khi mặt trời xuống thấp, cánh đồng lúa như dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng,

giống như toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. Cánh đồng bạt bênh, bạt bênh. Trong khung cảnh đó, tác giả thấy mình như ngồi trên con thuyền giữa biển màu vàng. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Vì cánh đồng giống hồ nước mênh mông màu vàng chói).

Câu 7. Qua cách quan sát và cảm nhận về cánh đồng lúa đang chín (cảm nhận các sắc màu khác nhau của cánh đồng lúa, nghe thấy lời thì thầm của lúa, thấy mình đang “chín vàng” cùng lúa và hoà chung niềm vui mùa lúa chín,...), có thể thấy bạn nhỏ (nhân vật “tôi”) có những cảm nhận tinh tế về mọi xao động của cảnh vật thiên nhiên, là người giàu cảm xúc và có trí tưởng tượng phong phú. Bạn nhỏ là người rất yêu quê hương mình. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn nhưng đảm bảo ý: Bạn nhỏ giàu cảm xúc, có trí tưởng tượng phong phú và có tình yêu đối với quê hương).

Câu 8. “*Hòa nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc.*”, câu văn này muốn nói rằng: Chúng ta sẽ cảm thấy vui, thấy hạnh phúc, thấy cuộc sống đẹp và có ý nghĩa hơn khi biết sẻ chia, đồng cảm, chan hoà với mọi người quanh ta. (HS có thể trả lời đơn giản, ngắn gọn hơn, Ví dụ: Câu văn nhắc nhở ta rằng: Chia vui cùng người khác, chính chúng ta cũng thấy vui và hạnh phúc).

Câu 9. Tìm nghĩa của từ **chín** trong mỗi câu:

Câu	Nghĩa của từ “chín” trong câu
a. Hoà nhập với cánh đồng, tôi có niềm vui của lúa chín vàng.	(quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon
b. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.	thành thực, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh
c. Ăn chín , uống sôi	(thức ăn) được nấu nướng kỹ, đến độ ăn được

Câu 10. (HS đặt câu theo 1 nghĩa của từ **chín**).

B. VIẾT

Hai đề bài đều thuộc nội dung HS đã được học ở các tiết rèn kỹ năng viết trong 8 tuần đầu. HS có thể chọn đề số 1 hoặc số 2 và có thể tự đánh giá kết quả bài làm của mình.

BÀI 17 THƯ GỬI CÁC HỌC SINH (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài *Thư gửi các học sinh*, biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu thể hiện được sự cảm nhận về tình cảm triu mến và sự tin tưởng của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.
- Đọc hiểu: Nhận biết được từ ngữ, chi tiết trong một lá thư có tính chất đặc biệt: thư lãnh tụ gửi cho học sinh cả nước. Hiểu thêm về nhân vật và đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học/ cuốn sách. Hiểu được nội dung bức thư; cảm nhận được tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi trong niềm vui ngày khai trường đặc biệt – ngày khai trường đầu tiên, sau khi nước ta giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp. Hiểu được mong muốn của Bác Hồ qua lời khuyên HS chăm học, nghe thầy, yêu bạn; hiểu được sự tin tưởng của Bác Hồ: HS sẽ là những người kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha ông, xây dựng đất nước Việt Nam sánh vai các cường quốc 5 châu.

b. Viết:

- Biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách (qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ,...) và vận dụng vào thực tế giao tiếp.
- Biết cách sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa và các thông tin cần thiết của từ.

2. Phẩm chất

Biết thể hiện sự xúc động trước những cử chỉ, việc làm thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm của người thân, gia đình, cộng đồng, quê hương.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Toàn văn bức thư Bác Hồ gửi cho các học sinh (nếu có).
- Một số tác phẩm viết về Bác Hồ.
- Tranh ảnh minh hoạ bài đọc.
- Phần Luyện từ và câu: Từ điển học sinh, tranh minh hoạ bài tập 2 trong sách (phóng to để dán lên bảng hoặc chiếu trên màn hình).
- Sơ đồ trong câu (c) của bài tập 1 (giờ Viết).
- Phiếu bài tập dành cho bài tập 1 (giờ Viết).

- Tài liệu về cách viết đoạn văn, cách giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học/ cuốn sách/ câu chuyện.
- Một số đoạn văn, bài văn giới thiệu nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Một số cuốn sách có nhân vật cần giới thiệu.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Giới thiệu chủ điểm

Đây là bài học mở đầu chủ điểm, vì vậy nên dành thời gian giới thiệu chủ điểm. Ví dụ:

- GV nói với cả lớp: Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ ba: Trên con đường học tập. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này.
- HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể tổng kết ý kiến của HS và nói thêm với các em về ý nghĩa của bức tranh, Ví dụ: Hình ảnh những cuốn sách xếp tầng tầng lớp lớp ý muốn nói tri thức của loài người là vô tận, hãy khám phá và chiếm lĩnh chúng để trở thành những người tài giỏi, có kiến thức sâu rộng, giúp ích cho đời. Hình ảnh cuốn sách mở ra trước mắt các bạn nhỏ con đường chan hoà ánh sáng và sắc màu tươi xanh của cuộc sống như muốn vẫy gọi các em hãy học tập, hãy vững bước đi trên con đường đến với tri thức để khôn lớn, trưởng thành.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học mở đầu chủ điểm – Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các HS nhân ngày khai trường đặc biệt.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Kể về một lễ khai giảng để lại nhiều ấn tượng đẹp đối với em (có thể giải thích vì sao). – GV nhận xét các nhóm, sau đó nêu tên bài học <i>Thư gửi các học sinh</i> và các nội dung học trong 3 tiết. – GV giới thiệu bài : Đây là bức thư Bác Hồ gửi HS cả nước nhân ngày khai giảng đầu tiên, sau khi nước ta giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp. Các em hãy nghe đọc thư Bác và nêu cảm nhận của mình về tình cảm và niềm tin của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.	Làm việc nhóm Từng thành viên trong nhóm kể về một lễ khai giảng để lại nhiều ấn tượng đẹp đối với mình. Làm việc chung cả lớp

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp học sinh luyện đọc đúng và diễn cảm bài *Thư gửi các học sinh*, biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu thể hiện được sự cảm nhận về tình cảm triu mến và sự tin tưởng của Bác Hồ đối với thiếu nhi Việt Nam.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– <i>Đọc mẫu:</i> GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp). – <i>GV hướng dẫn đọc:</i> + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. + Đọc diễn cảm những câu thể hiện tình cảm yêu thương, thái độ triu mến, lòng tin tưởng của Bác Hồ dành cho thiếu nhi. – GV mời 2 HS đọc nối tiếp bức thư của Bác trước lớp. GV nhận xét việc đọc diễn cảm của HS. – GV tổ chức cho HS đọc trong nhóm (đọc nối tiếp theo cặp). – GV mời HS đọc thầm lời giải nghĩa từ ngữ dưới bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.	Làm việc chung cả lớp – HS lắng nghe GV đọc mẫu và đọc thầm. – 2 HS đọc nối tiếp. Cả lớp nhận xét. Làm việc nhóm – HS đọc nối tiếp theo cặp. – HS đọc thầm giải nghĩa từ trong sách. Có thể tra từ điển để hiểu rõ nghĩa của từ hơn.

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Giúp HS hiểu được nội dung bức thư; cảm nhận được tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi trong niềm vui ngày khai trường đặc biệt – ngày khai trường đầu tiên, sau khi nước ta giành được độc lập, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp. Hiểu được mong muốn của Bác Hồ qua lời khuyên HS chăm học, nghe thầy, yêu bạn; hiểu được sự tin tưởng của Bác Hồ: HS sẽ là những người kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha ông, xây dựng đất nước Việt Nam sánh vai các cường quốc 5 châu.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách (hoặc có cách tổ chức khác, Ví dụ: Các nhóm tự trả lời lần lượt 5 câu hỏi, sau đó GV mời phát biểu ý kiến trước lớp, cả lớp bổ sung ý kiến, tranh luận, thống nhất cách hiểu).	

Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Câu nào trong thư của Bác Hồ cho thấy ngày khai trường tháng 9 năm 1945 rất đặc biệt?</i> – Hướng dẫn HS: + Đọc lướt lại bài để tìm những chi tiết cho thấy Bác Hồ muốn các HS hiểu được dấu mốc đặc biệt của ngày khai trường tháng 9 năm 1945. – GV nhận xét câu trả lời của HS và tổng hợp các ý kiến. Dự kiến câu trả lời: Bác Hồ đã viết trong thư “Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”. Bác muốn HS cả nước cảm nhận được ý nghĩa của ngày khai trường đầu tiên sau khi nước ta giành được độc lập sau 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Từ ngày khai trường này, các em HS bắt đầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam.	Làm việc theo cặp/nhóm – Từng em đọc thư của Bác Hồ và tìm câu cho thấy ngày khai trường tháng 9 năm 1945 rất đặc biệt. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.
Câu 2	– Nêu câu hỏi: <i>Chi tiết nào trong thư cho thấy Bác vui cùng niềm vui của học sinh nhân ngày khai trường?</i> – GV hướng dẫn cách thực hiện: + HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời. + HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. – Yêu cầu một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. – Khích lệ đại diện các nhóm trả lời trước lớp. Dự kiến câu trả lời: Bác viết thư gửi các HS nhân ngày khai trường. Bác tưởng tượng thấy cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày tựu trường. Bác hình dung thấy các em hết thảy đều vui vẻ. Bác chúc các em có 1 năm học vui vẻ, đầy kết quả tốt đẹp.	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/nhóm Từng em nêu câu trả lời theo nội dung đã chuẩn bị, cả nhóm góp ý rồi thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS trả lời. Cả lớp nhận xét.

Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Bác nhắc học sinh nhớ đến ai, nghĩ đến điều gì trong giờ phút hạnh phúc của ngày tựu trường?</i> Dự kiến câu trả lời: <table><tr><td>Bác nhắc HS nhớ đến ai?</td><td>– Bác nhắc HS nhớ đến công ơn biết bao đồng bào đã chiến đấu, hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, đất nước: <i>Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiều đồng bào các em.</i></td></tr><tr><td>Bác nhắc HS nghĩ đến điều gì?</td><td> – Bác nhắc HS nghĩ đến trách nhiệm của người HS: <i>Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.</i> – Bác nhắc HS nghĩ đến nhiệm vụ của toàn dân, đó là công cuộc xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại: <i>Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.</i> </td></tr></table>	Bác nhắc HS nhớ đến ai?	– Bác nhắc HS nhớ đến công ơn biết bao đồng bào đã chiến đấu, hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, đất nước: <i>Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiều đồng bào các em.</i>	Bác nhắc HS nghĩ đến điều gì?	– Bác nhắc HS nghĩ đến trách nhiệm của người HS: <i>Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.</i> – Bác nhắc HS nghĩ đến nhiệm vụ của toàn dân, đó là công cuộc xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại: <i>Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.</i>	– HS làm việc cá nhân, đọc thầm thư Bác, chuẩn bị câu trả lời rồi chia sẻ trong nhóm. 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý.
Bác nhắc HS nhớ đến ai?	– Bác nhắc HS nhớ đến công ơn biết bao đồng bào đã chiến đấu, hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, đất nước: <i>Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiều đồng bào các em.</i>					
Bác nhắc HS nghĩ đến điều gì?	– Bác nhắc HS nghĩ đến trách nhiệm của người HS: <i>Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.</i> – Bác nhắc HS nghĩ đến nhiệm vụ của toàn dân, đó là công cuộc xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại: <i>Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.</i>					
Câu 4	– Nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 4 (<i>Vì sao Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới?</i>) và dành thời gian cho HS suy nghĩ. – GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, sâu sắc của HS. Dự kiến câu trả lời: Bác khuyên các em học sinh phải cố gắng, siêng năng học tập,... trong những năm học tới bởi vì chỉ bằng con đường học tập, chúng ta mới có thể thoát khỏi yếu hèn sau 80 năm trời bị áp bức, bóc lột, chỉ bằng con đường học tập mới có thể có kiến thức, có hiểu biết để đưa đất nước tiến lên, sánh vai các cường quốc 5 châu,(...).	Làm việc cá nhân HS chuẩn bị câu trả lời. Làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp Từng HS nêu ý kiến, cả lớp nhận xét, góp ý.				

Câu 5	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 5 – Nêu câu hỏi: <i>Nêu cảm nghĩ của em khi đọc thư của Bác Hồ gửi các học sinh.</i> – GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để chia sẻ cảm nghĩ của mình. Dự kiến câu trả lời: Qua thư Bác Hồ, em hiểu rằng: Ở lứa tuổi HS, việc làm cần thiết nhất là chăm chỉ học tập. Bởi Bác Hồ – người đã hi sinh cả cuộc đời cho dân cho nước, đã khẳng định rằng: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.”).	Làm việc theo cặp / nhóm. Từng em nêu cảm nghĩ khi đọc thư của Bác Hồ.
--------------	--	---

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn đọc diễn cảm.
- HS làm việc cá nhân: tự đọc thầm toàn bài.

5. Hoạt động 5: Vận dụng

- Mục tiêu:** Giúp HS đọc thuộc câu văn hoặc đoạn văn yêu thích trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV có thể khích lệ HS nêu câu văn hoặc đoạn văn yêu thích nhất trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
 - HS đọc thuộc câu văn / đoạn văn yêu thích đó (Ví dụ: “*Sau 80 năm giời nô lệ*” đến “*nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.*”).

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu:** Cùng cố được những hiểu biết về cách sử dụng từ điển mà HS đã được làm quen; khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Trò chơi Nhìn hình đoán từ: GV chọn một số hình ảnh và yêu cầu HS nghĩ và nêu nghĩa của từ đó? <i>Lưu ý</i>: Có từ dễ và có từ khó để sau khi tìm được các từ, GV cho HS suy nghĩ xem từ đó có nghĩa là gì? – GV dẫn dắt tới mục đích của việc tra từ điển để hiểu được các nét nghĩa của từ rồi dẫn dắt vào bài.	– HS tham gia trò chơi theo hình thức cá nhân. Bạn nào nhanh và tìm được nhiều từ đúng sẽ nhận được phần thưởng. – HS lắng nghe và ghi bài.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết cách tra từ điển và biết sử dụng từ điển để giải thích ý nghĩa của các từ trong bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
Bài tập 1. HS thảo luận nhóm và điền kết quả thực hiện vào phiếu học tập sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Kết quả</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Tìm từ đọc</td><td></td></tr> <tr> <td>b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.</td><td></td></tr> <tr> <td>c. Chọn từ điển phù hợp.</td><td></td></tr> <tr> <td>d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc</td><td></td></tr> <tr> <td>e. Đọc nghĩa của từ đọc</td><td></td></tr> </tbody> </table> + GV yêu cầu: mở từ điển và đọc to ý nghĩa của từ “đọc” cho cả lớp cùng nghe. Dự kiến câu trả lời: c – b – a – e – d	Yêu cầu	Kết quả	a. Tìm từ đọc		b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.		c. Chọn từ điển phù hợp.		d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc		e. Đọc nghĩa của từ đọc		HS thảo luận nhóm; nhóm trưởng thống nhất kết quả và trả lời.
Yêu cầu	Kết quả												
a. Tìm từ đọc													
b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.													
c. Chọn từ điển phù hợp.													
d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc													
e. Đọc nghĩa của từ đọc													
Bài tập 2. Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: <i>Đọc các thông tin về từ “đọc” trong từ điển nêu trong sách và trả lời câu hỏi?</i> a. Từ đọc là danh từ, động từ hay tính từ? b. Nghĩa gốc của từ đọc là gì? c. Từ đọc có mấy nghĩa chuyển?	HS thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất phương án và trả lời câu hỏi.												

d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như thế nào?

Dự kiến câu trả lời:

a. Từ “đọc” là động từ.

b. Nghĩa gốc của từ “đọc” là nghĩa số 1: phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự.

c. Từ “đọc” có 3 nghĩa chuyển (các nghĩa số 2, 3 và 4). Các ví dụ về cách sử dụng là phần in nghiêng sau mỗi nghĩa.

Cụ thể:

* Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu. Ví dụ: *đọc bản thiết kế*

* Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD,...). Ví dụ: *máy tính không đọc được file dữ liệu này.*

* Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài. Ví dụ: *Lan đọc được suy nghĩ của tôi khi nghe lời mời đi chơi.*

– GV lưu ý HS: Khi đọc nghĩa của từ, nhất là nghĩa chuyển, cần chú ý ví dụ về cách sử dụng để hiểu đúng từ đó thường sử dụng trong những tình huống nào.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách tra từ điển và biết sử dụng từ điển để giải thích ý nghĩa của các từ trong bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 3: HS làm việc nhóm, chơi trò chơi <i>Ai nhanh nhất?</i> để tìm ra nghĩa của các từ đã cho trong sách giáo khoa. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây: <i>học tập, tập trung, trôi chảy</i> Dự kiến câu trả lời: – học tập: đgt: (1) học và luyện tập để hiểu biết, để có kĩ năng, có tri thức <i>kết quả học tập; siêng năng học tập</i> (2) làm theo gương tốt: <i>học tập lẫn nhau; học tập kinh nghiệm</i> – tập trung: đgt:	– HS phân công các bạn trong nhóm thực hiện tra từ điển, thống nhất kết quả thực hiện và trả lời.

(1) dồn vào một chỗ hoặc một điểm: *tập trung đồ đạc vào một chỗ; mọi người đã tập trung đông đủ* (Đồng nghĩa: *tập kết*; Trái nghĩa: *giải tán*).

(2) dồn sức hoạt động, hướng các hoạt động vào một việc gì: *tập trung tư tưởng; tập trung giải quyết đơn từ tồn đọng*
– *trôi chảy*: *tt*

(1) (công việc) được tiến hành thuận lợi, không bị vấp vấp, trở ngại gì: *mọi việc đều trôi chảy; công việc được tiến hành rất trôi chảy* (Đồng nghĩa: *suôn sẻ, trót lọt*).

(2) (hoạt động nói năng) được tiến hành một cách dễ dàng, không có vấp vấp: *đọc rất trôi chảy; trả lời trôi chảy* (Đồng nghĩa: *lưu loát*).

Bài tập 4: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và báo cáo kết quả.

Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

Dự kiến câu trả lời:

– *Là học sinh chăm ngoan, học giỏi, Mai luôn là tấm gương sáng của lớp 5A cho cả lớp học tập theo.*

– *Sắp thi học kì nên cả lớp tôi đều tập trung ôn tập để cố gắng đạt kết quả tốt.*

– *Hoa trả lời rất trôi chảy những câu hỏi khó của cô giáo khiến cô rất hài lòng.*

HS làm việc cá nhân và báo cáo kết quả.

4. Hoạt động 4: Mở rộng (có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng những hiểu biết của mình vào sử dụng từ điển trong tình huống mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1: Tra cứu nghĩa của các từ: <i>vở, mềm mại, ngọt</i> Dự kiến câu trả lời: + <i>vở</i>: (dt); (1) tập giấy được đóng lại để viết, thường có bìa bọc ngoài (vở bài tập, vở ô li). (2) từ dùng để chỉ từng đơn vị tác phẩm sân khấu (vở chèo, vở kịch). + <i>mềm mại</i>: (tt); (1) mềm và gợi cảm giác dễ chịu khi sờ đến (vải mềm)	HS thực hiện theo cách thức đã được hướng dẫn trong bài học, ghi lại các kết quả đã tìm được trong từ điển vào vở bài tập.

(2) có dáng, nét lượn cong tự nhiên, trông đẹp mắt (dáng đi mềm mại, nét chữ mềm mại).

(3) có âm điệu uyển chuyển, nhẹ nhàng, dễ nghe (giọng nói mềm mại).

+ *ngọt*: (tt);

(1) có vị như vị của đường, mật (bưởi ngọt).

(2) (món ăn) có vị ngon như vị mì chính (thịt gà ngọt).

(3) (lời nói, âm thanh) dễ nghe, êm tai, dễ làm xiêu lòng.

(4) Đồng nghĩa: *ngọt ngào*

Bài tập 2: Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 1.

Dự kiến câu trả lời:

Mẹ tôi rất thích *vở* chèo *Kim Nham* của Nhà hát Kịch Việt Nam.

Nét chữ của Lan thật là *mềm mại*.

Cả nhà đều xuýt xoa khen con gà này *ngọt* thịt.

HS suy nghĩ và ghi phương án vào vở.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Khởi gợi nhu cầu giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách, tạo tâm thế sẵn sàng tìm hiểu cách giới thiệu nhân vật.

b. *Tổ chức thực hiện:*

– GV có thể đưa ra danh sách một số cuốn sách hay và tên nhân vật chính trong cuốn sách; cho HS chia sẻ: Nhân vật nào, cuốn sách nào mình chưa được nghe, chưa được đọc và mong muốn biết về nhân vật, cuốn sách đó.

– GV gợi mở, dẫn vào bài: Có những cuốn sách với những nhân vật gây ấn tượng rất sâu sắc. Nhưng, vì nhiều lí do, một số người chưa được biết. Để tạo cho họ sự hào hứng tìm đọc sách, chúng ta cần viết đoạn văn giới thiệu với họ về nhân vật trong cuốn sách. Vậy, có thể viết đoạn văn giới thiệu nhân vật bằng cách nào? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời câu hỏi đó.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. *Mục tiêu:* Biết cách thức viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập để tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1. Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện các yêu cầu. – Gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn. – Hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu của bài tập 1. <i>a. Đoạn văn trên có nội dung chính là gì? Chọn câu trả lời đúng.</i> – Gọi 1 HS đọc yêu cầu của ý (a). – Hướng dẫn HS: + Nhớ lại cách viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của người viết đối với nhân vật; đoạn văn nêu lí do thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, cách kể lại câu chuyện,... Từ đó chọn phương án trả lời phù hợp. + Trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời. – Gọi đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến. – Nhận xét, chốt đáp án B: Đoạn văn giới thiệu về nhân vật Mi-lô trong cuốn sách <i>Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính</i>. <i>b. Tìm phần mở đầu và kết thúc của đoạn văn trên. Mỗi phần cho biết thông tin gì?</i> – Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của ý (b). – Trình chiếu đoạn văn. – Hướng dẫn HS nhớ lại đặc điểm vị trí và nội dung phần mở đầu và kết thúc của một đoạn văn. – Tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4 để tìm câu trả lời. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.	– 1 – 2 HS đọc đoạn văn. – 1 HS đọc yêu cầu của ý (a). – Nhớ lại cách viết các đoạn văn (đã học từ lớp trước): đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; đoạn văn nêu lí do thích câu chuyện, cách kể lại câu chuyện,... Từ đó thực hiện phương pháp loại trừ để chọn phương án trả lời. + Trao đổi nhóm đôi, thống nhất câu trả lời. – Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu ý kiến. Lớp nhận xét. – 1 – 2 HS nêu yêu cầu của ý (b). – Quan sát đoạn văn. – Nhớ lại đặc điểm vị trí và nội dung phần mở đầu và kết thúc của một đoạn văn. – Trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. – Lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.

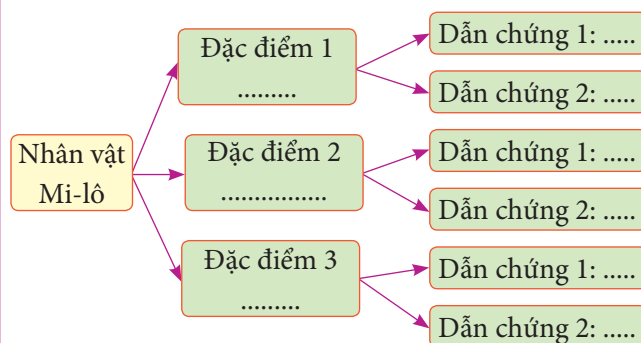
– GV nhận xét, ghi nhận những câu trả lời hợp lí. (Ví dụ: Phần mở đầu: “*Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính*” của tác giả Ê-lê-na Pha-vi-li và Phran-xét-ca là cuốn sách thú vị kể về 100 phụ nữ nổi tiếng toàn cầu. Trong đó, người để lại ấn tượng mạnh nhất là Mi-lô – nữ nghệ sĩ trống người Cu-ba. Phần mở đầu cho biết tên nhân vật được giới thiệu, tên cuốn sách có nhân vật đó, tên tác giả cuốn sách và ấn tượng chung của người giới thiệu đối với nhân vật.

Phần kết thúc: Mi-lô đã trở thành tấm gương về lòng quyết tâm theo đuổi ước mơ. Phần kết thúc nêu nhận xét của người đọc về nhân vật trong cuốn sách.

c. Phần triển khai nói về những đặc điểm nào của nhân vật Mi-lô? Với mỗi đặc điểm, người viết đã đưa những dẫn chứng gì (về hành động, suy nghĩ,... của nhân vật)?

– Gọi HS đọc lại yêu cầu c.

– Trình chiếu sơ đồ thể hiện đặc điểm của nhân vật Mi-lô.



– Tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời. Khuyến khích HS trả lời theo cách hiểu, cách diễn đạt riêng của mình.

(GV có thể phát phiếu bài tập cho từng nhóm 4)

– Đọc lại yêu cầu c.

– Quan sát sơ đồ đặc điểm của nhân vật Mi-lô.

– Trao đổi nhóm 4 để thống nhất câu trả lời. Trả lời sáng tạo theo cách cảm nhận, cách diễn đạt riêng.

– Trao đổi nhóm 4, làm bài vào phiếu.

– Mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. – Nhận xét, ghi nhận những câu trả lời hợp lí, hoặc ghi nhận những phiếu bài tập được trình bày đầy đủ, sáng rõ. (Ví dụ: Phần triển khai nói về nhân vật Mi-lô với những đặc điểm: tài năng, quyết tâm/kiên trì và tự tin. Tài năng: chơi được mọi loại trống. Kiên trì theo đuổi ước mơ: vượt qua quy ước chỉ con trai mới được chơi trống; thuyết phục cha cho tham gia lớp học nhạc; hằng ngày, rèn khả năng cảm nhận âm thanh. Tự tin: tin ngày nào đó sẽ được chơi trong ban nhạc thú vị.)	
Bài tập 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. – Gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu cần trao đổi. – Tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4 để thống nhất những điểm cần lưu ý. Khuyến khích HS trình bày cụ thể, đưa ví dụ minh họa. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. – Đánh giá, ghi nhận những kết quả trao đổi hợp lí. (Ví dụ: Đoạn văn phải đủ 3 phần (mở đầu, triển khai, kết thúc). Cần lựa chọn đặc điểm nổi bật của nhân vật để giới thiệu. Với mỗi đặc điểm, cần đưa các dẫn chứng để làm rõ. Đoạn văn cần bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật,...) – Gọi 1 – 2 HS nhắc lại những điều cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. Rút ra nội dung cần ghi nhớ – Khẳng định : Đoạn văn trong bài tập 1 là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. Cụ thể là giới thiệu nhân vật Mi-lô trong cuốn <i>Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính</i>.	– 1 – 2 HS đọc yêu cầu cần trao đổi. – Trao đổi nhóm 4 để thống nhất những điểm cần lưu ý. Khuyến khích HS trình bày cụ thể, đưa ví dụ minh họa. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. – Đánh giá, ghi nhận những kết quả trao đổi hợp lí.

– Yêu cầu HS nêu bố cục của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách và nội dung từng phần trong đó. – Tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm 4 để thống nhất ý kiến. – Mời đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu. – Nhận xét, đánh giá, mời 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ. – Dùng 1 – 2 phút cho cả lớp tự đọc và học thuộc lòng Ghi nhớ. Sau đó, mời HS nêu Ghi nhớ không cần nhìn sách.	– Từ đoạn văn cụ thể, cá nhân suy nghĩ, tìm bố cục của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách và nội dung từng phần. – Trao đổi trong nhóm 4 để thống nhất ý kiến. – Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu. – 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ. – Tự đọc và học thuộc lòng ghi nhớ, nêu Ghi nhớ không cần nhìn sách: Đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách thường gồm 3 phần: + Mở đầu: Giới thiệu tên sách, tên tác giả, tên nhân vật và nêu ấn tượng chung về nhân vật. + Triển khai: Cung cấp những thông tin về đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,...) và đưa ra dẫn chứng minh họa. + Kết thúc: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật,...
--	---

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Biết gắn nội dung đã được học với thực tế cuộc sống: liên hệ bài học với thực tế hiểu biết của bản thân.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV có thể yêu cầu HS: Tìm nhân vật trong một cuốn sách mà mình rất muốn giới thiệu hoặc muốn được người khác giới thiệu.
- HS liên hệ thực tế, tìm hiểu sách truyện có nhân vật để thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng <i>1. Thực hiện dự án: Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.</i> – GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện. Lưu ý: Nhắc HS có thể ghi chép vắn tắt các thông tin trong từ điển (ví dụ với các từ có nhiều nghĩa chuyển, HS có thể chỉ cần ghi 1, 2 nghĩa chuyển thông dụng để tránh dài dòng). – GV có thể tổ chức triển lãm các sổ tay từ ngữ của học sinh vào cuối giờ học buổi sau và bình chọn cuốn sổ tay được làm công phu nhất. <i>2. Tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.</i> GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện theo yêu cầu để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng ở bài sau.	Làm việc cá nhân + HS đọc kĩ hướng dẫn thực hiện và ví dụ minh họa (trang sổ tay trong ảnh). + Mỗi HS chọn một số từ ngữ (có thể 4 – 6 từ ngữ) trong các bài đọc đã học, sau đó tra cứu nghĩa và các thông tin khác (ví dụ từ đó là danh từ, động từ, hay tính từ) của những từ đó trong từ điển. + Chép các từ ngữ (theo thứ tự A, B, C...) và các thông tin đã tra cứu vào sổ tay. + Dành trang đầu tiên để viết các quy ước (ví dụ các quy ước về viết tắt, từ loại,...). + Trình bày sổ tay giống như một từ điển (ví dụ các chữ cái A, B, C viết to ở đầu trang để dễ nhận diện). + Trang trí theo ý tưởng cá nhân để có một quyển sổ thật đẹp. + Chia sẻ với người thân và lắng nghe trao đổi, góp ý của người thân. – HS ghi chép những dặn dò của giáo viên về việc tìm đọc câu chuyện cho tiết Đọc mở rộng ở bài sau.

CÙNG CỐ

a. Mục tiêu: Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 17: + Đọc: <i>Thư gửi các học sinh.</i>	Làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu của GV.

- + Luyện từ và câu: Sử dụng từ điển.
- + Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.
- GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 17.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em cố gắng trong học tập.
- Dặn dò HS đọc trước Bài 18.

BÀI 18 TẤM GƯƠNG TỰ HỌC (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng, rõ ràng văn bản *Tấm gương tự học*, biết ngắt, nghỉ hơi phù hợp; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút; ngữ điệu nhẹ nhàng, pha chút ngưỡng mộ, tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.
- Đọc hiểu: Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản. Nhận biết được những tình tiết chính trong bài đọc, hiểu được ý nghĩa của văn bản thông tin. Biết thêm về nhân vật, đặc điểm của mỗi nhân vật và dẫn chứng minh họa đặc điểm nhân vật trong một số cuốn sách (sách truyện kể về danh nhân, về những tấm gương hiếu học,...). Nhận biết được những chi tiết chính trong văn bản và hiểu ý nghĩa của văn bản: Tạ Quang Bửu là một tấm gương sáng về tự học; nên học tập ông.
- Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về nhà trường, thầy cô, học sinh; viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

b. Viết:

- Tìm được ý để viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.
- Biết cách sử dụng đúng từ ngữ trong những ngữ cảnh cụ thể

2. Phẩm chất

Bồi dưỡng phẩm chất kiên trì, nỗ lực, bền bỉ, ý chí quyết tâm trong học tập.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, clip minh họa về nội dung bài học (tranh hoặc clip về Tạ Quang Bửu (phố Tạ Quang Bửu ở Hà Nội, Giải thưởng Tạ Quang Bửu, Thư viện Tạ Quang Bửu trong khuôn viên Đại học Bách khoa Hà Nội,...).

- Phiếu học tập cho phần Tìm hiểu bài; bảng phụ viết sẵn/ in ra khổ lớn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.
- Phiếu bài tập cho bài tập 1 – Luyện từ và câu.
- Một số cuốn sách có nhân vật cần giới thiệu.
- Một số đoạn văn, bài văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Cho HS đọc lại đoạn 3 trong bài *Thư gửi các học sinh*.
- Trả lời câu hỏi: Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc thư Bác Hồ gửi các học sinh.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS bộc lộ cảm xúc của bản thân để có tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV kể một câu chuyện ngắn về một tấm gương tự học mà GV biết có trong thực tiễn đời sống. – GV tiếp tục dẫn vào bài một tấm gương lớn về tự học là Tạ Quang Bửu (kết hợp xem tranh, lời nhận xét của giáo sư Hoàng Tuệ về nhân vật được học). - Gợi ý lời dẫn vào bài: Tạ Quang Bửu là một tấm gương tự học tiêu biểu. Ông là một nhà giáo dục, nhà quân sự, ngoại giao nổi tiếng ở Việt Nam. Ông là tấm gương sáng của tinh thần tự học. Hãy cùng đọc văn bản để biết những thành tích lớn lao mà ông đã đóng góp cho nước nhà cũng như bí quyết thành công của ông. – GV ghi tên bài trên bảng lớp.	– HS nghe tích cực. – HS quan sát, lắng nghe tích cực. – HS ghi vào vở tên bài.

3. Hoạt động 3: Đọc

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Đọc đúng giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản thông tin; biết đọc diễn cảm thể hiện đúng thái độ, tình cảm của tác giả.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi HS khá giỏi đọc, GV nhận xét. – GV đọc và lưu ý cho HS giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. – GV hỏi HS về cách chia đoạn: <i>Văn bản này chia làm mấy đoạn?</i> + Đoạn 1: Từ đầu... <i>hiếm có</i> + Đoạn 2: <i>Con đường... đau ốm</i> + Đoạn 3: <i>Tạ Quang Bửu...thời nay</i> + Đoạn 4: Phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>Tạ Quang Bửu, uyên bác, chính khách...</i> – Gọi HS đọc phần chú giải. – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV tổ chức nhận xét, tuyên dương. – Cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 2. – Tổ chức cho HS thi đọc. – GV tổ chức nhận xét và cùng bình chọn với HS nhóm đọc tốt nhất.	– HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS phản hồi. – – HS luyện đọc nối tiếp đoạn lần 1. – HS đọc mục Từ ngữ ở cuối văn bản. – Đại diện một vài nhóm thi đọc. – HS tham gia nhận xét, bình chọn.

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết các nhân vật, cảm nhận được sự tự học, sự chăm chỉ, nỗ lực, kiên trì của giáo sư Tạ Quang Bửu, từ đó bản thân học tập theo tấm gương của nhân vật trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
– Cho HS đọc thầm lại văn bản và thảo luận theo nhóm 4 với Phiếu học tập. Phiếu học tập Hãy thảo luận nhóm và trả lời những câu hỏi sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi</th><th>Trả lời</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Câu 1. Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi	Trả lời	Câu 1. Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?		– Hoạt động nhóm 4 (trong 5 phút); cần sự trợ giúp của GV (nếu có).
Câu hỏi	Trả lời				
Câu 1. Đoạn văn thứ nhất giới thiệu điều gì về Tạ Quang Bửu?					

Câu 2. Những chi tiết nào cho thấy Tạ Quang Bửu là tấm gương tự học, học suốt đời và học say mê?		
Câu 3. Theo em, vì sao Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài?		
Câu 4. Sự đa tài, uyên bác của Tạ Quang Bửu được thể hiện như thế nào?		
Câu 5. Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận như thế nào?		
– GV tổ chức cho các nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét theo gợi ý sau: + Nhóm 1: Trả lời câu hỏi 1 Nhóm 5 nhận xét, GV kết luận (có thể chấp nhận những cách diễn đạt khác nhau): Đoạn văn thứ nhất giới thiệu về quê quán và gia đình Tạ Quang Bửu, đồng thời giới thiệu khái quát về sự nghiệp của ông. + Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 2 Nhóm 1 nhận xét, GV kết luận (HS có thể diễn đạt khác, bổ sung các chi tiết nhưng có ý như dưới đây): + Biểu hiện trước hết của việc tự học đó là Tạ Quang Bửu rất chăm đọc sách: đọc sách ở mọi lúc, mọi nơi, đọc nhanh và nhớ lâu; đã từng vì mải đọc sách mà ngã xuống tuổi; tự học tiếng Nga chỉ trong 3 tháng mà dịch tiếng Nga rất giỏi; luôn tranh thủ thời gian đọc sách,... + Biểu hiện của việc học suốt đời và say mê thể hiện ở chi tiết: ông học từ lúc còn trẻ đến lúc cuối đời, cả khi đau ốm; giỏi ở nhiều lĩnh vực,... + Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 3 Nhóm 2 nhận xét, GV kết luận: Tạ Quang Bửu nhiều lần được cùng Bác Hồ tiếp các chính khách nước ngoài vì ông rất giỏi ngoại ngữ. + Nhóm 4: Trả lời câu hỏi 4 Nhóm 3 nhận xét, GV kết luận: Ông xuất sắc ở nhiều lĩnh vực: toán, lí, hoá, sinh, triết học, đặc biệt là ngoại ngữ.		– Đại diện HS Nhóm 1 trình bày, HS của Nhóm 5 nhận xét. – HS lắng nghe cùng GV chốt lại đáp án. – Đại diện HS Nhóm 2 trình bày, HS của Nhóm 1 nhận xét. – HS lắng nghe cùng GV chốt lại đáp án. – Đại diện HS Nhóm 3 trình bày, HS của Nhóm 2 nhận xét. – HS lắng nghe cùng GV chốt lại đáp án. – Đại diện HS Nhóm 4 trình bày, HS của Nhóm 3 nhận xét. – HS lắng nghe và cùng GV chốt lại đáp án.

+ Ông còn có hiểu biết sâu rộng về âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, thể thao,... + Ông được coi là “Lê Quý Đôn thời nay” GV giới thiệu sơ lược về Lê Quý Đôn: ông là người có bộ óc “bách khoa”, có trí nhớ siêu phàm và vô cùng thông minh, uyên bác. + Nhóm 5 : Trả lời Câu hỏi 5 Nhóm 4 nhận xét, GV kết luận: Tài năng, công lao của Tạ Quang Bửu được ghi nhận qua việc lấy tên ông để đặt tên cho các con phố ở nhiều thành phố trên cả nước; lấy tên ông đặt cho tên một giải thưởng trao cho những nhà khoa học xuất sắc,... – GV gọi HS khá giỏi chia sẻ thêm thông tin tự tìm hiểu để HS trình bày (có thể GV đã giao việc tuần trước ở nhà để HS chuẩn bị). GV có thể đặt câu hỏi: <i>Em biết gì thêm về giáo sư Tạ Quang Bửu?</i>	– Đại diện HS Nhóm 5 trình bày, HS của Nhóm 4 nhận xét. – HS lắng nghe cùng GV chốt lại đáp án. – HS lắng nghe tích cực. – HS khá giỏi chia sẻ.
---	---

3.3. Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài..

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS đọc đoạn cần luyện đọc lại. + GV treo bảng phụ đoạn văn cần luyện đọc và hướng dẫn HS đọc diễn cảm. + Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp, bình chọn người đọc hay nhất, tuyên dương.	– HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo nhóm đôi. – HS chia sẻ sản phẩm thảo luận nhóm.

3.4. Luyện tập theo văn bản đọc

a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung của toàn bài, mục đích luyện cho HS về nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, điều này giúp HS hiểu thêm về bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 2 câu hỏi trong sách và giao nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ học tập.	– HS thực hiện.

– GV hỗ trợ các nhóm (nếu có). – GV tổ chức cho nhóm học tập chia sẻ, phản hồi trước lớp, HS khác nhận xét, chốt lại đáp án của HS nêu (hoặc sửa sai nếu HS chưa làm đúng). Dự kiến câu trả lời Câu 1. Dựa vào gợi ý, tìm nghĩa cho mỗi từ. a. Chương trình học tập chính thức, bắt buộc: chính khoá b. Người chuyên hoạt động chính trị, thường có những tiếng tăm nhất định: chính khách c. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất: chính phủ Câu 2. Chọn các từ ở bài tập 1 để hoàn thiện câu. a. Ở hội nghị này, nhiều chính khách quốc tế đã có mặt đầy đủ, đúng giờ. b. Chính phủ các nước chú trọng bảo vệ mọi quyền lợi cho trẻ em trên thế giới. c. Học sinh náo nức chờ đợi hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức ngoài giờ học chính khoá.	– HS chia sẻ sản phẩm thảo luận nhóm.
--	---

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a. *Mục tiêu:* Khởi gợi kiến thức đã học, có kết quả của sự chuẩn bị bài mới để tự tin, hứng thú với hoạt động giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.
- b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể yêu cầu HS nêu tên nhân vật trong một cuốn sách mà mình rất muốn giới thiệu (nhiệm vụ vận dụng đã giao ở bài trước). – GV dẫn vào bài mới: Chúng ta rất muốn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách, chúng ta đã biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật. Giờ học hôm nay sẽ giúp các em biết tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách đó.	HS khởi động, nhớ lại kết quả vận dụng đã thực hiện cho bài 17 và trình bày trước lớp.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: Biết cách tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách dựa theo gợi ý.

b. Tổ chức thực hiện:

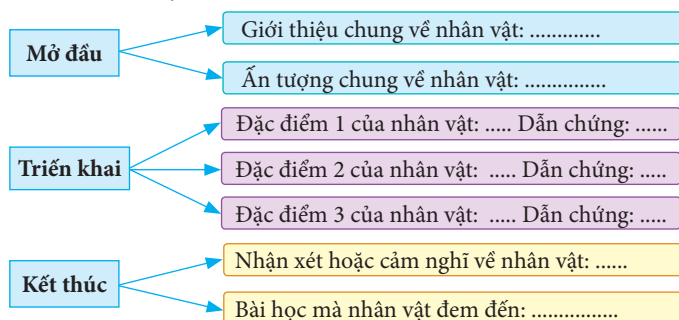
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động trong quy trình tìm ý cho đoạn văn. 1. Chuẩn bị – Gọi 2 HS đọc đề bài, nêu yêu cầu của đề bài (trang 96). – Hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động tìm ý: + Làm việc cá nhân: Chọn nhân vật (có thể là một người hoặc một sự vật – con vật hay đồ vật được nhân hoá) trong sách để giới thiệu. Xem lại tên cuốn sách, tác giả sách, tên nhân vật sẽ giới thiệu; những điều muốn giới thiệu về nhân vật này. (Có thể mang sách tới lớp để xem lại khi cần thiết, hoặc giới thiệu để các bạn cùng đọc.) + Làm việc theo nhóm 4. – Mời đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị của nhóm. – Nhận xét, khen ngợi những HS chuẩn bị bài chu đáo. 2. Tìm ý – Trình chiếu gợi ý trong sách về hoạt động tìm ý. – Gọi 1 – 2 HS nói lại gợi ý theo ý hiểu của mình. – Nhận xét, đánh giá và nhắc lại những ý chính trong từng phần. (Ví dụ: Trong phần mở đầu, cần giới thiệu chung về nhân vật trong cuốn sách và nêu ấn tượng chung của em về nhân vật. Phần triển khai sẽ giới thiệu từng đặc điểm nổi bật của nhân vật (về ngoại hình, hành động, lời ăn tiếng nói, suy nghĩ,...) và đưa ra dẫn chứng cụ thể (có trong sách) để minh họa. Phần kết thúc: nêu nhận xét, cảm xúc, suy nghĩ của em về nhân vật, về cuốn sách.).	– 2 HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của đề bài. – Làm việc cá nhân: Chọn nhân vật (người hoặc sự vật – con vật hay đồ vật – được nhân hoá) trong sách để giới thiệu. Xem lại tên sách, tác giả sách, tên nhân vật sẽ giới thiệu; những điều muốn giới thiệu về nhân vật. – Làm việc theo nhóm 4: Từng HS báo cáo kết quả chuẩn bị; tiếp thu ý kiến của nhóm. – Đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị của nhóm. – Quan sát sơ đồ gợi ý. – 1 – 2 HS nói lại gợi ý theo ý hiểu. – Lắng nghe và tự chỉnh sửa cách hiểu, cách diễn đạt của mình cho chuẩn.

– Tổ chức cho HS tìm ý:

+ Làm việc cá nhân: tìm ý theo gợi ý trong SGK, viết kết quả vào vở nháp. (GV quan sát và giúp đỡ những HS gặp khó khăn.)

+ Trao đổi trong nhóm 4 để nhận được góp ý cần thiết.

(GV có thể phát phiếu bài tập cho từng HS. HS ghi kết quả tìm ý vào phiếu.)



3. Góp ý và chỉnh sửa

– Mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– Tổ chức cho lớp góp ý theo các vấn đề: Thông tin về cuốn sách có chính xác không? Đã giới thiệu đúng và đầy đủ các đặc điểm của nhân vật chưa? Dẫn chứng (về ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,...) cho mỗi đặc điểm ấy có cụ thể, thuyết phục không?...

– Dành khoảng 5 phút để HS bổ sung hoặc chỉnh sửa ý.

– Đánh giá chung về kết quả hoạt động tìm ý; khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài học; nêu những điều HS cần lưu ý khi tìm ý cho bài giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

– Làm việc cá nhân: tìm ý theo gợi ý trong SGK, viết kết quả vào vở nháp. Có thể nhờ GV hỗ trợ, giải đáp những điều còn vướng mắc trong quá trình tìm ý.

– Trao đổi trong nhóm 4: Từng HS trình bày, nhóm nhận xét cho nhau để có những chỉnh sửa kịp thời.

– Làm việc cá nhân: ghi kết quả tìm ý vào phiếu.

– Trao đổi trong nhóm 4 để có những chỉnh sửa kịp thời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– Lớp góp ý theo các vấn đề GV đã nêu.

– Bổ sung hoặc chỉnh sửa ý (nếu cần).

– Nghe GV nhận xét để biết ưu điểm và nhược điểm trong kết quả tìm ý của mình; ghi nhớ những điểm cần lưu ý khi tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS biết lựa chọn câu chuyện phù hợp với chủ điểm (viết về nhà trường, thầy cô, học sinh, các hoạt động ở nhà trường).

b. Tổ chức thực hiện:

HS chia sẻ các cuốn sách, tập truyện mang đến lớp, đọc lướt và nêu nhận xét nội dung các câu chuyện có phù hợp với chủ điểm hay không.

2. Hoạt động 2: Thực hành (Đọc câu chuyện về về nhà trường, thầy cô, học sinh và ghi phiếu đọc sách.)

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc thực hiện yêu cầu đọc tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh, biết ghi chép những thông tin quan trọng. Từ đó, giúp các em rèn luyện và phát triển năng lực tự học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu yêu cầu của tiết Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh hoặc các hoạt động diễn ra ở nhà trường). – GV hướng dẫn HS: + Đọc gợi ý trong sách để biết câu chuyện của mình có phù hợp với yêu cầu về chủ điểm hay không. + Nếu câu chuyện mang đến lớp các em đã đọc ở nhà thì có thể đổi cho bạn để đọc câu chuyện mới. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách (có thể viết thêm những nội dung khác theo ý thích). <i>Lưu ý:</i> GV nhắc HS đọc và ghi phiếu đọc sách không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn. GV nhận xét những em thực hiện tốt hoạt động 1, 2.	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu 1, 2: + Đọc câu chuyện theo yêu cầu trong sách và theo hướng dẫn của GV. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách (có thể viết thêm những thông tin khác tùy theo nội dung sách báo đã đọc).

3. Hoạt động 3: Trao đổi về những suy nghĩ, cảm xúc của em về nội dung và ý nghĩa của câu chuyện đã đọc.

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận, cách đánh giá của mình về các nhân vật, sự việc được nói tới trong câu chuyện đã đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu yêu cầu – GV hướng dẫn HS: Từng em nói về những điều mình muốn chia sẻ với bạn. Ví dụ: + Tên câu chuyện, tên tác giả, nhân vật chính trong câu chuyện,...	HS làm việc theo nhóm. Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

+ Kể tóm tắt câu chuyện. + Sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,... + Ý nghĩa, bài học bổ ích rút ra từ câu chuyện. +... – GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	
--	--

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Giới thiệu với bạn hoặc người thân về một người mà em khâm phục, ngưỡng mộ (có thể là một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc).</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. – Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, hoặc phần nói và nghe. – Chốt lại hôm nay HS đã được: + Đọc: <i>Tấm gương tự học</i> + Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách + Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 19 – <i>Trải nghiệm để sáng tạo</i> để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 19 TRẢI NGHIỆM ĐỂ SÁNG TẠO (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với những tình tiết sinh động kể về nhà văn An-đéc-xen.

– Đọc hiểu: Nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết trong một câu chuyện. Biết thêm về nhà văn An-đéc-xen và một số tác phẩm (viết cho thiếu nhi) rất nổi tiếng của ông. Biết cách giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua suy nghĩ, việc làm,... của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*: Để sáng tạo, cần có nhiều trải nghiệm thực tế.

b. Viết:

– Biết thực hành viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.
– Hiểu các loại từ điển và công dụng cụ thể của từng loại. Nắm được nghĩa của một số từ ngữ, thành ngữ (thuộc chủ đề “học tập”) qua việc tra cứu từ điển.

2. Phẩm chất

– Phát triển phẩm chất kiên trì, tích cực trong quan sát mọi vật, mọi việc xung quanh;
– Mạnh dạn tham gia các hoạt động trải nghiệm để ngày một sáng tạo trong học tập cũng như trong cuộc sống sinh hoạt.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Tranh ảnh minh họa câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo* (tranh ảnh trong SGK); tranh ảnh để giải nghĩa từ ngữ trong bài đọc; ảnh bìa (sưu tầm) một số tác phẩm (viết cho thiếu nhi) của nhà văn An-đéc-xen để HS đọc hiểu tốt hơn bài đọc.
– Một số cuốn từ điển: *Từ điển tiếng Việt*; *Từ điển thành ngữ, tục ngữ*...
– Phiếu bài tập cho bài tập 1 (phần Luyện từ và câu).
– Tài liệu về cách viết đoạn văn, cách giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học.
– Một số đoạn văn, bài văn giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

Trước khi vào bài mới, GV có thể cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Kể lại chi tiết thấy thú vị nhất trong câu chuyện *Tấm gương tự học*.
- Nêu bài học rút ra được từ câu chuyện này.

1. Hoạt động 1: Khởi động

Mục tiêu: Khơi gợi những trải nghiệm ở trường lớp; bước đầu thấy được ý nghĩa của sự trải nghiệm, từ đó hào hứng đón nhận bài đọc mới.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao nhiệm vụ đã nêu ở phần Khởi động. – Nhận xét, ghi nhận những chia sẻ phù hợp: Cùng cô giáo và các bạn trong lớp tham quan làng nghề làm gốm sứ → Bài học: nhẫn nại, sáng tạo trong công việc./ Cùng các bạn dã ngoại trong rừng → Bài học: nhanh nhẹn, dũng cảm hơn./ Cùng bạn đến thăm doanh trại bộ đội → Bài học: sắp xếp đồ đạc gọn gàng, tác phong nhanh nhẹn hơn./ Cùng các bạn (ở trường) làm bánh chưng Tết. Bài học → chăm chỉ, tỉ mỉ trong công việc, hiểu thêm ý nghĩa của ngày Tết,... – Dẫn vào bài mới: Ai cũng được tham gia những hoạt động trải nghiệm ở trường lớp. Nhờ trải nghiệm, chúng ta gần bó hơn với bạn bè, người thân. Trải nghiệm còn giúp chúng ta nâng cao hiểu biết và sáng tạo không ngừng. Câu chuyện <i>Trải nghiệm để sáng tạo</i> kể về nhà văn An-đéc-xen sẽ nói rõ với chúng ta về giá trị đó của trải nghiệm.	– Trao đổi nhóm đôi, chia sẻ trải nghiệm đáng nhớ (ở trường, lớp) đã tham gia cùng bạn bè, thầy cô; điều học được từ sau trải nghiệm đó. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. – Lắng nghe.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

2.1. Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với những chi tiết sinh động kể về nhà văn An-đéc-xen.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đọc mẫu cả bài (diễn cảm, thể hiện ngữ điệu chung (chậm rãi, vui tươi xen lẫn tự hào); nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện trải nghiệm của nhân vật trong câu chuyện (chim chóc trên trời, dãy núi phía xa, thiên nga trong hồ nước, di chuyển và lắc lư cái đầu, vụt qua bầu trời,...). Có thể mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn. – Luyện đọc đúng. + Yêu cầu 1 – 2 HS tìm và đọc từ ngữ khó phát âm. + Nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS (quan tâm đến những HS hay mắc lỗi phát âm). + Gọi 1 – 2 HS đọc câu dài. + Nhận xét, đưa ra cách ngắt giọng đúng/phù hợp. – Luyện đọc diễn cảm. + Đọc diễn cảm một số câu. + Hướng dẫn ngữ điệu đọc: Giọng đọc vui tươi, tự hào với những câu thể hiện sự sáng tạo của An-đéc-xen. Giọng đọc rõ ràng, dứt khoát với những câu thể hiện thái độ của An-đéc-xen với cuộc sống.	– Nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo để có cảm nhận về những thông tin, chi tiết thấy thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình. – Tìm từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. (Ví dụ: <i>An-đéc-xen</i>, <i>rối gỗ</i>, <i>biểu diễn</i>, <i>Cô-pen-ha-ghen</i>, <i>thoả nguyện</i>,...) và luyện đọc cá nhân. – 1 – 2 HS trình bày. – 1 – 2 HS đọc câu (khi chưa có hướng dẫn). – Tập ngắt giọng đúng ở những câu dài. (Ví dụ: <i>Đọc cuốn sách/ Quốc vương Đan Mạch/ rất thích thú,/cho gọi An-đéc-xen đến/và hỏi ông/có tâm nguyện gì.</i>) – 1 – 2 HS đọc lại câu dài trước lớp. – Đọc thầm. + Luyện đọc diễn cảm một số câu (GV đã hướng dẫn) theo nhóm đôi. Ví dụ: <i>Nhìn mỗi sự vật, cậu lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe.; Cậu bé may quần áo cho rối gỗ, đưa rối lên biểu diễn (giọng vui tươi, tự hào). Ông bất bình trước những kẻ coi thường dân nghèo. Ông thương cảm với bao thân phận bé nhỏ, thiếu may mắn. Ông trân trọng những tâm hồn trong sáng, cao thượng (giọng rõ ràng, dứt khoát).</i>

– Luyện đọc toàn bài. + Chia bài đọc thành 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến <i>kể cho cha nghe</i> (Gia cảnh và trải nghiệm của An-đéc-xen trong mấy năm đầu đời). Đoạn 2: tiếp đến ... <i>Sao chổi</i> (Những trải nghiệm của An-đéc-xen khi năm tuổi). Đoạn 3: tiếp đến ... <i>giúp ông thoả nguyện</i> (Cuộc gặp gỡ giữa An-đéc-xen với Quốc vương và tâm nguyện của ông). Đoạn 4: còn lại (Trải nghiệm lúc trưởng thành và những sáng tạo của An-đéc-xen). – Nhận xét việc đọc của cả lớp.	– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. – Đọc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài. – Cá nhân đọc nhẩm toàn bài một lượt.
--	---

2.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu. Hiểu nhân vật An-đéc-xen thông qua suy nghĩ, việc làm,... của nhân vật. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo*: Khi có nhiều trải nghiệm cuộc sống, chúng ta sẽ sáng tạo hơn trong mọi việc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ:</i> – Các từ ngữ cần giải thích nghĩa: <i>sao chổi</i>, <i>Đan Mạch</i>, <i>Cô-pen-ha-ghen</i>, <i>chu du</i>, <i>tâm nguyện</i>,... + Đưa tranh minh họa ngôi sao chổi, đất nước <i>Đan Mạch</i>, thủ đô <i>Cô-pen-ha-ghen</i>,... + Yêu cầu HS sử dụng từ điển để tra nghĩa từ: <i>chu du</i> (đi chơi, đi du lịch nhiều nơi xa), <i>tâm nguyện</i> (mong muốn, ước nguyện từ tận đáy lòng),... – Chốt nghĩa từ ngữ.	– Quan sát tranh ảnh để hiểu nghĩa của một số từ (<i>sao chổi</i>: một thiên thể bay ngoài không gian, được cấu tạo chủ yếu từ băng, thường có hình thù kì dị: đầu nhọn, đuôi to giống một chiếc chổi quét nhà; <i>Đan Mạch</i>: đất nước thuộc Bắc Âu, phía nam giáp nước Đức; <i>Cô-pen-ha-ghen</i>: Thủ đô của <i>Đan Mạch</i>). – Tra từ điển để tìm nghĩa của <i>chu du</i> (đi chơi, đi du lịch nhiều nơi xa), <i>tâm nguyện</i> (mong muốn, ước nguyện từ tận đáy lòng),... – 1 – 2 HS nêu nghĩa từ. HS khác nhận xét.

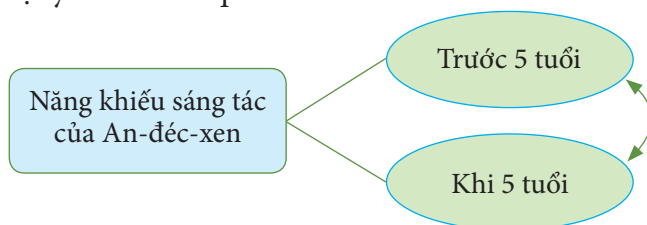
Hướng dẫn HS trả lời các câu nêu ở cuối bài đọc:

Câu 1. Những trải nghiệm nào ngày thơ ấu đã hun đúc nên tài năng của An-đéc-xen?

- Gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1.
- Trình chiếu đoạn 1 và 2 của bài đọc.
- Tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm 4.
- Nhận xét và ghi nhận những câu trả lời hợp lí, biết diễn đạt theo cách riêng. (Ví dụ: Nhiều trải nghiệm tuổi thơ đã hun đúc nên tài năng của An-đéc-xen: được cha đưa ra đồng cỏ chơi; được cha làm cho chiếc kính có thể nhìn ra xa, để thấy chim chóc trên trời, dãy núi phía cuối làng..., được chơi cùng rối gỗ, được cha làm cho cái sân khấu ngoài sân để biểu diễn cùng rối gỗ,...).

Câu 2. Tìm những chi tiết cho thấy An-đéc-xen bộc lộ năng khiếu sáng tác nghệ thuật ngay từ khi còn nhỏ.

- Gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi 2.
 - Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:
- Gợi ý HS trả lời qua sơ đồ sau:



- + Xem lại đoạn 1 và 2.
- + Trao đổi theo nhóm 4
- + Đại diện nhóm phát biểu ý kiến.
- GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (Ví dụ: Khi còn bé tí: nhìn mỗi sự vật, lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe. Lên năm tuổi: cho các con rối lắc lư cái đầu, tâm sự cùng nhau, đưa rối lên biểu diễn trên sân khấu; biết ca hát, đọc thơ; viết câu chuyện *Sao chổi* sau khi nhìn thấy ngôi sao chổi vụt qua bầu trời...).

- 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1.
- Xem nhanh đoạn 1 và 2.
- Trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.
- Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến.

- 1 – 2 HS đọc câu hỏi 2.

- Xem lại đoạn 1 và 2.
- Trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.
- Đại diện 2 – 3 nhóm nêu ý kiến trước lớp.

Câu 3. *An-đéc-xen đã thể hiện tâm nguyện gì với Quốc vương Đan Mạch? Theo em, vì sao Quốc vương ủng hộ tâm nguyện của An-đéc-xen?*

– Phương án 1: Gọi 1 HS nêu yêu cầu của câu hỏi 3.

– Phương án 2: Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 3 theo hình thức đóng vai: Đóng vai An-đéc-xen để thể hiện tâm nguyện; đóng vai Quốc vương nói lời đồng ý và lí do đồng ý với tâm nguyện của An-đéc-xen

– GV khích lệ và khen ngợi những HS có suy luận hợp lí, độc đáo.

– GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (Ví dụ: Tâm nguyện của An-đéc-xen: được đến nhiều nơi để trải nghiệm cuộc sống. Quốc vương ủng hộ tâm nguyện của An-đéc-xen vì *muốn An-đéc-xen trải nghiệm nhiều sẽ sáng tác được nhiều tác phẩm hay./... vì Quốc vương yêu quý An-đéc-xen nên đáp ứng tâm nguyện của ông./ ... vì chính Quốc vương cũng thích được trải nghiệm, đến nhiều nơi./...*)

Câu 4. *Theo em, nhờ đâu An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi 4 rồi yêu cầu HS làm việc nhóm 4.

– GV đi từng nhóm để hỗ trợ HS.

Lưu ý: Khuyến khích HS có những suy luận hợp lí, theo cách hiểu riêng của mình.

– GV đánh giá, ghi nhận những lí giải xác đáng, đầy đủ. (Ví dụ: An-đéc-xen viết được nhiều tác phẩm hay là nhờ trải nghiệm nhiều/ nhờ hiểu biết nhiều về cuộc sống/ nhờ trí tưởng tượng phong phú/ nhờ khả năng quan sát thực tế/ nhờ tâm hồn trong sáng/ nhờ tình yêu thương trẻ em/ nhờ tuổi thơ gắn với nhiều trải nghiệm/ nhờ người cha luôn quan tâm, chăm sóc/ nhờ Quốc vương Đan Mạch ủng hộ, động viên /...)

– Cá nhân suy nghĩ và tìm câu trả lời.

– Chia sẻ theo nhóm 4 về những suy luận, lí giải của mình. Nhóm góp ý.

Phương án 1: Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

Phương án 2: Từng cặp đóng vai An-đéc-xen và Quốc vương để tạo nên cuộc trò chuyện: An-đéc-xen bộc lộ tâm nguyện của mình; Quốc vương nói lời đồng ý và lí do đồng ý với tâm nguyện đó. Ví dụ:

– Muôn tâu Quốc vương, tôi chỉ muốn được đến thật nhiều nơi để hiểu thêm về cuộc sống.

– Được, ta đồng ý. Ta tin: trải nghiệm nhiều, anh sẽ sáng tác được nhiều tác phẩm hay.

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 4.

– Cá nhân suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời; trao đổi trong nhóm 4 để thống nhất, tổng hợp ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

Câu 5. Câu chuyện “Trải nghiệm để sáng tạo” muốn nói với chúng ta điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Muốn sáng tạo nghệ thuật, phải có nhiều trải nghiệm thực tế.

B. Thành công sẽ đến khi chúng ta biết nỗ lực vượt khó khăn.

C. Càng trải nghiệm thực tế, chúng ta càng mở rộng hiểu biết.

– Khuyến khích HS đưa thêm lời giải thích vì sao lựa chọn câu trả lời đó.

– GV nhận xét, ghi nhận câu trả lời và khen ngợi những HS có thêm ý kiến giải thích hợp lí.

– 1 HS đọc câu hỏi 5.

– HS suy nghĩ để tìm câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 HS phát biểu ý kiến.

2. 3. Luyện đọc lại

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

+ 2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

+ HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

– GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Liên hệ từ nội dung bài học tới thực tế bản thân. Qua đó, hiểu thêm về thông điệp mà câu chuyện *Trải nghiệm để sáng tạo* muốn nói; biết vận dụng bài học vào cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện

– GV có thể khích lệ HS bày tỏ: Mong muốn được tham gia hoạt động trải nghiệm nào trong thời gian tới? Vì sao thích hoạt động trải nghiệm đó?

– HS có cơ hội bày tỏ nguyện vọng cá nhân một cách tự nhiên, thẳng thắn.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự hiểu biết về công dụng của từ điển, cách sử dụng từ điển (đã học ở bài trước), tạo tâm thế vui tươi, sẵn sàng tiếp nhận bài học mới – luyện tập sử dụng từ điển.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV có thể đưa ra câu đố về cuốn từ điển (trong đó gợi nhắc công dụng, cách sử dụng từ điển).
- HS giải câu đố nhờ nắm được công dụng, cách sử dụng từ điển.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: Nhận biết được các loại từ điển và công dụng cụ thể của từng loại. Biết cách và vận dụng các cách đó để tra cứu các thông tin về từ qua từ điển. Mở rộng vốn từ nhờ nắm được nghĩa của một số từ ngữ, thành ngữ (thuộc chủ đề “học tập”).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong SGK. Bài tập 1. Sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của từ “chăm chỉ” và “kiên trì”. – Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 1. – Hướng dẫn HS làm bài : hình thức cá nhân: nhớ lại các bước tra từ điển; nói rõ tên từ điển, tác giả cuốn từ điển được dùng để tra cứu. – Gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả. – Nhận xét và chốt đáp án. Nghĩa của từ <i>chăm chỉ</i>: chăm (có sự chú ý thường xuyên để làm công việc gì có ích một cách đều đặn). Nghĩa của từ <i>kiên trì</i>: Giữ vững, không thay đổi ý chí, ý định để làm việc gì đó đến cùng, mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở lực. (Theo <i>Từ điển tiếng Việt</i> – Hoàng Phê chủ biên.) Bài tập 2. Đọc tên các cuốn từ điển và trả lời câu hỏi. <u>Phương án 1:</u> – Trình chiếu bài tập 2 và gọi 1 – 2 HS đọc bài tập. – Lưu ý HS hiểu công dụng của từ điển qua chính tên gọi.	– 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 1. – HS Làm bài tập theo hình thức cá nhân: thực hiện tra từ điển theo các bước đã được học ở những bài trước và thực hiện yêu cầu của bài tập. – 2 – 3 HS trình bày kết quả. Các bạn khác nhận xét, góp ý. <u>Phương án 1:</u> – 1 HS đọc bài tập 1. – Trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Lớp nhận xét.

– Nhận xét và chốt đáp án: Tên từ điển: *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt, Từ điển thành ngữ và tục ngữ, Từ điển chính tả tiếng Việt.*

a. *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt* giúp tìm được những từ đồng nghĩa với từ *chăm chỉ, kiên trì*.

b. Sử dụng *Từ điển thành ngữ và tục ngữ* để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ *học một biết mười* hoặc thành ngữ *mắt thấy tai nghe*.

Phương án 2: Chuyển bài tập 2 sang hình thức bài tập nối: Yêu cầu HS:

Nối mục đích (ở cột A) với từ điển cần dùng (ở cột B).

A	B
Tìm những từ đồng nghĩa với <i>chăm chỉ, kiên trì</i>	Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt
	Từ điển thành ngữ và tục ngữ
Tìm nghĩa của thành ngữ <i>học một biết mười, mắt thấy tai nghe</i>	Từ điển chính tả tiếng Việt

Bài tập 3. *Tìm nghĩa của thành ngữ “mắt thấy tai nghe” dựa vào mẫu...*

Phương án 1:

– Trình chiếu bài tập và mẫu. Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– Nhận xét, chốt đáp án. Ví dụ: Nghĩa của thành ngữ *mắt thấy tai nghe*: nói những việc tự mình nhìn thấy, nghe thấy (Theo *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* – Giáo sư Nguyễn Lâm); trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy, được chứng kiến cụ thể (Theo *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt* – Nguyễn Như Ý chủ biên).

Phương án 2: Chuyển bài tập sang hình thức phiếu bài tập, ghi rõ từng bước và để trống những chỗ cần thiết. Ví dụ: Bước 2: “Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ ...”

Phương án 2:

– HS Làm bài tập theo hình thức cá nhân.

Phương án 1:

– Làm việc theo nhóm đôi để thống nhất ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày ý kiến. Lớp nhận xét.

Phương án 2:

HS Làm bài vào phiếu bài tập.

Bài tập 4. *Nêu tên một số từ điển mà em biết.*

– Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– GV đánh giá và tổng hợp các cuốn từ điển mà HS đã nêu. Có thể giới thiệu thêm một số từ điển cần thiết khác. (Ví dụ: *Từ điển bằng tranh – Thế giới động vật, Từ điển từ thông dụng tiếng Việt, Từ điển từ trái nghĩa tiếng Việt, Từ điển từ cổ tiếng Việt,...*).

– 1 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– Làm việc nhóm 4, theo hình thức “Khăn trải bàn”.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. Có thể đưa ra từ điển để minh họa, giới thiệu với lớp.

– Lớp nhận xét, đánh giá.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Biết vận dụng điều đã học (về từ điển) vào thực tế.

b. *Tổ chức thực hiện:*

– GV có thể giao nhiệm vụ cho HS: Về nhà, hỏi đáp cùng người thân: “Cuốn từ điển này có công dụng gì?”, “Muốn tra cứu từ điển để tìm nghĩa của từ hay tục ngữ, thành ngữ, bước đầu tiên phải thực hiện là gì?”,....

– HS hiểu hơn về công dụng, cách tra cứu từ điển, có ý thức sử dụng từ điển,...

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Khơi gợi kiến thức, kĩ năng viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách để tự tin, phấn khởi với hoạt động viết đoạn.

b. *Tổ chức thực hiện*

– GV có thể tạo hình thức thi đua: Cánh cửa bí mật có 6 ô. Mỗi HS kể đúng tên nhân vật và cuốn sách có nhân vật đó, một ô sẽ lật mở. Sau khi cả 6 ô đều mở, trên cánh cửa sẽ hiện ra hình bìa của một cuốn sách hay (Ví dụ: *Bác Hồ kính yêu. Danh nhân Việt Nam, Những tấm lòng cao cả,...*).

– HS khởi động, nhớ lại công việc đã chuẩn bị trong giờ Viết ở bài trước.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: Biết thực hành viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách dựa theo ý đã lập ở giờ học trước.

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS một số công việc khi viết đoạn văn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Hướng dẫn HS xem lại kết quả tìm ý:</i> – Yêu cầu HS xem lại kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 18. – Mời 1 – 2 HS nêu lại các ý đã tìm được trong phần mở đầu. <i>Lưu ý HS khi viết:</i> – Gọi 2 HS lần lượt đọc 2 ví dụ minh họa ở trang 101. – Hướng dẫn HS phân tích Ví dụ: Nhân vật Ma-ri-a có đặc điểm nào nổi bật? Từ ngữ nào thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật Cơ-rô-xét-ti?... – Chốt những điều cần lưu ý khi viết: Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nhân vật; Thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật và cuốn sách để khích lệ mọi người cùng tìm đọc.	– Cá nhân xem lại kết quả tìm ý ở bài trước. Chỉnh sửa, bổ sung các ý ở từng phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) nếu thấy cần thiết. – 1 – 2 HS nêu lại các ý trong phần mở đầu. – Đọc Ví dụ: <i>Ma-ri-a rất ưa quan sát. Hồi 6 tuổi, mỗi khi gia nhân bưng trà lên, cô lại để ý sự chuyển động của tách đựng trà trên đĩa. Là người luôn say sưa khám phá, Ma-ri-a làm đi làm lại thí nghiệm để giải thích cho điều kì lạ cô đã thấy. Cuối cùng, cô đã phát hiện ra: Khi giữa tách trà và đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứng yên./</i> Đọc cuốn “<i>Những tấm lòng cao cả</i>” của A-mi-xi, tôi vô cùng cảm phục thầy Cơ-rô-xét-ti. Sau rất nhiều năm, thầy vẫn nhớ tên, nhớ tính nết, nhớ chỗ ngồi của học trò và còn giữ được cả bài viết của học trò ngày ấy. – Trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời.

<i>Hướng dẫn HS viết vào vở:</i> – Hướng dẫn HS viết đoạn văn vào vở nháp; quan sát những em có còn hạn chế về kĩ năng viết. – Xem qua bài của HS khi các em đang làm bài; động viên, khích lệ những bài viết tốt; Đối với bài chưa tốt thì góp ý, hướng dẫn riêng từng em. – Cho HS viết vào vở. <i>Hướng dẫn HS đọc soát và chỉnh sửa:</i> – Yêu cầu HS đọc soát theo các vấn đề: Bố cục đoạn văn đã đảm bảo 3 phần chưa? Nội dung giới thiệu đã đúng và đầy đủ chưa, đã tập trung nêu các đặc điểm của nhân vật chưa? Dẫn chứng minh họa (về hành động, lời nói, suy nghĩ,...) cho từng đặc điểm ấy có cụ thể, thuyết phục không? Còn lỗi nào về dùng từ, đặt câu?... – Nhận xét, đánh giá chung về kết quả viết; khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài viết; lưu ý HS những lỗi dễ mắc phải khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.	– HS viết đoạn văn vào vở nháp. – 1 – 2 HS trình bày (nói) đoạn văn trước lớp.. – Viết đoạn văn vào vở – HS đọc lại bài làm của mình để phát hiện lỗi (nếu có). – HS chỉnh sửa lỗi (nếu có).
---	--

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân nội dung em đã viết ở đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.</i> + Nhớ lại nội dung đã viết. + Chia sẻ với người thân về các thông tin chính trong từng phần của đoạn văn em đã viết. + Lắng nghe góp ý của người thân về những điều em đã chia sẻ.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài học: + Đọc: <i>Trải nghiệm để sáng tạo.</i> + Luyện từ và câu: Luyện tập sử dụng từ điển. + Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. – HS chia sẻ về nội dung học tập mà mình thấy thích nhất trong bài học. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Dặn dò HS đọc trước Bài 20 – <i>Khổ luyện thành tài.</i>	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 20 KHỔ LUYỆN THÀNH TÀI (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ câu chuyện. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút; biết phân biệt lời người dẫn truyện với lời nhân vật, có ngữ điệu phù hợp với lời mỗi nhân vật; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí...

– Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được những tình tiết chính trong câu chuyện bài đọc, hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Con người muốn thành công, cần sự khổ luyện. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản. Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua văn bản: muốn đạt được mơ ước hay mục đích thì mỗi con người đều cần sự chăm chỉ và cố gắng.

b. Viết

– Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm trong bài viết (đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách) của mình; biết viết lại một số câu trong bài của mình cho đúng hơn, hay hơn.

– củng cố lại kiến thức đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách để vận dụng vào hoạt động đánh giá, chỉnh sửa bài viết.

c. Nói và nghe

Thảo luận được về một cuốn sách mình yêu thích.

2. Phẩm chất

– Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

– Có ý thức rèn luyện để có thể đạt được mục đích của bản thân.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Tranh chân dung Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, một số bức tranh của danh họa.

– Nhạc bài hát: *Chị ong nâu và em bé*.

– Bảng phụ có sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.

– Sơ đồ gợi ý đánh giá bài viết (dành cho phần “Viết”).

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: giúp HS bộc lộ những hiểu biết về danh hoạ Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, ý kiến của bản thân về sự chăm chỉ để thành công; tạo tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV cho HS xem một số bức tranh của danh hoạ Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi và trả lời câu hỏi: <i>Em có biết tác giả của những bức tranh vừa xem không?</i> Dự kiến câu trả lời: Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi - Gọi 1 – 2 HS nhận xét về câu trả lời của bạn. - GV chiếu hình ảnh chân dung danh hoạ, dẫn dắt vào bài và ghi tên bài.	- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: 1 – 2 HS nhận xét. Cả lớp chốt lại. - HS lắng nghe và ghi bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn cách đọc văn bản, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ quan trọng, những phần ngắt nghỉ trong văn bản. - Gọi HS đọc bài. - Hỏi HS: <i>Theo em, văn bản này có thể chia thành mấy phần?</i> Dự kiến câu trả lời: + Đoạn 1: <i>Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi ... để học vẽ.</i> + Đoạn 2: <i>Buổi học đầu tiên ... năng lực của mình.</i> + Đoạn 3: <i>Một hôm ... sự khổ luyện.”.</i> + Đoạn 4: <i>Ngừng một lát,... sự vật phức tạp</i> + Đoạn 5: <i>Nghe những lời nói... khổ công của thầy.</i>	- HS lắng nghe. - HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - HS nghe câu hỏi, đọc thầm văn bản và trả lời.

+ Đoạn 6: phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô</i>, năng lực, sự khổ công – Cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Gọi HS đọc phần chú giải. – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV nhận xét, tuyên dương.	– 6 HS đọc nối tiếp đoạn. – HS đọc chú giải. – HS luyện đọc trong nhóm. - Đại diện một vài nhóm thi đọc.
--	---

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết nhân vật, các chi tiết chính của câu chuyện, cảm nhận hành trình tập luyện để trở thành người tài, từ đó thể hiện ý thức chăm chỉ phấn đấu để trở thành người tài, có ích cho xã hội.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS đọc thầm lại bài văn và trả lời câu hỏi: Câu hỏi gợi dẫn: <i>Niềm đam mê của Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi là gì? Bố của ông đã làm gì để bồi đắp niềm đam mê ấy?</i> Dự kiến câu trả lời: Ông đam mê hội họa. Bố ông đã cho ông đi học vẽ. Câu hỏi 1. <i>Những ngày đầu tiên đi học vẽ, vì sao Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi cảm thấy chán nản? Chi tiết nào thể hiện cậu bé Lê-ô-nác-đô đa chán nản?</i> Dự kiến câu trả lời: + Những ngày đầu tiên đi học vẽ, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi cảm thấy chán nản vì thầy giáo yêu cầu vẽ đi vẽ lại một quả trứng gà + Chi tiết thể hiện sự chán nản: <i>Cậu bé có chút không vui, nghĩ: “Trứng gà có gì hay ho đâu mà thầy bắt vẽ mãi như thế?”</i> * Câu hỏi mở rộng: Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, sự chán nản của cậu bé Lê-ô-nác-đô đa thể hiện điều gì?</i> Dự kiến câu trả lời: Sự chán nản của cậu bé Lê-ô-nác-đô đa thể hiện mong muốn nhanh chóng học được nhiều điều mới lạ.	– Lớp hoạt động trong 5 phút. – HS làm việc cá nhân, quan sát văn bản, đọc thầm và trả lời câu hỏi. – HS làm việc cá nhân, dựa vào nội dung văn bản để trả lời. – HS thảo luận với bạn bên cạnh và nêu được nhận xét thống nhất của nhóm.

* Câu hỏi mở rộng: Vì chán nản, Lê-ô-nác-đô đã có hành động nào? Dự kiến câu trả lời: Lê-ô-nác-đô đã hỏi thầy dạy vẽ của mình lí do vì sao thầy liên tục bắt mình vẽ trứng. Câu hỏi 2: Vì sao thầy giáo cho rằng việc vẽ trứng là không dễ dàng? Dự kiến câu trả lời: Thầy giáo trả lời Lê-ô-nác-đô: Không có 2 quả trứng nào giống nhau hoàn toàn. Bên cạnh đó, các góc độ nhìn khác nhau sẽ tạo ra những quả trứng khác nhau và ánh sáng cũng ảnh hưởng đến việc vẽ trứng. Câu hỏi 3. Lê-ô-nác-đô hiểu ra điều gì từ câu trả lời của thầy giáo? Dự kiến câu trả lời: Lê-ô-nác-đô hiểu rằng vẽ trứng không đơn giản, muốn làm thật tốt thì phải khổ luyện; thầy giáo đã mất rất nhiều công sức để giúp mình. Câu hỏi 4. Em học hỏi được điều gì từ câu chuyện của Lê-ô-nác-đô? Gợi ý: HS cần nêu được ý kiến của bản thân về việc cần phải tu dưỡng, chịu khó luyện tập để có kết quả tốt. Câu hỏi 5. Câu tục ngữ nào sau đây nói lên ý nghĩa câu chuyện? Chọn đáp án đúng. A. Có công mài sắt, có ngày nên kim. B. Không thầy đố mày làm nên. C. Lá lành đùm lá rách. D. Ăn quả nhớ người trồng cây GV tổ chức trò chơi Ai nhanh nhất? Dự kiến câu trả lời: Đáp án: A * Câu hỏi mở rộng: Theo em, câu chuyện giúp chúng ta hiểu được điều gì?	– HS thảo luận với bạn bên cạnh và nêu được nhận xét thống nhất của nhóm. – HS thảo luận theo nhóm lớn, nhóm trưởng thống nhất ý kiến và trả lời. – HS thảo luận theo nhóm lớn, nhóm trưởng thống nhất ý kiến và trả lời. – HS nghe câu hỏi, dựa vào nội dung của bài để trả lời. – HS đọc câu hỏi, đọc các phương án trong sách, suy nghĩ và trả lời. Bạn nào nhanh nhất sẽ chiến thắng. – HS nghe câu hỏi, suy nghĩ và trả lời.
---	---

Dự kiến câu trả lời:

Câu chuyện giúp chúng ta hiểu được muốn đạt được thành công cần phải có sự nỗ lực, cố gắng khổ luyện.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. + Giáo viên đọc mẫu. + Cho HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. + Thi đọc diễn cảm trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất. * GV cũng có thể chọn 01 đoạn đối thoại giữa thầy giáo và Lê-ô-nác-đô, cho HS đóng vai thể hiện đúng ngữ điệu, biểu cảm theo ý hiểu của cá nhân HS. – GV cho lớp nhận xét bạn nào thể hiện đúng và hay nhất. – GV đánh giá, tuyên dương.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc diễn cảm. – HS tham gia đóng vai. – HS trả lời theo ý kiến cá nhân, có lí giải cho ý kiến đã nêu.

5. Hoạt động 5: Luyện tập theo văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện: GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1. Chơi trò chơi <i>Trạng nguyên tiếng Việt</i> để trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời: cố gắng, chịu khó, chăm chỉ, say mê, nỗ lực, phấn đấu, tích cực Câu 2: Cho HS làm việc cá nhân và nêu kết quả. Dự kiến câu trả lời: các từ: <i>kiên trì (nhẫn nại, khổ công)</i> dạy dỗ của thầy; <i>nỗ lực (cố gắng, chăm chỉ)</i> của chính bản thân mình.	– HS tham gia trò chơi theo hình thức: Các cá nhân xung phong lên bảng, ghi các phương án mình chọn lên bảng. Bạn nào tìm được nhiều và đúng nhiều nhất sẽ là Trạng nguyên tiếng Việt. – HS suy nghĩ và trả lời.

- GV chốt vấn đề, khẳng định ý nghĩa của việc nỗ lực cố gắng để đạt được thành quả.
- Cho cả lớp nghe bài hát: **Chị ong nâu và em bé** để HS hiểu hơn về sự chăm chỉ nỗ lực khi muốn đạt kết quả tốt.

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Khởi gợi các kiến thức, kĩ năng đã học về viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách (tìm hiểu cách viết, tìm ý và thực hành viết với một đề cụ thể), tạo tâm thế sẵn sàng với công đoạn cuối trong quy trình viết đoạn: đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn đã viết.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS kể những bài đã học liên quan đến nội dung giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách. Kể bằng lời hoặc điền vào các chỗ trống trong sơ đồ. 1 ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH 3 2 ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH 4 Dự kiến câu trả lời: 1. Tìm hiểu cách viết... ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH 3. Viết đoạn văn... 2. Tìm ý cho đoạn văn ... ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH 4	HS nhớ lại bài và trình bày trước lớp. Hoặc điền tên các bài đã học vào ô trống. Tất nhiên, không thể điền vào ô số 4.

– GV nhận xét kết quả trình bày của HS và dẫn vào bài mới: Để rèn tốt kĩ năng viết *đoạn văn giới thiệu* nhân vật trong cuốn sách, để hoàn thiện quy trình viết đoạn văn (hoàn thiện sơ đồ trên), chúng ta sẽ cùng tiến hành công đoạn đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn đã viết. Và đó chính là nội dung của giờ học hôm nay. (Viết tên bài lên bảng.)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

a. *Mục tiêu*: Biết tự đánh giá đoạn văn đã viết dựa theo nhận xét của GV, dựa theo những nội dung cần rà soát (được gợi ý trong sách). Nhận ra câu trong bài làm còn chưa đúng hoặc chưa hay để viết lại.

b. *Tổ chức thực hiện*:

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập nêu trong SGK trang 104.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập nêu trong sách. 2.1 Nhận xét chung về bài làm. – Trình chiếu sơ đồ gợi ý đánh giá bài viết (nêu trong sách). – Nhận xét, đánh giá chung về bài viết của HS. Các vấn đề nhận xét, đánh giá: + Mở đầu và kết thúc có ngắn gọn, hấp dẫn, đảm bảo về nội dung không? + Phần triển khai có giới thiệu được rõ ràng các đặc điểm nổi bật của nhân vật? + Có dẫn chứng minh họa cho từng đặc điểm một cách cụ thể, phù hợp, thuyết phục? + Dùng từ, đặt câu đã đúng, đã hay chưa? + Trình bày một đoạn văn đã đảm bảo về hình thức (viết liền mạch, không xuống dòng?...) – Khen ngợi các bài viết tốt. – Nêu lỗi phổ biến bị mắc phải trong một số bài viết. 2.2. Hướng dẫn HS tự đọc soát và đánh giá. – Gọi HS nêu lại các nội dung cần đọc soát, đánh giá. – Có thể hướng dẫn HS:	– Quan sát sơ đồ gợi ý đánh giá bài viết. – Nghe GV nhận xét, đánh giá chung để liên hệ với bài của mình; bước đầu nhận thấy ưu điểm, nhược điểm trong bài viết. – Có thể đưa ra ý kiến cần GV giải đáp. – 1 – 2 HS nêu lại các nội dung cần đọc soát, đánh giá. – Tự đọc soát:

+ Nên xem lại bìa sách (nếu có) để biết tên nhân vật, tên cuốn sách, tên tác giả,... (nhất là những tên phiên âm tiếng nước ngoài) đã chính xác chưa.

+ Xem lại các đặc điểm của nhân vật và những dẫn chứng làm rõ cho từng đặc điểm.

+ Có thể sửa những lỗi đơn giản (về chính tả, từ ngữ, về tên nhân vật, tên tác giả,...)

+ Làm việc theo hình thức cá nhân, soát xét bài viết của mình theo gợi ý trong SGK.

– Quan sát HS làm việc. Kịp thời hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong quá trình tự đánh giá bài làm của mình.

2.3. Hướng dẫn HS viết lại một số câu trong bài viết của mình cho đúng hơn hoặc hay hơn.

– Hướng dẫn HS tìm câu còn chưa đúng, chưa hay trong bài viết của mình (nếu có) và tự chỉnh sửa cho đúng hơn, hay hơn.

– Gọi 1 – 2 HS chia sẻ câu vừa chỉnh sửa; lớp nhận xét.

– Đánh giá kết quả chỉnh sửa của HS, khen ngợi những HS biết khắc phục lỗi trong bài viết của mình.

Ví dụ: Các câu “Nếu dũng cảm đối mặt với khó khăn, chúng ta sẽ tìm thấy hạnh phúc. Câu chuyện Chú lính chì dũng cảm đã cho người đọc sách một thông điệp ý nghĩa” đã mắc lỗi: không dùng *dấu ngoặc kép* để đánh dấu tên câu chuyện *Chú lính chì dũng cảm*; trật tự 2 câu chưa hợp lí (ý chung nêu sau ý cụ thể). Có thể sửa thành: *Câu chuyện “Chú lính chì dũng cảm” đã cho người đọc sách một thông điệp ý nghĩa: Nếu dũng cảm đối mặt với khó khăn, chúng ta sẽ tìm thấy hạnh phúc.*

+ Xem lại bìa sách (nếu có) để biết tên nhân vật, tên cuốn sách, tác giả,... nêu trong bài làm đã chính xác chưa.

+ Xem lại các đặc điểm của nhân vật và dẫn chứng minh họa đã rõ và phù hợp chưa.

+ Sửa những lỗi đơn giản (về chính tả, từ ngữ, về tên nhân vật, tên tác giả,...)

– Cá nhân nhớ lại nhận xét, đánh giá của GV để biết cụ thể ưu điểm, nhược điểm trong bài viết của mình.

– Kết hợp soát xét bài viết của mình theo gợi ý trong SGK.

– Tìm câu còn chưa đúng, chưa hay trong bài viết của mình (nếu có) và tự chỉnh sửa cho đúng hơn, hay hơn.

– 1 – 2 HS chia sẻ câu vừa chỉnh sửa; lớp nhận xét.

– Ghi nhớ những nhận xét, đánh giá của GV để rút kinh nghiệm, tránh mắc phải lỗi khi viết câu, viết đoạn. (Ví dụ: lỗi về dấu câu, lỗi sắp xếp câu trong đoạn, lỗi trình bày: các câu trong đoạn không viết liên tục,...).

– Dành 2 – 3 phút để HS ghi lại những câu viết hay (trong bài của bạn) mà HS thấy cần học tập.

– Ghi lại những câu viết hay (trong bài của bạn) mà mình thấy cần học tập.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CUỐN SÁCH TÔI YÊU

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhận biết được chủ đề sắp được giới thiệu (cuốn sách yêu thích); khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1</u> : GV giới thiệu 1 số bức tranh về một số cuốn sách; cho HS xem tranh rồi yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Em thích nhất cuốn sách nào? Muốn bạn bè biết về cuốn sách em thích, em sẽ làm gì?</i> => Dẫn dắt vào bài.	– HS xem tranh, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần giới thiệu.
<u>Phương án 2</u> : GV chiếu đoạn clip về giới thiệu sách online, HS xem và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, đoạn clip vừa xem giúp chúng ta biết về hoạt động nào?</i>	– HS xem video, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần giới thiệu.

2. Hoạt động 2: Chuẩn bị

a. Mục tiêu: Giúp HS thực hiện các yêu cầu để chuẩn bị những nội dung sẽ giới thiệu.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu hỏi 1: Cho HS làm việc nhóm. <i>Trong những cuốn sách mà em đã đọc, đã biết, em thích nhất cuốn nào?</i>	– HS nghe câu hỏi, thảo luận với nhóm để cùng thống nhất cuốn sách mà nhóm chọn và trả lời. (Các em có thể giới thiệu cuốn sách mà nhóm chọn).
Câu hỏi 2: <i>Hãy ghi lại những thông tin cơ bản nhất về cuốn sách mà em/ nhóm em đã chọn vào Phiếu học tập sau:</i>	– HS thảo luận nhóm. Nhóm trưởng ghi lại kết quả vào phiếu, đọc thống nhất trong nhóm và trả lời.

Phiếu học tập	
Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau:	
Tên sách	Các thông tin chính
	– Tác giả:
	– Nội dung chính:
	– Các nhân vật:
	– Điều yêu thích trong cuốn sách:
	– ...
Câu hỏi 3: <i>Em (nhóm em) có ý kiến, cảm nhận gì về cuốn sách đã chọn?</i>	
– HS trả lời ý kiến.	

3. Hoạt động 3: Trình bày

- a. *Mục tiêu:* HS tiến hành trình bày và trả lời lại những thông tin theo những nội dung đã chuẩn bị trước đó.
- b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																		
– GV cho đại diện nhóm (cá nhân) đứng lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. – Yêu cầu các thành viên trong lớp nghe phần trình bày của bạn và hoàn thiện phiếu đánh giá nội dung nói theo bảng sau: Phiếu đánh giá kĩ năng nói <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin: 10px 0;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%; padding: 5px;">Nhóm trình bày</th> <th style="width: 30%; padding: 5px;">Nội dung nói</th> <th style="width: 40%; padding: 5px;">Ngữ điệu, hình ảnh kết hợp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td style="height: 20px;"></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="height: 20px;"></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="height: 20px;"></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="height: 20px;"></td><td></td><td></td></tr> <tr><td style="height: 20px;"></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table> – Cho các thành viên trong lớp nêu câu hỏi (nếu muốn) để hiểu hơn về phần giới thiệu.	Nhóm trình bày	Nội dung nói	Ngữ điệu, hình ảnh kết hợp																– HS lắng nghe và diễn ý kiến cá nhân vào phiếu đánh giá.
Nhóm trình bày	Nội dung nói	Ngữ điệu, hình ảnh kết hợp																	

4. Hoạt động 4: Đánh giá

- a. *Mục tiêu:* HS tiến hành đánh giá nội dung phần nói của từng nhóm và phần nhận xét của các thành viên trong lớp (dành cho kĩ năng nghe).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho cá nhân đại diện các nhóm nhận xét, đánh giá. – GV nhận xét, củng cố.	HS thực hiện.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

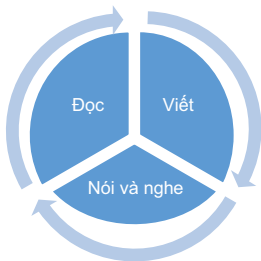
b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Em hãy tìm thêm một vài bức tranh tiêu biểu hoặc một số câu chuyện về cuộc đời của danh họa Lê-ô-nác-đô và kể cho người thân, bạn bè cùng nghe. – GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lý, hiệu quả.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Hãy nhớ lại nội dung bài học và điền vào sơ đồ sau:  + Trong bài học, em tâm đắc nhất điều gì? Vì sao? – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 21 – <i>Thế giới trong trang sách</i> để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 21 THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Thế giới trong trang sách*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong những trang sách cũng như bài học quý báu của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn người đọc.
- Đọc hiểu: Nhận biết được những hình ảnh đẹp, có sức gợi tả về một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc. Hiểu được điều nhà thơ muốn nhấn nhủ qua bài thơ: Qua những trang sách, chúng ta cảm nhận được rằng: nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.

b. Viết:

- Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.
- Biết thêm một công dụng của dấu gạch ngang: đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; biết dùng dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích khi viết.

2. Phẩm chất

Chủ động và tích cực đọc sách để mở rộng tri thức, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.
- Một số văn bản (đặc biệt là văn bản truyện kể về các danh nhân) có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.
- Phiếu bài tập cho phần Luyện từ và câu (nếu có).
- Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).
- Cấu trúc đoạn văn; cách thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.
- Cách sử dụng dấu gạch ngang trong tiếng Việt.
- Phiếu bài tập cho bài tập 2, phần Luyện từ và câu.
- Một số câu, đoạn văn, bài văn có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Khổ luyện thành tài* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Chủ đề của câu chuyện là gì?).

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có cơ hội chia sẻ về những trang sách hay, những bài học bổ ích thu được từ việc đọc sách, tạo tâm thế tiếp nhận bài học mới – bài học thứ 5 của chủ điểm *Trên con đường học tập*.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giới thiệu khái quát bài đọc: GV nêu tên bài học và những nội dung học trong 3 tiết của Bài 21 (<i>Thế giới trong trang sách</i>). – GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Từng em chia sẻ với các bạn trong nhóm về một bài học bổ ích từ những trang sách mình đã đọc. (Có thể nêu tên sách, tên tác giả, nội dung chính, bài học thu nhận được,...) – GV nhận xét sau khi quan sát các nhóm làm việc; mời 1 – 2 em giới thiệu trước lớp. – Mời HS nói về tranh minh hoạ bài thơ. – Nhận xét ý kiến phát biểu của HS và giới thiệu khái quát bài học: Bài thơ gợi lên một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc. Các em đọc bài thơ để tìm hiểu những điều tác giả nhắn gửi trong đó.	Làm việc nhóm Từng em thực hiện yêu cầu, cả nhóm nhận xét, có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về nội dung những trang sách bạn chia sẻ. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS (đại diện nhóm) phát biểu. – HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về những hình ảnh trong tranh.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* HS đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Thế giới trong trang sách*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong những trang và những bài học mà sách mang lại cho người đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– <i>Đọc mẫu:</i> GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp hoặc mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật. – <i>Luyện đọc đúng:</i> GV mời HS đọc nối tiếp bài thơ, sau đó hướng dẫn đọc: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. + Đọc diễn cảm những từ ngữ, những câu thơ thể hiện sự cảm xúc, suy tư của tác giả về những trang sách đã đọc – đặc biệt là các câu mở đầu mỗi khổ thơ: “<i>Trang sách mở ra thế giới diệu kì</i>”, “<i>Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ</i>”, “<i>Trang sách thấp lên ngọn lửa khát khao</i>”, “<i>Bài học nào trong trang sách thiết tha</i>”. – GV nhận xét việc đọc của cả lớp.	Làm việc chung cả lớp HS nghe GV đọc mẫu. Làm việc nhóm HS làm việc theo nhóm (3 em/nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc. Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu: HS nhận biết được những hình ảnh đẹp, có sức gợi tả về một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc. Hiểu được điều nhà thơ muốn nhắn nhủ qua bài thơ: Qua những trang sách, chúng ta cảm nhận được rằng: nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc. – HS lắng nghe GV giải thích nghĩa của từ hoặc tra thêm từ điển.

Câu 1	<i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách hoặc theo cách khác. – GV nêu câu hỏi 1: <i>Thế giới diệu kì mà sách mang đến cho người đọc được thể hiện qua những hình ảnh nào?</i> – GV hướng dẫn HS: + Dựa vào khổ thơ đầu và 3 hình ảnh gợi ý dưới câu hỏi 1, chuẩn bị câu trả lời. + Chia sẻ ý kiến theo cặp hoặc nhóm. – GV mời một số HS phát biểu trước lớp. – GV khen ngợi những em diễn đạt rõ ràng, nói lưu loát. Dự kiến câu trả lời: Ở khổ thơ đầu, thế giới diệu kì mà những trang sách mang đến cho người đọc (tặng cho người đọc) chính là vẻ đẹp cuộc sống được miêu tả, phản ánh trong trang sách. Vẻ đẹp đó được thể hiện qua những hình ảnh thơ: bầu trời sao lấp lánh, mặt biển xanh với cánh buồm nâu trong nắng, bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa,... (Lưu ý: GV nói thêm để HS hiểu: Những hình ảnh thơ mang tính chất tượng trưng, bởi vô vàn những trang sách đã mang đến cho người đọc biết bao nhiêu tri thức, gợi lên bao nhiêu điều kì diệu trong tâm hồn người đọc.)	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét về nội dung và cách diễn đạt. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, cả lớp góp ý, nhận xét.
Câu 2	– GV nêu yêu cầu: Dựa vào khổ thơ thứ hai và những trải nghiệm đọc sách, nêu cách hiểu của em về câu thơ “Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ”. – GV dành thời gian phù hợp cho HS chuẩn bị câu trả lời, rồi chia sẻ ý kiến theo nhóm. – GV nhận xét và tổng hợp ý kiến phát biểu của HS.	Làm việc cá nhân HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời và phát biểu ý kiến theo nhóm hoặc trước lớp. Làm việc theo nhóm – HS nêu ý kiến trong nhóm, các bạn khác góp ý. – Một số HS phát biểu trước lớp (nếu có thời gian).

	Dự kiến câu trả lời: Câu thơ “Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ” ý muốn nói các bạn nhỏ đọc sách sẽ tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi, những băn khoăn, thắc mắc của mình về những sự vật, hiện tượng “bí ẩn” trong vũ trụ bao la. Ví dụ, khi còn bé, nhìn lên vầng trăng, ta tưởng có chú Cuội ngồi gốc cây đa như trong truyện cổ tích được bà, được mẹ kể. Nhưng lớn lên, sách khoa học giúp ta hiểu con người đã đặt chân lên Mặt trăng, con người đã khám phá bao điều bí ẩn của vũ trụ.)	
Câu 3	– GV nêu câu hỏi hoặc HS đọc câu hỏi 3: <i>Khổ thơ thứ ba giúp em cảm nhận được gì về ý nghĩa của những trang sách đối với tuổi thơ?</i> – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, suy luận để tìm câu trả lời. Sau đó, chia sẻ trong nhóm. GV mời một số em phát biểu trước lớp. Khích lệ, động viên các em mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ của cá nhân. Dự kiến câu trả lời: Khổ thơ giúp em cảm nhận được rằng: Những trang sách đã thắp lên ước mơ, khát vọng trong tâm hồn trẻ thơ, giúp chúng em mở mang hiểu biết, mở rộng tầm nhìn,.../... – GV có thể nói thêm để HS hiểu sâu thêm ý thơ: Những cuốn sách quý, sách hay rất có ý nghĩa đối với người đọc. Hình ảnh “con đường dài tít tắp đợi mong ta” trong khổ thơ thứ ba muốn nói điều đó. Sách giúp ta mở rộng hiểu biết, thắp lên trong ta những ước mơ, khát vọng vươn xa, bay cao, khám phá bao điều kì diệu của thiên nhiên, của cuộc sống, hướng chúng ta làm nên những điều tốt đẹp cho bản thân, cho cuộc sống.	Làm việc cá nhân HS chuẩn bị câu trả lời. Làm việc nhóm và cả lớp – Từng em nêu ý kiến cá nhân, cả nhóm nhận xét, chú ý thể hiện thái độ tôn trọng ý kiến khác biệt. – Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

Câu 4	– GV nêu câu hỏi: <i>Theo em, tác giả muốn nhắn gửi các bạn nhỏ điều gì qua khổ thơ cuối? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</i> <i>A. Nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.</i> <i>B. Qua những trang sách, ta nhận ra lẽ sống nhân nghĩa người xưa trao truyền lại.</i> <i>C. Nhớ về cội nguồn, gìn giữ truyền thống tốt đẹp cha ông để lại là trách nhiệm của mỗi chúng ta.</i> – GV nêu cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời theo suy nghĩ của bản thân. + Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm nhận xét trên tinh thần tôn trọng sự khác biệt. – GV nhận xét và khích lệ HS nêu cảm nhận theo cách riêng của mình về khổ thơ cuối.	Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi và 3 phương án, lựa chọn 1 phương án hoặc đưa ra câu trả lời khác. (<i>Lưu ý: 3 câu trả lời/ 3 phương án đều đúng, các em chọn câu hợp với cảm nhận của mình hoặc đưa ra câu trả lời khác theo cách hiểu của mình.</i>) Làm việc nhóm HS chia sẻ ý kiến, các bạn khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.
---------------------	---	--

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* HS đọc lại bài đọc sau khi đã đọc hiểu, giúp các em cảm nhận một lần nữa toàn bộ bài thơ để có ấn tượng sâu đậm hơn.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc. – GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm	– Làm việc cá nhân: đọc toàn bài. Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp, nếu còn thời gian).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu câu hỏi: <i>Em thích khổ thơ nào trong bài? Vì sao?</i>	Làm việc cả nhóm HS chuẩn bị câu trả lời theo cảm nhận của riêng mình rồi chia trong nhóm, có thể giải thích lí do mình có câu trả lời đó.
– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp (nếu có thời gian).	Làm việc chung cả lớp HS làm việc cá nhân để tập dượt khả năng làm việc độc lập, sau đó HS chia sẻ ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp, các bạn khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DẤU GẠCH NGANG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Khơi gợi những hiểu biết về công dụng của dấu gạch ngang (đã học ở bài trước), tạo tâm thế hào hứng tiếp nhận bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Yêu cầu HS nhớ lại những công dụng của dấu gạch ngang (đã học ở lớp 3, lớp 4).	– Nhớ lại những công dụng của dấu gạch ngang (đã học ở lớp 3, lớp 4).
– Gọi 1 – 2 HS trình bày.	– 1 – 2 HS trình bày những điều đã học về công dụng của dấu gạch ngang.
– Đưa ra 1 câu có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. (Ví dụ: <i>Trần Đăng Khoa – thần đồng thơ Việt Nam – 8 tuổi đã có bài đăng báo.</i>); sau đó thực hiện thao tác lược bỏ dấu gạch ngang (<i>Trần Đăng Khoa thần đồng thơ Việt Nam 8 tuổi đã có bài đăng báo.</i>) và yêu cầu HS so sánh nghĩa của 2 câu.	– So sánh nghĩa của 2 câu và nhận ra: Câu sau không rõ nghĩa.

– Gọi mở và dẫn vào bài mới: “Để biết dấu gạch ngang còn có công dụng nào khác, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. *Mục tiêu:* Nhận biết thêm công dụng của dấu gạch ngang (đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu), ngoài những công dụng đã được học ở lớp 3, lớp 4 (đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc đánh dấu các ý liệt kê; dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh).

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV			Hoạt động của HS
Bài tập 1. Dấu gạch ngang trong các câu dưới đây được dùng để làm gì? – Trình chiếu bài tập 1 và gọi 1 HS đọc lại bài tập. – Hướng dẫn HS làm bài: + Tìm bộ phận câu đứng ngay sau dấu gạch ngang và ý nghĩa của bộ phận đó trong câu (trong quan hệ với từ trước nó).			– 1 HS đọc bài tập. 1. – Làm bài tập theo hình thức nhóm đôi hoặc nhóm 4 (dựa theo gợi ý của GV) để thống nhất kết quả.
+ Trao đổi nhóm đôi hoặc nhóm 4 để thống nhất kết quả. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. (GV có thể phát phiếu bài tập cho các nhóm 4.)			– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Các bạn khác nhận xét, góp ý.
Câu	Bộ phận câu sau dấu gạch ngang và ý nghĩa	Công dụng của dấu gạch ngang	
a. Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam – sự kiện văn hóa quan trọng đối với người yêu thích sách – được tổ chức vào ngày 21 tháng 4 hằng năm.	Sự kiện văn hóa quan trọng đối với người yêu thích sách (giải thích cho “Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam”)	Đánh dấu bộ phận chú thích/ giải thích.	– Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo nhóm để thống nhất kết quả và điền vào phiếu bài tập. – Trình bày kết quả đã thể hiện trong phiếu bài tập.
b. <i>Ha-ri Pót-tơ</i> – bộ truyện của nhà văn Giô-an Râu-linh – có sức hấp dẫn kì lạ với nhiều trẻ em trên thế giới.	Bộ truyện của nhà văn Giô-an Râu-linh (giải thích cho (cuốn) <i>Ha-ri Pót-tơ</i>).	Đánh dấu bộ phận chú thích/ giải thích.	

– Nhận xét, chốt đáp án: D. Dấu gạch ngang trong các câu ở bài tập 1 dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.	
Bài tập 2. <i>Nêu đặc điểm về vị trí và công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp.</i> – Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. – Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày. – GV chốt đáp án. Dự kiến câu trả lời: a. (Lê Quý Đôn – tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương – nổi tiếng ham học, thông minh, có trí nhớ tốt.): Dấu gạch ngang đứng ở giữa câu, dùng để đánh dấu bộ phận chú thích trong câu.; b. (Thế giới biết ơn những nhà phát minh...): Dấu gạch ngang đánh dấu các ý liệt kê và đứng ở đầu mỗi ý liệt kê.; c. (Đến Phong Nha – Kẻ Bàng, chúng tôi...): Dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh và đứng ở giữa các từ ngữ. – Mời 2 – 3 HS nêu thêm công dụng của dấu gạch ngang, ngoài những công dụng đã học ở lớp 3, lớp 4. – Gọi 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ (SGK, trang 107) – Để 1 – 2 phút cho cả lớp tự đọc và thuộc lòng Ghi nhớ. – Mời 2 HS đọc Ghi nhớ không cần nhìn sách. – Trình chiếu nội dung Ghi nhớ.	– 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. – Trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. HS khác nhận xét. – 2 – 3 HS nêu thêm công dụng của dấu gạch ngang, ngoài những công dụng đã học. – 1 – 2 HS đọc phần Ghi nhớ: Ngoài công dụng..., dấu gạch ngang có thể được đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. – Tự đọc (1 – 2 phút) để thuộc lòng Ghi nhớ. – 2 HS đọc Ghi nhớ không cần nhìn sách.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức vừa học về công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích của dấu gạch ngang và luyện tập dùng dấu gạch ngang với công dụng đó trong hoạt động viết.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS										
GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 và 4 trong SGK. Bài tập 3. Dấu gạch ngang trong câu nào dưới đây dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích? – Gọi 1 HS đọc bài tập. – Lưu ý HS: Chỉ chọn câu có dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. Không chọn những câu sử dụng với công dụng khác. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả. – Nhận xét và chốt đáp án: Dấu gạch ngang trong câu 1 (<i>Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là “cha đẻ của khoa học viễn tưởng” – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.</i>) và câu 2 (<i>Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.</i>) dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. <i>Lưu ý:</i> Những dấu gạch ngang còn lại dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (<i>– Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi.</i>) và đánh dấu ý liệt kê (<i>– Hai vạn dặm dưới biển, – Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...</i>) (Có thể chuyển bài tập 3 sang dạng trắc nghiệm (nối). Ví dụ: Nối câu (ở cột A) với công dụng phù hợp của dấu gạch ngang (ở cột B) để tìm ra câu có dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. <table border="1" data-bbox="182 1144 856 1839"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là “cha đẻ của khoa học viễn tưởng” – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.</td><td>Nối các từ ngữ trong một liên danh</td></tr> <tr> <td>Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.</td><td>Đánh dấu các ý liệt kê</td></tr> <tr> <td>Khi cha phản đối, cậu đã hứa: – Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi.</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhờ những chuyến “du lịch” đó, Giuyn Véc-nơ đã viết nên nhiều truyện viễn tưởng: – Hai vạn dặm dưới biển – Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...</td><td>Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích</td></tr> </tbody> </table>	A	B	Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là “cha đẻ của khoa học viễn tưởng” – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.	Nối các từ ngữ trong một liên danh	Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.	Đánh dấu các ý liệt kê	Khi cha phản đối, cậu đã hứa: – Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi.		Nhờ những chuyến “du lịch” đó, Giuyn Véc-nơ đã viết nên nhiều truyện viễn tưởng: – Hai vạn dặm dưới biển – Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...	Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích	– 1 HS đọc bài tập.” – Làm việc theo nhóm đôi để thống nhất ý kiến. – Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả. Lớp nhận xét. – Làm bài vào phiếu bài tập.
A	B										
Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là “cha đẻ của khoa học viễn tưởng” – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.	Nối các từ ngữ trong một liên danh										
Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.	Đánh dấu các ý liệt kê										
Khi cha phản đối, cậu đã hứa: – Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi.											
Nhờ những chuyến “du lịch” đó, Giuyn Véc-nơ đã viết nên nhiều truyện viễn tưởng: – Hai vạn dặm dưới biển – Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...	Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích										

Bài tập 4. Viết 2 – 3 câu về một danh nhân, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. – Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập. – Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4. Quan sát, tìm ra những nhóm viết tốt, hỗ trợ HS yếu về viết. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả viết. Có thể trình chiếu để cả lớp cùng đọc. – Lớp nhận xét, đánh giá. – Đánh giá và ghi nhận những câu hay, thể hiện được công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích của dấu gạch ngang và viết đúng hình thức của dấu gạch ngang. (Ví dụ: Một lần, Pa-xcan đi về khuya, thấy bố – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi ngồi kiểm tra sổ sách. Anh rất thương bố, lặng lẽ đi về phòng mình và vạch sơ đồ gì đó lên giấy. Ít hôm sau, anh đã chế tạo xong cái máy cộng trừ và mang tặng bố, giúp bố bớt vất vả vì những con tính.)	– 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập. – Làm việc theo nhóm 4: chia sẻ các câu đã viết, nghe góp ý của nhóm để chỉnh sửa. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả viết. (Có thể trình chiếu để cả lớp cùng đọc.)
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu: Biết vận dụng điều đã học được trong bài (về dấu gạch ngang) vào thực tế giao tiếp.
- b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể giao nhiệm vụ cho HS: Tìm 1 – 2 câu trong sách truyện, báo chí,... có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.	HS làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu: Nhận biết được nội dung trọng tâm của bài học; kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV yêu cầu 1 – 2 HS nêu tên 1 số câu chuyện đã học mà HS yêu thích, cho HS thuật lại ngắn gọn nội dung câu chuyện (có yêu cầu thể hiện cảm xúc riêng). Cho cả lớp nhận xét ai kể hay hơn => nhận biết vì sao hay hơn (có thể hiện cảm xúc) => dẫn vào bài.	– HS nghe và trả lời.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu những yêu cầu và cách viết đoạn văn nêu cảm xúc về một câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
Bài tập 1: GV cho HS chơi trò chơi <i>Miếng ghép bí mật</i>: Em hãy đọc bài tập 1 trong sách giáo khoa, làm việc cặp đôi và trả lời các câu hỏi? Dự kiến câu trả lời: a. Người chị khuyên em không nên phá tổ chim vì khi chim mẹ về, chim mẹ không thấy con sẽ buồn, còn chim non xa mẹ sẽ chết. Không những thế, loài chim còn có rất nhiều lợi ích. b. Theo lời người chị, khi chim lớn, chim sẽ hát ca, bay lượn, ăn sâu bọ giúp ích cho con người. c. Câu chuyện giúp em nhận ra rằng cần phải trân trọng sự sống của muôn loài. (Đáp án C có thể có thêm những cách hiểu khác.) Bài tập 2: Thảo luận nhóm và hoàn thiện phiếu học tập: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th><th>Kết quả</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Người viết muốn nói điều gì qua đoạn văn trên</td><td></td></tr> <tr> <td>b. Nêu vị trí các phần trong đoạn văn – Nối 2 cột tương ứng</td><td></td></tr> <tr> <td>c. Tìm trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu	Kết quả	a. Người viết muốn nói điều gì qua đoạn văn trên		b. Nêu vị trí các phần trong đoạn văn – Nối 2 cột tương ứng		c. Tìm trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.		– HS nghe yêu cầu, đọc bài tập trong sách, thảo luận với bạn bên cạnh để thống nhất phương án. Mỗi phương án đúng sẽ lật được 1 miếng ghép. Cặp đôi nào trả lời nhanh nhất, đúng nhiều nhất sẽ nhận được phần thưởng. – HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm; nhóm trưởng thống nhất ý kiến và hoàn thiện vào phiếu học tập.
Yêu cầu	Kết quả								
a. Người viết muốn nói điều gì qua đoạn văn trên									
b. Nêu vị trí các phần trong đoạn văn – Nối 2 cột tương ứng									
c. Tìm trong đoạn văn những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.									

Dự kiến câu trả lời: a. Tác giả Phan Nguyên muốn thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình về chuyện <i>Không nên phá tổ chim</i>. b. Đoạn văn có 5 câu. Phần mở đầu là câu thứ nhất. Còn lại sẽ là các câu ở phần triển khai. Câu cuối cùng là phần kết thúc. Vị trí các phần: <i>Mở đầu:</i> Giới thiệu về câu chuyện mang đến cảm xúc cho bản thân <i>Triển khai:</i> Nêu tóm tắt nội dung câu chuyện và những tình cảm, cảm xúc của mình về câu chuyện <i>Kết thúc:</i> Khẳng định giá trị của câu chuyện và nhấn mạnh tình cảm của mình c. Các từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm: – Lời khuyên của chị thật nhẹ nhàng mà thấm thía. – Hành động của người em thật đáng khen. – Câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động, Bài tập 3: Theo em, đoạn văn nêu cảm xúc về một câu chuyện gồm mấy phần? là những phần nào? Hãy nêu nhiệm vụ chính của từng phần. – Yêu cầu HS đọc Ghi nhớ.	– HS trả lời theo ý kiến cá nhân. – 1 HS đọc Ghi nhớ.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (làm ở nhà và có thể kiểm tra ở một giờ học khác phù hợp)

a. Mục tiêu: HS thực hiện yêu cầu vận dụng theo sách giáo khoa

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS làm việc nhóm. – GV cũng có thể cho HS tập kể lại ngắn gọn, có thể hiện cảm xúc của bản thân thành lời cho cả lớp cùng nghe. – GV cho 2 – 3 HS nhận xét, bình chọn theo ý kiến cá nhân. – GV nhận xét, củng cố.	– HS thảo luận nhóm. Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. – 2 – 3 HS nhận xét, bình chọn câu chuyện/ phần thể hiện lại câu chuyện đó có cảm xúc hay nhất mà em thích.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* HĐ vận dụng của bài học giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy chia sẻ với người thân và bạn bè về lợi ích của việc đọc sách.</i> – GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí, hiệu quả.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần kiến thức tiếng Việt hoặc phần viết báo cáo. + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: <i>Thế giới trong trang sách</i> Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 22 – <i>Từ những câu chuyện ấu thơ</i> để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 22 TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN ẤU THƠ (4 TIẾT)

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu: Đọc thuộc bài thơ *Thế giới trong trang sách* và trả lời câu hỏi: Khổ thơ thứ ba giúp em cảm nhận được gì về ý nghĩa của những trang sách đối với tuổi thơ?

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS bộc lộ cảm xúc của bản thân để có tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV dẫn dắt vào bài: Ngày 21/4 là ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam. Ý nghĩa của ngày này là nhằm khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với việc phát triển kiến thức, kĩ năng và phát triển tư duy, giáo dục và rèn luyện nhân cách con người. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh là người rất thích đọc sách. Hãy cùng đọc văn bản <i>Từ những câu chuyện ấu thơ</i> để biết vì sao ông trở thành nhà văn nổi tiếng. – GV ghi tên bài trên bảng; kết hợp giới thiệu chân dung của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, những tác phẩm nổi tiếng được bạn đọc yêu thích (<i>Thằng quỷ nhỏ, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng...</i>).	– HS nghe tích cực. – HS quan sát, lắng nghe tích cực.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản; luyện đọc những từ dễ phát âm sai, nhận biết được bố cục của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi HS khá giỏi đọc, GV nhận xét. – GV đọc và lưu ý cho HS giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. – GV hỏi HS về cách chia đoạn: Văn bản này chia làm mấy đoạn? – Chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>Nghìn lẻ một đêm</i> + Đoạn 2: Từ <i>Bà và chú</i> đến <i>kì diệu kia</i> + Đoạn 3: Từ <i>Bảy tuổi</i> đến <i>khốn khổ</i>. + Đoạn 4: Từ <i>Tôi khóc</i> đến <i>tưởng tượng</i> + Đoạn 5: <i>Rồi tôi</i> đến <i>anh Hai!</i> + Đoạn 6: Phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, đặc biệt là tên các câu chuyện: Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt, Đồi hải dương, Nghìn lẻ một đêm, Không gia đình, Những người khốn khổ,.... – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. Tổ chức cho HS thi đọc. – GV tổ chức nhận xét và cùng bình chọn với HS nhóm đọc tốt nhất.	– HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS làm việc nhóm để chia đoạn văn bản. – 3 HS luyện đọc nối tiếp đoạn (mỗi em đọc 2 đoạn). – HS luyện đọc các từ ngữ dễ phát âm sai trong nhóm. Các thành viên trong nhóm sửa lỗi cho nhau. – HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. Đại diện một vài nhóm thi đọc

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu: HS nhận biết bạn nhỏ trong bài rất yêu việc đọc sách, đọc được nhiều sách hay, từ đó bản thân cần noi gương học tập theo.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu. GV có thể gợi ý và giải thích (nếu HS bị động). Ví dụ: <i>mách, rường, thợ hớt tóc,...</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu: Câu 1. Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ được nghe ai kể? Đó là những câu chuyện gì?	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc. – HS lắng nghe GV giải thích nghĩa của từ hoặc tra thêm từ điển. – HS thực hiện.

– GV gợi ý: Câu hỏi có 2 ý: nên chú ý vào những từ ngữ được in nghiêng, đây chính là tên các tác phẩm truyện. + GV hướng dẫn HS đọc lướt đoạn văn 1. + HS tự đọc kĩ đoạn văn và trao đổi với bạn để tìm câu trả lời. – GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét, bổ sung. – GV và HS chốt đáp án: (Có thể chấp nhận cách diễn đạt khác ở ý thứ 2): Những câu chuyện đầu tiên bạn nhỏ nghe được là từ bà và chú. Đó là truyện <i>Tấm Cám</i>, <i>Thạch Sanh</i>, <i>Cây tre trăm đốt</i>, chuyện về Tồn Ngộ Không, một số truyện trong <i>Nghìn lẻ một đêm</i>,...	– HS thực hiện. – 2 – 3 HS trình bày trước lớp.								
Câu 2. <i>Bạn nhỏ đã làm gì để có thể tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện?</i> – GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi. – GV gợi ý: Các em tìm đoạn văn có chứa chi tiết <i>tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện</i>. – Cho HS hoạt động nhóm đôi. – Đại diện 2 – 3 cặp trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp góp ý, nhận xét. – GV kết luận: Để có thể tự mình khám phá thế giới kì diệu trong những câu chuyện, bạn nhỏ đã cố gắng học chữ thật nhanh.	– 1 – 2 HS đọc câu hỏi – HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi. Lớp hoạt động nhóm trong 5 phút và cần trợ giúp của GV (nếu cần).								
Câu 3. <i>Sắp xếp các thông tin dưới đây theo lời kể về hành trình đọc sách của bạn nhỏ.</i> – GV cho HS đọc yêu cầu và các phương án gợi ý. – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập. GV quan sát và hỗ trợ (nếu có). – GV cho HS lên bảng nối hai cột với nhau. – GV nhận xét, tuyên dương. Dự kiến câu trả lời: <table border="1" data-bbox="198 1569 914 1870"> <thead> <tr> <th>Độ tuổi</th><th>Hành trình đọc sách</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>7 tuổi</td><td>Đọc sách do ba mua về.</td></tr> <tr> <td>8 – 9 tuổi</td><td>Đọc hết rương truyện của ông thợ hớt tóc trong làng.</td></tr> <tr> <td>Lớn hơn một chút</td><td>Đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.</td></tr> </tbody> </table>	Độ tuổi	Hành trình đọc sách	7 tuổi	Đọc sách do ba mua về.	8 – 9 tuổi	Đọc hết rương truyện của ông thợ hớt tóc trong làng.	Lớn hơn một chút	Đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.	– 1 HS đọc yêu cầu. – HS làm bài cá nhân. – 1 HS lên bảng thực hiện yêu cầu.
Độ tuổi	Hành trình đọc sách								
7 tuổi	Đọc sách do ba mua về.								
8 – 9 tuổi	Đọc hết rương truyện của ông thợ hớt tóc trong làng.								
Lớn hơn một chút	Đọc các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.								

– GV đặt thêm câu hỏi để tìm hiểu thông tin việc đọc sách của HS trong lớp, GV cho HS xung phong trả lời: Năm nay 10 tuổi, em đã đọc tác phẩm nổi tiếng thế giới nào chưa? Nếu có, em hãy cho biết tên những tác phẩm đó?

– GV cho HS thực hiện thảo luận nhóm đôi câu hỏi 4, 5 vào phiếu học tập.

Phiếu học tập

Câu hỏi	Trả lời
Câu 4. Những trang sách có ý nghĩa như thế nào đối với bạn nhỏ?	
Câu 5. Theo em, việc bà và chú kể chuyện cho bạn nhỏ, rồi bạn nhỏ lại kể chuyện cho các em nói lên điều gì?	

– GV khuyến khích HS có thể diễn đạt theo ý mình và HS nhận xét, góp ý, bổ sung và chốt lại.

Dự kiến câu trả lời:

Câu 4. Những trang sách đã mang đến cho bạn nhỏ rất nhiều cảm xúc và nhiều trải nghiệm, bồi đắp tâm hồn, làm giàu có và làm trưởng thành tình cảm một đứa bé, phát triển trí tưởng tượng,..

Câu 5. GV khuyến khích HS diễn đạt theo những cách hiểu khác nhau vì đây là câu hỏi mở. *Gợi ý:* Việc bà và chú kể chuyện cho bạn nhỏ, rồi bạn nhỏ lại kể chuyện cho các em nói lên sự tiếp nối trong gia đình bạn nhỏ, tạo thành một thói quen tốt, được duy trì một cách tự nhiên. Thói quen ấy giúp tất cả các thành viên đam mê đọc sách.

Câu 6. Em học được điều gì từ cách truyền cảm hứng đọc sách tới người khác?

GV xác định đây là câu hỏi mở nên cho HS thực hiện cá nhân và tự trả lời theo suy nghĩ riêng của mình. *Gợi ý:* Những bài đọc trong sách/ đã đọc trong thư viện,... sẽ được em HS kể lại cho người thân trong gia đình nghe hoặc chia sẻ sách của mình cho bạn mượn/ trao đổi sách giữa các bạn trong nhóm.

– Một vài HS chia sẻ trước lớp

– 1 HS đọc yêu cầu.

– HS thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu vào phiếu học tập trong 3 phút.

– Đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng thực hiện yêu cầu. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

HS thực hiện cá nhân và tự trả lời theo suy nghĩ riêng của mình

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* HS đọc đúng, đọc diễn cảm, biết ngắt nghỉ, thể hiện đúng mạch cảm xúc của văn bản, sau khi tìm hiểu bài.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS đọc đoạn cần luyện đọc lại: + GV treo bảng phụ đoạn văn cần luyện đọc và hướng dẫn HS đọc diễn cảm. + Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp, bình chọn người đọc hay nhất, tuyên dương.	Làm việc chung cả lớp 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp. Cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm. Làm việc nhóm và chung cả lớp HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo nhóm. Các nhóm thi với nhau. Làm việc cá nhân Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

3.4. Luyện tập theo văn bản đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài, mục đích luyện cho HS mở rộng vốn từ bằng cách tìm các từ đồng nghĩa với từ cho sẵn trong ngữ cảnh và đặt câu để hiểu cách sử dụng của từ đó, điều này giúp HS hiểu thêm về bài đọc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập. – Cá nhân HS đọc yêu cầu trong sách và tự thực hiện yêu cầu theo. – GV gợi ý cho HS tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm rồi thay vào câu xem có phù hợp không. – GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp. Dự kiến câu trả lời: Câu 1. Có thể thay thế từng từ in đậm bằng các từ ngữ sau: + vô số: vô vàn, rất nhiều,... + tương tự: tương đồng, tương đương,... + kì diệu: diệu kì, kì ảo, huyền diệu,...	– HS thực hiện cá nhân. – HS lắng nghe tích cực. – HS trình bày kết quả làm việc cá nhân. – Một vài HS chia sẻ câu văn đã đặt. Cả lớp nhận xét, góp ý.

Câu 2. HS tự đặt câu, khen ngợi những câu đúng, hay; gợi ý cho HS tự sửa chữa nếu viết câu chưa đạt yêu cầu (lưu ý những em viết còn yếu, chưa tốt trong lớp).

Ví dụ:

Nhà tôi trồng *rất nhiều* cây ăn quả trong vườn.

Bạn Nam và bạn Việt đều có chiều cao *tương đương* nhau.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

a. *Mục tiêu:* HS biết viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã đọc, đã nghe.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuẩn bị	Bài tập 1: Chuẩn bị – GV mời 1 – 2 HS đọc gợi ý trong phần Chuẩn bị trong sách. – HS làm việc theo nhóm đôi trao đổi dựa vào các gợi ý. – GV quan sát HS, giúp đỡ các em (khi cần).	– HS thực hiện. – HS hoạt động nhóm đôi. – HS chủ động hỏi GV (khi có nhu cầu).
Tìm ý	Bài tập 1: – GV mời 1 – 2 HS đọc gợi ý trong phần Chuẩn bị trong sách. – HS làm việc theo nhóm đôi trao đổi dựa vào các gợi ý. – GV quan sát HS, giúp đỡ các em (khi cần). Bài tập 2. – GV chuẩn bị sẵn ở nhà sơ đồ thể hiện 3 ý trong viết đoạn văn: + Mở đầu (mở đoạn); + Triển khai (thân đoạn); + Kết thúc (kết đoạn).	

	– Hướng dẫn cách viết cho từng nội dung (Mở đầu, Triển khai, Kết thúc) – GV làm mẫu thông qua việc yêu cầu HS đọc lại câu chuyện đã được đọc <i>Không nên phá tổ chim ở kĩ năng</i> (Viết, Bài 21, sách trang 108). <u>Phương án 1:</u> GV vận dụng kĩ thuật Nói to suy nghĩ (think aloud), tức là nói ra suy nghĩ của mình trong quá trình tư duy để người học quan sát và học theo. GV lần lượt trình bày: + Mở đầu; + Triển khai (thân đoạn); + Kết thúc (kết đoạn). <u>Phương án 2:</u> GV gọi 3 HS lần lượt trình bày, sau mỗi HS chia sẻ, GV tổ chức nhận xét từng nội dung: + Mở đầu; + Triển khai; + Kết thúc.	<u>Phương án 1:</u> HS lắng nghe tích cực và ghi chép nhanh. <u>Phương án 2:</u> 3 HS lần lượt trình bày cho mỗi nội dung theo yêu cầu của GV.
Góp ý và chỉnh sửa	Bài tập 3 – Sau làm mẫu, GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào câu chuyện đã chọn để viết đoạn văn theo yêu cầu để cho trong sách theo gợi ý: Những điều yêu thích ở câu chuyện; tình cảm, cảm xúc đối với câu chuyện; Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc. <i>Lưu ý:</i> HS viết nháp trên một mặt giấy để dễ dàng theo dõi khi trình chiếu sản phẩm. – GV gọi HS trình bày sản phẩm, sử dụng máy chiếu vật thể để trình chiếu. GV tổ chức nhận xét sau mỗi HS chia sẻ và định hướng cho HS sửa lại những bài chưa đạt (nếu có). – GV cùng HS chọn những bài viết hay để tuyên dương.	– Cá nhân viết đoạn vào giấy nháp theo yêu cầu của GV. – Cá nhân chia sẻ đoạn viết, tự điều chỉnh (nếu có), cùng GV chọn đoạn viết hay học hỏi và tuyên dương bạn.

	=> GV củng cố, kết luận: Để tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thì người viết cần đọc kĩ câu chuyện, lựa chọn chi tiết gây ấn tượng để bày tỏ. Khi viết cần thực hiện theo cấu trúc 3 phần trong viết đoạn (Mở đầu, Triển khai, Kết thúc).	
--	---	--

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

a. *Mục tiêu:* HĐ Đọc mở rộng kể về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học giúp các em mở rộng hơn về chủ điểm, có thêm hiểu biết và động lực học tập, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao việc cho HS: đọc từng yêu cầu: 1. Đọc câu chuyện về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học. 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu. – Hướng dẫn HS làm việc cá nhân: + Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích học sinh sáng tạo. 3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc. – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. – Khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.	Làm việc cá nhân – HS đọc gợi ý trong sách để viết phiếu đọc sách theo mẫu hoặc sáng tạo phiếu đọc sách theo ý tưởng của mình và tùy theo nội dung câu chuyện đã đọc. – HS có thể chia sẻ các câu chuyện đã đọc cho nhau để cùng trao đổi. Làm việc nhóm – HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong sách. – Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: <i>Kể với người thân về tấm gương học tập của một bạn trong lớp hoặc trong trường em.</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng. – GV nhắc HS chia sẻ thông tin các em tìm hiểu được cho nhau.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu Vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 22: + Đọc: <i>Từ những câu chuyện ấu thơ</i> (GV nhấn mạnh: Một trong những lí do khiến Nguyễn Nhật Ánh trở thành một nhà văn nổi tiếng là hồi còn nhỏ ông rất ham đọc sách. Tình yêu đối với sách vở của ông bắt nguồn một cách tự nhiên từ những câu chuyện ấu thơ ông nghe được từ bà và chú của mình.) +Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện + Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện kể về những tấm gương học tập hoặc đóng góp của một nhà khoa học – GV hỏi thêm HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 22. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. – Dặn dò HS đọc trước Bài 23 – <i>Giới thiệu sách “Đế Mèn phiêu lưu kí”.</i>	Làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 23 GIỚI THIỆU SÁCH *ĐẾN MÈN PHIÊU LƯU KÍ* (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc:

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ văn bản thông tin này. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản giới thiệu sách *Đến Mèn phiêu lưu kí*. Biết đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với nội dung thông tin trong văn bản giới thiệu; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Nhận biết những nội dung chính trong văn bản giới thiệu sách. Hiểu được tác dụng của Lời giới thiệu sách đem lại. Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giới thiệu sách. Nhận biết được những thông tin chính liên quan đến cuốn sách được giới thiệu.

b. Viết

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.
- Luyện tập sử dụng dấu gạch ngang với những công dụng khác nhau (đã được học từ lớp 3, lớp 4), đặc biệt là biết dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu (kiến thức mới).

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết cảm nhận, trân trọng và có ý thức bảo vệ, giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh minh họa bài học
- Video phim hoạt hình *Đến Mèn phiêu lưu kí*.
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc
- Phiếu bài tập cho bài tập 3 (phần Luyện từ và câu)
- Một số câu chuyện về danh nhân trong nước (Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa,...) và ngoài nước (Tết-xla, Ma-ri Quy-ri,...) để đưa thêm thông tin cần thiết, minh họa cho ngữ liệu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* giúp HS cảm nhận được cái hay của tác phẩm (của thể giới loài vật ngộ nghĩnh), kích thích hứng thú vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:* tham khảo các cách dưới đây:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> GV cho làm việc nhóm, giới thiệu cuốn sách yêu thích và hỏi: Để mọi người có thể biết cuốn sách em yêu thích, em sẽ làm gì? Dẫn dắt vào bài <u>Phương án 2:</u> GV chiếu đoạn clip ngắn về Dế Mèn, cho HS xem và nêu ý kiến: <i>Đoạn clip nói về những nhân vật nào? Em thấy chúng có đáng yêu không?</i> – GV dẫn dắt tới tác phẩm <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> và dẫn vào bài.	<u>Phương án 1:</u> HS làm việc nhóm, trả lời câu hỏi. <u>Phương án 2:</u> HS xem video và tự nêu ý kiến cá nhân. Sau đó GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu (hoặc có thể gọi HS đọc) với giọng đọc diễn cảm, biết nhấn giọng ở một một số từ ngữ hay, giàu hình ảnh, chú ý tới thông tin quan trọng trong bài. – Gọi HS đọc bài. – GV hỏi HS: <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>anh em</i>. + Đoạn 2: Tiếp theo đến hết.	– HS lắng nghe. – HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS làm việc cặp đôi và hoàn thiện vào sơ đồ bố cục của bài đọc. – HS nghe câu hỏi, thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất kết quả, hoàn thiện vào phiếu và báo cáo.

– Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>phiêu lưu, trượng nghĩa, trải nghiệm, truyền tải</i>; Cách ngắt giọng ở những câu dài: <i>“Dế Mèn phiêu lưu kí” của nhà văn Tô Hoài/ là cuốn sách gồm 10 chương,/ kể về cuộc phiêu lưu của chú Dế Mèn/ trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh; Những trải nghiệm của Dế Mèn/ đem lại cho độc giả bài học nhẹ nhàng về tình bạn,/ về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống,/ đồng thời chuyển tải ước mơ cao đẹp về một thế giới đại đồng,/ nơi tất cả đều là bạn bè,/ anh em.; Đặc biệt,/ cuốn sách đã được dịch sang 15 thứ tiếng,/ trở thành tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất/ tính đến nay.;...</i> – Tổ chức cho HS luyện đọc theo cặp. – GV nhận xét, tuyên dương.	– 2 HS đọc nối tiếp đoạn. Lớp đọc thầm và nhận xét phần đọc của bạn. – HS luyện đọc theo cặp và sửa lỗi cho nhau. – Đại diện một vài nhóm thi đọc
--	---

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết thông tin về tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí*, hứng thú với nội dung thông tin của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
– Cho HS đọc thầm lại văn bản và thực hiện các nhiệm vụ sau: Câu 1. Chơi trò chơi <i>Tiếp sức đồng đội</i>. Dựa vào bài đọc, điền các thông tin về tác phẩm được nói đến vào bảng sau: <table border="1"> <tr> <td>Tên sách</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Tên tác giả</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Số chương</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Nội dung chính</td><td>.....</td></tr> </table> Dự kiến câu trả lời: Tên sách: <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i>. Tên tác giả: Tô Hoài	Tên sách		Tên tác giả		Số chương		Nội dung chính		– HS làm việc nhóm, cả nhóm cùng đọc văn bản, thảo luận các thông tin. Các nhóm xung phong lên hoàn thiện vào phiếu học tập theo hình thức mỗi thành viên trả lời 1 ý. Nhóm nào nhanh nhất, trả lời đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng.
Tên sách									
Tên tác giả									
Số chương									
Nội dung chính									

Số chương: 10 chương

Nội dung chính: Kể về cuộc phiêu lưu của chú Dế Mèn trong thế giới côn trùng sinh động và ngộ nghĩnh. Chàng Dế Mèn lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, và trở thành một chú dế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa.

– Cho HS kết hợp làm việc nhóm để thực hiện câu hỏi sau:

Câu 2. *Nhân vật chính của cuốn sách được giới thiệu như thế nào?*

Dự kiến câu trả lời:

Nhân vật chính của cuốn sách là Dế Mèn, được giới thiệu: lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu, chú đã dần khôn lớn, trở thành một chú dế can đảm, tốt bụng, trượng nghĩa.

* Câu hỏi mở rộng:

Em có nhận xét gì về cách tóm tắt nội dung câu chuyện?

Dự kiến câu trả lời:

Cách tóm tắt truyện ngắn gọn, khái quát bởi người viết chọn những chi tiết tiêu biểu, quan trọng.

* Câu hỏi mở rộng:

Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả?...

Dự kiến câu trả lời:

Từ ngữ rõ ràng, dễ hiểu nhẹ nhàng và tự nhiên.

– Gọi HS đọc câu hỏi 3 và yêu cầu làm việc cá nhân.

Câu 3. *Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang lại những bài học gì?*

Dự kiến câu trả lời:

Lời giới thiệu cuốn sách mang đến cho người đọc bài học nhẹ nhàng về tình bạn, về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống, đồng thời truyền tải ước mơ về một thế giới đại đồng, nơi tất cả đều là bạn bè, anh em.

– HS thảo luận nhóm. Trưởng nhóm thống nhất phương án.

– Nhóm thảo luận và nêu ý kiến thống nhất.

– HS nghe câu hỏi, suy nghĩ, chọn phương án và trả lời.

– GV phát phiếu học tập cho câu 4 và câu 5:

Phiếu học tập

Câu 4. Những con số trong lời giới thiệu cho biết điều gì về cuốn sách?

Con số	Ý nghĩa
100	
40	
15	

Câu 5. Sau khi đọc lời giới thiệu, em có cảm nghĩ gì về cuốn sách?

.....

– HS làm việc cá nhân và hoàn thiện phiếu học tập ở câu 4 và câu 5.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – Cho HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. – Tổ chức thi chọn người đọc hay nhất.	– HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện: GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu: Em đã đọc tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí” chưa? Nếu đọc rồi thì em có thể cho lớp mình biết: em thích nhất nhân vật nào? Vì sao em thích?	Yêu cầu cần đạt: HS biết thể hiện được ý kiến, nêu được cảm xúc và ý kiến của bản thân, có những chi tiết, những hình ảnh cụ thể càng tốt.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Ôn tập những công dụng của dấu gạch ngang đã được học từ lớp 3, 4 và công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu được học ở bài trước; thấy được vai trò của dấu gạch ngang trong việc diễn đạt nghĩa của câu; tạo tâm thế tiếp nhận bài học mới, hào hứng với hoạt động luyện tập sử dụng dấu gạch ngang.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đưa ra câu sai nghĩa hoặc mơ hồ về nghĩa do thiếu dấu gạch ngang (để nối liên danh, đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích). Ví dụ: <i>Đường cao tốc Mát-xcơ-va Xanh Pê-téc-bua con đường độc đáo nhất nước Nga có tên Nhê-va./ Con sẽ gặp bà cụ người sinh ra bác Hoà ngay hôm nay.;...</i> – Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi để nhận xét nghĩa của câu (tìm ra lỗi câu về nghĩa). – Lí giải nguyên nhân gây mơ hồ về nghĩa (câu thiếu dấu gạch ngang) và chỉnh lại câu bằng cách thêm dấu gạch ngang. – Nhấn mạnh: Dấu gạch ngang góp phần làm rõ nghĩa cho câu. Vì vậy, chúng ta cần luyện tập sử dụng dấu câu này một cách phù hợp, hiệu quả.	– Quan sát ngữ liệu. – Trao đổi nhóm đôi, phát hiện ra câu không rõ nghĩa.

2. Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập

a. Mục tiêu:

– Nhận biết được dấu gạch ngang trong những công dụng khác nhau (đã được học từ lớp 3, lớp 4), đặc biệt là biết dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu – kiến thức mới học ở lớp 5): đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu các ý liệt kê, dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh, đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

– Luyện tập sử dụng dấu gạch ngang với những công dụng khác nhau, đặc biệt biết dùng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu (kiến thức mới học ở lớp 5).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong sách trang 115, 116). Bài tập 1. <i>Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp (trang 115).</i> – Gọi 2 HS nêu yêu cầu của bài tập 1. – Hướng dẫn HS làm bài tập: + Nhớ lại các công dụng của dấu gạch ngang (đã được học). + Tìm những câu có dấu gạch ngang, xác định công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi câu đó. + Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày trước lớp. – Nhận xét và chốt đáp án. Dự kiến câu trả lời: a. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (– <i>Đã có ngọn đèn lớn, ngọn đèn vĩnh cửu kia.</i>). b. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích (– <i>nhà khoa học, nhà giáo dục đa tài, uyên bác.</i>). c. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh (<i>Đại Tây Dương – Thái Bình Dương</i>). d. Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê. (– <i>San hô muôn hình muôn dạng</i> – <i>Cá hề và hải quỳ màu sắc sặc sỡ</i> – <i>Tôm gõ mõ tạo ra bản hợp xướng vang động biển khơi,...</i>)	– 2 HS nêu yêu cầu của bài tập 1. – Cá nhân suy nghĩ, thực hiện bài tập, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét.
Bài tập 2. <i>Cần thêm dấu gạch ngang vào những vị trí nào trong đoạn văn?</i> – Gọi HS đọc bài tập. – Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và làm bài vào phiếu bài tập. Khuyến khích HS giải thích vì sao đặt dấu gạch ngang vào vị trí đó. (<i>Lưu ý: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong ngữ liệu (trừ tiếng của từ phiên âm) cần để lớn hơn bình thường, giúp HS dễ điền dấu gạch ngang.</i>)	– 2 HS đọc bài tập. – Trao đổi theo nhóm đôi (tìm vị trí đặt dấu gạch ngang và giải thích lí do lựa chọn vị trí đó), làm bài vào phiếu bài tập.

Phiếu học tập	
Điền dấu gạch ngang vào những vị trí thích hợp trong đoạn văn dưới đây: <i>Những trí tuệ vĩ đại</i> bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla một kĩ sư điện người Mỹ đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri người phụ nữ gốc Ba Lan đã khám phá ra chất phóng xạ,... – Yêu cầu đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. – Nhận xét và chốt đáp án. Dự kiến câu trả lời: Những trí tuệ vĩ đại – bộ sách viết về một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới – gồm 5 cuốn. Các bạn nhỏ có thể tìm thấy nhiều thông tin thú vị trong mỗi cuốn sách nhỏ ấy: Tét-xla – một kĩ sư điện người Mỹ – đã phát minh ra dòng điện xoay chiều, Ma-ri Quy-ri – người phụ nữ gốc Ba Lan – đã khám phá ra chất phóng xạ,... (Lí do: Đó là vị trí đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.)	– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Lớp thống nhất đáp án.
Bài tập 3. Viết 1 – 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang với một trong những công dụng sau: a. Đánh dấu các ý liệt kê. b. Nối các từ ngữ trong một liên danh. c. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. – Gọi HS đọc bài tập 3 và nêu yêu cầu của bài tập. – Lưu ý HS: + Chọn 1 công dụng của dấu gạch ngang để đặt ví dụ. + Có thể viết 1 – 2 câu. + Khi viết, chú ý thể hiện đúng hình thức của dấu gạch ngang. – HS làm việc nhóm 4, theo hình thức Khăn trải bàn. – Mời đại diện 3 – 4 nhóm lần lượt đọc các câu đã viết được hoặc trình chiếu các câu lên màn hình. – GV nhận xét, ghi nhận những câu viết phù hợp.	– 2 HS đọc bài tập, nêu yêu cầu của bài. – Cá nhân chọn 1 công dụng của dấu gạch ngang để minh họa. – Làm việc nhóm 4 (hình thức Khăn trải bàn). Thư kí tổng hợp các câu viết.

Dự kiến câu trả lời:

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chuỗi liệt kê:

Đất nước ta tự hào có nhiều trạng nguyên trẻ tuổi, tài cao:

– Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên khi mới 12 tuổi,

– Mạc Đĩnh Chi được làm trạng nguyên của cả hai nước,...

– Lương Thế Vinh giỏi tính toán, biết kết hợp rất khéo giữa chơi và học,...

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh: Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo là hai người nổi tiếng vùng Sơn Nam (Thái Bình – Nam Định bây giờ) về thông minh, học giỏi.

+ Câu có dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích: Nghệ An tự hào là quê hương của Giáo sư Tạ Quang Bửu – người vinh danh cho trí tuệ Việt Nam. / Giáo sư Trần Đại Nghĩa – “ông vua vũ khí” của Việt Nam – đã chế tạo đạn ba-giô-ca, các loại bom bay,... có sức công phá mạnh.

– Đại diện 3 – 4 nhóm lần lượt đọc các câu đã viết được hoặc trình chiếu các câu lên màn hình.

– Lớp góp ý, bình chọn những câu viết đúng nhất và hay nhất.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Biết tạo sự kết nối giữa những điều đã học được về dấu gạch ngang với thực tế cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện

– GV có thể giao nhiệm vụ cho HS: Chia sẻ với người thân về điều mà em tâm đắc nhất khi học về dấu gạch ngang.

– HS thực hiện ở nhà, ghi âm lại lời chia sẻ và gửi bản ghi âm tới GV.

TIẾT 3

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhận biết được nội dung trọng tâm của bài học; kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS chơi trò chơi Đoán xem ai nào. – GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.	HS chơi trò chơi: + 1 HS nêu đặc điểm của một nhân vật trong câu chuyện đã học để cả lớp cũng đoán xem đó là nhân vật nào, trong câu chuyện nào. + 2 – 3 HS nêu tình cảm, cảm xúc của mình với nhân vật đó.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện viết đoạn văn nêu cảm xúc về một câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1: GV thực hiện theo một trong hai phương án dưới đây: <u>Phương án 1:</u> Cho HS làm việc nhóm: Hoàn thiện sơ đồ sau: Mở đầu Triển khai Kết thúc <u>Phương án 2:</u> Yêu cầu HS làm việc cá nhân: GV chiếu sơ đồ để trống nội dung từng phần như trên, gọi 1 – 2 HS lên điền thông tin (hoặc chơi nối cột để có những thông tin tương ứng về ý nghĩa). Dự kiến câu trả lời: Mở đầu: Giới thiệu về câu chuyện mang đến cảm xúc cho bản thân Triển khai: + Kể tóm tắt nội dung câu chuyện. + Nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện: Nhân vật trong câu chuyện đáng yêu, đáng kính trọng,.../ Câu chuyện truyền cảm hứng tích cực hoặc chứa đựng bài học có ý nghĩa,.../ ...	<u>Phương án 1:</u> HS nghe yêu cầu, thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất kết quả, còn thư kí nhóm hoàn thiện vào phiếu. Thư kí nhóm đọc lại kết quả của nhóm một lượt rồi báo cáo. <u>Phương án 2:</u> HS suy nghĩ độc lập và thực hiện yêu cầu.

+ Thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với câu chuyện: Yêu mến, ngưỡng mộ nhân vật/ Xúc động và thấm thía trước những bài học có ý nghĩa/... Kết thúc: Khẳng định giá trị của câu chuyện và nhấn mạnh tình cảm, cảm xúc của em Bài tập 2: Cho HS làm việc cá nhân: <i>Dựa vào phần thảo luận của nhóm, em hãy viết một đoạn văn theo yêu cầu.</i>	– HS nghe yêu cầu và thực hiện.
---	--

3. Hoạt động 3: Đọc và chỉnh sửa

a. Mục tiêu: HS thực hiện đọc lại sản phẩm. chỉnh sửa, bổ sung (nếu muốn) để hoàn thiện đoạn văn.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS tự đọc đoạn văn để phát hiện lỗi dựa vào các gợi ý trong sách. – GV có thể gợi ý thêm: Cách sắp xếp các ý trong đoạn văn có hợp lí không? Có theo trật tự nào không? Cách tóm tắt câu chuyện đã đầy đủ các chi tiết quan trọng chưa? Cách nêu những điều em yêu thích ở câu chuyện đã chính xác, hợp lí chưa? Có đưa ra được dẫn chứng thuyết phục không? Cách sử dụng từ ngữ, câu văn nêu tình cảm, cảm xúc có rõ ràng và gây ấn tượng không? – GV yêu cầu HS tự sửa lỗi trong đoạn văn của mình (nếu có). – GV nhận xét, củng cố.	HS thực hiện.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy ghi lại tình cảm, cảm xúc của bản thân khi đọc tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu kí”.</i>	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng

Hãy chia sẻ với bạn bè và người thân những điều em biết về tác phẩm này.

GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân.

Làm việc cá nhân

Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: HĐ củng cố nhằm tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học. + Trong bài học này, chúng mình được học những nội dung kiến thức nào? + Chốt lại hôm nay HS đã được: Đọc: Giới thiệu sách “Đế Mền phiêu lưu kí” Luyện từ và câu: Luyện tập dấu gạch ngang Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 24 – <i>Tinh thần học tập của nhà Phi-lít</i> để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

BÀI 24 TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

– Đọc hiểu: Hiểu được nội dung câu chuyện, nhớ các tình tiết cơ bản của truyện, biết nhận xét, đánh giá về các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua toàn bộ nội dung câu chuyện: Câu chuyện thể hiện tinh thần học tập của nhà Phi-líp: học mọi lúc, mọi nơi, mọi thứ, tìm đến cội nguồn của vấn đề.

b. Viết

– Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm về cách viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

– Mở rộng vốn từ cho HS về đại từ xưng hô và thay thế; mở rộng vốn từ theo chủ điểm học tập.

c. Nói và nghe

Biết thảo luận về vấn đề ích lợi của việc tự học: trình bày được ý kiến của riêng mình, biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người khác, tôn trọng ý kiến khác biệt trong thảo luận; biết noi theo những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học.

2. Phẩm chất

Nâng cao ý thức tự đọc, tự học. Trân trọng và biết học tập những tấm gương tự học.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, video,... minh họa những câu chuyện, những tấm gương về tinh thần tự học.
- Những câu chuyện về tấm gương tự học và thành công nhờ tự học.
- Một số cuốn sách bổ ích, lí thú để giới thiệu cho HS cùng đọc.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Cho HS đọc lại văn bản *Giới thiệu sách “Để Mèn phiêu lưu kí”*.
- Trả lời câu hỏi: Theo lời giới thiệu, cuốn sách mang lại cho em những bài học gì?

2. Hoạt động 2: Khởi động

- a. Mục tiêu:* Giúp HS bộc lộ cảm xúc của bản thân để có tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV dẫn dắt vào bài theo gợi ý sau: – GV nêu tên bài học: <i>Tinh thần học tập của nhà Phi-lít</i> và đặt câu hỏi khơi gợi cho HS thử đoán xem văn bản viết về vấn đề gì? – GV nhận xét sự suy đoán của HS, sau đó giới thiệu khái quát về câu chuyện được học. Gợi ý: Trong câu chuyện chúng ta sẽ học ngày hôm nay, các em sẽ biết thêm được tinh thần học tập rất riêng của gia đình cậu bé Phi-lít. Hãy cùng nhau xem việc học trong gia đình này hiệu quả ra sao.	– HS suy nghĩ, trả lời theo dự đoán về tên bài.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản, luyện đọc những từ dễ phát âm sai.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi HS khá giỏi đọc, GV nhận xét. – GV đọc và lưu ý cho HS giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. – GV hỏi HS về cách chia đoạn: <i>Văn bản này chia làm mấy đoạn?</i> – Chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>giáo dục của cha.</i> + Đoạn 2: <i>Cha Phi-lít</i> cho đến <i>tìm xem Nê-pan ở đâu.</i> + Đoạn 3: Phần còn lại – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, đặc biệt là tên người, tên địa lí trong các câu chuyện: <i>Phi-lít, thị trấn, chuyện trò, Nê-pan, vị trí, thú vị</i>	– HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS phản hồi và dự kiến chia bài thành 3 đoạn theo hướng dẫn của GV. – 3 HS đọc nối tiếp đoạn.

– Cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm, mỗi HS đọc 1 đoạn. – Tổ chức cho HS thi đọc. – GV tổ chức nhận xét và cùng bình chọn với HS nhóm đọc tốt nhất.	– HS đọc nối tiếp trong nhóm. Đại diện một vài nhóm thi đọc. – HS tham gia nhận xét, bình chọn.
---	--

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* HS nhận biết Phi-lít sinh ra trong một thị trấn nhỏ; sống cùng bố mẹ, anh trai; có sở thích là thích đọc sách, thích nắm bắt thông tin từ mọi người; HS đọc, khám phá các chi tiết trong văn bản để rút ra được nội dung của văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS			
Câu 1. Ở đoạn mở đầu của câu chuyện, Phi-lít được giới thiệu như thế nào? <table><tr><td>Nơi sinh sống</td><td>Sở thích</td><td>Tổ chất</td></tr></table> – GV hướng dẫn HS đọc đoạn 1 để tìm câu trả lời và yêu cầu nhóm đôi hoạt động. – GV mời 3 HS trả lời trước lớp – GV tổ chức cho lớp nhận xét, bổ sung, – GV kết luận: Phi-lít sinh ra trong một thị trấn nhỏ; sống cùng bố mẹ và anh trai; có sở thích là thích đọc sách, thích nắm bắt thông tin từ mọi người; có tố chất hăng say nghiên ngẫm, luôn tập trung lắng nghe, học hỏi.	Nơi sinh sống	Sở thích	Tổ chất	– HS thực hiện thảo luận nhóm đôi. – 3 HS trình bày trước lớp, mỗi HS chia sẻ về một ý: Nơi sinh sống; Sở thích; Tố chất
Nơi sinh sống	Sở thích	Tổ chất		
Câu 2. Cha Phi-lít yêu cầu cả gia đình làm gì mỗi ngày? Vì sao? – GV đặt câu hỏi và cho cá nhân suy nghĩ 2 phút để trình bày. – GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. – Cả lớp góp ý, nhận xét. – GV kết luận (gợi ý): Cha Phi-lít yêu cầu mỗi ngày, cả gia đình đều phải học được kiến thức mới, sau đó sẽ trao đổi vào sau bữa tối. Ông làm vậy bởi ông cho rằng điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được gì, ông mong cả gia đình đều phát huy tinh thần học tập,...	– 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. – Cả lớp góp ý, nhận xét.			

Câu 3 và Câu 4.

– GV phát phiếu học tập và đề nghị HS hoạt động nhóm 4 (ở Câu 4, GV có thể điều chỉnh câu hỏi trong sách):

Câu 3. <i>Em có nhận xét gì về việc cả gia đình Phi-lít xúm lại xem bản đồ thế giới?</i>	Trả lời:.....
Câu 4. <i>Phương pháp học tập của gia đình mang lại lợi ích gì cho Phi-lít?</i>	Trả lời:.....

– Cho HS hoạt động nhóm, GV quan sát và hỗ trợ (nếu có).

– GV gọi HS chia sẻ.

– GV tổ chức nhận xét và chốt đáp án.

Dự kiến câu trả lời:

Câu 3. Cả gia đình Phi-lít đều rất quan tâm đến việc học, rất thích học,... Cách học của nhà Phi-lít cho thấy mọi kiến thức đều phải được kiểm tra, trao đổi, tìm hiểu thật kỹ lưỡng, cụ thể.

Câu 4. Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS có thể diễn đạt theo ý mình và HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

Câu 5. *Em muốn điều chỉnh những gì về cách học của mình sau khi đọc câu chuyện “Tinh thần học tập của nhà Phi-lít”?*

– GV vận dụng kỹ thuật **Trình bày một phút** cho cá nhân chia sẻ.

– GV gọi 2 – 3 HS và ghi nhận những HS có chính kiến và trình bày được ý kiến một cách mạch lạc (vì đây là câu hỏi mở, liên hệ bản thân).

Dự kiến câu trả lời: Phương pháp học tập của gia đình mang lại cho Phi-lít nhiều điều tốt đẹp: luôn hào hứng với việc học, thi đỗ đại học, dễ dàng thích nghi với phương pháp học tập này ở một cấp học cao hơn. Các em hãy học tập cách học này, nó sẽ tạo cho chúng ta một thói quen tốt, duy trì chúng một cách tự nhiên mỗi ngày.

– HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thiện phiếu học tập.

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Cả lớp chốt đáp án.

– HS hoạt động cá nhân.

– 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

– Cả lớp thống nhất câu trả lời.

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* HS đọc đúng, đọc diễn cảm, biết ngắt nghỉ, thể hiện đúng mạch cảm xúc của văn bản, sau khi tìm hiểu bài.

b. *Tổ chức thực hiện*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập. Câu 1. – GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu trong sách và giao cá nhân tự thực hiện yêu cầu trong 1 phút. – GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và tổ chức cho HS phản hồi. – GV chốt đáp án: Đại từ xưng hô là <i>con</i> và <i>chúng ta</i>. Từ <i>con</i> dùng để chỉ Phi-lít, từ <i>chúng ta</i> dùng để chỉ Phi-lít và bố của mình. Câu 2. – GV cho HS đọc yêu cầu bài tập. – GV hướng dẫn cách thực hiện và chuyển giao nhiệm vụ học tập cho nhóm đôi HS hoạt động trong 2 phút. – GV đưa bảng phụ đã viết sẵn bài tập 2 trên bảng lớp. GV gọi 1 nhóm HS sẽ lấy 3 thẻ từ các từ: <i>kiến thức, trí thức, trí nhớ</i> đặt vào vị trí mỗi bông hoa ở a, b, c cho đúng về nghĩa. – GV tổ chức nhận xét kết luận.	– HS thực hiện cá nhân. – HS trình bày kết quả làm việc. – HS thực hiện. – HS hoạt động nhóm, chia sẻ. Dự kiến đáp án HS thực hiện: a. <i>Trí thức:</i> người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn. b. <i>Kiến thức:</i> những hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được. c. <i>Trí nhớ:</i> khả năng giữ lại và tái hiện ra trong trí óc những điều đã biết, đã trải qua.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

LỢI ÍCH CỦA TỰ HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Khởi gợi sự hứng thú với hoạt động tìm hiểu, thảo luận về lợi ích của “tự học” và hiểu biết về “tự học”.

2. Thảo luận nhóm.

– Mời 1 – 2 HS nêu yêu cầu thảo luận.
– Hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm (có thể là nhóm 4, nhóm 6,...) theo các nội dung: Thế nào là tự học? Tự học có lợi ích gì? Ai là tấm gương tự học của em? Có những cách tự học nào hiệu quả?... (Trình chiếu gợi ý trong SGK).

– *Lưu ý:* Để ý kiến phát biểu có sức thuyết phục, cần đưa dẫn chứng cụ thể về ích lợi của việc tự học và cách tự học của bản thân. Cần ghi lại những ý kiến thú vị của các bạn.

– Mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Nhận xét, góp ý, ghi nhận những ý kiến hợp lí.

Dự kiến câu trả lời:

+ Cách hiểu về “tự học”: Tự học là quá trình tự tìm hiểu các kiến thức cần thiết cho mình; là học tập mà không có sự hướng dẫn của người khác; là tự giác học tập, không ai phải nhắc nhở; tự học không có nghĩa là học một mình, vẫn có thể học theo nhóm,... (Kết hợp chốt câu trả lời cho câu hỏi ở phần Khởi động: Hình ảnh 1 và 3 thể hiện hoạt động tự học của các bạn nhỏ.)

Lợi ích của tự học: Tự học giúp chúng ta có thêm nhiều kiến thức mới mẻ, bổ ích; rèn được nhiều phẩm chất tốt: chăm chỉ, sáng tạo, kiên trì,...; dễ dàng vượt qua mọi khó khăn; học tập đạt kết quả cao hơn; ngày càng hứng thú học tập;...

+ Những tấm gương tự học: Mạc Đĩnh Chi, vì nhà nghèo, thường ghé đến lớp học của thầy đồ trong làng và đứng ngoài cửa sổ nghe thầy giảng bài. Không có đèn dầu để học, ông bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn.

Lương Thế Vinh, với tư chất thông minh cùng tinh thần tự tìm tòi, học hỏi, đã nổi tiếng uyên bác ngay từ thời tuổi trẻ. Ông đỗ trạng nguyên và được vua tin tưởng giao nhiều trọng trách,...

– 1 – 2 HS nêu yêu cầu thảo luận.

– HS thảo luận nhóm theo các nội dung:

+ Cách hiểu về “tự học”

+ Lợi ích của tự học

+ Những tấm gương tự học

+ Cách tự học hiệu quả

– *Lưu ý:* Đưa dẫn chứng cụ thể về ích lợi của việc tự học và cách tự học hiệu quả của bản thân. Ghi lại những ý kiến thú vị của bạn.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận (chú ý đưa dẫn chứng cụ thể, có thể giới thiệu những cuốn sách kể về tấm gương tự học). Lớp nhận xét, góp ý.

+ Những cách tự học hiệu quả: tự tìm kiếm tài liệu học tập qua sách vở, internet,...; tự đọc sách; tự tìm hiểu bài học trước khi đến lớp; tích cực trao đổi với thầy cô, bạn bè về kiến thức mới hoặc những điều còn thắc mắc; ghi chép lại nội dung quan trọng; thường xuyên củng cố những điều đã học,...								
3. Đánh giá. – Đánh giá kết quả thảo luận; giới thiệu thêm những tấm gương tự học và thành công nhờ tự học (tấm gương trong sách truyện, ngoài cuộc sống) để HS cùng nghe. – Hướng dẫn HS bình chọn những người “Đúng thứ nhất” trong buổi thảo luận. + Quan sát sơ đồ gợi ý bình chọn: <table><tr><td>Người thảo luận tích cực</td><td>Ý kiến hay nhất</td><td>Người có lí lẽ thuyết phục nhất</td><td>...</td></tr></table> + Thảo luận nhóm để bình chọn.				Người thảo luận tích cực	Ý kiến hay nhất	Người có lí lẽ thuyết phục nhất	...	– Lắng nghe, suy nghĩ và tự rút ra bài học. – Bình chọn người tham gia thảo luận tích cực nhất, có ý kiến hay nhất, trình bày thuyết phục nhất,...
Người thảo luận tích cực	Ý kiến hay nhất	Người có lí lẽ thuyết phục nhất	...					

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Biết gắn nội dung học tập với cuộc sống; Chia sẻ hoạt động học tập của mình với người thân.

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về cách tự học của em:*

+ Kể về kinh nghiệm tự học mà em đã chia sẻ với các bạn trong giờ thảo luận.

+ Lắng nghe góp ý của người thân đối với em.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu vận dụng: <i>Chia sẻ với người thân về cách tự học của em.</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng

– GV nhắc HS chia sẻ cách tự học, lắng nghe người thân góp ý và có điều chỉnh cách tự học của mình sao cho có hiệu quả tối đa.	Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.
--	---

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 24: + Đọc: <i>Phương pháp học tập của nhà Phi-lít.</i> + Viết: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. + Nói và nghe: Lợi ích của tự học. – GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 24. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. – Dặn dò HS đọc trước Bài 25 – <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà.</i>	Làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu của GV.



BÀI 25 TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, giọng thể hiện được niềm xúc động của tác giả khi nghe tiếng đàn với những cung bậc thánh thót, trầm bổng trong một đêm trăng đẹp trên công trường thủy điện sông Đà.

– Đọc hiểu: Tiếng đàn đó quyện hoà với cảnh đẹp thơ mộng của đêm trăng trên công trường thế kỉ hứa hẹn bao hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước. Hiểu được một trong những ý nghĩa sâu sắc của bài thơ: Nghệ thuật (Âm nhạc) mang đến cảm xúc, niềm vui sống cho con người.

Nhận biết được từ ngữ và hình ảnh thơ giàu sức gợi tả, cảm nhận được tiếng đàn ba-la-lai-ca gợi lên những cung bậc âm thanh và hình ảnh của cuộc sống.

b. Viết:

– Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

– Nhận biết được biện pháp điệp từ, điệp ngữ và tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài văn, bài thơ; từ đó có thể thực hành tạo lập câu, đoạn có sử dụng điệp từ; điệp ngữ.

2. Phẩm chất

Biết chia sẻ cảm xúc trước vẻ đẹp của nghệ thuật thơ ca và âm nhạc, biết thể hiện sự đồng cảm với suy nghĩ, cảm xúc, niềm vui của những người xung quanh.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ, tranh ảnh (sưu tầm) về công trường thuỷ điện sông Đà trong giai đoạn đang xây dựng và Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình hiện nay.
- Những tư liệu, thông tin về quá trình xây dựng và hoàn thành Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 HS đọc nối tiếp bài *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Trên con đường học tập?*).

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội chia sẻ về suy nghĩ của mình về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống, tạo tâm thế tiếp nhận bài học mới – bài học mở đầu chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu chủ điểm: – GV nêu yêu cầu: <i>Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì.</i> – GV giới thiệu chủ điểm mới: Chủ điểm thứ ba: <i>Trên con đường học tập</i>, đã kết lại bằng câu chuyện <i>Tinh thần học tập của nhà Phi-lít</i>. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ tư: <i>Nghệ thuật muôn màu</i>. Các bài học nói về các môn nghệ thuật thú vị như âm nhạc, hội hoạ, vũ đạo, điêu khắc,... giúp các em có thêm những hiểu biết về thế giới nghệ thuật phong phú, đầy thú vị. Giới thiệu khái quát bài đọc: – GV nêu tên bài học và những nội dung học trong 3 tiết của Bài 25 (<i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i>).	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân về tranh minh hoạ chủ điểm. HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về những hình ảnh trong tranh.

– GV giới thiệu tranh minh họa và giới thiệu sơ lược về công trình thủy điện sông Đà, Nhà máy Thủy điện Sông Đà với những người bạn quốc tế hỗ trợ, giúp đỡ xây dựng, giới thiệu bài thơ. Ví dụ: Bài thơ <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i> thể hiện niềm xúc động của tác giả khi cảm nhận vẻ đẹp của âm thanh tiếng đàn ba-la-lai-ca (một nhạc cụ dân gian của nước Nga). Tiếng đàn như nói hộ tình hữu nghị của những người Việt Nam và các chuyên gia Liên Xô. Nêu yêu cầu của hoạt động Khởi động bài học: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Từng em chia sẻ suy nghĩ của mình với các bạn về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người (hoặc đối với bản thân/ người thân của mình).	Làm việc nhóm Từng em thực hiện yêu cầu, cả nhóm nhận xét, có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về ý kiến của bạn. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của âm nhạc đối với cuộc sống con người (hoặc đối với bản thân/ người thân của mình).
---	---

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, giọng thể hiện được niềm xúc động của tác giả khi nghe tiếng đàn với những cung bậc thánh thót, trầm bổng trong một đêm trăng đẹp trên công trường thủy điện sông Đà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả những cung bậc của tiếng đàn, những hình ảnh đẹp của thiên nhiên,...). GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn như sau: + Đoạn 1: Từ đầu đến ... <i>nóng lòng tìm biển cả</i>...; Đoạn 2: Tiếp theo đến <i>lấp lánh sông Đà</i>.; Đoạn 3: Còn lại.	Làm việc chung cả lớp HS nghe GV đọc mẫu/ 3 HS đọc nối tiếp theo hướng dẫn của GV.

– GV hướng dẫn đọc: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ: ba-la-lai-ca, nghe náo nức, nóng lòng tìm biển cả,... + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của tác giả khi cảm nhận những cung bậc của tiếng đàn, sự hoà quyện giữa tiếng đàn với cảnh sắc đêm trăng và cảm xúc của con người. Ví dụ, đọc nhấn giọng ở một số từ ngữ: <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca</i> <i>Như ngọn gió bình yên</i> <i>Thổi qua rừng bạch dương dịu dặt...</i> <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca</i> <i>Như ngọn sóng</i> <i>Vỗ trắng phau ghềnh đá</i> <i>Nghe náo nức</i> <i>Những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... ..</i> <i>Chỉ còn tiếng đàn ngân nga</i> <i>Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà. ...</i> – Giao HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các đoạn thơ. – HS làm việc cá nhân: đọc toàn bài (đọc thầm). – GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.	Làm việc nhóm HS làm việc theo nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc. Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.
--	---

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* HS nhận biết được từ ngữ và hình ảnh thơ giàu sức gợi tả, cảm nhận được tiếng đàn ba-la-lai-ca gợi lên những cung bậc âm thanh và hình ảnh của cuộc sống. Tiếng đàn đó quyện hoà với cảnh đẹp thơ mộng của đêm trăng trên công trường thế kỉ hứa hẹn bao hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước. Hiểu được một trong những ý nghĩa sâu sắc của bài thơ: Nghệ thuật (Âm nhạc) mang đến cảm xúc, niềm vui sống cho con người.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV hướng dẫn HS đọc phần tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ. GV có thể giải nghĩa thêm một số từ chưa có trong phần chú thích, Ví dụ:	– HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc.

	– <i>Cao nguyên</i>: vùng đất rộng và cao, xung quanh có sườn dốc, bề mặt bằng phẳng hoặc lượn sóng. – <i>Trăng chơi vơi</i>: trăng lơ trôi giữa bầu trời bao la. – GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển. <i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách hoặc theo cách khác.	– HS lắng nghe GV giải thích nghĩa của từ hoặc tra thêm từ điển						
Câu 1	– GV nêu câu hỏi: <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả như thế nào qua 8 dòng thơ đầu?</i> – GV nêu cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự trả lời câu hỏi). + Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em nêu ý kiến, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. – GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. – GV có thể thống nhất các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><th>Âm thanh của tiếng đàn gợi những liên tưởng thú vị.</th><th>Những liên tưởng từ tiếng đàn lại tôn lên vẻ đẹp Âm thanh của tiếng đàn</th></tr><tr><td>Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dịu dặt... <i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng gió dịu dặt)</i></td><td>Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống (tiếng gió, tiếng sóng).</td></tr><tr><td>Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe náo nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả...<i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng sóng reo náo nức)</i></td><td>Tiếng đàn ba-la-lai-ca có những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dịu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập...</td></tr></table>	Âm thanh của tiếng đàn gợi những liên tưởng thú vị.	Những liên tưởng từ tiếng đàn lại tôn lên vẻ đẹp Âm thanh của tiếng đàn	Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dịu dặt... <i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng gió dịu dặt)</i>	Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống (tiếng gió, tiếng sóng).	Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe náo nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... <i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng sóng reo náo nức)</i>	Tiếng đàn ba-la-lai-ca có những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dịu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập...	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm – Từng em trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét về nội dung và cách diễn đạt.
Âm thanh của tiếng đàn gợi những liên tưởng thú vị.	Những liên tưởng từ tiếng đàn lại tôn lên vẻ đẹp Âm thanh của tiếng đàn							
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dịu dặt... <i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng gió dịu dặt)</i>	Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống (tiếng gió, tiếng sóng).							
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe náo nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... <i>(Tiếng đàn gợi liên tưởng đến tiếng sóng reo náo nức)</i>	Tiếng đàn ba-la-lai-ca có những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dịu dặt, khoan thai, khi náo nức, dồn dập...							

Câu 2	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Trên công trường thủy điện sông Đà, tác giả đã nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca vang lên trong khung cảnh như thế nào?</i> – GV dành thời gian phù hợp để HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó mời nhiều em phát biểu ý kiến trước lớp. – GV tổng hợp ý kiến HS và nhấn mạnh để các em hiểu rõ ý thơ. Dự kiến câu trả lời: <table><tr><th>Khung cảnh</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>Thời gian: đêm trăng</td><td rowspan="2">Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch; mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn (âm thanh) và ánh trăng quyện vào dòng sông – dòng trăng (ánh sáng).</td></tr><tr><td>Không gian: tĩnh mịch. Công trường thủy điện với rất nhiều xe ủi, xe ben, tháp khoan, cần trục... đã say ngủ sau một ngày làm việc; dòng sông Đà lấp lánh dưới trăng...</td></tr></table>	Khung cảnh	Ý nghĩa	Thời gian: đêm trăng	Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch; mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn (âm thanh) và ánh trăng quyện vào dòng sông – dòng trăng (ánh sáng).	Không gian: tĩnh mịch. Công trường thủy điện với rất nhiều xe ủi, xe ben, tháp khoan, cần trục... đã say ngủ sau một ngày làm việc; dòng sông Đà lấp lánh dưới trăng...	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc chung cả lớp Nhiều em nêu câu trả lời theo ý đã chuẩn bị, cả lớp góp ý rồi thống nhất câu trả lời.
Khung cảnh	Ý nghĩa						
Thời gian: đêm trăng	Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch; mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn (âm thanh) và ánh trăng quyện vào dòng sông – dòng trăng (ánh sáng).						
Không gian: tĩnh mịch. Công trường thủy điện với rất nhiều xe ủi, xe ben, tháp khoan, cần trục... đã say ngủ sau một ngày làm việc; dòng sông Đà lấp lánh dưới trăng...							
Câu 3	– Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Miêu tả những điều em hình dung được khi đọc 2 dòng thơ: “Chỉ còn tiếng đàn ngân nga/ Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà”.</i> – GV nêu cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự chuẩn bị câu trả lời, có thể gạch ý sẽ trình bày ra giấy nháp/ vở). + Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu (câu hỏi 3), cả nhóm nhận xét, góp ý. – GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV hướng dẫn HS nhận xét và khen ngợi các ý kiến phát biểu đúng ý thơ, diễn đạt lưu loát,...	Làm việc cá nhân Chuẩn bị ý kiến phát biểu theo hướng dẫn của GV (có thể viết câu trả lời vào vở/ phiếu học tập/ vở bài tập/...) Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trình bày theo nội dung chuẩn bị, cả nhóm góp ý với thái độ tôn trọng ý kiến riêng.					

	– GV có thể nói sau khi đã nhận xét các ý kiến phát biểu của HS. Dự kiến câu trả lời: <i>Chỉ còn tiếng đàn ngân nga</i> <i>Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.</i> Bốn bề yên tĩnh, tất cả như lặng yên để lắng nghe tiếng đàn của ba-lai-ca của cô gái Nga. Tiếng đàn vang lên, ngân nga, toả lan mênh mông cùng với dòng sông như một dòng trăng lấp lánh trong đêm. Tiếng đàn như quyện hoà với ánh sáng (dòng trăng), tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng.	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS trình bày (<i>Miêu tả những điều em hình dung được khi đọc 2 dòng thơ: “Chỉ còn tiếng đàn ngân nga/ Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà”.</i>), cả lớp nhận xét.
Câu 4	– GV nêu câu hỏi: <i>Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thuỷ điện sông Đà.</i> – GV nêu cách thức thực hiện: + Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự chuẩn bị ý kiến phát biểu). + Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu, cả nhóm nhận xét, góp ý. – GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. – GV hướng dẫn HS nhận xét và khen ngợi các ý kiến sâu sắc, hiểu được ý thơ. – GV nhận xét các nhóm/ cá nhân. GV tổng hợp ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: Dưới ánh trăng, bên dòng sông Đà lấp lánh, trên công trường “đang say ngủ” sau một ngày làm việc sôi động, cô gái Nga có mái tóc màu hạt dẻ đang đánh đàn ba-la-lai-ca một cách say sưa “ngón tay đan trên những sợi dây đồng”,... Hình ảnh này khiến mỗi người dân chúng ta xúc động. Những chuyên gia ở những đất nước xa xôi (Liên Xô cũ) đã xa gia đình, xa tổ quốc để đến Việt Nam, giúp chúng ta xây dựng nhà máy thuỷ điện, làm ra luồng ánh sáng gửi đi muôn nơi, giúp cho cuộc sống tươi sáng hơn.	Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân, Làm việc theo cặp/ nhóm HS chia sẻ ý kiến, các bạn khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 trình bày ý kiến, cả lớp nhận xét.

	Tiếng đàn ba-la-lai-ca của cô gái Nga như giúp chúng ta cảm nhận được tình hữu nghị tốt đẹp giữa hai dân tộc và tương lai đang rộng mở của đất nước ta.	
--	---	--

3.3. Đọc thuộc lòng

a. *Mục tiêu:* HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, mở rộng vốn từ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS đọc thuộc lòng và tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng tại lớp. – GV nhắc HS về tiếp tục nhà học thuộc lòng bài thơ, nếu chưa thuộc).	– <i>Học thuộc lòng:</i> HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ). – <i>Thi đọc thuộc lòng:</i> HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về các bạn nhỏ hoặc cô giáo được nói đến trong bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể nêu câu hỏi (nếu còn thời gian): <i>Nhà thơ muốn nói điều gì qua khổ thơ cuối?</i> Dự kiến câu trả lời: + Khổ thơ cuối gợi hình ảnh của tương lai – khi công trường thuỷ điện hoàn thành, cũng là khi cuộc sống bừng sáng lên cùng với dòng điện toả đi muôn nẻo trên đất nước. + Khổ thơ cuối vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp của tương lai, viễn cảnh đó chứa chan niềm cảm xúc của những người lao động hôm nay,...	– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. – Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU BIỆN PHÁP ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Khởi gợi trí tò mò, động não cho HS trước giờ học;
- Nối kết với bài được học nhằm kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS xem một đoạn clip bài hát <i>Quê hương</i> (Thơ Đỗ Trung Quân, nhạc Giáp Văn Thạch). Sau đó, hỏi HS từ nào được lặp lại nhiều lần trong bài hát? – GV tổ chức cho HS chia sẻ và nhận xét, chốt lại từ <i>quê hương</i>. – GV dẫn dắt vào bài (gợi ý): Vậy cách lặp từ như vậy, ta gọi đó là biện pháp tu từ gì thì hôm nay lớp mình tìm hiểu qua bài học hôm nay nhé!	– HS xem clip rồi trả lời câu hỏi của GV. – HS chia sẻ, dự kiến HS trả lời từ “<i>quê hương</i>”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS hình thành kiến thức về điệp từ, điệp ngữ: nhận diện và nêu tác dụng trong từng ngữ cảnh; ghi nhớ kiến thức về điệp từ, điệp ngữ.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1, 2	– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, mời 1 HS đọc câu tục ngữ. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm từ được lặp lại trong câu tục ngữ và suy nghĩ về tác dụng của việc lặp lại từ đó. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi để thống nhất kết quả với bạn. – GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án chung của cả lớp. Dự kiến câu trả lời: Từ <i>học</i> được lặp lại. Việc lặp lại nhằm nhấn mạnh trong đời sống con người có nhiều thứ cần phải học hỏi.	– HS thực hiện theo yêu cầu. – HS thực hiện nhiệm vụ nhóm đôi. – HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

	=> GV kết luận: Nhờ dùng cách lặp từ mà lời khuyên răn của cha ông được nhấn mạnh, gây sự chú ý của người đọc.	
Ghi nhớ	– GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 2 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình về khái niệm điệp từ, điệp ngữ? – Gọi 1 – 2 HS và GV tổ chức nhận xét, chốt lại khái niệm điệp từ, điệp ngữ trong Ghi nhớ ở sách. => GV kết luận: Điệp từ, điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh nội dung được nói đến. – Gọi 1 HS khá giỏi hoặc để các HS khác xung phong trình bày lại (lưu ý khuyến khích HS không nhìn sách đọc mà diễn đạt theo trí nhớ bằng lời nói tự nhiên).	– HS thực hiện cá nhân. – HS khá giỏi trình bày.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Phát huy vốn hiểu biết của HS về điệp từ, điệp ngữ đã học để luyện tập thực hành.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 3	– GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 3 và đoạn thơ. – GV gọi HS khác đọc câu a, câu b; – GV gọi HS thực hiện cá nhân; – Gọi ngẫu nhiên HS trình bày kết quả; – GV tổ chức cho HS nhận xét, góp ý, GV chốt lại đáp án: a. Từ <i>bống</i> xuất hiện 4 lần. b. Tác dụng: Đáp án D (Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ). => GV kết luận: Sử dụng từ điệp từ trong thơ tác dụng nhấn mạnh, làm diễn đạt thêm hay, gợi sự liên tưởng độc đáo.	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS trình bày kết quả.

Bài tập 4	
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Giúp HS hoàn thành theo hướng trải nghiệm, phát huy vốn hiểu biết sẵn có của HS về điệp từ, điệp ngữ đã học để vận dụng trong thực tiễn giao tiếp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể cho HS xem một đoạn clip bài hát <i>Quê hương</i>. – Sau khi nghe xong, GV có thể hỏi HS: Các em đã tìm ra từ lặp là từ <i>quê hương</i> ở phần Khởi động. Vậy từ đó có tác dụng gì? – GV tổ chức cho HS chia sẻ và nhận xét, chốt lại từ <i>quê hương</i> nhấn mạnh tình yêu quê hương của tác giả rất tha thiết, sâu đậm.	– HS xem tích cực, thư giãn. – HS phản hồi.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhớ lại cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã học để dễ dàng nhận biết những điểm giống khác về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nêu những điều đã biết về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. – GV nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến trước lớp. Có thể chiếu trên màn hình, các ý kiến được tổng hợp. Dự kiến câu trả lời: (1) Bố cục: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thường có 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc. + Mở đầu: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả, ấn tượng chung về câu chuyện. + Triển khai: Kể tóm tắt câu chuyện, nêu những điều yêu thích ở câu chuyện (nhân vật, sự việc, ý nghĩa của câu chuyện,...) và thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với câu chuyện.	– 2 – 3 HS nêu những điều đã biết về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Cả lớp nhận xét, bổ sung.

+ Kết thúc: Khẳng định giá trị, ý nghĩa của câu chuyện hoặc nhấn mạnh tình cảm, cảm xúc đối với câu chuyện. (2) Tình cảm, cảm xúc của người viết được bộc lộ trực tiếp qua những từ ngữ, câu văn nêu tình cảm, cảm xúc về câu chuyện, hoặc bộc lộ gián tiếp qua suy nghĩ, việc làm,... (ví dụ: kể câu chuyện cho người khác nghe, muốn học tập, noi gương nhân vật trong câu chuyện,...). – GV nêu nội dung tiết học: Các em đã nêu được những điểm cần nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Các bài học tiếp theo, các em được tìm hiểu và luyện tập viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ qua các tiết: + Tiết thứ nhất: Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. + Tiết thứ hai: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. + Tiết thứ ba: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. + Tiết thứ tư: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – GV có thể nhắc cho HS biết, ở lớp 2, 3, 4, các em đều được luyện viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với một người, một cảnh vật, một nhân vật trong câu chuyện,...	– HS lắng nghe và ghi nhớ.
--	----------------------------

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Tìm hiểu đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về bài thơ “Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà”)

a. Mục tiêu: Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và nắm chắc các yêu cầu cụ thể của mỗi phần, thấy được điểm giống và khác với đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1, 2. – GV có thể tổ chức hoạt động theo một trong hai phương án dưới đây:	

	<u>Phương án 1:</u> Làm việc chung cả lớp (1 em đọc bài văn trước lớp, sau đó GV hoặc 1 HS nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp). <u>Phương án 2:</u> Làm việc cá nhân (HS đọc thầm bài văn, tự trả lời từng câu hỏi, có thể viết câu trả lời vào phiếu học tập, đặc biệt là bài tập 1.c theo phiếu học tập, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị).	
a.	– GV nêu yêu cầu: Đọc đoạn văn và yêu cầu thứ nhất (yêu cầu a) viết dưới đoạn văn. – GV nêu cách thức thực hiện: + Làm việc cá nhân, đọc thầm, đọc lướt đoạn văn để xác định bố cục của đoạn văn. + Đối chiếu và thống nhất kết quả theo nhóm. Dự kiến câu trả lời: + Mở đầu: (Câu 1) Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nhận chung về bài thơ <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i>. + Triển khai: (Tiếp theo đến “Xúc động biết mấy!”) bày tỏ tình cảm, cảm xúc về cái hay, cái đẹp của ngôn từ, hình ảnh thơ và nội dung, ý nghĩa của bài thơ. + Kết thúc: Câu cuối, khẳng định lại một lần nữa ý nghĩa, giá trị của bài thơ và tình cảm đối với nhà thơ.	Làm việc chung cả lớp 1 HS đọc đoạn văn, yêu cầu a (Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và cho biết ý chính của mỗi phần) và thực hiện theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em nêu bố cục đoạn văn, các bạn khác nhận xét; cả nhóm thống nhất ý kiến hoặc đối chiếu kết quả với đáp án.
b.	– GV nêu câu hỏi b hoặc HS đọc câu hỏi b và các gợi ý trả lời: <i>Những điều gì ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động? (Bài thơ gợi lên bức tranh sống động; Bài thơ tả tiếng đàn thật hay;...)</i> – GV mời HS phát biểu/ chữa bài.	Làm việc theo nhóm Cùng nhau trao đổi để tìm và thống nhất câu trả lời cho câu hỏi. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 em phát biểu ý kiến

	– GV tập hợp các ý kiến phát biểu của HS và nêu những điều khiến tác giả thấy yêu thích bài thơ: + Bài thơ gợi lên những hình ảnh đẹp / bức tranh sống động (đưa dẫn chứng phù hợp) + Bài thơ tả tiếng đàn thật hay (đưa dẫn chứng phù hợp). + Mọi vật trong đêm trăng trên công trường gần gũi, thân thương (xe ủi, xe ben “sóng vai nhau nằm nghỉ”, những tháp khoan “nhô lên trời ngẫm nghĩ”,...). + Tình hữu nghị của bạn bè quốc tế (hình ảnh cô gái Nga và tiếng đàn ba-la-lai-ca ngân vang trên công trình thủy điện sông Đà),...	
c.	– GV nêu câu hỏi c hoặc HS đọc câu hỏi c: <i>Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào?</i> – GV hướng dẫn HS huy động những điều đã biết về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với một câu chuyện để tìm câu trả lời. – GV nhắc HS suy nghĩ tìm câu trả lời rồi trao đổi trong nhóm để thống nhất ý kiến. – GV chiếu đoạn văn trên màn hình để HS chỉ ra những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết đối với bài thơ. – GV nhận xét, tổng hợp và thống nhất đáp án. Dự kiến câu trả lời: + Những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với bài thơ: “ấn tượng đẹp”, “bức tranh sống động về đêm trăng”, “tả tiếng đàn thật hay”, “tình hữu nghị cao đẹp”, “Xúc động biết mấy!”... + Ngoài những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc, người viết còn thể hiện sự yêu thích của mình đối với bài thơ qua những chi tiết nói về vẻ đẹp ngôn từ trong bài thơ, âm thanh diệu kì của tiếng đàn, sự quyện hoà giữa ánh trăng vàng và dòng nước sông Đà,...	Làm việc chung cả lớp 2 – 3 em phát biểu ý kiến Làm việc theo cặp/ nhóm – Từng HS phát biểu ý kiến. – Cả nhóm góp ý/ bổ sung/ trao đổi để thống nhất ý kiến. Làm việc chung cả lớp Từng HS phát biểu ý kiến.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.)

a. Mục tiêu: Nêu được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn HS đọc thầm, đọc lướt đoạn văn ở bài tập 1, tìm thêm những điểm cần lưu ý, khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi theo nhóm/ lớp: – GV tổng hợp các ý HS đã phát biểu hoặc những nội dung cần nhớ khi viết đoạn văn nêu thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. Ví dụ: + Đoạn văn thường mở đầu bằng lời bày tỏ cảm xúc, sự yêu thích của người viết đối với bài thơ (nêu tên bài thơ, tên tác giả). + Các câu tiếp theo nêu cái hay, cái đẹp của bài thơ và cảm xúc, sự yêu thích của mình đối với bài thơ. + Đoạn văn có thể có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện. – GV chốt kiến thức với HS về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ, nhắc lại các ý trong Ghi nhớ.	– HS làm việc cá nhân: Đọc yêu cầu và các gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại đoạn văn ở bài tập 1, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – HS trao đổi nhóm hoặc trước lớp theo hướng dẫn của GV (có thể chọn những điểm mình cho là quan trọng nhất, cần lưu ý nhất). – Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. – HS đọc phần Ghi nhớ, nhắc lại các ý trong Ghi nhớ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Hoạt động vận dụng sau tiết Viết giúp HS nêu được những điều học tập được từ đoạn văn hiện tình cảm, cảm xúc về bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV có thể khích lệ HS thực hiện yêu cầu: Nếu điều em học tập được từ đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về bài thơ <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i> .	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: 1/ Đọc cho người thân một bài thơ viết cho thiếu nhi và chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó. 2/ Tìm đọc câu chuyện kể về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật (nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn,...). - GV khích lệ HS chia sẻ những gì đã đọc với người thân và bạn bè.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 25: + Đọc: <i>Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà</i>. + Luyện từ và câu: Biện pháp điệp từ, điệp ngữ. + Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. - GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 25. - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. - Dặn dò HS đọc trước Bài 26.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 26 TRÍ TƯỜNG TƯỢNG PHONG PHÚ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- Đọc hiểu: Nhận biết được sự kiện, đặc điểm nhân vật. Hiểu nghĩa của từ ngữ, chi tiết nói về niềm đam mê sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú của nhân vật Rô-linh thông qua lời kể của tác giả. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong cuộc sống, trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến.
- Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về câu chuyện đã đọc.

b. Viết

- Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ theo yêu cầu của đề bài.
- Biết cách sử dụng từ đúng ngữ cảnh.

2. Phẩm chất

- Biết duy trì và theo đuổi ước mơ.
- Có ý thức trân trọng những giá trị sáng tạo của cộng đồng.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa bài đọc; tranh ảnh (sưu tầm) về bộ truyện Ha-ri Pót-tơ và nhà văn Rô-linh để đọc hiểu tốt hơn bài *Trí tưởng tượng phong phú*.
- Tài liệu viết về những cống hiến của con người cho nhân loại nhờ niềm đam mê và trí tưởng tượng. Hoặc về sự thành công trong sự nghiệp sáng tác của tác giả Rô-linh.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

- 1 – 2 HS đọc 1 – 2 khổ thơ trong bài *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*. Mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Huy động được những tri thức, trải nghiệm có liên quan đến bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*;
- Có tâm thế, hứng thú, nhu cầu đọc hiểu bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao nhiệm vụ cho HS: + Mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu nêu trong mục Khởi động. + Yêu cầu HS quan sát tranh, xác định nhiệm vụ của hoạt động này: <i>Những hình ảnh minh họa bài đọc có gì thú vị? Chúng giúp em liên tưởng đến cuốn truyện hoặc bộ phim nào?</i> – Tổng hợp, nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm <u>Phương án 1</u>: 1 HS nhắc lại những ý kiến có sức thuyết phục. <u>Phương án 2</u>: GV tổng hợp các ý kiến của HS. Dự kiến câu trả lời: – Những điều thú vị gợi ra từ hình ảnh minh họa: + Chiếc chổi thần kì có khả năng bay trên cao. Không cần máy bay, chỉ cần chiếc chổi, thế là có thể bay được đến các vì sao. + Một con chim với dáng vẻ rất đặc biệt (gầy gò, mặt buồn, bộ lông màu trắng, chiếc mỏ sắc nhọn) đang đậu trên tay 1 cậu bé; cậu bé cũng rất đặc biệt với vết sẹo hình tia chớp trên trán, cặp kính mắt tròn xoe. Những chi tiết trên gợi cho chúng ta nghĩ ngay đến bộ truyện <i>Ha-ri Pót-tơ</i>/ bộ phim nhiều tập về nhân vật Ha-ri Pót-tơ. – Chiếu thêm một số tranh ảnh về các nhân vật trong truyện <i>Ha-ri Pót-tơ</i>, rồi liên hệ tới bài học.	Làm việc nhóm – Từng cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi: – Từng em nêu ý kiến, cả nhóm chuẩn bị câu trả lời của nhóm dựa trên ý kiến của từng cá nhân. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp



3.1. Luyện đọc

b. Tổ chức thực hiện:

[illegible]

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp	Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.
-----------------------------------	--

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết dựa vào chi tiết, sự việc để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; Thấy được rằng nhân vật thành công là nhờ niềm đam mê sáng tạo không ngừng nghỉ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	<i>Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:</i> – GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ. Ngoài ra, GV có thể tổ chức thực hiện hoạt động giải nghĩa từ vào lúc từ đó xuất hiện trong bước đọc thành tiếng của HS. Hoặc trong câu hỏi/ câu trả lời có xuất hiện những từ ngữ đó. Để HS hiểu rõ hơn từ ngữ, GV có thể sử dụng tranh ảnh minh họa. Ví dụ: + Giô-an Rô-linh (thường được biết đến với bút danh J.K Rô-linh): là một nhà văn, người Anh, tác giả của bộ truyện <i>Ha-ri Pót-tơ</i> nổi tiếng từng đoạt nhiều giải thưởng. + <i>Phấn khích</i>: phấn khởi do tinh thần được cổ vũ, khích lệ. – GV có thể chiếu 1 vài bức ảnh chụp cảnh trẻ em nô đùa, miệng cười tươi để minh họa thêm cho nghĩa của từ <i>phấn khích</i>. Để giúp HS hứng thú với nội dung bài đọc, GV có thể hỏi thêm: Ngoài ra các em có muốn biết thêm gì về nhà văn Giô-an Rô-linh? Ví dụ: GV chiếu ảnh nhà văn gắn với một số việc làm (làm từ thiện, giao lưu với trẻ em, làm đạo diễn...). Giô-an Rô-linh không chỉ là một nhà văn nổi tiếng mà bà còn là nhà từ thiện, nhà sản xuất phim. Bộ phim chuyển thể <i>Ha-ri Pót-tơ</i> do chính bà phê duyệt kịch bản và là nhà sản xuất của hai phần cuối.	– HS thực hiện

	<i>Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:</i> Tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây: <u>Phương án 1:</u> Cho HS thảo luận nhóm. <u>Phương án 2:</u> GV phát phiếu học tập cho HS, hướng dẫn cách thực hiện rồi mời HS trả lời từng câu hỏi.	<u>Phương án 1:</u> Làm việc theo nhóm HS thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. <u>Phương án 2:</u> Làm việc cá nhân – HS viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu học tập được giao. – 1 – 2 HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị.
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú?</i> – Hướng dẫn HS: Các em đọc kĩ đoạn 1, tìm từ ngữ giúp trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời: Thường nghĩ ra những chuyện khác nhau và kể cho em nghe; Chỉ cần nhìn thấy 1 chú thỏ là một câu chuyện mới nảy ra trong đầu. Chỉ là một câu chuyện, nhưng mỗi lần kể, cô bé lại thay đổi các chi tiết của chuyện.	Làm việc cá nhân Đọc đoạn 1, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trình bày kết quả trước nhóm. Cả nhóm thống nhất câu trả lời Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS phát biểu ý kiến. – Cả lớp nhận xét.
Câu 2	– Nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi. – Hướng dẫn HS đọc lại đoạn 1, dựa vào gợi ý trong sách để tìm những chi tiết giúp trả lời câu hỏi: <i>Cô bé Giô-an Rô-linh đã ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện ước mơ của mình?</i>	Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em nêu những từ ngữ, chi tiết tìm được. Nhóm thảo luận, thống nhất đáp án. Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp nhận xét.

	Dự kiến câu trả lời: Kể từ khi kể chuyện cho em gái nghe, mỗi lần kể, câu chuyện lại được cô bé tưởng tượng theo một cách khác nhau nên bị người em phản đối vì không giống với câu chuyện đã kể lần trước. Để không bị quên, cô bé nghĩ ra cách ghi lại câu chuyện của mình vào một cuốn sách. Ước mơ trở thành nhà văn của cô bé bắt đầu từ việc làm đó. – Liên hệ thực tế: Từ câu trả lời, dẫn dắt đến hoạt động liên hệ bài học với thực tế cuộc sống để HS nhận thấy ý nghĩa của thói quen ghi chép khi đọc sách, tham quan, dã ngoại,... Ví dụ: Cô bé Giô-an đã nuôi dưỡng ước mơ trở thành nhà văn bắt đầu từ việc làm rất đơn giản mà bất cứ một cô bé, cậu bé nào cũng làm được – ghi lại những câu chuyện do chính mình nghĩ ra. Vậy, <i>từ việc làm của cô bé Giô-an, em có suy nghĩ gì về ích lợi của việc tạo thói quen ghi chép?</i> – Tổng hợp ý kiến của HS, khen ngợi HS có nhận thức tích cực về ý nghĩa của thói quen ghi chép. Dự kiến câu trả lời: Thói quen ghi chép khi đọc sách, đi du lịch, tham quan, dã ngoại... sẽ giúp ta nâng cao kỹ năng viết văn, mở rộng vốn từ, không quên những điều quan trọng. Ngay cả khi nghe thầy cô giảng bài, việc chủ động ghi chép sẽ rèn cho chúng ta khả năng tập trung lắng nghe để quyết định nên ghi chép thông tin gì, nhấn mạnh ý chính trong nội dung bài giảng của thầy giáo, cô giáo.	Làm việc cá nhân Từng em chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi của GV. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét.
Câu 3	– Nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi: <i>Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào?</i> – Gọi ý HS cách thực hiện: Cá nhân đọc lại đoạn 2 chuẩn bị câu trả lời để phát biểu trước lớp.	Làm việc cá nhân Từng em chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét.

	Dự kiến câu trả lời: Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pót-tơ được hình thành trong một lần nhà văn ngồi trên tàu đi làm. Khi nhìn ra cửa sổ toa tàu, bất chợt nhà văn nghĩ đến một cậu bé có vết sẹo hình tia chớp trên trán cùng cặp kính cận tròn xoe. Thế là cả một thế giới pháp thuật hiện ra với những điều liên quan đến cậu bé: ngôi trường, bạn bè,... – Mở rộng nâng cao: Có thể hỏi thêm: <i>Theo em, ý tưởng hình thành nhân vật và câu chuyện Ha-ri Pót-tơ có gì thú vị?</i> Sau đó, tổng hợp ý kiến của HS, khen ngợi HS có tư duy suy luận tốt Dự kiến câu trả lời: Từ một chi tiết rất đơn giản: cậu bé có vết sẹo hình tia chớp trên trán, nhà văn liên tưởng, nghĩ đến một câu chuyện kì thú về nhân vật với cái tên Ha-ri Pót-tơ. Cậu bé Ha-ri Pót-tơ mồ côi cha mẹ. Vào ngày sinh nhật thứ 11, cậu biết mình có khả năng làm 1 phù thủy. Vì vậy, cậu theo học trường phù thủy để thực hành phép thuật dưới sự hướng dẫn của thầy hiệu trưởng tốt bụng An-bu. Cùng với những người bạn thân nhất của cậu là Oan-xơ-lê, Hơ-min-nơ, Harry đã dũng cảm đối đầu với chúa tể Vôn-đen, pháp sư bóng tối, kẻ đại diện cho thế lực hắc ám đã khiến cả thế giới phải khiếp sợ. Nhà văn quả là có một trí tưởng tượng thật phong phú.	Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.
Câu 4	– Nêu câu hỏi: <i>Câu chuyện “Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy” được bạn đọc đón nhận như thế nào?</i> Dự kiến câu trả lời: Câu chuyện <i>Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy</i> đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới. – Mở rộng: + Nêu câu hỏi: <i>Trước khi nổi tiếng, cuốn sách “Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy” đã có một số phận thế nào?</i>	Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét

	+ Tổng hợp ý kiến của HS, cung cấp thêm thông tin về sự ảnh hưởng của cuốn sách đến trẻ em trên toàn thế giới. Dự kiến câu trả lời: Trước khi nổi tiếng, cuốn sách <i>Hai-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy</i> đã bị 12 nhà xuất bản từ chối, không nhận lời in ấn bởi không ai tin cuốn sách, sẽ thành công. Tuy nhiên ngay sau khi ra mắt bạn đọc, <i>Hai-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy</i> đã trở thành một hiện tượng đặc biệt. Sức hút của cuốn sách tăng lên chóng mặt. Mỗi lần nhà văn xuất bản tập tiếp theo là một ngày hội đọc sách với cả trẻ em và người lớn trên toàn thế giới. Chẳng hạn, phần 7 bộ truyện <i>Ha-ri Pót-tơ</i> khi phát hành tại Anh, người ta đã bán được 2,5 triệu bản chỉ trong vòng 24 giờ. Có thể nói bộ truyện <i>Ha-ri Pót-tơ</i> đã khơi dậy niềm đam mê đọc sách cho trẻ em toàn thế giới. – Nêu câu hỏi liên hệ: Nêu câu hỏi: “<i>Số phận</i>” của cuốn sách “<i>Ha-ri Pót-tơ và hòn đá phù thủy</i>” gợi cho em suy nghĩ gì? – Tổng hợp ý kiến của HS. Khen HS có ý kiến hay, phong phú. Dự kiến câu trả lời: Khi gặp khó khăn, không được chùn bước, phải có niềm tin vào những việc mình làm và đặc biệt là không bao giờ được từ bỏ niềm hi vọng. Hãy cố gắng kiên trì theo đuổi ước mơ, niềm đam mê.	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét.
Câu 5	– Nêu câu hỏi: <i>Theo em, nhờ đâu nhà văn Giô-an viết được cuốn sách có sức hấp dẫn lớn đến như vậy?</i> – Tổng hợp ý kiến của HS. Tôn trọng những ý kiến khác biệt.	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét.

Dự kiến câu trả lời: Ý 1: Nhờ có niềm đam mê, sự cố gắng, không từ bỏ ước mơ dầu gặp nhiều gian nan, thử thách; Không được bằng lòng với những gì đạt được. + Nhờ sự nỗ lực không ngừng nghỉ, luôn kiên trì theo đuổi ước mơ. + Nhờ ý chí mạnh mẽ, dám nghĩ, dám theo đuổi ước mơ + Nhờ có trí tưởng tượng rất phong phú cùng niềm đam mê sáng tác, kiên trì theo đuổi ước mơ, không bỏ cuộc ngay cả khi bế tắc... – Có thể hỏi thêm: Câu “<i>Nếu không sáng tác, tôi sẽ không thể ngủ ngon.</i>” giúp em hiểu thêm điều gì về nhà văn Giô-an Rô-linh? (Khích lệ HS nói theo suy nghĩ, quan điểm của bản thân). Dự kiến câu trả lời: Với nhà văn Giô-an Rô-linh, viết truyện là công việc yêu thích./ Với nhà văn, sống đồng nghĩa với sáng tác./ Viết truyện đem lại cảm giác hạnh phúc cho nhà văn./ Với nhà văn, viết truyện/ sáng tác là một nhu cầu không thể thiếu, giống như nhu cầu ăn ngủ của con người....	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét.
--	---

3.3. Hoạt động: Luyện tập theo văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS rộng vốn từ *Trí tuệ*, biết dùng từ để đặt câu phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp. GV nên đóng vai trò là người quan sát, trọng tài mà không làm nhiệm vụ giảng dạy những kiến thức liên quan đến bài tập.	– HS đọc yêu cầu trong sách và tự thực hiện yêu cầu (theo hình thức học cá nhân/ cặp/ nhóm). – Sau thời gian làm bài được GV quy định, HS trình bày kết quả làm bài trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS rồi nêu nhận xét trước lớp.

Câu 1	Có thể tổ chức hoạt động này theo 2 cách sau: <u>Phương án 1:</u> Mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập: <i>Tìm nghĩa của các từ dưới đây: mơ tưởng, liên tưởng, ý tưởng, tưởng tượng</i> + Hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi: Đọc nội dung thông tin trong cột bên phải, sau đó đối chiếu với từ có trong cột bên trái để tìm sự phù hợp giữa từ với nghĩa của từ. + Các nhóm trao đổi sản phẩm và nhận xét chéo. – Mời 1 – 2 HS chốt lại đáp án đúng của bài tập. <u>Phương án 2:</u> Tổ chức cuộc thi <i>Nhanh tay, nhanh mắt</i> – Chọn người điều hành cuộc thi (lớp trưởng hoặc 1 thành viên của lớp) – Phổ biến luật chơi: + Bước 1: Các nhóm thảo luận, ghi kết quả tìm được vào thẻ. trắng. + Bước 2: các nhóm dán thẻ từ lên bảng. Nhóm thắng cuộc là nhóm có kết quả đúng, nhanh, trình bày đẹp. – Chốt đáp án, khen ngợi sản phẩm của các nhóm. Dự kiến câu trả lời: <i>Liên tưởng:</i> Nghĩ tới sự vật, hiện tượng nào đó có liên quan nhân sự việc, hiện tượng đang diễn ra. <i>Tưởng tượng:</i> Tạo ra trong tâm trí hình ảnh, những cái không ở trước mắt hoặc không hề có. <i>Mơ tưởng:</i> Mong mỏi, ước ao những điều xa vời không thực tế. <i>Ý tưởng:</i> Điều nảy ra, nghĩ ra trong đầu, thường chưa trọn vẹn.	<u>Phương án 1:</u> Làm việc theo nhóm đôi Từng em trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất đáp án. Làm việc chung cả lớp – Các nhóm trao đổi sản phẩm, nhận xét góp ý; điều chỉnh lại kết quả bài làm của nhóm mình, nếu cần thiết. – Lớp nhận xét theo tiêu chí đúng/ sai. <u>Phương án 2:</u> Làm việc theo nhóm – Người điều hành cuộc thi phát thẻ trắng cho các nhóm. – Các nhóm thảo luận, ghi kết quả vào thẻ. – Các nhóm lên bảng, dán thẻ từ. – Người điều hành và cả lớp nhận xét, bình chọn kết quả.
---------------------	---	--

Câu 2	– Mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập: <i>Chọn từ phù hợp ở bài tập 1 thay cho mỗi bông hoa trong những câu cho trước.</i> – Hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. – Quan sát hoạt động thảo luận của các nhóm. Lưu ý những nhóm có sản phẩm tốt hoặc chưa tốt để mời lên bảng trình bày; hỗ trợ nhóm gặp khó khăn khi thảo luận – Tổng kết, đánh giá kết quả của các nhóm. Có thể yêu cầu HS giải thích vì sao chọn từ A mà không chọn từ B (ví dụ: vì sao chọn từ <i>liên tưởng</i> mà không chọn từ <i>ý tưởng</i>; hoặc chọn <i>tưởng tượng</i> mà không chọn <i>mơ tưởng</i>) Dự kiến câu trả lời: a. Khi đọc truyện, tôi thường tưởng tượng mình là nhân vật chính. Việc đó giúp tôi hiểu rõ hơn cảm xúc và hành động của nhân vật. b. Bạn có thể chia sẻ với tôi những ý tưởng của bạn về buổi hội chợ của lớp được không? c. Ngắm nhìn những bông hoa hướng dương nở vàng rực trong vườn, tôi chợt liên tưởng đến hình ảnh mặt trời đang toả nắng. d. Hôm nay, cô giáo cho chúng tôi vẽ tranh. Tôi có ý tưởng vẽ một ngôi nhà trên cây. Tôi tưởng tượng đó là một ngôi nhà màu hồng, nhiều cửa sổ và có một cái cầu trượt dài.	Làm việc theo nhóm đôi Từng em trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất đáp án; ghi kết quả của bài tập vào vở hoặc giấy nháp. Làm việc chung cả lớp – Trao đổi sản phẩm, đối chiếu kết quả với nhóm bạn. Nếu cần hãy điều chỉnh kết quả của nhóm – Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả. Cả lớp nhận xét.
---------------------	---	--

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài đọc *Trí tưởng tượng phong phú*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu câu hỏi để khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc văn bản. Ví dụ: <i>Em hứng thú với chi tiết nào trong câu chuyện “Trí tưởng tượng phong phú”? Hãy giải thích.</i>	HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. Ví dụ: + Em thích chi tiết cô bé kể chuyện cho người em của mình nghe. Cô bé gán cho con ong vai trò của bác sĩ chữa bệnh bằng

	cách tiêm cho cô thở một mũi. Em cho rằng đó là liên tưởng hay, bất ngờ nhưng cũng rất hợp lí. Vì đặc điểm của ong là dùng vòi để hút nhụy hoa làm mật. + Em thích chi tiết cô bé Giô-an ghi lại những câu chuyện của mình vào cuốn sách. Sau này, em muốn trở thành một phóng viên, một nhà báo, vì thế em nghĩ mình cũng sẽ xây dựng thói quen ghi chép như nhà văn để rèn luyện năng lực học tập, năng lực làm việc cho tương lai. + Em nhớ mãi câu nói của nhà văn: “Nếu không sáng tác, tôi sẽ không thể ngủ ngon”. Qua câu nói này, em học được đức tính chăm chỉ lao động, niềm say mê với công việc của nhà văn. + ...
– GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.	

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Biết huy động những kiến thức, kĩ năng đã được học về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ để tìm ý theo yêu cầu của đề bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần ghi nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – GV nhận xét về những ý kiến của HS, từ đó giới thiệu nhiệm vụ của tiết học: Tiết học này nhằm giúp các em biết cách tìm ý, lựa chọn ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ	– HS làm việc nhóm: chia sẻ những điều đã biết về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – HS làm việc chung cả lớp: Nhiều HS phát biểu ý kiến.

2. Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu: HS biết cách lập dàn ý cho bài văn tả người đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Chuẩn bị	– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài, suy nghĩ lựa chọn 1 trong 2 đề bài đã cho. – GV mời một số HS nêu đề bài đã chọn và giải thích lí do chọn đề bài đó.	Làm việc cá nhân – HS thực hiện các yêu cầu của theo chỉ dẫn trong sách và hướng dẫn của GV: + Đọc lướt lại các bài thơ ở chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i> đã học hoặc bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên được đọc trong sách báo hay được nghe. + Lựa chọn đề bài. + Ghi ngắn gọn những điều yêu thích ở bài thơ. Làm việc chung cả lớp – 2 – 3 HS nêu đề bài đã chọn, bài thơ yêu thích và giải thích lí do chọn đề bài và bài thơ đó.
2. Tìm ý	– GV nhắc HS tìm ý cho đoạn văn theo những yêu cầu nêu trong Ghi nhớ ở tiết Viết của Bài 25. – GV quan sát HS làm bài, đọc phần tìm ý của một số HS để có cách hỗ trợ phù hợp.	Làm việc cá nhân HS đọc thầm hướng dẫn trong mục tìm ý và liệt kê các ý cần có trong đoạn văn; sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.
3. Góp ý và chỉnh sửa	– Hướng dẫn HS đọc soát và chỉnh sửa dàn ý đã viết. – GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.	– HS đọc soát ý đã tìm (theo hướng dẫn của sách), tự chỉnh sửa. – HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau. – HS bổ sung hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô, của các bạn.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Tự đánh giá kết quả làm bài của mình và của bạn dựa vào nội dung ghi nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

b. *Tổ chức thực hiện:*

– GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá dàn ý của mình và của bạn; đưa ra những phương án để chỉnh sửa, hoàn thiện.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* HS biết lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu (Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật).

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV yêu cầu HS chia sẻ về câu chuyện HS mang đến lớp, từ đó, hướng dẫn HS biết lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu.	HS chia sẻ câu chuyện trong cuốn sách, tập truyện mang đến lớp; đọc lướt và nêu nhận xét nội dung các câu chuyện có phù hợp với chủ điểm hay không.

2. Hoạt động 2: Thực hành (Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và ghi phiếu đọc sách.)

a. *Mục tiêu:* HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc thực hiện yêu cầu tìm đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, biết ghi chép những thông tin quan trọng. Từ đó, giúp các em rèn luyện và phát triển năng lực tự học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu yêu cầu: <i>Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.</i> – GV hướng dẫn HS: + Đọc gợi ý về các bộ môn nghệ thuật trong sách để biết câu chuyện mình lựa chọn có phù hợp với yêu cầu hay không.	Làm việc cá nhân – HS thực hiện yêu cầu 1, 2: + Đọc câu chuyện theo yêu cầu trong sách và theo hướng dẫn của GV.

+ Nếu các em đã đọc câu chuyện mang đến lớp thì có thể đổi cho bạn để đọc câu chuyện mới. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách (có thể viết thêm những nội dung khác theo ý thích). Lưu ý: GV nhắc HS đọc và ghi phiếu đọc sách không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn. – GV nhận xét những em thực hiện tốt hoạt động 1, 2.	+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách (có thể viết thêm những thông tin khác tùy theo nội dung sách báo đã đọc).
--	--

3. Hoạt động 3: Trao đổi

a. Mục tiêu: HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận, cách đánh giá của mình về các nhân vật, sự việc được nói tới trong câu chuyện đã đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Gọi HS đọc hướng dẫn trong sách rồi hướng dẫn HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo hướng dẫn đó. – Lưu ý HS: Có thể nói về người nghệ sĩ mình yêu thích, việc làm khiến em xúc động,...	– HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong sách. Ví dụ: + Tên câu chuyện, tên tác giả, nhân vật chính trong câu chuyện (tên, nghề nghiệp, đóng góp trong hoạt động nghệ thuật,...) + Kể tóm tắt câu chuyện, nêu sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,... + Nêu ấn tượng của em đối với tinh thần lao động, sáng tạo của những người nghệ sĩ hoặc sản phẩm nghệ thuật xuất sắc của họ. + Ý nghĩa, bài học bổ ích rút ra từ câu chuyện. + ... – Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin các bạn chia sẻ.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS: đọc yêu cầu Vận dụng: Trao đổi với người thân về một người làm nghệ thuật hoặc ý nghĩa của những tác phẩm nghệ thuật đối với cuộc sống.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu Vận dụng.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng. – GV nhắc HS chia sẻ các thông tin các em tìm hiểu được cho nhau.	Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu.
--	---

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 10: + Đọc: <i>Trí tưởng tượng phong phú.</i> + Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ + Đọc mở rộng: Đọc câu chuyện viết về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật và viết phiếu đọc sách theo mẫu – GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 10. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. – Dặn dò HS đọc trước Bài 27 – <i>Tranh làng Hồ.</i>	Làm việc chung cả lớp: Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 27 TRANH LÀNG HỒ (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ văn bản *Tranh làng Hồ* với ngữ điệu nhẹ nhàng, tha thiết, pha chút tự hào; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lý; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Nhận biết cấu trúc và các thông tin có trong văn bản. Nhận biết được những ý chính trong bài đọc, hiểu được thông tin chính về tranh làng Hồ – một dòng tranh dân gian độc đáo của vùng quê Bắc Bộ, di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia, biết phân chia bố cục của văn bản.

b. Viết

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
- củng cố lại kiến thức về biện pháp điệp từ, điệp ngữ; biết đánh giá tác dụng của điệp từ, điệp ngữ trong những tình huống cụ thể, từ đó vận dụng để tạo lập câu, tạo lập văn bản có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước.
- Hiểu và có ý thức tự hào về truyền thống và những di sản văn hóa của dân tộc.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo
- Tranh minh hoạ bài học.
- Video giới thiệu về tranh Đông Hồ.
- Bảng phụ có sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.
- Sách học sinh, vở, đồ dùng học tập.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu: Giúp HS cảm nhận được sự thú vị của những bức tranh Đông Hồ, khơi gợi hứng thú của HS để bước vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV cho HS xem clip và hỏi: <i>Em đã bao giờ nhìn thấy những hình ảnh này chưa? Em có cảm nhận gì về những bức tranh trong clip vừa xem?</i> – GV dẫn dắt vào bài. – Ghi tên bài.	– HS xem clip, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. – HS lắng nghe và ghi bài.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV hướng dẫn giọng đọc văn bản, biết nhấn giọng ở một một số từ ngữ tình huống liên quan tới thông tin quan trọng trong bài. – Gọi HS đọc bài. – Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để xác định bố cục: <i>Theo em, văn bản này có thể chia thành mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: + Đoạn 1: từ đầu đến <i>hóm hình và tươi vui</i> + Đoạn 2: <i>Phải yêu mến... bên gà mái mẹ</i> + Đoạn 3: phần còn lại. – Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>người nghệ sĩ tạo hình, khoáy âm dương, linh, màu trắng điệp ...</i> – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV nhận xét, tuyên dương.	– HS lắng nghe GV hướng dẫn đọc. – 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS đọc thầm văn bản, thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất ý kiến và trả lời. – 3 HS đọc nối tiếp. – HS luyện đọc những từ dễ phát âm sai. – HS đọc nối tiếp trong nhóm. – Đại diện một vài nhóm thi đọc

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết nội dung, ý nghĩa văn bản, hứng thú với nội dung bài đọc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS đọc thầm lại văn bản và thực hiện các nhiệm vụ sau: Câu 1. Thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: <i>Kể tên những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài?</i> Dự kiến câu trả lời: Những bức tranh làng Hồ được nhắc tới trong bài là tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ, tranh lợn ăn cây ráy, tranh đàn gà mẹ con. – HS kết hợp làm việc nhóm để thực hiện các câu hỏi 2, 3: Câu 2. <i>Hai bức tranh Lợn ăn cây ráy và Đàn gà mẹ con được miêu tả như thế nào?</i> Dự kiến câu trả lời: Bức tranh Lợn ăn cây ráy được miêu tả là có những con lợn mang khoáy âm dương rất có duyên; Bức tranh Đàn gà mẹ con được miêu tả là có đàn gà con tung bừng ca múa bên gà mẹ. (những từ ngữ miêu tả đặc sắc của tác giả: rất có duyên, tung bừng ca múa) Câu 3. <i>Kỹ thuật tạo màu của tranh làng Hồ có gì đặc biệt?</i> Dự kiến câu trả lời: Có 2 màu cơ bản trong tranh làng Hồ: màu đen và trắng. Màu đen được luyện bằng bột than, màu trắng làm từ bột của vỏ sò, vỏ điệp ở biển. Cả hai màu đều không pha bằng thuốc hay bột màu. – GV có thể hỏi mở rộng: <i>Em có nhận xét gì về cách tạo màu này?</i> Dự kiến câu trả lời: Cách làm này cho ra những màu sắc tự nhiên, không thật sắc nét mà nhẹ nhàng, giản dị, một loại màu sắc “rất Việt Nam”; chất liệu tạo màu dễ kiếm, không tốn kém, gần gũi với cuộc sống,...	– HS đọc thầm văn bản. – HS thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất ý kiến và báo cáo kết quả. – HS nghe câu hỏi, quan sát văn bản, thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất kết quả và báo cáo. – HS nghe câu hỏi, quan sát văn bản, thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất kết quả và cử đại diện nhóm báo cáo. – HS làm việc và trả lời.

– Giao HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi 4: <i>Tác giả biết ơn những người nghệ sĩ dân gian làng Hồ vì điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em?</i> Dự kiến câu trả lời: Ý A ở đoạn 1 Ý B ở đoạn 2 Ý C ở đoạn 3. Câu 5. HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi: <i>Nêu cảm nhận của em khi ngắm những bức tranh làng Hồ?</i>	– HS làm việc và trả lời được theo suy nghĩ của các em: – HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất ý kiến của nhóm và nêu ý kiến và lí giải. – Cả lớp nhận xét, đánh giá.
--	---

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

- a. *Mục tiêu:* Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.
- b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp. – Thi chọn người đọc hay nhất.	HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc.

5. Hoạt động 5: Củng cố

- a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.
- b. *Tổ chức thực hiện:* GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu: <i>Em thích bức tranh Đông Hồ nào nhất? Vì sao</i> GV chốt lại nội dung bài đọc,	Yêu cầu cần đạt: HS thể hiện được ý kiến, nêu được cảm nhận về bức tranh yêu thích. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Củng cố được những hiểu biết về biện pháp tu từ mà HS đã được tìm hiểu ở tiết trước; khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS						
– Tổ chức trò chơi Ai giỏi nhất? (HS đọc hai cột và tìm ra đáp án đúng): Nối ý ở cột A với ý ở cột B để có phương án đúng. <table><tr><th>A</th><th>B</th></tr><tr><td>Điệp từ, điệp ngữ là ...</td><td>nhấn mạnh nội dung được nói đến.</td></tr><tr><td>Điệp từ, điệp ngữ có tác dụng ...</td><td>biện pháp lặp lại từ ngữ.</td></tr></table> Dự kiến câu trả lời: Điệp từ, điệp ngữ là là biện pháp lặp lại từ ngữ. Điệp từ, điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh nội dung được nói đến. – GV chốt đáp án, nhận xét và tuyên dương HS tích cực, dẫn dắt vào bài và ghi tên bài lên bảng.		A	B	Điệp từ, điệp ngữ là ...	nhấn mạnh nội dung được nói đến.	Điệp từ, điệp ngữ có tác dụng ...	biện pháp lặp lại từ ngữ.	HS làm việc cá nhân, nghe yêu cầu, nhìn bảng và ghi đáp án; sau đó lên trình bày trên bảng hoặc đọc phương án của bản thân. Bạn nào trả lời nhanh nhất, đúng nhiều nhất thì là người giỏi nhất.
A	B							
Điệp từ, điệp ngữ là ...	nhấn mạnh nội dung được nói đến.							
Điệp từ, điệp ngữ có tác dụng ...	biện pháp lặp lại từ ngữ.							

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết và đánh giá được tác dụng các biện pháp điệp từ, điệp ngữ trong bài tập.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS															
Bài tập 1: – Cho HS làm việc nhóm để hoàn thiện phiếu học tập: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Phiếu học tập</th></tr> <tr> <th></th><th>Từ lặp</th><th>Tác dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a</td><td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>b</td><td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>c</td><td>.....</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table>		Phiếu học tập				Từ lặp	Tác dụng	a			b			c			– HS nghe yêu cầu, thảo luận với các thành viên trong nhóm. Nhóm trưởng nghe, thống nhất ý kiến, hoàn thiện vào phiếu, đọc lại cho cả nhóm 1 lượt rồi báo cáo kết quả của nhóm.
Phiếu học tập																	
	Từ lặp	Tác dụng															
a																	
b																	
c																	

– GV chốt đáp án, nhận xét và tuyên dương HS tích cực

Dự kiến câu trả lời:

a. Từ lặp: *ngủ yên*

Tác dụng: Lặp lại lời vỗ về của “cò mẹ” (ngủ yên), tạo nên âm hưởng của lời ru ngọt ngào, qua đó nhấn mạnh tình yêu thương của “cò mẹ” đối với con.

b. Từ lặp: *lá xanh, bông trắng, nhị vàng*

Tác dụng: làm nổi bật các bộ phận của hoa sen, phần nào cũng đẹp đẽ, từ đó nhấn mạnh vẻ đẹp bình dị mà thanh cao của loài hoa này.

c. Từ lặp: *thoắt cái*

Tác dụng: làm nổi bật sự thay đổi nhanh chóng của vạn vật.

Bài tập 2:

Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và hoàn thiện theo bảng sau:

Từ lặp	Tác dụng
.....	

Dự kiến câu trả lời:

Từ lặp	Tác dụng
<i>ai sẽ</i>	nhấn mạnh sự thiếu vắng của thế giới này nếu không có trẻ con

Bài tập 3:

Cho HS làm việc cá nhân theo các bước:

+ Đọc yêu cầu của bài.

+ Đọc lại các ngữ liệu ở bài tập 1 và bài tập 2 để chọn đoạn yêu thích.

+ Viết nháp.

+ Cho HS trình bày phần viết của cá nhân.

+ Lớp nhận xét và chọn những câu hay.

– HS nghe yêu cầu, thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất ý kiến và báo cáo kết quả.

– HS suy nghĩ độc lập và thực hiện yêu cầu.

3. Hoạt động 3: Mở rộng (có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng những hiểu biết của mình vào nhận biết, sử dụng từ đa nghĩa trong tình huống mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Nêu yêu cầu: Chỉ ra điệp từ, điệp ngữ trong bài thơ dưới đây. Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ đó. MƯA Mưa rơi tí tách Mưa nâng cánh hoa Hạt trước hạt sau Mưa gọi chồi biếc Không xô đẩy nhau Mưa rửa sạch bụi Xếp hàng lần lượt Như em lau nhà. Mưa vẽ trên sân Mưa rơi, mưa rơi Mưa dàn trên lá Mưa là bạn tôi Mưa rơi trắng xóa Mưa là nốt nhạc Bong bóng phập phồng Tôi hát thành lời... (Nguyễn Diệu) Dự kiến câu trả lời: Điệp từ, điệp ngữ: mưa, mưa rơi, mưa là. Các từ ngữ lặp đi lặp lại nhằm nhấn mạnh hình ảnh những hạt mưa rơi.	Làm việc nhóm – HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu. – Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày. – Cả lớp nhận xét, bổ sung.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Hoạt động 1: Chuẩn bị

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Mời HS đọc lại đề bài và hướng dẫn HS thực hiện: + Đọc lại các ý đã tìm ở hoạt động Viết ở Bài 26. + Đọc lưu ý trong sách, có thể điều chỉnh các ý đã tìm ở tiết học trước (về nội dung, về trình tự sắp xếp ý, về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ,...). + Đọc ví dụ trong sách để học tập cách sử dụng từ ngữ, câu văn giàu sức biểu cảm. – GV lưu ý HS vận dụng các cách thể hiện tình cảm cảm xúc khác nhau: bằng từ ngữ, câu văn biểu cảm, trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc hoặc thể hiện tình cảm, cảm xúc qua suy nghĩ, việc làm.	Làm việc cá nhân HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

2. Hoạt động 2: Viết

- GV có thể nhắc HS: HS làm bài cá nhân, đảm bảo đoạn văn có đủ 3 phần. Nên chú trọng vào việc biểu lộ/ thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ (Ví dụ: Từ ngữ độc đáo, hình ảnh đẹp, nhân vật đáng mến,...). Tạo được sự kết nối giữa các ý trong đoạn văn, có sự thống nhất giữa mở đầu và kết thúc.
- GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số bài viết điển hình.

3. Hoạt động 3: Đọc soát và chỉnh sửa

- HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn trong sách.
- HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy sưu tập những bức tranh Đông Hồ và nêu cảm nhận của bản thân về những nghệ nhân và những bức tranh Đông Hồ.</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, bạn bè; lắng nghe người thân, bạn bè trao đổi để mở rộng hiểu biết của bản thân.	Làm việc chung cả lớp Đọc yêu cầu Vận dụng. Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu.

CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + <i>Đã bao giờ em tới làng Đông Hồ để xem các nghệ nhân làm tranh chưa? Ngoài tranh Đông Hồ, em có biết ở đâu làm tranh dân gian nữa không? Hãy chia sẻ về loại hình tranh dân gian mà em biết.</i> + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

– GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước bài 28 – *Tập hát quan họ*. Học sinh có thể chuẩn bị một làn điệu dân ca để dùng trong bài học sau.

BÀI 28 TẬP HÁT QUAN HỌ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tập hát quan họ*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

– Đọc hiểu: Hiểu được nội dung và ý nghĩa của câu chuyện. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Giữ gìn những làn điệu dân ca quan họ là một cách để giữ gìn văn hoá truyền thống, nghệ thuật truyền thống của Việt Nam. Phân chia được bố cục văn bản.

b. Viết

– Biết viết, biết phân tích để đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ,...) để làm nổi bật tình cảm, cảm xúc của bản thân đối với một bài thơ cụ thể.

– Biết cách sử dụng dấu gạch ngang.

c. Nói và nghe

Giới thiệu được một môn nghệ thuật mà em yêu thích: điện ảnh, âm nhạc, sân khấu,...

2. Phẩm chất

– Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước

– Có ý thức tự hào về truyền thống và những di sản văn hóa độc đáo mà ông cha ta truyền lại cho đời sau.

– Biết yêu và biết bảo vệ thiên nhiên.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Tranh minh hoạ bài học, có thể tham khảo link giới thiệu về hát dân ca.

– Bảng phụ có sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS bộc lộ những cảm nhận ban đầu của bản thân về dân ca quan họ, khơi gợi trí tò mò, hứng thú để tạo tâm thế vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:* tham khảo các cách dưới đây:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> Cho HS xem tranh liên quan tới nội dung câu chuyện, cho các em phán đoán ý nghĩa của tranh rồi giới thiệu tranh và dẫn dắt vào bài.	<u>Phương án 1:</u> HS chia sẻ. 1– 2 HS nhận xét.
<u>Phương án 2:</u> Cho HS xem clip Giới thiệu dân ca quan họ Bắc Ninh, và yêu cầu các em nêu những điều mà mình được thấy, được nghe; sau đó GV nhận xét, dẫn dắt sang nội dung câu chuyện và giới thiệu bài học – GV giới thiệu vào bài.	<u>Phương án 2:</u> HS xem clip, chia sẻ những điều các em nghe và xem được.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản rồi gọi HS đọc bài. – Hỏi HS: <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến câu trả lời: + Đoạn 1: <i>Dạo ấy... của bà Trưỡng.</i> + Đoạn 2: <i>Tôi vẫn nhớ... dòng cuộn cuộn.</i> + Đoạn 3: <i>Sang hè... biết chừng nào!</i> Hướng dẫn HS cách đọc ngắt nghỉ ở những câu dài, ví dụ: <i>Điệu “Ngô lời” phải hát với giọng then thùng,/ e ấp,/ tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn,/ róc rách,/ từ từ,/ nhưng trong vắt,/ tinh khôi/ và hứa hẹn một dòng cuộn cuộn; Tôi vẫn mong ngóng đến ngày,/ điệp khúc đó sẽ được ngân lên/ bằng giọng hát của chính tôi, /chứ không chỉ vang lên trong tâm trí như khi ấy.</i>	– HS lắng nghe. – 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS nghe câu hỏi, quan sát văn bản, thảo luận với bạn bên cạnh, chốt ý kiến và trả lời.

– Gọi 3 HS đọc nối tiếp. – Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm. – GV nhận xét, tuyên dương.	– 3 HS đọc nối tiếp. – HS luyện đọc những từ ngữ dễ phát âm sai và những câu dài. – HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. Đại diện một vài nhóm thi đọc.
---	---

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết các chi tiết, sự kiện, ý nghĩa của văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giải thích nghĩa từ ngữ: + <i>Thượng nguồn</i>: đoạn đầu nguồn của một con sông hoặc suối (phân biệt với hạ nguồn). + <i>Lấy hơi, nhả chữ</i>: (kỹ thuật hát trong loại hình sân khấu) lấy hơi là dùng hơi thở đẩy âm thanh ra sao cho phù hợp với yêu cầu của bài hát. Nhả chữ là cách thể hiện khuôn miệng để phát ra rõ lời. + <i>Giã bạn</i>: từ giã bạn khi hội đã tan. + <i>Đau đầu</i>: trạng thái không yên lòng.	– HS đọc phần Từ ngữ dưới văn bản đọc và lắng nghe GV giải thích các từ ngữ khó. HS có thể tra từ điển để hiểu rõ nghĩa của từ hơn.
Câu 1. Cho HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi: <i>Các liền chị tập hát trong khung cảnh như thế nào?</i> Dự kiến câu trả lời: Các liền chị tập hát ở nhà bà Trưỡng trong khung cảnh rất thơ mộng: Đường vào nhà bà cong như cổ ngỗng, hai bên trồng hoa tầm xuân. Trước nhà có hồ rộng thả sen, có vườn trồng táo. Táo cổ thụ um tùm rợp bóng, táo chín vỡ thơm nức trên những phiến đá xanh xếp như bộ xa lông đồ sộ ngoài trời. Khi các chị tập hát vào mùa xuân, nắng ấm xuyên qua tàng cây rơi lổ đổ xuống thảm lá khô. Vào mùa hạ, các chị tập hát dưới đêm trăng, gió lùa từ hồ sen trước nhà thổi lên mát rượi.	– Lớp hoạt động nhóm trong 5 phút. – Đại diện 1 số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Câu 2. Cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: <i>Tìm những chi tiết miêu tả các liền chị lúc tập hát?</i> Dự kiến câu trả lời: Các liền chị chít khăn đen, má đỏ hồng, ngồi trên những phiến đá xanh, tập hát.	HS tìm chi tiết trong bài đọc để trả lời câu hỏi. 1 – 2 HS trả lời trước lớp. Lớp bổ sung, chốt đáp án.

Câu 3. HS thảo luận nhóm để thực hiện câu hỏi sau:

Bà Trưởng dạy các liền chị hát mỗi điệu quan họ dưới đây ra sao: Ngỏ lời, Thương nhau, Giã bạn?

Dự kiến câu trả lời:

Ngỏ lời: Hát với giọng then thùng, e ấp, tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi và hứa hẹn một dòng cuốn cuộn.

Thương nhau: Hát nồng cháy, thiết tha.

Giã bạn: hát với giọng lưu luyến, dùng dằng, đau đáu.

Câu 4. HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi 4 và điền vào bảng: *Những chi tiết dưới đây giúp em hiểu điều gì về nhân vật “tôi”?*

Chi tiết	Nhận xét
1. Ngày nào cũng đến nhà bà Trưởng nghe các chị tập hát quan họ	
2. Ngân nga mãi điệp khúc của điệu <i>Giã bạn</i> trong tâm trí	
3. Mong ngóng đến ngày chính mình được hát các giai điệu đó.	

Dự kiến câu trả lời:

Chi tiết	Nhận xét
1	Nhân vật “tôi” rất say mê các làn điệu quan họ.
2	Các làn điệu quan họ để lại rất nhiều tình cảm, cảm xúc trong lòng nhân vật “tôi”.
3	Ước mơ của nhân vật “tôi” là sau này sẽ hát và biểu diễn được các bài dân ca quan họ.

GV chốt: Nhân vật “tôi” rất yêu thích quan họ, mỗi lần nghe hát quan họ là nhớ mãi không quên. Niềm say mê các làn điệu quan họ đã biến thành ước mơ của nhân vật “tôi”: sau này sẽ được hát/ biểu diễn quan họ.

Câu 5. HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: *Dựa vào tranh minh họa và nội dung bài đọc, nêu cảm nhận của em về nghệ thuật hát quan họ.*

– HS thảo luận nhóm.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trả lời trước lớp.

– Lớp nhận xét, bổ sung, chốt đáp án.

– HS nghe câu hỏi, quan sát văn bản, thảo luận với bạn bên cạnh để thống nhất ý kiến và trả lời.

– 1 – 2 HS trả lời trước lớp.

– Lớp nhận xét, bổ sung, chốt đáp án.

– HS quan sát tranh minh họa, đọc lại văn bản và ghi lại cảm nhận của mình về nghệ thuật hát quan họ.

– 1 – 2 HS trả lời trước lớp.

– Lớp nhận xét, bổ sung, chốt đáp án.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản. – Giáo viên đọc mẫu. – Cho HS luyện đọc diễn cảm. – Tổ chức thi đọc diễn cảm trước lớp.	HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng. – 1 – 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc theo cặp. – 2 – 3 HS thi đọc diễn cảm.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện: GV chuyển giao câu hỏi và yêu cầu HS thực hiện vào bảng và câu trả lời:

Hoạt động của GV			Hoạt động của HS
Câu 1. HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức theo nhóm</i> để thực hiện câu hỏi: <i>Tìm trong và ngoài bài 2 – 3 từ cho mỗi nhóm: môn nghệ thuật, hoạt động nghệ thuật, người biểu diễn.</i> Dự kiến câu trả lời:			– HS thảo luận nhóm nhanh và ghi các từ tìm được vào bảng theo mẫu. Nhóm nào nhanh và được nhiều từ đúng nhất sẽ giành chiến thắng.
Môn nghệ thuật	Hoạt động nghệ thuật	Người biểu diễn	
hát dân ca	hát, múa,...	liền anh, liền chị...	
hát xoan	hát, múa	nghệ nhân	
múa rối nước	điều khiển con rối	nghệ nhân	
vẽ tranh Đông Hồ	lì, vẽ trên giấy dó	nghệ nhân	
chèo	hát, múa,...	diễn viên	
cải lương	nói, hát, múa, diễn xuất,...	diễn viên	
Câu 2. HS làm việc cá nhân để thực hiện câu hỏi: <i>Sử dụng 1 – 2 từ ngữ đã tìm được ở bài tập 1 để đặt câu giới thiệu một môn nghệ thuật truyền thống.</i> Dự kiến câu trả lời: Chèo là một môn nghệ thuật hình thành và phát triển ở các vùng đồng bằng Bắc Bộ của nước ta.			– HS nghe câu hỏi, suy nghĩ và trả lời.

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nêu được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ để có thể dựa vào đó nhận biết, đánh giá kết quả làm bài của mình.

b. Tổ chức thực hiện:

HS làm việc theo nhóm: Từng em nêu những điều đã biết / những điều cần nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đã học. Cả nhóm nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Đánh giá, chỉnh sửa bài viết

a. Mục tiêu: HS hiểu nhận xét của thầy cô giáo về bài làm của lớp và của mình. Từ đó, biết cách chỉnh sửa nhược điểm, phát huy ưu điểm.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu 1	– GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây: + Dựa trên kết quả quan sát từ hoạt động Viết ở Bài 27 và việc đọc bài làm của HS, nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm của HS trong lớp (có thể dựa theo các tiêu chí đánh giá nêu trong sách); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số HS tiêu biểu để khích lệ, động viên. + Khen ngợi những HS viết được đoạn văn hoặc câu văn hay, đúng yêu cầu và mời các em HS đó đọc trước lớp đoạn văn hoặc câu văn hay, thể hiện cảm xúc thực sự đối với bài thơ. + Nhận xét, động viên, khích lệ những HS có tiến bộ, có nhiều cố gắng. + ...	Làm việc chung cả lớp – Lắng nghe thầy cô nhận xét, có thể hỏi lại những điều mình chưa rõ. – HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô.
Yêu cầu 2	– GV nhắc HS đọc lại bài văn của mình và bảng yêu cầu/ tiêu chí về bài văn tả người trong sách, xác định những nội dung cần điều chỉnh/ sửa chữa/ bổ sung.	Làm việc cá nhân Dựa vào những tiêu chí nêu trong sách và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của đoạn văn đã viết.

	Gợi ý HS cách tìm nội dung chỉnh sửa: – Đọc lại đoạn mở đầu và kết thúc trong đoạn văn của mình để thấy có sự thống nhất và kết nối chưa. – Xác định đoạn văn đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc đối với bài thơ qua từ ngữ, câu văn nào. – ... – Viết lại những câu văn em muốn sửa cho hay hơn.	Làm việc nhóm – Trao đổi/ chia sẻ ý kiến tự đánh giá. – HS nêu phương án chỉnh sửa hoặc cách viết hay hơn.
Yêu cầu 3	– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý: + Đọc một số câu văn, đoạn văn tham khảo trong sách hoặc những câu văn, đoạn văn được thầy cô khen, có thể viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn. – GV có thể mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý; GV góp ý thêm. – GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phần đầu bài làm sau sẽ tốt hơn.	Làm việc cá nhân – Tham khảo câu văn, đoạn văn hay. – Viết lại câu văn, đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn. Làm việc chung cả lớp Một số HS đọc đoạn văn, câu văn mình chỉnh sửa, cả lớp nhận xét, góp ý.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Tự rút ra những lưu ý về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ để có thể viết được đoạn văn hay hơn khi được yêu cầu.

b. *Tổ chức thực hiện:*

– GV có thể khích lệ HS chia sẻ ý kiến của mình, ví dụ: đưa ra những phương án khắc phục hạn chế, phát huy điểm mạnh.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT EM YÊU THÍCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nhận biết được chủ đề sắp được giới thiệu (chương trình nghệ thuật em yêu thích); kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> GV giới thiệu 1 số bức tranh về một chương trình nghệ thuật; cho HS xem tranh và trả lời câu hỏi: <i>Những bức hình trên thể hiện hoạt động gì? Em có yêu thích chương trình nghệ thuật nào không?</i> <u>Phương án 2:</u> GV chiếu đoạn clip về một chương trình nghệ thuật, HS xem và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, đoạn clip vừa xem đã hoạt động gì? Em có yêu thích chương trình nghệ thuật nào không?</i> – GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài.	<u>Phương án 1:</u> HS xem tranh, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần thảo luận. <u>Phương án 2:</u> HS xem clip, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần thảo luận.

2. Hoạt động 2: Chuẩn bị

a. Mục tiêu: Giúp HS thực hiện các yêu cầu để chuẩn bị những nội dung sẽ thảo luận.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1: <i>Hãy kể tên chương trình văn nghệ mà em yêu thích với các bạn trong nhóm?</i> Câu 2: <i>Hãy thảo luận với nhóm và ghi những nội dung dự kiến trình bày.</i> Dự kiến câu trả lời: + Tên chương trình + Thời gian, địa điểm + Những tiết mục đặc sắc + Cảm nghĩ của em khi xem chương trình Câu 3: <i>Ngoài những ý kiến chung của nhóm, em còn có ý kiến riêng nào khác không?</i>	– HS nghe và trả lời. VD: buổi văn nghệ mừng tết Trung thu, đêm nhạc để quyên góp tiền từ thiện, vở kịch, buổi biểu diễn xiếc, buổi tham quan viện bảo tàng,... – HS trả lời theo ý kiến nhóm. – HS trả lời ý kiến riêng của các em nếu có.

3. Hoạt động 3: Trình bày

a. Mục tiêu: HS tiến hành trình bày theo những nội dung đã chuẩn bị trước đó.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV				Hoạt động của HS
– GV cho đại diện nhóm (cá nhân) trình bày sản phẩm đã chuẩn bị, các nhóm khác trong lớp nghe và diễn ý kiến cá nhân vào phiếu đánh giá dưới đây:				Đại diện các nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác nghe và diễn ý kiến cá nhân vào phiếu đánh giá.
Nhóm/ Cá nhân	Nội dung nói	Ngữ điệu, hình ảnh minh họa	Nhận xét	
.....				
.....				
.....				
.....				
– Quan sát phần thảo luận của các thành viên trong nhóm.				

4. Hoạt động 4: Đánh giá

a. Mục tiêu: HS tiến hành đánh giá trên cơ sở phần thảo luận của nhóm.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho cá nhân đại diện các nhóm nhận xét, đánh giá. – GV nhận xét, củng cố.	– HS thực hiện.

VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Em hãy tìm và thử hát một bài hát dân ca quan họ mà em yêu thích. Thử tìm hiểu xem nó thuộc làn điệu nào.</i> GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân và bạn bè.	Làm việc chung cả lớp: Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: + GV chiếu 1 đoạn clip ngắn về hội Lim, cho HS xem và trả lời câu hỏi: <i>Đoạn clip lớp mình vừa xem giới thiệu hoạt động văn hoá nào, ở đâu? Em ấn tượng với hình ảnh nào trong clip đó? Em muốn chia sẻ điều gì với bạn bè và người thân về hội Lim?</i> + Yêu cầu HS thảo luận nhóm và điền thông tin bài học vào sơ đồ. – GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước Bài 29 – <i>Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”</i>. Học sinh có thể chuẩn bị một tranh vẽ (tự vẽ hoặc sưu tầm) về ốc sên hoặc một câu chuyện về ốc sên để chuẩn bị cho bài học sau.	Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.

TUẦN 16

BÀI 29 PHIM HOẠT HÌNH “CHÚ ỐC SÊN BAY” (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. *Đọc:*

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng, rõ ràng toàn bộ văn bản *Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”*; biết ngắt, nghỉ hơi phù hợp; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút; Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản quảng cáo *Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”*, biết đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với mỗi phần trong văn bản quảng cáo.

– Đọc hiểu: Nhận biết được đặc điểm về nội dung chính của từng phần trong văn bản quảng cáo. Hiểu được thông tin của mỗi nội dung trong văn bản quảng cáo. Hiểu mục đích của văn bản quảng cáo phim: Giới thiệu cho nhiều người biết được nội dung, nghệ thuật của bộ phim và kích thích khán giả đến xem phim...

b. *Viết:*

– Nhận biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình.

- Nhận biết được kết từ: khái niệm, chức năng và cách sử dụng; vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu, tạo lập văn bản có kết từ phù hợp.

2. Phẩm chất

Biết lắng nghe, trao đổi, chia sẻ với người khác.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*, sưu tầm thêm một số văn bản quảng cáo phim, phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*.
- Phiếu học tập cho phần Tìm hiểu bài
- Bảng phụ viết sẵn/ in ra khổ lớn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc
- Các phiếu học tập trong phần Luyện từ và câu

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

GV cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Cho HS đọc lại đoạn 2 trong bài *Tập hát quan họ*
- Trả lời câu hỏi: Nêu cảm nhận của em về nghệ thuật hát quan họ.

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS bộc lộ cảm xúc của bản thân để có tâm thế vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS xem clip đoạn phim hoạt hình <i>Tia Chớp Nông Nổi – Chú ốc sên bay</i>, Phim Hoạt Hình 3D Việt Nam (thời gian 11 phút 13 giây, có thể cắt đoạn để bớt thời gian lại). – GV hỏi HS vài câu hỏi về bộ phim hoạt hình đã được xem, nhớ lại nội dung phim, những nhân vật yêu thích, chi tiết thú vị,...). – GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. – GV nhận xét ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài. Gợi ý: Mỗi bộ phim được sản xuất ra làm thế nào để mọi người biết và đến xem? Chúng ta hãy tìm hiểu điều đó qua bài đọc <i>Phim hoạt hình “Chú ốc sên bay”</i>.	HS xem clip đoạn phim hoạt hình <i>Tia Chớp Nông Nổi – Chú ốc sên bay</i>, ghi nhớ nội dung đoạn phim và trả lời câu hỏi của GV.

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản thông tin.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV gọi HS khá giỏi đọc, GV nhận xét. – GV đọc và lưu ý cho HS giọng đọc, các từ ngữ quan trọng trong văn bản. Đọc diễn cảm, giọng hào hứng, sôi nổi, phân biệt giọng đọc ở mỗi đoạn. – GV hỏi HS về cách chia đoạn: <i>Văn bản này chia làm mấy đoạn?</i> – Chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến... <i>chiếu phim Quốc gia</i> + Đoạn 2: <i>Nội dung hấp dẫn ... của ốc sên</i> + Đoạn 3: Phần còn lại. – GV hướng dẫn HS đọc (câu giới thiệu mở đầu, phần thông tin về hãng phim, tên phim, thời gian khởi chiếu, nơi khởi chiếu...) nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện, cảm xúc, gây chú ý trong bài đọc,... Ví dụ: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, ví dụ: <i>Hãng phim hoạt hình Việt Nam/ trân trọng giới thiệu bộ phim hoạt hình đặc sắc:/ “Chú ốc sên bay”.</i> <i>Một chú ốc sên/ có khát vọng bay đi khắp nơi/ để khám phá thế giới.</i> <i>Mỗi tập phim /(với độ dài 10 phút)/ kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình bay lượn,/trưởng thành và đạt được ước mơ của ốc sên.</i> – GV hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>đặc sắc, thoả sức, trưởng thành, quảng bá,...</i> – GV cho HS làm việc theo nhóm 3, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài. – Tổ chức cho HS thi đọc. – GV nhận xét, tuyên dương.	– HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS suy nghĩ để chia đoạn. 1 – 2 HS trình bày. Lớp nhận xét. – HS luyện đọc từ ngữ khó phát âm và những câu dài. – HS luyện đọc nối tiếp trong nhóm. Một vài nhóm thi đọc. Cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết thông tin (tên phim, thể loại phim, thời gian, địa điểm khởi chiếu), nội dung, kĩ xảo của bộ phim hoạt hình Việt Nam.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV			Hoạt động của HS
Câu 1. Trong tờ quảng cáo, những thông tin dưới đây về bộ phim được giới thiệu như thế nào?			Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.
Tên phim	Thể loại phim	Thời gian, địa điểm khởi chiếu	Làm việc nhóm – HS trao đổi trong nhóm, mỗi HS nêu ý kiến cá nhân rồi nhóm thống nhất ý kiến. – Đại diện nhóm trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. Cả lớp thống nhất câu trả lời.
– GV gọi HS đọc câu hỏi. – GV cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời: Tên phim được in màu cam, đậm, rõ, cỡ chữ to nhất, thể loại phim được giới thiệu ngay phần đầu trước tên phim. Thời gian, địa điểm khởi chiếu được in đậm ngay dưới tên phim.			
Câu 2. Tờ quảng cáo cho biết những gì về nội dung và kĩ xảo của bộ phim?			– 1 HS đọc câu hỏi 2. – HS thực hiện theo các bước sau: + Bước 1: HS đọc thầm lại bài đọc, suy nghĩ, tìm những thông tin trong bài để trả lời. + Bước 2: HS làm việc theo nhóm bàn (lần lượt từng em nêu ý kiến đã lựa chọn), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời, GV có thể hướng dẫn HS ghi nhanh ý chính vào nháp. + Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. – HS lắng nghe, nhận xét và cùng GV chốt đáp án.
Dự kiến câu trả lời: Về nội dung phim: Quảng cáo cho em biết nhân vật chính trong phim là một chú ốc sên. Chú ốc sên ấy được một nhà khoa học gắn cho đôi cánh để bay khắp nơi, khám phá thế giới; bộ phim có nhiều tập, mỗi tập dài 10 phút kể một câu chuyện nhỏ trong hành trình của ốc sên... Quảng cáo cũng đưa ra nhận xét về nội dung phim: hấp dẫn, dí dỏm. Về kĩ xảo của bộ phim: Quảng cáo cho biết bộ phim sử dụng kĩ xảo hoạt hình hiện đại, đó là công nghệ 3D với hình ảnh vô cùng chân thực, bắt mắt, sống động			

Câu 3. Theo em, những từ ngữ nào trong tờ quảng cáo có tác dụng gây ấn tượng thu hút khán giả? – GV cho HS thực hiện theo nhóm đôi: – GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến cá nhân về những từ ngữ gây ấn tượng nhất trong tờ quảng cáo. Dự kiến câu trả lời: vút bay như tia chớp, đặc sắc, hấp dẫn, dí dỏm, kĩ xảo hoạt hình hiện đại, giá vé đặc biệt ưu đãi,...	– HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm đôi rồi thống nhất ý kiến. – Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp – Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – Cả lớp thống nhất câu trả lời.
Câu 4. Nhận xét về hình thức trình bày của tờ quảng cáo? – GV yêu cầu HS quan sát và suy nghĩ về cách trình bày của tờ quảng cáo. – GV gọi một số HS phát biểu. – GV chốt đáp án.	– HS quan sát, ghi lại những suy nghĩ của cá nhân về cách trình bày của tờ quảng cáo. – Một số HS phát biểu, HS khác nhận xét, bổ sung.

3.3. Luyện đọc lại

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS đọc đoạn cần luyện đọc lại, gợi ý đoạn 2.
- + GV treo bảng phụ đoạn văn cần luyện đọc và hướng dẫn HS đọc diễn cảm.
- + HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo nhóm đôi.
- + Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp, bình chọn và tuyên dương người đọc hay nhất.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

KẾT TỪ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Khơi gợi trí tò mò, động não cho HS trước giờ học;
- Nối kết với bài được học nhằm kích thích sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện;

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khởi động tiết học bằng cách đặt câu hỏi: Kể tên những từ loại em đã học. – GV nhận xét và chốt lại. Dự kiến câu trả lời: Danh từ, động từ, tính từ, đại từ. – GV dẫn dắt vào bài (gợi ý): Hôm nay, các em sẽ được làm quen với một từ loại nữa, đó là kết từ. Vậy kết từ là gì? Chúng có đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ được biết qua bài học hôm nay.	– HS nhớ lại các từ loại đã học. – 1 – 2 HS trình bày. Cả lớp thống nhất đáp án.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS hình thành kiến thức nhận ra bản chất của kết từ là dùng để nối kết và nêu tác dụng trong từng ngữ cảnh; ghi nhớ kiến thức về kết từ.

b. Tổ chức thực hiện

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1, 2	Bài tập 1. Các từ in đậm ở đoạn văn được dùng để làm gì? – GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, đọc đoạn văn và nhắc lại 5 từ được in đậm: <i>do, vào, và, trong, của</i>. – GV cho HS làm việc nhóm đôi, giao nhiệm vụ: + Trao đổi về mục đích sử dụng của các từ in đậm. + Lí giải từng từ và mục đích của nó. (<i>Lưu ý: Khi đã nhận ra những từ đó được dùng để nối thì cố gắng nói rõ chúng nối cái gì với cái gì. Đây là một yêu cầu quan trọng giúp HS hiểu sâu về kết từ.</i>) Dự kiến câu trả lời: Các từ này dùng để nối: + Từ <i>do</i> nối <i>bức tranh sơn dầu</i> với <i>họa sĩ Trần Văn Cẩn sáng tác</i>. + Từ <i>vào</i> nối <i>sáng tác</i> với <i>năm 1943</i>. + Từ <i>và</i> nối <i>trong sáng</i> với <i>thơ ngây</i>. + Từ <i>trong</i> nối <i>một</i> với <i>những</i>. + Từ <i>của</i> nối <i>tác phẩm xuất sắc nhất</i> với <i>tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX</i>.	– HS đọc câu hỏi. – HS làm việc nhóm đôi, thực hiện theo hướng dẫn của GV. – Đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm nhận xét, góp ý cho nhau. Lớp thống nhất câu trả lời.

	=> GV kết luận: Bài tập này giúp các em nhận ra bản chất của kết từ là dùng để nối kết. Bài tập 2. Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu được nêu trong sách. – GV cho HS làm bài tập nhóm 4, cho các nhóm thi với nhau xem nhóm nào nhanh và đúng nhất thì đưa biểu tượng mặt cười, nhóm nào cần trợ giúp của GV thì đưa mặt méo. – GV giao nhiệm vụ cho HS: + Tìm các từ nối theo cặp ở mỗi câu. + Cố gắng xác định rõ cặp từ nối đó nối cái gì. – GV và HS cùng thống nhất đáp án (tùy từng đối tượng HS mà GV có thể giải thích sâu hơn). Dự kiến câu trả lời: Các cặp kết từ trong các câu là: Câu a: vì... nên... (biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả) Câu b: mặc dù... nhưng... (biểu thị quan hệ đối lập) Câu c: không những... mà còn... (biểu thị quan hệ tăng tiến) Câu d: nếu... thì... (biểu thị quan hệ điều kiện – kết quả) => GV kết luận: Các kết từ không chỉ dùng đơn lẻ mà có thể dùng thành từng cặp với nhau để nối.	– HS đọc câu hỏi.. – HS làm việc nhóm 4, thực hiện theo hướng dẫn của GV. – Đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm nhận xét, góp ý cho nhau. Lớp thống nhất câu trả lời.
Ghi nhớ	– GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 2 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình về kết từ? – Gọi 1 – 2 HS và GV tổ chức nhận xét, chốt lại kiến thức khái niệm kết từ trong Ghi nhớ ở sách. => GV kết luận: + Kết từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau như: và, với, hay, hoặc, vì, do, của,... + Có những kết từ dùng theo cặp (cặp kết từ) như: mặc dù... nhưng..., vì... nên..., nếu... thì..., không những... mà còn... – Gọi 1 HS khá giỏi trình bày lại (khuyến khích không nhìn sách đọc mà diễn đạt theo trí nhớ bằng lời nói tự nhiên).	– HS trình bày theo cách hiểu của bản thân. – HS khá giỏi trình bày.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Giúp HS vận dụng, luyện tập về kết từ, tìm/ viết được các kết từ phù hợp cho từng ngữ cảnh cụ thể.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 3, 4	3. Tìm kết từ phù hợp thay cho mỗi bông hoa – GV cho HS đọc yêu cầu đề bài. – Các nhóm đôi thảo luận và đưa ra đáp án. GV đưa những thẻ từ có hình 5 bông hoa và yêu cầu viết vào bông hoa các kết từ thảo luận – GV hỗ trợ các nhóm khi cần. – GV gọi nhóm được giao trả lời (bằng cách lấy những thẻ từ và ghi những kết từ vào bông hoa để dính vào từng vị trí bảng phụ trên bảng). – GV và HS cùng nhận xét và chốt lại đáp án. Dự kiến câu trả lời: a. Cậu thích xem phim hài hay xem phim hành động? b. Tranh Đông Hồ giản dị mà/ và tinh tế. c. Nếu bạn muốn chơi pi-a-nô thành thạo thì bạn phải kiên trì. d. Nhờ/ Vì khổ công tập luyện nên Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một danh hoạ kiệt xuất của thế giới. => GV kết luận: Các kết từ cần được dùng phù hợp trong từng ngữ cảnh khác nhau. Bài tập 4. <i>Viết 2 – 3 câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh, bức ảnh trong sách</i> (GV có thể linh hoạt cho HS sưu tầm ở nhà những bức tranh/ ảnh và đem lên lớp để thực hiện): – GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi. – HS trong nhóm nghe và góp ý cho bạn, bình chọn câu hay nhất. – GV mời đại diện các nhóm đọc phần bài làm của mình và chỉ ra các kết từ đã sử dụng.	– HS thực hiện theo yêu cầu của GV theo các bước: + Cá nhân đọc yêu cầu đề bài. + Nhóm đôi thảo luận và trả lời. – HS cùng tham gia nhận xét với GV. – HS thực hiện cá nhân và tiếp tục tiếp tục thảo luận nhóm đôi, góp ý cho nhau.

– GV tổ chức nhận xét, góp ý và bình chọn các câu viết/nói đúng và hay. – GV có thể đưa ra một ví dụ minh họa: Tác phẩm điêu khắc <i>Những người tắm biển</i> của Pi-cát-xô thật độc đáo. Ông thể hiện ý tưởng người đi tắm biển chỉ bằng các hình tam giác, hình chữ nhật hoặc hình tròn. Đây là sự sáng tạo của riêng ông, trừu tượng, khó hiểu nhưng hấp dẫn. (Kết từ: của, bằng, hoặc, nhưng) => GV kết luận: Dùng kết từ khiến các câu có sự nổi kết.	– HS chia sẻ sản phẩm của nhóm. – HS lắng nghe tích cực, tự đúc rút ra nhằm học hỏi từ bạn.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nói câu có vận dụng kết từ trong giao tiếp hằng ngày.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV cho HS thực hiện ở nhà với yêu cầu sau: Tự chọn một câu chuyện ngắn và kể lại cho người thân trong gia đình nghe, trong đó có sử dụng ít nhất 2 – 3 kết từ. => GV kết luận: Khi học, HS cần biết vận dụng vào thực tiễn đời sống.	– HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

a. Mục tiêu: HS biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1, 2	Bài tập 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Đọc thầm đoạn văn ở Bài 1. a. <i>Đoạn văn trên tập trung giới thiệu về nhân vật nào?</i>	– HS làm việc cá nhân (hoặc trao đổi nhóm 2)

Dự kiến câu trả lời: Đoạn văn tập trung giới thiệu về chú thỏ trắng, nhân vật chính trong bộ phim hoạt hình <i>Dưới một mái nhà</i>. b. <i>Xác định phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nêu nội dung của từng phần..</i> Dự kiến câu trả lời: Phần mở đầu: Từ đầu đến “được khán giả rất yêu thích”: Giới thiệu tên nhân vật, tên phim, tên đạo diễn phim; Phần triển khai: tiếp đến “tìm bạn trong đêm”: Giới thiệu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, tính cách, hoạt động,... của thỏ trắng qua kĩ thuật dựng phim hoạt hình; Phần kết thúc: tiếp đến hết: nêu ý nghĩa của bộ phim thông qua việc xây dựng nhân vật thỏ trắng. c. <i>Phần triển khai giới thiệu những đặc điểm nào của nhân vật thỏ trắng?</i> – GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời: Nhân vật thỏ trắng: – <i>Ngoại hình:</i> bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, đôi tai dài... – <i>Tính cách:</i> + Vui vẻ, cởi mở + Tốt bụng: Biết tin nhà nhím bị đổ, thỏ vội vã đến giúp đỡ, thỏ chạy như bay trong cơn dông bão, giữa tiếng gió ù ù để tìm nhím; thỏ đưa bạn về nhà, tận tình chăm sóc, sẵn lòng san sẻ với bạn thức ăn, chỗ ở, cùng bạn vượt qua mùa đông giá rét; + Bao dung: Khi nhím giận dỗi bỏ đi vì hiểu nhầm thỏ, thỏ không những không giận nhím mà còn tất tả đi tìm bạn trong đêm. d. <i>Những chi tiết nào trong đoạn văn giúp em nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình?</i> GV hướng dẫn HS thực hiện.	– Từng HS phát biểu ý kiến – HS khác nhận xét, bổ sung. – HS làm việc theo nhóm đôi, từng HS nêu ý kiến, trao đổi, thảo luận trong nhóm. – Đại diện các nhóm phát biểu trước lớp – HS thực hiện theo các bước sau: + Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp. GV có thể gợi ý HS đọc thầm lại nội dung phần triển khai, ghi vắn tắt lại những đặc điểm của thỏ trắng được giới thiệu trong phần triển khai,... + Bước 2: HS làm việc nhóm. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy dựa theo gợi ý trong sách, cùng trao đổi thảo luận phân biệt đặc điểm về ngoại hình, tính cách để hoàn thiện sơ đồ của cá nhân (hoặc sơ đồ chung của cả nhóm). + Bước 3: Dựa vào sơ đồ tư duy phát biểu ý kiến cá nhân trả lời câu hỏi đồng thời nêu dẫn chứng minh họa. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý và chốt đáp án. – HS đọc thầm lại đoạn văn, suy nghĩ tìm câu trả lời, trao đổi trong nhóm, cử đại diện nhóm phát biểu trước lớp.
--	--

Dự kiến câu trả lời: + Những chi tiết về âm thanh và hình ảnh: Hình ảnh được nhìn thấy trên phim: bộ lông trắng muốt, đôi mắt to, tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh, thỏ chạy như bay trong cơn dông bão,... Âm thanh nghe thấy: Giọng nói ồm ồm, câu nói “Tớ thì lại khoái nhất món này!”, tiếng cười giòn tan, tiếng gió ù ù,... + Những từ ngữ về phim hoạt hình: kĩ thuật vi tính hiện đại, màn ảnh, khán giả/người xem, đạo diễn. – GV có thể gợi ý để HS nói rõ hơn về từng cách giới thiệu nhân vật trong phim. e. <i>Những từ ngữ nào thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim?</i> – GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi. – GV có thể hỏi để HS tìm thêm những từ khác ngoài bài có nghĩa tương đương, có thể thay cho từ ngữ tác giả sử dụng. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã tìm được nhiều từ hay. Dự kiến câu trả lời: Từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim: <i>rất yêu thích, đáng yêu, vô cùng thích thú, đáng quý nhất, thật xúc động, ý nghĩa.</i> Bài tập 2. <i>Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.</i> <i>Dựa vào đâu để nhận biết đặc điểm nhân vật?</i> – GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong sách suy nghĩ, nêu ý kiến về các dấu hiệu để nhận biết đặc điểm nhân vật. – GV khích lệ và khen ngợi những HS nêu ý kiến đúng. <i>Làm thế nào để thể hiện rõ đây là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình?</i>	– HS đọc thầm lại phần triển khai, suy nghĩ, tìm câu trả lời của mình, sau đó phát biểu trước lớp. Làm việc nhóm – HS trao đổi trong nhóm, mỗi HS nêu ý kiến cá nhân rồi nhóm thống nhất ý kiến. – Đại diện nhóm trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. Cả lớp thống nhất câu trả lời.
---	--

	– GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong sách (2 ô xanh đầu tiên, nhớ lại những phim hoạt hình đã xem, suy nghĩ, trao đổi trong nhóm để nêu thêm: cách dựng khung cảnh với nhân vật, đặc điểm nổi bật của nhân vật, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, hình ảnh,...).	
Ghi nhớ	– GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 2 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình khi tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình? – GV cho HS làm việc theo nhóm đôi. – Gọi 1– 2 HS và GV tổ chức nhận xét, chốt lại kiến thức Ghi nhớ ở sách. => GV kết luận: Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình thường có 3 phần: Mở đầu, Triển khai, Kết thúc – Gọi 1 HS khá giỏi hoặc để các HS khác xung phong trình bày lại (lưu ý khuyến khích HS không nhìn sách đọc mà diễn đạt theo trí nhớ và cách hiểu bằng lời nói tự nhiên).	Làm việc nhóm đôi – HS trao đổi trong nhóm, mỗi HS nêu ý kiến cá nhân rồi nhóm thống nhất ý kiến. – Đại diện nhóm trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. Cả lớp thống nhất câu trả lời. – 1 HS khá giỏi trình bày.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS biết làm một tờ quảng cáo cho bộ phim yêu thích và hiểu hơn về một văn bản quảng cáo phim.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1. <i>Làm một tờ quảng cáo cho bộ phim em yêu thích.</i> – GV hướng dẫn cá nhân HS nhớ lại tờ quảng cáo phim đã được xem, bộ phim yêu thích để làm tờ quảng cáo, trưng bày sản phẩm trong nhóm hoặc trước lớp (tiết học sau). – GV cho HS trình bày ý tưởng, nội dung tờ quảng cáo đó (nếu còn thời gian), khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo.	HS lắng nghe tích cực và thực hiện.

Bài tập 2. Tìm đọc một bài giới thiệu phim.

- GV hướng dẫn HS tìm đọc bài giới thiệu phim và ghi lại tên, đặc điểm của nhân vật chính (hoặc nhân vật gây ấn tượng) trong phim.
- GV cho HS thực hiện ở nhà.

BÀI 30 NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Nghệ thuật múa ba lê*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;
- Đọc hiểu: Nhận biết bố cục và các thông tin trong bài đọc. Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản. Nhận biết được trình tự các sự việc thể hiện trong văn bản. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Múa ba lê là một môn nghệ thuật rất độc đáo và tinh tế;
- Đọc mở rộng: Tìm đọc được các bài giới thiệu phim, viết được phiếu đọc sách theo mẫu. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản.

b. Viết

Biết tìm ý cho bài văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

2. Phẩm chất

- Góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm.
- Biết yêu và biết lưu giữ những giá trị văn hóa của nhân loại.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo.
- Tranh minh họa cho bài học, video múa ba lê.
- Bảng phụ sẵn đoạn văn hướng dẫn luyện đọc.
- Sách học sinh, vở, đồ dùng học tập.

TIẾT 1- 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Giúp HS bộc lộ những ý kiến, cảm nhận của bản thân khi thấy hình ảnh múa ba lê; có tâm thế vào bài học mới.

b. *Tổ chức thực hiện:* tham khảo các cách dưới đây:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<u>Phương án 1:</u> cho HS quan sát tranh múa ba lê trong bài đọc, yêu cầu HS quan sát tranh và nêu cảm nhận của em về những điều nhìn thấy trong tranh (GV khuyến khích HS vừa chia sẻ vừa bộc lộ cảm xúc của bản thân), rồi dẫn vào bài đọc. <u>Phương án 2:</u> Cho HS xem clip các bạn nhỏ múa ba lê và yêu cầu các em nêu cảm nhận về clip đó rồi dẫn vào bài đọc. – GV giới thiệu vào bài.	– HS quan sát, miêu tả tranh. Gọi 1 – 2 HS nhận xét. Sau đó GV nhận xét ý kiến, giới thiệu tranh và dẫn dắt vào bài. – HS xem clip, nêu cảm nhận về điệu múa ba lê được thể hiện trong clip.

2. Hoạt động 2: Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS nhận biết giọng đọc, cách đọc, cách ngắt các câu đúng với nội dung văn bản.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV đọc mẫu, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ thể hiện ngữ điệu, tâm trạng của nhân vật trong văn bản. – Gọi HS đọc bài. – GV hướng dẫn HS xác định bố cục của bài. <i>Theo em, văn bản này có mấy đoạn?</i> Dự kiến trả câu hỏi: + Đoạn 1: Ba lê là... trong cuộc sống. ↓ + Đoạn 2: Trong các vở... thời gian dài. ↓ Đoạn 3: phần còn lại.	– HS lắng nghe GV – 1 – 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. – HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến và điền kết quả vào sơ đồ.

– Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn. – Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>rộng rãi, thể loại, nổi tiếng, Lọ Lem, vở ba lê, xoay người, chuẩn xác, mãnh liệt, khổ luyện,</i> – Dùng bảng phụ hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ ở câu dài: Ví dụ: <i>Nghệ thuật múa ba lê / được biết đến rộng rãi / thông qua những vở ba lê / – một thể loại vũ kịch / có sự kết hợp giữa kịch, / âm nhạc / và vũ đạo; Như trong vở Hồ thiên nga, / các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt / và chuẩn xác, / những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở / khiến khán giả có cảm giác / được ngắm nhìn một đàn thiên nga / đang lướt trên mặt hồ...</i> – Cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. – Tổ chức cho HS thi đọc. – GV nhận xét, tuyên dương.	– 3 HS đọc nối tiếp đoạn. – HS luyện đọc từ ngữ khó phát âm và các câu dài. – HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. – Đại diện một vài nhóm thi đọc. – Cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm/ cá nhân đọc tốt nhất.
--	--

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu bài

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết những thông tin về nghệ thuật múa ba lê, từ đó thể hiện tình cảm và sự trân trọng đối với môn nghệ thuật này thông qua nội dung văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS đọc thầm lại bài văn và làm việc cá nhân để thực hiện câu hỏi 1: Câu 1. Nghệ thuật múa được giới thiệu như thế nào? Dự kiến trả câu lời: Có nguồn gốc từ châu Âu, được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê – một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.	Làm việc cá nhân – HS đọc thầm lại văn bản và câu hỏi 1. – Đánh dấu những chi tiết giới thiệu nghệ thuật múa ba lê trong bài đọc. – 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Cả lớp thống nhất đáp án.
Câu 2. Tìm thông tin nói về nội dung của các vở ba lê? Dự kiến trả câu lời: Nội dung các vở ba lê (như Hồ thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng, Lọ Lem...) đều ca ngợi tình yêu, sự thánh thiện và ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp của con người.	Làm việc nhóm đôi HS thảo luận với bạn bên cạnh, thống nhất phương án và trả lời.

Câu 3: Trong các vở ba lê, người diễn viên thể hiện nội dung vở kịch bằng cách nào? Điều đó được thể hiện như thế nào trong vở <i>Hồ thiên nga</i>? Dự kiến trả câu lời: Người diễn viên dùng động tác múa (vũ đạo) để thể hiện nội dung thay cho lời nói. Trong vở <i>Hồ thiên nga</i>, các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác, những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở để thể hiện cảnh đàn thiên nga đang lướt trên mặt hồ; diễn viên chính đứng một chân xoay liên tục tới 32 vòng trên đầu mũi chân để diễn tả nhân vật đang mong muốn thể hiện sức mạnh một cách mãnh liệt.	Làm việc nhóm – HS đọc thầm văn bản, thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất ý kiến và cử đại diện báo cáo kết quả – Cả lớp thống nhất đáp án.
Câu 4. Theo em, vì sao diễn viên múa ba lê phải rất dày công khổ luyện? Dự kiến trả câu lời: Vì những động tác múa của ba lê rất đẹp mắt, tinh tế nhưng đồng thời cũng rất khó. Ví dụ như động tác xoay người thật chuẩn xác, thậm chí xoay đến 32 vòng, động tác đi nhẹ như lướt, động tác đứng trên đầu mũi chân,... Để thể hiện vừa chính xác vừa đẹp mắt những động tác đó, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong thời gian dài.	Làm việc cá nhân – HS đọc câu hỏi 4. Rà lại trong văn bản chi tiết liên quan đến nội dung câu hỏi. – 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Cả lớp thống nhất đáp án.
Câu 5. Sắp xếp các thông tin dưới đây theo trật tự trong bài đọc? Dự kiến trả câu lời: 1. Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê 2. Nội dung các vở ba lê 3. Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê. 4. Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay	Làm việc nhóm – HS thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất ý kiến và cử đại diện báo cáo kết quả – Cả lớp thống nhất đáp án.
Câu hỏi mở rộng: Qua những thông tin của bài, em có cảm nhận gì về môn nghệ thuật này? – Cho HS chia sẻ cảm nhận của cá nhân về nghệ thuật múa ba lê. Tôn trọng những ý kiến khác biệt. – GV nhận xét, tuyên dương.	Làm việc cá nhân – HS đưa ra cảm nhận của mình về môn nghệ thuật múa ba lê. – Một vài HS chia sẻ trước lớp.

4. Hoạt động 4: Luyện đọc lại

- a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện đúng văn bản sau khi tìm hiểu nội dung của bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS đọc lại văn bản. + Giáo viên đọc mẫu. + Cho HS luyện đọc nối tiếp. + Cho HS thi đọc trước lớp. Bình chọn người đọc hay nhất.	HS lắng nghe. – 1, 2 HS đọc lại. – HS luyện đọc. – 2 – 3 HS thi đọc. Cả lớp cùng GV bình chọn.

5. Hoạt động 5: Luyện tập sau văn bản đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
Tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh nhất? Câu 1. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Kết từ</th><th>Tác dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table> Dự kiến câu trả lời: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Kết từ</th><th>Tác dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>để</td><td>Biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích.</td></tr> <tr> <td>trong</td><td>Biểu thị quan hệ vị trí.</td></tr> </tbody> </table>	Kết từ	Tác dụng					Kết từ	Tác dụng	để	Biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích.	trong	Biểu thị quan hệ vị trí.	HS lập nhóm chơi trò chơi. Nhóm nào tìm từ nhanh, đúng và nhiều nhất sẽ giành chiến thắng
Kết từ	Tác dụng												
.....													
.....													
Kết từ	Tác dụng												
để	Biểu thị điều sắp nêu ra là mục đích.												
trong	Biểu thị quan hệ vị trí.												
Câu 2. Chọn kết từ thay cho bông hoa để hoàn thiện câu. Dự kiến câu trả lời: a. Mặc dù không dùng lời nói nhưng các nghệ sĩ múa ba lê vẫn thể hiện được nội dung vở kịch thông qua những vũ đạo đẹp mắt và điêu luyện. b. Vì múa ba lê là một môn nghệ thuật tinh tế, độc đáo nên ngày càng được nhiều người yêu thích.	HS làm việc cá nhân để thực hiện câu 2: 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Cả lớp thống nhất đáp án.												

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

a. Mục tiêu: HS biết tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuẩn bị	Đề bài: <i>Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem.</i> Bài tập 1. – GV giúp HS nắm được yêu cầu của đề bài. Có thể cho HS nêu lại phần Ghi nhớ ở tiết 1 (trang 152) – GV khuyến khích HS sử dụng sơ đồ tư duy khi thực hiện hoạt động này.	Làm việc cá nhân – Suy nghĩ lựa chọn bộ phim, tên nhân vật trong bộ phim hoạt hình đã xem. – Xác định nội dung giới thiệu về nhân vật (đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng ...) trong một tập phim hay cả bộ phim. Làm việc nhóm – HS chia sẻ trong nhóm tên phim, tên nhân vật đã lựa chọn. – HS trao đổi để xác định trình tự giới thiệu tên phim, tên nhân vật, ghi vào nháp hoặc bảng nhóm. – HS phát biểu trước lớp trình tự giới thiệu: (gắn bảng nhóm hoặc chiếu vở lên máy chiếu để trình bày). Giới thiệu tên phim, tên nhân vật. (Giới thiệu nhân vật qua đặc điểm ngoại hình, tính cách, hành động gây ấn tượng... trong một tập phim hoặc cả bộ phim).
Tìm ý	Bài tập 2 – Hướng dẫn HS viết dàn ý theo gợi ý. – GV khen những HS viết được phần dàn ý đầy đủ, trình tự rõ ràng, có ý sáng tạo của cá nhân. Dặn dò HS về nhà hoàn chỉnh, bổ sung phần dàn ý để tiết sau viết đoạn văn.	– HS đọc thầm lại phần gợi ý trong sách. – Dựa vào gợi ý HS viết dàn ý của cá nhân vào vở hoặc nháp. – Trao đổi với bạn cùng bàn phần dàn ý của mình. – HS trình bày phần dàn ý trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung.

Góp ý và chỉnh sửa	Bài tập 3 – GV có thể chiếu một bài của HS lên để HS nhận xét theo ba gợi ý trong sách. – GV chiếu một số bài làm tốt để giới thiệu cho HS học tập.	– HS hoạt động nhóm đôi, điều chỉnh (nếu có). + HS làm việc nhóm 2: đổi dàn ý cho nhau để góp ý, nhận xét. + HS sửa chữa, bổ sung bài làm theo góp ý của bạn.
---------------------------	--	---

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV Phát phiếu học tập (cá nhân về nhà làm): Em hãy tự chọn một bộ phim hoạt hình và thực hiện: a. Viết một đoạn văn giới thiệu nhân vật trong bộ phim đó. b. Chia sẻ đoạn viết đó với người thân trong gia đình.	HS nhận Phiếu học tập và nêu thắc mắc (nếu có).

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 30: + Đọc: <i>Nghệ thuật múa ba lê</i> . + Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình. + Đọc mở rộng: Tìm đọc một bài giới thiệu phim, viết phiếu đọc sách theo mẫu và trao đổi với bạn về bài giới thiệu đã đọc – GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 30. – GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. – Dặn dò HS đọc trước Bài 31 – <i>Một ngôi chùa độc đáo</i> .	Làm việc chung cả lớp: Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 31 MỘT NGÔI CHÙA ĐỘC ĐÁO (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng bài *Một ngôi chùa độc đáo*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng về chùa Một Cột, thể hiện niềm tự hào về công trình kiến trúc này.
- Đọc hiểu: Hiểu đặc điểm của văn bản thông tin, từ đó biết cách tiếp nhận văn bản thông tin (văn bản thông tin có chức năng truyền đạt thông tin, kiến thức; thường trình bày một cách khách quan, trung thực, không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng; qua văn bản, người đọc hiểu chính xác những gì được mô tả, giới thiệu.). Hiểu được vẻ đẹp độc đáo trong kiến trúc chùa Một Cột – di tích lịch sử – văn hoá vô giá của nước ta; biết thời gian xây dựng, địa điểm tọa lạc và nguồn gốc tên gọi của chùa Một Cột; hiểu được khả năng sáng tạo nghệ thuật của cha ông ta.

b. Viết

- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình.
- Nhận diện kết từ, sử dụng đúng kết từ trong những ngữ cảnh cụ thể để nối các từ ngữ, các vế câu với nhau.

2. Phẩm chất

- Phát triển phẩm chất yêu nước, yêu cảnh đẹp quê hương, đất nước; tự hào về truyền thống văn hóa Việt Nam.
- Trân trọng và có ý thức giữ gìn các di tích lịch sử, văn hoá trên quê hương.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa bài đọc *Một ngôi chùa độc đáo* (tranh ảnh trong SGK và sưu tầm); Tranh ảnh cho phần Khởi động (trong bài hoặc sưu tầm thêm): Toà nhà Uốn éo (Ba Lan) với hình ảnh ngôi nhà méo mó, Toà nhà Longaberger (Ohio, Mỹ) trông như chiếc làn, Nhà hát Sydney (Úc) có mái hình vỏ sò, Sân vận động Quốc gia Bắc Kinh (Trung Quốc) hệt một cái tổ chim,..

			
Toà nhà Uốn éo, Ba Lan	Toà nhà Longaberger Ohio, Mỹ	Nhà hát Sydney, Úc	Sân vận động Quốc gia Bắc Kinh, Trung Quốc

- Tranh ảnh minh hoạ nghĩa của từ trong bài đọc – nếu có. Ví dụ: tranh ảnh *lưỡng long chầu nguyệt, kỉ lục* (châu Á),...
- Tài liệu về chùa Một Cột, giúp HS hiểu thêm về bài đọc.
- ...

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

Trước khi vào bài mới, GV có thể cho HS ôn lại bài cũ qua các yêu cầu:

- Nêu lại những điều đã biết về múa ba lê qua bài *Nghệ thuật múa ba lê*.
- Chia sẻ: Em thích nhất thông tin nào trong bài đọc này? Vì sao?

Hoặc: Kiểm tra sự chuẩn bị bài mới của HS. (Giờ học trước, yêu cầu HS sưu tầm hình ảnh những công trình kiến trúc có vẻ ngoài độc đáo, kì lạ ở Việt Nam hay thế giới.)

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Khơi gợi những hiểu biết về một số công trình kiến trúc nổi tiếng bởi sự độc đáo, lạ kì; có tâm thế hào hứng đón nhận bài đọc mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Giao nhiệm vụ đã nêu ở phần Khởi động – Đưa tranh ảnh Khởi động và hướng dẫn HS trao đổi nhóm để tìm ra điểm độc đáo của mỗi công trình kiến trúc (trong tranh ảnh). – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.	– 1 HS đọc yêu cầu khởi động. – HS thực hiện theo hướng dẫn: + Quan sát hình dáng của mỗi công trình xem có điểm nào đặc biệt; so sánh với công trình bình thường khác. + Trao đổi trong nhóm 4. + Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– Nhận xét ý kiến của HS và chốt: Mỗi công trình đều độc đáo ngay ở hình dáng bên ngoài. Bảo tàng Hà Nội (Thành phố Hà Nội) có hình tháp ngược (trên to, dưới nhỏ); Nhà hát Đố (Khánh Hoà) có hình cái đố bắt cá; Nhà hát Cao Văn Lầu (Bạc Liêu) hình cái nón. – Giới thiệu bài đọc <i>Một ngôi chùa độc đáo</i> (Ví dụ: Bài đọc giúp các em hiểu về kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột, thấy được giá trị văn hoá của công trình này đối với người Việt Nam và bạn bè trong khu vực.).	– Lắng nghe.
---	--

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. *Mục tiêu:* Đọc cả bài với ngữ điệu phù hợp với văn bản thông tin. Đọc to, rõ ràng, không cần diễn cảm. nhưng biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng về chùa Một Cột, thể hiện niềm tự hào về công trình kiến trúc này.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Đọc mẫu cả bài (đọc to, rõ ràng, không cần diễn cảm); có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trong bài. – Hướng dẫn luyện đọc đúng: + Yêu cầu HS tìm và đọc từ ngữ khó phát âm. + Gọi 1 – 2 HS đọc. + Nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS (quan tâm đến những HS hay mắc lỗi phát âm). + Lưu ý HS ngắt giọng với câu dài. Ví dụ: <i>Năm 2012,/ chùa được Tổ chức Kỷ lục châu Á/ xác nhận là/ “Ngôi chùa/ có kiến trúc độc đáo/ nhất châu Á”.</i> + Gọi 1 – 2 HS đọc câu dài. + Nhận xét, khen ngợi cách ngắt giọng đúng. Hướng dẫn đọc nối tiếp: + Chia bài đọc thành 4 đoạn và nêu nội dung từng đoạn:	– Nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo để sơ bộ nắm được những thông tin thú vị nhất hoặc gây ấn tượng nhất đối với mình. – Tìm từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. (Ví dụ: <i>độc nhất, giá đỡ, vững chãi, cổ kính, rồng châu,...</i>) và luyện đọc cá nhân. – 1 – 2 HS đọc. – Tập phát âm từ khó và ngắt giọng đúng ở những câu dài. – 1 – 2 HS đọc lại câu dài trước lớp.

Đoạn 1: từ đầu đến <i>chùa Một Cột</i> (giới thiệu chung về chùa Một Cột). Đoạn 2: Tiếp theo đến gọi là <i>Liên Hoa Đài</i> (nói về nét độc đáo của ngôi chùa, kết hợp giải thích cái tên Một Cột, Liên Hoa Đài). Đoạn 3: Tiếp theo đến <i>hồ nước yên bình</i> (nói về nét cổ kính của chùa Một Cột). Đoạn cuối: còn lại (ca ngợi giá trị văn hoá của ngôi chùa). + Gọi 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn của bài đọc. + Hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lại bài. – Nhận xét việc đọc của cả lớp.	– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. – Cá nhân đọc nhắm toàn bài một lượt.
--	---

2.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* Biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu. Hiểu về chùa Một Cột với các thông tin: địa điểm tọa lạc, thời điểm được xây dựng, nguồn gốc tên gọi, kiến trúc độc đáo, giá trị lịch sử, văn hóa,...). Hiểu được những thông tin mà tác giả muốn chuyển tải qua bài đọc *Một ngôi chùa độc đáo*.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ: + Cho HS đọc từ ngữ được chú thích trong SGK. + Yêu cầu HS chỉ ra những từ ngữ khác mà các em chưa rõ nghĩa. + Đưa tranh ảnh minh họa nghĩa từ ngữ (nếu cần). + Nhận xét và chốt nghĩa từ ngữ. Ví dụ: <i>độc nhất vô nhị</i> (có một mà không có hai, rất hiếm), <i>hai con rồng chầu mặt nguyệt</i> (đôi rồng uốn lượn đối diện nhau, mặt trăng ở giữa; còn gọi là “lưỡng long chầu nguyệt”; biểu thị sức mạnh thiêng liêng; thường được trang trí nơi đình, chùa.), <i>kỉ lục</i> (thành tích cao nhất, trước nay chưa đạt được),...	– Đọc mục Từ ngữ trong sách để hiểu nghĩa của các từ ngữ: <i>ngự, Liên Hoa Đài</i>. – Chỉ ra từ ngữ khác mà bản thân chưa rõ nghĩa. Ví dụ: <i>độc nhất vô nhị, kỉ lục</i>,... – Quan sát tranh (nếu có). – 1 – 2 HS nêu nghĩa của từ.
– Hướng dẫn HS trả lời các câu nêu ở cuối bài đọc. Câu 1. <i>Chùa Một Cột ở đâu và được xây dựng vào năm nào?</i> – Nêu câu hỏi 1 (hoặc gọi HS đọc câu hỏi 1). – Hướng dẫn HS xem lại đoạn 1, suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.	– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1. – Xem nhanh đoạn 1, suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

- Gọi 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp.
- Nhận xét và chốt câu trả lời: Địa điểm của chùa: quận Ba Đình, trung tâm Thủ đô Hà Nội. Năm xây dựng chùa: 1049, thời vua Lý Thái Tông.

Câu 2. *Vì sao chùa có tên là Một Cột và Liên Hoa Đài? Theo em, điều gì khiến chùa Một Cột được xem là “ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”?*

- Gọi 2 HS đọc câu hỏi 2.
- Yêu cầu HS đọc nhanh đoạn 2 và 3.

Có thể triển khai nội dung câu 2 theo 2 phương án:

Phương án 1:

- Tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm 4 và thống nhất câu trả lời. Khuyến khích HS trả lời câu hỏi qua cách diễn đạt riêng.
- Mời đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.
- Đánh giá và ghi nhận những câu trả lời đúng, diễn đạt rõ ràng.

Phương án 2:

- Tổ chức cho HS đóng vai (theo nhóm 4): đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với du khách về những cái tên của chùa Một Cột và lí do chùa được xem là “ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”. Lưu ý: Kết hợp sử dụng tranh ảnh minh họa, có cử chỉ, điệu bộ phù hợp...
- Quan sát các nhóm HS, tìm 1 – 2 nhóm làm tốt việc đóng vai để mời đại diện lên trình bày.
- Khen ngợi HS đóng vai giỏi nhất.
- Chốt lời giới thiệu đúng và hay về chùa Một Cột. Ví dụ: Đây là chùa Một Cột ở Thủ đô Hà Nội. Chùa có tên Một Cột vì chùa được đặt trên cột đá tròn duy nhất. Chùa còn có tên Liên Hoa Đài vì chùa có hình đoá sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước. Chùa Một Cột được xem là “ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á” vì ở châu Á, không ngôi chùa nào có kiến trúc độc đáo: đặt trên một cột đá tròn, có hình đoá sen – quốc hoa của Việt Nam).

- 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp. HS khác nhận xét.

- 2 HS đọc câu hỏi 1.
- Xem lại đoạn 2 và 3.

Phương án 1:

- Trao đổi nhóm 4, thống nhất câu trả lời.
- Đại diện 2 – 3 nhóm nêu ý kiến trước lớp.

Phương án 2:

- Đóng vai hướng dẫn viên du lịch (tập trong nhóm 4) để giới thiệu về nguồn gốc những cái tên Một Cột, Liên Hoa Đài và lí do chùa được xem là “ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất châu Á”.
- Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp. Lớp bình chọn người giới thiệu đúng nhất, hay nhất.

Câu 3. Trong bài đọc, em ấn tượng nhất với thông tin nào? Vì sao? – Nêu câu hỏi 3. – Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: + Xem nhanh lại bài đọc, tìm thông tin mình thấy có cảm xúc hay suy nghĩ nhiều nhất sau khi đọc được. + Trao đổi trong nhóm 4. – Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày. – Nhận xét, khen ngợi nhóm HS thảo luận tích cực và ghi nhận những chia sẻ tự nhiên, chân thực, cách lí giải phù hợp. (Ví dụ: Ấn tượng với thông tin chùa ngự trên một cột đá tròn. Vì thông tin này giúp em thấy rõ nét riêng biệt của chùa Một Cột. Trong khi các chùa khác có nhiều cột và cột được làm bằng gỗ./ Ấn tượng với thông tin chùa tựa đoá sen khổng lồ vươn lên từ mặt nước, bình yên đón ánh mặt trời. Vì thông tin này giúp em hình dung về một ngôi chùa rất đẹp, thanh tĩnh, thấy được tài năng và cốt cách dân tộc của những nghệ nhân xưa./...)	– Xem nhanh lại bài đọc, tìm thông tin mình thấy ấn tượng nhất và lí giải vì sao ấn tượng. – Cá nhân chia sẻ theo nhóm 4 về ý kiến của mình. Nhóm góp ý. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. – Lớp nhận xét.
Câu 4. Tóm tắt bài đọc theo gợi ý. – Gọi HS nêu yêu cầu của câu 4. – Hướng dẫn HS tóm tắt: + Xem lại bài đọc. + Dựa vào gợi ý để tóm tắt. + Cá nhân suy nghĩ và tự tóm tắt bằng lời. + Trao đổi theo nhóm 4. – Khuyến khích HS tóm tắt ngắn gọn, diễn đạt theo cách cảm nhận, suy nghĩ riêng. – Nhận xét và ghi nhận những tóm tắt hợp lí. (Có thể hướng dẫn HS tóm tắt bằng sơ đồ tư duy: HS tự vẽ, hoặc vẽ tiếp để hoàn thiện sơ đồ tư duy đã có trong phiếu bài tập.).	– Gọi HS nêu yêu cầu của câu 4. – Xem lại bài đọc. – Dựa vào gợi ý, nêu lại các thông tin một cách ngắn gọn, trung thực (so với văn bản đọc). – Suy nghĩ và tự tóm tắt. – Trao đổi theo nhóm 4 để được góp ý, hoàn thiện bài tóm tắt. – Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

Câu 5. Bài đọc nói với chúng ta về điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Kiến trúc độc đáo của chùa Một Cột.

B. Nguồn gốc những cái tên của chùa Một Cột.

C. Những thông tin thú vị liên quan đến chùa Một Cột.

D. Giá trị văn hoá của chùa Một Cột trong đời sống chúng ta.

– Gọi 2 HS đọc và nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

– Hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của câu 5:

+ Xem lại toàn bài đọc, cá nhân suy nghĩ và chọn câu trả lời.

+ Trao đổi ý kiến theo nhóm 4.

– Gọi đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– Đánh giá kết quả trình bày, ghi nhận các phương án lựa chọn (1 trong 3 câu trả lời A, B, C), khen ngợi những câu trả lời sáng tạo, hợp lí, thể hiện quan điểm cá nhân (Ví dụ: Bài đọc nói với chúng ta về nghệ thuật kiến trúc của người Việt/ khả năng sáng tạo của người Việt/ vẻ đẹp của những công trình xây dựng trên đất nước ta,...).

– 2 HS đọc và nêu yêu cầu của câu hỏi 5.

+ Xem lại bài đọc, suy nghĩ, chọn câu trả lời.

+ Trao đổi theo nhóm 4 để thống nhất, tổng hợp câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến.

2. 3. Luyện đọc lại

Làm việc chung cả lớp: 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc. HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau. GV đánh giá chung về kết quả đọc của HS.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Từ việc trực tiếp tham gia một nhiệm vụ học tập, HS hiểu sâu thêm về nội dung bài đọc, biết gắn bài đọc với cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS: <i>Sưu tầm tranh ảnh về chùa Một Cột và nêu suy nghĩ về một tác phẩm (trong số đó) mà em thấy yêu thích.</i> – Khuyến khích HS chia sẻ tranh ảnh và trao đổi với nhau những thông tin mới, thú vị về chùa Một Cột mà HS tìm hiểu thêm được.	– HS thực hiện nhiệm vụ sưu tầm theo hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi. Có thể sưu tầm qua sách vở, qua internet,... – Trao đổi với nhau những thông tin mới, thú vị về chùa Một Cột.

TIẾT 3

LUYỆN TỪ VÀ CÂU LUYỆN TẬP VỀ KẾT TỪ

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Ôn tập lại bài đã học về Kết từ; nối kết với bài được học và khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể khởi động tiết học bằng cách ôn lại bài cũ với hoạt động Vận dụng ở nhà (tuần 16, bài 29): <i>Tự chọn một câu chuyện ngắn và kể lại cho người thân trong gia đình nghe, trong đó có sử dụng ít nhất 2 – 3 kết từ.</i> – GV gọi ngẫu nhiên hoặc cho HS xung phong chia sẻ. – GV tổ chức nhận xét và đánh giá chung. – GV dẫn dắt vào bài và ghi bài trên bảng.	– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý. – HS lắng nghe. – HS ghi bài vào vở

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Mục đích của bài tập này là giúp HS: luyện tập việc sử dụng kết từ, luyện cho HS khả năng sử dụng kết từ để nối các từ ngữ trong một đoạn văn cụ thể; thực hiện đúng khi viết tiếp các câu trong sách với mỗi kết từ cho sẵn.

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1, 2, 3	1. Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chỉ ra các kết từ trong mỗi câu. – GV gọi 1– 2 HS đọc câu hỏi – GV cho HS làm việc nhóm đôi, giao nhiệm vụ: + Đọc kĩ các dữ liệu cho sẵn ở 2 cột A và B (thực chất, đây là các vế của câu ghép). + Khai thác quan hệ nghĩa giữa các vế câu, xem chúng có liên quan với nhau như thế nào. + GV làm mẫu qua việc vận dụng kĩ thuật Nói to suy nghĩ (think aloud) để hướng dẫn làm mẫu Câu a cho HS nghe vì bài tập này tương đối khó:	– HS thực hiện theo yêu cầu của GV theo các bước: + Cá nhân đọc yêu cầu đề bài; + Nhóm đôi thảo luận. + HS lắng nghe tích cực khi GV nói to suy nghĩ của mình để nắm được các bước thực hiện bài tập.

	GV chia sẻ: Về câu a, cột A nói về đất nước âm nhạc, như vậy nó sẽ liên quan đến nhạc sĩ ở về câu 4 của cột B. (Cột B bắt đầu bằng từ “bởi”, chỉ ra lí do nước Áo <i>được coi là đất nước của âm nhạc</i>). Dự kiến câu trả lời: (Kết từ được in đậm) Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đã sống ở đây. – GV sử dụng kĩ thuật Hoàn tất một nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm đôi để hoàn tất nhiệm vụ ở câu b, c, d. – GV xuống các nhóm quan sát, hỗ trợ (nếu có). – GV tổ chức cho các nhóm báo cáo, nhận xét, góp ý và chốt lại đáp án đúng Dự kiến câu trả lời: b. Nếu không tính toán thật kĩ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay, thì các diễn viên đóng thế sẽ rất dễ gặp nguy hiểm. c. Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn. d. Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt, nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.	+ HS thực hiện nhóm đôi để hoàn thành các câu b, c, d, yêu cầu trợ giúp (nếu cần). + HS chia sẻ sản phẩm của nhóm, HS khác lắng nghe tích cực, đúc rút nhằm học hỏi từ bạn.
	GV kết luận: Sử dụng kết từ phù hợp giúp cho câu văn chặt chẽ hơn. 2. Chọn kết từ phù hợp để hoàn thành câu. – GV gọi 1 HS đọc câu hỏi, đọc các từ ngữ. – GV cho HS làm cá nhân và lưu ý hướng dẫn trước lớp: + Đọc kĩ các câu; + Tập trung vào các từ ngữ xung quanh ô trống và GV lưu ý cùng một vị trí, có thể có dùng nhiều kết từ phù hợp. – GV tổ chức chia sẻ, nhận xét, góp ý và chốt đáp án.	– HS thực hiện theo yêu cầu của GV theo các bước: + Cá nhân đọc yêu cầu đề bài; + Cá nhân làm việc độc lập; + Cá nhân trình bày, HS khác nhận xét, học hỏi từ bạn.

Dự kiến câu trả lời:

Nghị lực phi thường, sự lãng mạn và/ cùng lòng nhân ái đã chấp cánh **cho** tài năng âm nhạc **của** Mô-da. Di sản **mà** ông để lại **cho** nhân loại thật là vĩ đại: hơn 600 tác phẩm lớn nhỏ. Đây là một cống hiến đồ sộ vào mức kỉ lục **của** một con người chỉ sống trên đời có 35 năm.

(Theo *Kể chuyện danh nhân thế giới*)

=> GV kết luận: Sử dụng kết từ để nối các từ ngữ trong một đoạn văn thì các em phải hiểu được quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố để dùng đúng kết từ.

3. Viết tiếp các câu trong sách với mỗi kết từ cho sẵn.

- GV có thể cho HS hoạt động nhóm 4 với tiêu chí: các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng, hay và nhanh nhất.
- HS đọc yêu cầu đề bài.
- Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án.
- GV hỗ trợ các nhóm (nếu có).
- Đại diện các nhóm trả lời.
- GV tổ chức cho HS nhận xét, góp ý trên các tiêu chí đặt ra: đúng, hay, nhanh nhất:

Dự kiến câu trả lời

- a. (1) Tôi học chơi đàn ghi-ta và học khiêu vũ.
(2) Tôi học chơi đàn ghi-ta để thoả mãn niềm đam mê âm nhạc của mình.
(3) Tôi học chơi đàn ghi-ta vì nó giúp tôi giải toả căng thẳng.
- b. (1) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem bởi nó vô cùng bất ngờ.
(2) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem nên nhiều người thích nó.
(3) Môn ảo thuật luôn kích thích người xem với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau.

=> GV kết luận: Bài tập này là dạng bài tập vận dụng để hoàn thiện câu, lưu ý phải sử dụng kết từ đúng ngữ cảnh.

– HS thực hiện theo yêu cầu của GV:

+ HS thảo luận nhóm 4: đọc yêu cầu đề bài, thảo luận và đưa ra đáp án; thắc mắc (nếu có).

+ Đại diện các nhóm trả lời.

+ HS nhận xét, góp ý và lắng nghe tích cực.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức đã học để nói câu trọn vẹn, trong đó có vận dụng sử dụng kết từ.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Phương pháp Trò chơi học tập - GV tổ chức cho cá nhân HS tham gia: + GV cho sẵn một vế câu, HS suy nghĩ trong 10 giây và xung phong nói tiếp về còn lại, yêu cầu có dùng kết từ. + Nếu ai nói đúng được tặng 1 tràng pháo tay lớn của cả lớp; nếu nói sai thì mất quyền ưu tiên không được xung phong trả lời các câu hỏi tiếp theo. HS khác xung phong trả lời lại. + GV đính các thẻ từ lên bảng lớp: - Vì trời mưa... - Tuy Nam thông minh... - Tôi thích học môn Toán... - Trời vừa mưa... + HS xung phong nói tiếp về còn lại ở câu a, b, c, d. + Lưu ý: Sau mỗi câu, GV tổ chức nhận xét, chốt lại đáp án đúng, hay. Dự kiến câu trả lời: - Vì trời mưa nên bạn ấy đến lớp muộn/ trễ. - Tuy Nam thông minh nhưng bạn ấy lại lười học. - Tôi thích học môn Toán và/ với môn Tiếng Việt. - Trời vừa mưa vừa bão. => GV kết luận: Khi học xong, các em nhớ vận dụng kết từ vào việc nói/ viết. Sử dụng kết từ dùng thành cặp như vậy thì câu sẽ có sự liên kết, giúp người nghe/người đọc dễ hiểu ý diễn đạt của mình hơn.	- HS lắng nghe để nắm được luật chơi. - HS xung phong phát biểu, cùng GV nhận xét

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

a. Mục tiêu: HS biết cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình

b. Tổ chức thực hiện:

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Viết	Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em đã được xem. Yêu cầu: Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 30, viết đoạn văn theo yêu cầu. - GV cho HS làm việc cá nhân: - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 30. - GV cho HS đọc lại phần lưu ý trong sách. - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn (5 phút, viết vào giấy nháp), có đủ các phần mở đầu, triển khai, kết thúc. GV lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn sinh động và dùng liên từ để nối kết từ, câu tạo sự liên kết.	- HS lắng nghe, thực hiện cá nhân. - HS thực hiện các nhiệm vụ GV yêu cầu.
2. Đọc soát và chỉnh sửa	- GV cho HS đọc lại bài làm của mình, dựa vào gợi ý của sách để phát hiện lỗi hoặc cho HS đối vở với bạn bên cạnh để soát lỗi cho nhau, chỉnh sửa lỗi (nếu có). - GV chiếu một số bài của HS lên máy chiếu vật thể. - Các HS khác nhận xét, góp ý theo các nội dung: Cách mở đầu đoạn văn; Cách giới thiệu nhân vật trong phim; Cách kết thúc đoạn văn; Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng; Cách dùng từ, đặt câu... - GV có thể viết nhanh một số câu cần sửa chữa của HS lên bảng để giúp HS sửa chữa, tự điều chỉnh.	- HS thực hiện. - HS hoạt động nhóm đôi, điều chỉnh (nếu có). - HS quan sát và học hỏi từ bạn.

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Yêu cầu: Sưu tầm tranh ảnh về một công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Giới thiệu với bạn về công trình kiến trúc đó. - GV làm mẫu, giới thiệu tranh ảnh 1 – 2 công trình kiến trúc độc đáo của đất nước ta. Gợi ý: Chùa Một Cột, Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh. - GV cho HS về nhà sưu tầm và phản hồi ở tiết học sau.	- HS quan sát và lắng nghe tích cực. - HS ghi nhớ để thực hiện.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 31: + Đọc: <i>Một ngôi chùa độc đáo</i> + Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ + Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình. - GV hỏi HS thấy nội dung nào thú vị nhất của Bài 31. - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong học tập. - Dặn dò HS đọc trước Bài 32 – <i>Sự tích chú Tễu</i>.	Làm việc chung cả lớp: Thực hiện yêu cầu của GV.

BÀI 32 SỰ TÍCH CHÚ TỂU (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch *Sự tích chú Tễu*, biết thể hiện giọng đọc phù hợp với kịch (lời đối thoại của nhân vật); biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện ngữ điệu của lời nói, cảm xúc của nhân vật.
- Đọc hiểu: Hiểu đặc điểm của kịch. Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của 2 nhân vật trong vở kịch (ông quản phường múa rối và nhân vật anh trai làng, tức chú Tễu), cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong mỗi cảnh của vở kịch. Hiểu ý nghĩa của kịch bản: Đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện của nhân vật chú Tễu – nhân vật được yêu thích trong các vở múa rối nước.

b. Viết

- Nhận biết ưu, nhược điểm trong đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình của mình, biết chỉnh sửa để bài văn hay hơn.
- Luyện tập về yếu tố đồng âm khác nghĩa.

c. Nói và nghe

Biết giới thiệu, trình bày ý kiến về một bộ phim yêu thích đã xem.

2. Phẩm chất

Biết cảm nhận, thưởng thức nghệ thuật, có hứng thú tìm hiểu khám phá một số bộ môn nghệ thuật cổ truyền dân tộc.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh minh họa bài thơ.
- Video về múa rối nước, nhân vật chú Tễu,...

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 HS đọc nối tiếp bài *Một ngôi chùa độc đáo* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ đề *Nghệ thuật muôn màu?*).

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận bài đọc *Sự tích chú Tễu* thuộc chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu*.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giới thiệu tên bài học và giao nhiệm vụ: Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, cùng nhau nêu nhận xét về gương mặt chú Tễu trong các tiết mục múa rối nước. (GV cho HS xem video 1 trích đoạn múa rối nước, trong đó có nhân vật chú Tễu, nếu có điều kiện). – GV giới thiệu khái quát về nghệ thuật múa rối nước. (Ví dụ: Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống, ra đời từ nền văn minh lúa nước. Từ một nghệ thuật mang yếu tố dân gian, múa rối nước đã trở thành một nghệ thuật truyền thống và là một sáng tạo đặc trưng của người Việt Nam,...).	Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em nhận xét về gương mặt chú Tễu trong các tiết mục múa rối nước (hoặc trong hình ảnh minh họa).

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu: HS đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch *Sự tích chú Tễu*, biết thể hiện giọng đọc phù hợp với kịch (lời đối thoại của nhân vật); biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện ngữ điệu của lời nói, cảm xúc của nhân vật.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giới thiệu văn bản kịch có 2 cảnh: Cảnh 1: Anh Tễu gặp ông quản phường múa rối nước để xin học nghề; Cảnh 2: Cuộc trò chuyện giữa ông quản và anh Tễu 3 năm sau, khi anh Tễu đã giỏi nghề. – GV đọc lời của ông quản, 1 HS đọc lời của anh Tễu (lần lượt cảnh 1 sang cảnh 2): đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng thể hiện tình cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật. – GV hướng dẫn đọc:	Làm việc chung cả lớp – HS nghe GV đọc mẫu.

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, ví dụ: <i>ông quản phường rồi nước, một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ, phường rồi làng ta,...</i> + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật. (Ví dụ: Giọng anh Tểu hồn nhiên, hài hước ở Cảnh 1; giọng trầm, chậm rãi ở Cảnh 2). – GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp. – GV hỏi HS có từ ngữ nào trong vở kịch mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.	– HS tự luyện đọc các từ ngữ khó phát âm và đọc diễn cảm. Làm việc theo cặp Mỗi HS đọc lời 1 nhân vật. 2 HS đọc trước lớp (nếu có thời gian). Làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.
---	--

3.2. Đọc hiểu

a. *Mục tiêu:* HS nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của 2 nhân vật trong vở kịch (ông quản phường múa rối và nhân vật anh trai làng, tức chú Tểu), cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong mỗi cảnh của vở kịch. Hiểu ý nghĩa của kịch bản: Đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện của nhân vật chú Tểu – nhân vật được yêu thích trong các vở múa rối nước.

b. *Tổ chức thực hiện:*

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong sách.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Câu 1	– Nêu câu hỏi: <i>Ở cảnh 1, lí do anh Tểu tìm gặp ông quản là gì?</i> – GV nêu câu hỏi xong có thể mời HS phát biểu ngay vì thông tin có ở đầu bài đọc). – GV xác nhận câu trả lời đúng. – GV có thể hỏi thêm: <i>Theo em, vì sao anh Tểu muốn học nghề rối nước?</i>	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét. (Ví dụ: Anh Tểu gặp ông quản phường rồi nước để xin học nghề / để xin học nghề biểu diễn rối nước./...). – 2 – 3 HS trả lời (Ví dụ: Anh Tểu muốn học nghề rối nước vì anh thích ca hát nhưng tướng mạo không đẹp (khó coi), “bụng trống châu, đầu cá trê”. Chỉ có diễn rối nước mới mong được “giấu mặt mình, trình mặt rối” hát sau bức màn.)

Câu 2	– Nêu câu hỏi: <i>Qua lời chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tểu là người thế nào?</i> – GV có thể tách thành 2 yêu cầu: + Khi đến gặp ông quản phường múa rối nước, anh Tểu đã chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản thế nào? + Qua cách chào hỏi, giới thiệu, trò chuyện với ông quản, em thấy anh Tểu là người thế nào? – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. – GV mời một số HS phát biểu ý kiến (trả lời câu hỏi 2). – GV tổng hợp các ý kiến và thống nhất cách trả lời. Dự kiến câu trả lời: Anh Tểu là người thích ca hát, tính tình hiền lành, thật thà, rất hài hước (tự đánh giá tương mạo khó coi bằng câu nói dân gian có vắn có điệu “bụng trống châu, đầu cá trê”) và rất lạc quan: hát nhưng không để mọi người nhìn thấy mặt mình (hát sau bức màn, hát theo vai quân rối).	Làm việc nhóm Từng HS phát biểu ý kiến, cả nhóm nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất ý kiến của cả nhóm. Làm việc chung cả lớp 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét về nội dung câu trả lời và cách diễn đạt.
Câu 3	– Nêu câu hỏi: <i>Theo em, vì sao ông quản dạy cho anh Tểu diễn những quân rối hề?</i> – GV có thể gợi ý: Quyết định của ông quản là xuất phát từ nguyện vọng của anh Tểu hay theo kinh nghiệm nhìn người của ông quản? – GV nên dành thời gian phù hợp cho HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. – GV xác nhận câu trả lời đúng. – GV nói rõ hơn cho HS hiểu: Trong lời trò chuyện của anh Tểu, có hé lộ mong muốn học diễn hài (gây cười): “Mẹ con bảo tới đây “không đẹp nay thì đẹp mai, học cười má phấn có hai đồng tiền”. Mặt khác, ông quản thấy anh Tểu là chàng trai hài hước, vui tính, lém lỉnh, hợp với vai diễn đem đến tiếng cười cho khán giả (vai hề).	Làm việc nhóm – HS trao đổi để tìm câu trả lời cho câu hỏi, thống nhất câu trả lời của nhóm. Làm việc chung cả lớp – Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.

Câu 4	– Nêu câu hỏi: Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tểu có những xáo trộn trong tâm tư? Vì sao ông quản khích lệ anh Tểu đi theo tâm nguyện của mình? – Cho HS làm việc cá nhân: đọc lướt lại Cảnh 2), tìm câu trả lời trước khi làm việc theo nhóm/ lớp. – Cho HS làm việc theo nhóm, từng em nêu ý kiến; cả nhóm bình chọn câu trả lời đúng và có cách trình bày thuyết phục (ngắn gọn, rõ ràng). Ý thứ nhất: Ở cảnh 2, điều gì khiến anh Tểu có những xáo trộn trong tâm tư? – GV hướng dẫn các nhóm thảo luận. – GV khen ngợi các câu trả lời thuyết phục. Dự kiến câu trả lời: Sau 3 năm theo ông quản học nghề và tham gia biểu diễn múa rối nước, anh Tểu được ông quản khen là đã giỏi nghề, vở diễn nào có anh Tểu tham gia, khán giả cũng vỗ tay cổ vũ. Thế nhưng, trong những giấc mơ, anh Tểu thấy mình thường được đến một nơi có nhà thủy đình rộng mênh mông, thoả sức ngân nga cho tròn vành rõ chữ. Ở đó có rất nhiều người đẹp như tiên đang múa ca, vậy gọi anh tới... Những giấc mơ đó có lẽ đã khiến anh Tểu bàng khuâng, thấy như thực như mơ, khơi dậy niềm ao ước cao xa...). – Ý thứ hai: Vì sao ông quản khích lệ anh Tểu đi theo tâm nguyện của mình? – GV hướng dẫn các nhóm thảo luận. – GV khen ngợi các câu trả lời thuyết phục. Dự kiến câu trả lời: Khi nghe anh Tểu kể về những giấc mơ, ông quản đã hiểu giấc mơ của anh Tểu chính là niềm khát vọng đang nhen nhóm, tiềm ẩn trong tâm trí của anh Tểu. Ông quản hiểu đó là ước mơ, khát vọng đẹp đẽ của tuổi trẻ – “mong ước tìm cho nghề rối nước những tích trò hay hơn, những quân rối đẹp hơn”. Vì thế, ông quản đã khích lệ anh Tểu đi theo tâm nguyện của mình.	Làm việc cá nhân HS chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc nhóm Từng HS phát biểu ý kiến, cả nhóm nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất ý kiến của cả nhóm. Làm việc chung cả lớp Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.
---------------------	---	--

Câu 5	– GV nêu câu hỏi: <i>Vở kịch giải thích thế nào về sự xuất hiện nhân vật chú Tễu trong các vở rối nước?</i> – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, sau đó chia sẻ ý kiến trước lớp. – GV nhận xét các ý kiến, khen ngợi các câu trả lời thuyết phục. – GV giảng giải cho HS hiểu rõ về nhân vật chú Tễu: Chú Tễu là nhân vật xuất hiện nhiều nhất và nổi tiếng nhất trong các vở rối nước. Chú Tễu luôn có vóc dáng to lớn hơn các nhân vật khác, luôn vui vẻ, dí dỏm, gây cười cho khán giả,... Qua vở kịch <i>Sự tích chú Tễu</i>, tác giả đưa ra một cách giải thích về sự xuất hiện nhân vật chú Tễu trong các vở rối nước – là quân rối mô phỏng hình mẫu của một người vóc dáng to lớn, hiền hậu mà lém lỉnh, dí dỏm (anh Tễu trong vở kịch).	Làm việc nhóm Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhận xét, chọn câu trả lời hợp lí. Làm việc chung cả lớp Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.
--------------	--	---

3.3. Luyện đọc lại

a. *Mục tiêu:* Giúp các em cảm nhận một lần nữa một văn bản hoàn chỉnh.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm vở kịch.	– HS làm việc theo cặp: cách đọc diễn cảm vở kịch. – Làm việc cá nhân Tự đọc toàn bài.

3.4. Luyện tập theo văn bản đọc

a. *Mục tiêu:* Giúp HS ôn luyện kiến thức đã học ở những tiết Luyện từ và câu (tiết học này luyện tập về nghĩa của từ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa” theo yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 5) gắn với ngữ liệu của bài đọc, qua đó, các em hiểu sâu thêm về bài đọc và nắm vững hơn kiến thức về từ và câu.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nêu mục đích của 2 bài tập, thời gian thực hiện và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tùy vào năng lực của HS trong lớp).	HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Dự kiến câu trả lời:

Câu 1: *Tâm* có nghĩa là *điểm chính giữa*: tâm bão, tâm điểm, trung tâm; *Tâm* có nghĩa là *tình cảm, ý chí*: tâm tư, tâm nguyện, tâm trạng, tâm huyết, lương tâm.

Câu 2: Đặt câu với 1 – 2 từ trong mỗi nhóm. (Yêu cầu HS tự làm và góp ý cho nhau).

TIẾT 3

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

a. *Mục tiêu:* HS biết đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

b. *Tổ chức thực hiện:*

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuẩn bị	Bài tập 1. <i>Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.</i> – GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. – GV lưu ý nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. GV có thể đọc 1–2 bài làm tốt để HS học hỏi từ bạn mình.	HS lắng nghe, thực hiện và tự sửa lỗi, học hỏi ưu điểm trong bài của bạn.
Đánh giá	Bài tập 2. <i>Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây.</i> – GV hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV rồi đối chiếu với những nội dung được nêu ở phần 2. GV có thể phát Phiếu học tập như gợi ý dưới đây để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá bài viết của bạn: Phiếu học tập Với đoạn văn em đã viết, hãy dựa vào các tiêu chí dưới đây để nhận xét, đánh giá chỗ chưa đạt và chỗ cần điều chỉnh:	HS dựa vào tiêu chí trong Phiếu học tập để tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá bài của bạn.

Stt	Tiêu chí đánh giá	Chưa đạt	Cần điều chỉnh
1	Cách mở đầu đoạn văn		
2	Cách giới thiệu nhân vật trong phim		
3	Cách kết thúc đoạn văn		
4	Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng		
5	Cách dùng từ, đặt câu		
6	Có dùng biện pháp so sánh, nhân hóa		
– GV chọn 1 đoạn viết của 1 HS và cùng lớp nhận xét, đánh giá theo Phiếu học tập đã cho. – Hướng dẫn HS dựa vào phần gợi ý trong sách để tự đánh giá, đánh giá bài làm của bạn cùng nhóm đôi. – GV dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét. – Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau.. – GV bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau.			
Chỉnh sửa	Bài tập 3. <i>Viết lại các câu hoặc đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.</i> – Yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết lại 1– 2 đoạn trong bài làm cho hay hơn. GV chiếu đoạn văn trước và sau khi viết lại của HS để lớp nhận xét. – GV khen ngợi kết quả bài viết của HS.		HS thực hiện cá nhân, học hỏi thêm bài viết hay của bạn.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

BỘ PHIM YÊU THÍCH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu:* Nhận biết được chủ đề sắp trình bày; khơi gợi sự hứng thú của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV chiếu bộ phim hoạt hình lên, yêu cầu HS xem và trả lời câu hỏi: (1) <i>Em thích bộ phim vừa rồi không? Ngoài bộ phim hoạt hình vừa xem, em còn thích bộ phim nào nữa?</i> (2) <i>Muốn các bạn biết về bộ phim em yêu thích, em sẽ làm gì?</i> - Dẫn dắt vào bài.	HS làm việc cá nhân, xem video, trả lời câu hỏi và nêu được tên chủ đề cần giới thiệu.

2. Hoạt động 2: Chuẩn bị

a. Mục tiêu: Giúp HS thực hiện các yêu cầu để chuẩn bị xây dựng những nội dung dự kiến sẽ giới thiệu.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS														
Cho HS làm việc cá nhân. Câu hỏi 1: <i>Hãy kể tên những bộ phim mà em thích?</i> Câu hỏi 2: <i>Trong những bộ phim ấy, em thích bộ phim nào nhất? Vì sao?</i> Câu hỏi 3: <i>Hãy ghi lại những thông tin liên quan tới bộ phim mà em thích theo phiếu dưới đây:</i> Phiếu học tập Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau: <table> <tr> <th>Tên bộ phim</th><th>Lí do yêu thích</th></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Thông tin về những người sản xuất bộ phim</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Các nhân vật</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Chi tiết xúc động nhất</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Chi tiết thú vị</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảm nhận chung về bộ phim</td><td>.....</td></tr> </table>	Tên bộ phim	Lí do yêu thích	Thể loại		Thông tin về những người sản xuất bộ phim		Các nhân vật		Chi tiết xúc động nhất		Chi tiết thú vị		Cảm nhận chung về bộ phim		- HS nghe câu hỏi, suy nghĩ và trả lời. - HS nghe câu hỏi, xem phiếu và hoàn thiện phiếu học tập rồi báo cáo kết quả.
Tên bộ phim	Lí do yêu thích														
Thể loại															
Thông tin về những người sản xuất bộ phim															
Các nhân vật															
Chi tiết xúc động nhất															
Chi tiết thú vị															
Cảm nhận chung về bộ phim															

Câu hỏi 4: Em có thể ghi thêm cảm nhận riêng của bản thân về bộ phim mà em đã giới thiệu không?

- HS trả lời theo ý kiến cá nhân.

Câu hỏi 5: Giao HS làm việc nhóm để thực hiện câu hỏi: Từ những thông tin đã chuẩn bị, em hãy lập một dàn ý dự kiến những nội dung giới thiệu cho cả lớp vào sơ đồ cho trong sách.

- HS thảo luận nhóm. Nhóm trưởng thống nhất ý kiến, hoàn thiện theo sơ đồ và báo cáo phương án của nhóm.

3. Hoạt động 3: Trình bày

a. Mục tiêu: HS tiến hành trình bày sản phẩm nói của bản thân theo những nội dung đã chuẩn bị.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV			Hoạt động của HS
- GV cho đại diện nhóm (cá nhân) đứng lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. - Yêu cầu các thành viên trong lớp lắng nghe và thực hiện phiếu đánh giá kĩ năng nói dưới đây: Phiếu đánh giá kĩ năng nói			- HS thực hiện yêu cầu của GV. - Các thành viên khác lắng nghe và điền ý kiến đánh giá vào phiếu (GV có thể yêu cầu chọn 01 - 2 cá nhân hoặc đánh giá hết những thành viên trình bày để phân loại HS).
Người trình bày	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá (Tốt, Bình thường, Chưa tốt)	
Nhóm 1	Nội dung nói có phù hợp không?		
	Mở đầu có hấp dẫn không?		
	Phần triển khai có phù hợp với dàn ý không?		
	Phần kết thúc có hay không?		
	Bài nói có kết hợp với các yếu tố hình ảnh hay video minh họa không?		
	Ngữ điệu nói		
	Người nói có quan tâm tới người nghe không?		
	Em muốn góp ý gì cho bài nói?		
Nhóm 2			
.....			

4. Hoạt động 4: Đánh giá

a. Mục tiêu: HS tiến hành đánh giá trên cơ sở thảo luận của nhóm.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV		Hoạt động của HS
- GV cho cá nhân đại diện các nhóm nhận xét, đánh giá. Sau đó GV mời 1 - 2 bạn lên nói nhận xét đánh giá kĩ năng nghe và trao đổi của các bạn vừa đứng lên nhận xét bài nói được các bạn trong lớp thực hiện trước đó. - Việc đánh giá kết quả nghe và trao đổi lại với bạn (nhóm bạn) được tiến hành theo phiếu dưới đây: Phiếu đánh giá kĩ năng nghe Thông qua lời trao đổi, đánh giá của bạn, em hãy điền thông tin nhận xét về kết quả nghe của bạn theo phiếu:		- HS lắng nghe lời nhận xét của bạn, quan sát phiếu đánh giá để ghi hoặc điền vào phiếu thực hiện.
Người nghe/ phản hồi	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá (Tốt, Bình thường, Chưa tốt)
.....	Bạn nghe và nhận xét đúng và đủ nội dung hay không?	
	Bạn nhận xét có đúng không?	
	Lời nhận xét của bạn có lịch sự không?	
	Thái độ khi nhận xét	
	Ngữ điệu nói khi nhận xét	
.....	Bạn nghe và nhận xét đúng và đủ nội dung hay không?	
	Bạn nhận xét có đúng không?	
	Lời nhận xét của bạn có lịch sự không?	
	Thái độ khi nhận xét	
	Ngữ điệu nói khi nhận xét	
- GV nhận xét, củng cố.		

VẬN DỤNG

a. *Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: <i>Kể cho người thân nghe nội dung vở kịch Sự tích chú Tễu. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của vở kịch.</i> - GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân và cùng nói về hình ảnh chú Tễu trong vở kịch Sự tích chú Tễu nói riêng và trong cuộc sống sinh hoạt của người Việt Nam nói chung.	Làm việc chung cả lớp: Đọc yêu cầu vận dụng Làm việc cá nhân Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu.

CỦNG CỐ

a. *Mục tiêu:* Tổng hợp lại các kiến thức chính đã được học trong bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS						
- GV có thể tổng kết bài học bằng cách dưới đây: GV chiếu 01 đoạn clip ngắn về múa sư tử trong đêm Trung thu (hoặc khai trương, mở cửa hàng), cho HS xem và trả lời câu hỏi: Đoạn clip lớp mình vừa xem giới thiệu hoạt động gì của người dân? Trong đoạn clip đó, em thấy hình ảnh của chú Tễu có ngộ nghĩnh, đáng yêu không? Hãy chia sẻ cảm xúc của em về nhân vật chú Tễu? + Hãy thảo luận nhóm và điền thông tin bài học vào bảng dưới đây: <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="background-color: #e0f0ff;">Đọc</td><td>.....</td></tr> <tr> <td style="background-color: #e0f0ff;">Viết</td><td>.....</td></tr> <tr> <td style="background-color: #e0f0ff;">Nói và nghe</td><td>.....</td></tr> </table> - GV dặn dò HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước phần ôn tập để chuẩn bị cho bài học sau.	Đọc		Viết		Nói và nghe		Làm việc chung cả lớp Thực hiện theo yêu cầu của GV.
Đọc							
Viết							
Nói và nghe							

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

1.1. Đọc

a. Kỹ thuật đọc

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.
- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.
- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).
- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

b. Đọc hiểu

- Đọc hiểu văn bản văn học:
 - + Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.
 - + Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.
 - + Hiểu chủ đề của văn bản.
 - + Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.
 - + Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.
 - + Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.
 - + Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.
 - + Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.
 - + Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, vở kịch,...
- Đọc hiểu văn bản thông tin:
 - + Nắm được những thông tin chính của văn bản.

- + Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.
- + Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết; biết tóm tắt văn bản.
- + Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.
- + Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.
- + Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.
- + Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.
- + Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

1.2. Viết

- a. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gọi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...
- b. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.
- c. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,... Vận dụng kiến thức đã học để sử dụng từ phù hợp các ngữ cảnh cụ thể, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

2. Phẩm chất

Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 1, 2, 3, 4, 5), thiết kế ô chữ (câu 2, Tiết 3– 4);
- Phiếu đề kiểm tra tham khảo (Tiết 6 – 7) để HS luyện tập.

PHẦN I. ÔN TẬP**TIẾT 1 – 2****1. Hoạt động 1: Ôn tập**

a. *Mục tiêu:* Giúp HS hình thành kiến thức về điệp từ, điệp ngữ: nhận diện và nêu tác dụng trong từng ngữ cảnh.

b. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV có thể hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài hoặc hướng dẫn HS tự làm việc theo nhóm (trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu): 1. Kể tên 4 chủ điểm đã học ở học kì I và cho biết mỗi chủ điểm giúp em có thêm những hiểu biết gì về cuộc sống. Bài tập này giúp HS có cái nhìn bao quát về 4 chủ điểm các em đã được học và quan trọng hơn là giúp các em khám phá, giải thích được ý nghĩa của mỗi chủ điểm. – GV gọi HS đọc yêu cầu của bài và yêu cầu HS xem kĩ tranh. – GV gọi HS làm việc nhóm, cùng nhau suy nghĩ về 4 bức tranh chủ điểm và trả lời câu hỏi. – GV quan sát các nhóm, ghi nhận xét. – GV nhận xét, chốt đáp án.	– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài – HS làm việc nhóm, quan sát và suy nghĩ về 4 bức tranh chủ điểm, thảo luận và thống nhất câu trả lời. – Các nhóm cử đại diện trả lời. Các nhóm khác nhận xét, góp ý. – HS báo cáo. Lớp nhận xét, góp ý. – HS tham gia chốt đáp án cùng GV.

Dự kiến câu trả lời:

Chủ điểm 1. Thế giới tuổi thơ: nói về niềm vui của mỗi cá nhân, những trò chơi tuổi thơ, giờ học vui vẻ trên lớp, tình bạn tuổi học trò và những xúc cảm cá nhân,...

Chủ điểm 2. Thiên nhiên kì thú: nói về vẻ đẹp đầy bí ẩn và lí thú của rừng, của biển, đất trời, cỏ cây, muông thú, hang động,...

Chủ điểm 3. Trên con đường học tập: nói về hành trình đi tìm kiếm tri thức và phát triển bản thân, quá trình hoàn thiện của mỗi cá nhân, bài học về sự thành công của những người nổi tiếng,...

Chủ điểm 4. Nghệ thuật muôn màu: phản ánh vẻ đẹp của thế giới của hội họa, âm nhạc, điện ảnh, văn chương,...

2. Đọc một câu chuyện, văn bản miêu tả hoặc văn bản thông tin trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.

– GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong sách.

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

3. Tìm kết từ phù hợp với mỗi bông hoa.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn trích.

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Thống nhất đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án:

Dự kiến câu trả lời:

Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư **cho** cô Thu. Một việc thật là mới mẻ **và** thích thú. Hương không còn thấy buồn chán **hay/ và** sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện **với** con mèo. **Nhưng** nói mãi cũng chán! **Vì** nó chẳng biết nói chuyện lại **với** Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người trò chuyện rồi. (Theo Xuân Quỳnh)

– HS thực hiện trong nhóm.

– Đại diện nhóm trả lời.

– HS làm việc nhóm.

– Đại diện nhóm trình bày.

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

3. Tìm kết từ phù hợp với mỗi bông hoa.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn trích.

– GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Thống nhất đáp án.

– Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

– GV và HS cùng chốt đáp án:

Dự kiến câu trả lời:

Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư **cho** cô Thu. Một việc thật là mới mẻ **và** thích thú. Hương không còn thấy buồn chán **hay/ và** sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện **với** con mèo. **Nhưng** nói mãi cũng chán! **Vì** nó chẳng biết nói chuyện lại **với** Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người trò chuyện rồi. (Theo Xuân Quỳnh)

4. Đọc câu chuyện Chú mèo con nói nhiều và thực hiện yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ xưng hô của mèo con.

b. Theo em, những từ ngữ dưới đây có phải từ xưng hô không? Vì sao?

– Từ “chúng” trong câu “Chúng cười khúc khích”.

– Từ “chúng ta” trong câu “Hôm nay, chúng ta đừng ra ngoài tìm thức ăn nữa.”.

– GV cho HS làm việc nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.

Dự kiến câu trả lời:

a. Các từ ngữ xưng hô của mèo con.

Mèo con	Với mèo mẹ	Với ngỗng
Tự chỉ mình (xưng)	con	cháu
Chỉ người nghe (hô)	em	bác

b. Từ “chúng” trong câu “Chúng cười khúc khích.” không phải là đại từ xưng hô, vì nó không được dùng để xưng hay hô. Còn từ “chúng ta” trong câu “Hôm nay chúng ta đi ra ngoài tìm thức ăn nữa.” là từ xưng hô, vì nó được dùng để chỉ người nói và những người nghe, mang ý nghĩa số nhiều (bao gồm cả đàn chuột).

TIẾT 3– 4

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																																																																																	
1. Dựa vào câu thơ gợi ý, đoán tên bài thơ, đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài và nói lên cảm nghĩ của em về đoạn thơ đó. – GV cho HS hoạt động nhóm 4. – GV mời 4 HS trả lời (dựa vào 4 câu thơ gợi ý). Dự kiến câu trả lời: Tuổi Ngựa – Xuân Quỳnh Trước cổng trời – Nguyễn Đình Ảnh Thế giới trong trang sách – Huệ Triệu Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà – Quang Huy 2. Giải ô chữ: Ai giỏi tiếng Việt? – GV có thể cho cả lớp làm chung, mỗi câu hỏi lại dành cho một HS xung phong trả lời. Hoặc GV cho làm theo nhóm, thi xem nhóm nào giải đúng và nhanh nhất. – GV nhận xét và thống nhất đáp án. a. Ô chữ hàng ngang: (1)<table><tr><td>Đ</td><td>I</td><td>Ệ</td><td>P</td><td>T</td><td>Ừ</td></tr></table> (2)<table><tr><td>K</td><td>Ế</td><td>T</td><td>T</td><td>Ừ</td></tr></table> (3)<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Đ</td><td>A</td><td>I</td><td>T</td><td>Ừ</td></tr></table> (4)<table><tr><td>G</td><td>A</td><td>C</td><td>H</td><td>N</td><td>G</td><td>A</td><td>N</td><td>G</td></tr></table> (5)<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Đ</td><td>Ộ</td><td>N</td><td>G</td><td>T</td><td>Ừ</td></tr></table> (6)<table><tr><td></td><td></td><td></td><td>X</td><td>Ư</td><td>N</td><td>G</td><td>G</td><td>H</td><td>Ô</td></tr></table> (7)<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>N</td><td>G</td><td>H</td><td>I</td><td>V</td><td>Ấ</td><td>N</td></tr></table> (8)<table><tr><td>Đ</td><td>Ồ</td><td>N</td><td>G</td><td>N</td><td>G</td><td>H</td><td>Ỉ</td><td>A</td></tr></table> (9)<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>T</td><td>H</td><td>A</td><td>Y</td><td>T</td><td>H</td><td>Ế</td></tr></table>	Đ	I	Ệ	P	T	Ừ	K	Ế	T	T	Ừ					Đ	A	I	T	Ừ	G	A	C	H	N	G	A	N	G					Đ	Ộ	N	G	T	Ừ				X	Ư	N	G	G	H	Ô					N	G	H	I	V	Ấ	N	Đ	Ồ	N	G	N	G	H	Ỉ	A						T	H	A	Y	T	H	Ế	– HS thực hiện nhóm 4, thống nhất và trình bày. – HS nhớ lại cá kiến thức đã học để hoàn thiện các ô chữ hàng ngang.
Đ	I	Ệ	P	T	Ừ																																																																													
K	Ế	T	T	Ừ																																																																														
				Đ	A	I	T	Ừ																																																																										
G	A	C	H	N	G	A	N	G																																																																										
				Đ	Ộ	N	G	T	Ừ																																																																									
			X	Ư	N	G	G	H	Ô																																																																									
				N	G	H	I	V	Ấ	N																																																																								
Đ	Ồ	N	G	N	G	H	Ỉ	A																																																																										
					T	H	A	Y	T	H	Ế																																																																							

b. Ô chữ hàng dọc: Từ đa nghĩa – GV vận dụng kiến thức nền của HS đã học để gọi HS nhắc lại khái niệm từ đa nghĩa, lấy ví dụ minh hoạ. 3. a. <i>Tìm các điệp từ, điệp ngữ được sử dụng trong đoạn trích ở bài tập.</i> <i>b. Cho biết tác dụng của việc sử dụng các điệp từ, điệp ngữ này.</i> – GV cho HS làm theo nhóm với nhiệm vụ: – GV mời đại diện nhóm trình bày trước lớp. – GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án: a. (Phần điệp từ, điệp ngữ được in đậm). <i>Phượng không phải là một đoá, không phải vài cành; phượng đây là cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của xã hội thắm tươi; người ta quên đoá hoa, chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán hoa lớn xoè ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau.</i> (Xuân Diệu) b. Việc dùng các điệp từ, điệp ngữ trên có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp rực rỡ của hoa phượng; làm câu văn thêm hấp dẫn, tạo ấn tượng với người đọc,... 4. <i>Viết một đoạn văn ngắn (4 – 5 câu) nói về một cảnh vật mà em quan sát được, trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.</i> – GV gợi ý HS: Có thể tham khảo cách miêu tả hoa phượng của Xuân Diệu trong đoạn văn trên. – GV dành thời gian cho HS tự viết đoạn văn, trao đổi nhóm để cùng đọc, nhận xét và GV tổ chức cho HS chia sẻ.	– 1 HS đứng lên đọc ô chữ hàng dọc. – HS làm việc nhóm: + Đọc kĩ đoạn trích. + Tìm điệp từ, điệp ngữ + Nêu tác dụng (đối chiếu với phần gợi ý). + Cả nhóm chốt đáp án chung. – Đại diện nhóm trình bày. – HS thực hiện viết đoạn văn dựa vào gợi ý của GV..
--	---

5. Trò chơi: Đặt câu với cặp kết từ “nếu... thì...” hoặc “vì... nên...”.

* Bài tập này giúp HS ôn lại cách sử dụng các cặp kết từ. Phải hiểu nghĩa của từng cặp kết từ mình sử dụng thì mới đặt được các vế câu có sự phù hợp về mặt ngữ nghĩa với nhau.

– GV mời 1 HS đọc phần “Cách chơi”, sau đó mời 1 nhóm gồm 4 HS lên bảng làm theo mẫu.

– (GV có thể nối tiếp ví dụ mẫu: *Nếu chúng ta đặt mua vé trước – thì chúng ta sẽ có chỗ ngồi tốt,...*)

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để chuẩn bị theo đúng hướng dẫn.

– GV mời 1 số nhóm “nếu... thì...” thi với 1 số nhóm “vì... nên...”. Nhóm nào nối được nhiều câu nhất và có nhiều đáp án chuẩn và thú vị nhất sẽ là nhóm chiến thắng. GV cho HS bình chọn nhóm có đáp án thú vị nhất.

– GV tổng kết, nhận xét và củng cố.

– 4 HS chơi trò chơi. Ví dụ:

+ HS 1: *Nếu còn sớm*

+ HS 2: *thì chúng ta sẽ đi xem phim.*

+ HS 3: *Nếu chúng ta đi xem phim*

+ HS 4: *thì nên đặt mua vé trước.*

– Lớp phân chia thành các nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 bạn). Các nhóm chuẩn bị trong vòng 5 – 7 phút. Lần lượt 2 nhóm thi với nhau. Các HS trong nhóm cứ lần lượt nối theo cách như vậy cho đến hết thời gian quy định (chẳng hạn 2 phút cho 1 lượt chơi).

– HS bình chọn nhóm có đáp án thú vị nhất.

– HS thực hiện

– HS thực hiện.

TIẾT 5

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Trao đổi với bạn về nội dung của một cuốn sách viết về một tấm gương học tập. * Bài luyện nói này có mục đích giúp HS thể hiện sự hiểu biết của mình, phát triển khả năng diễn đạt và tư duy. Đồng thời, đây cũng là phần chuẩn bị cho bài tập 2, HS viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc. GV căn cứ vào mức độ mạch lạc trong sự trình bày, sự hấp dẫn trong cách thể hiện bài nói để nhận xét, đánh giá HS. – Giao HS làm việc nhóm, đọc kĩ phần gợi ý trong sách, nói cho nhau nghe. – Yêu cầu một số HS trình bày trước lớp. GV nhận xét, góp ý. 2. Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc. – GV hướng dẫn HS thực hiện; có thể gợi ý thêm: nhân vật tài năng sẽ bao gồm cả những tấm gương trong học tập hoặc trong chiến đấu,... – GV quan sát HS làm bài, trợ giúp khi các em cần. 3. Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết. – HS trao đổi bài với bạn, cùng góp ý cho nhau. – GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. – Nếu HS nào làm bài chưa xong, GV nhắc HS về nhà hoàn thành. – GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập.	– HS thực hiện trong nhóm. – Một số HS trình bày trước lớp. Lớp nhận xét, góp ý. – HS làm việc cá nhân: viết bài (dựa trên phần luyện nói ở bài tập 1). – HS hỏi GV (khi cần). – HS thực hiện nhiệm vụ – HS lắng nghe tích cực. – HS chỉnh sửa bài theo góp ý của bạn hoặc của GV (nếu thấy phù hợp)

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*Sách có giới thiệu để kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm: – Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng); – Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết); – Viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu nêu trong Chương trình môn Tiếng Việt 5; – HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tùy theo năng lực HS và điều kiện của lớp. Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo trong sách: A. Đọc I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi. – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài <i>Bố đứng nhìn biển cả</i>, nghe GV giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu). – HS đọc bài và trả lời câu hỏi. Câu 1. Khi ra biển cùng bố, người con thường thả diều, học môn hình học, lấy ống nhòm khám phá biển khơi. Câu 2. Câu thơ thể hiện niềm vui, sự tin tưởng của bố về tương lai con là <i>Theo con nhìn tương lai/ Khắp khởi mừng trong dạ</i>. II. Đọc hiểu – HS đọc thầm bài <i>Những điều thú vị về chim di cư</i> và thực hiện các yêu cầu. – GV tổ chức cho HS trình bày (lần lượt theo từng câu: 1 HS hỏi, 1 HS trả lời) và cùng HS chốt đáp án (câu 1 – 5)	– HS thực hiện. – HS đọc bài. – HS đọc thầm và trả lời câu hỏi 1 – 5.

Dự kiến câu trả lời:

Câu 1. Theo bài đọc, chim di cư có tập tính gì?

=> Chim di cư có tập tính di chuyển đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể.

Câu 2. Kể tên một số loài chim di cư.

=> Tên một số loài chim di cư là: diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,...

Câu 3. Có mấy lí do khiến chim di cư? Đó là những lí do nào?

=> Có 3 lí do khiến chim di cư. Đó là: (1) tránh cái lạnh của mùa đông; (2) đi theo chuỗi thức ăn của chúng; (3) sinh sản và nuôi con một cách dễ dàng.

Câu 4. Vì sao chim di cư bay rất xa nhưng vẫn tìm được đường về nhà?

=> Chim di cư tìm được đường về nhà vì chúng có thể tự định hướng bằng cách (1) quan sát vị trí của Mặt Trời và những vì sao; (2) dựa vào những mốc lớn như đường cao tốc hay bờ biển, dãy núi

Câu 5. Trong câu “Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khoá để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.”, “hành vi thú vị này” là hành vi nào?

=> Đáp án: C. di cư

Câu 6. Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc.

– Ở câu 4, HS có thể trả lời vắn tắt: vì chúng có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường

HS vẽ thành mô hình với các nội dung sau:

– Đoạn 1:

+ Giới thiệu khái quát về chim di cư và đặc điểm của chúng.

+ Đặt câu hỏi về lí do chim di cư và lí do chúng định hướng được đường bay.

– Đoạn 2: Nêu lí do chim di cư:

+ Tránh rét

+ Tìm kiếm thức ăn

+ Sinh sản và nuôi con.

– Đoạn 3: Nêu cách chim định hướng được đường bay:

Câu 7. Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư? Những từ ngữ dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư là <i>trước hết; thứ hai; một lí do nữa; như vậy</i>. Câu 8. Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì? “Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – “thực đơn” yêu thích của chúng – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông”. Đáp án B. Dùng để đánh dấu phần chú thích. Câu 9. Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ “nhà” trong câu: “Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim di cư rất xa vẫn quay trở về đúng “nhà” của mình.”? Có thể dùng từ “ổ” thay cho “nhà” (từ này vốn để chỉ chỗ ở của loài chim). Câu 10. Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ. – GV cho HS lên bảng viết câu và chỉ rõ kết từ trong câu. – Tổ chức cho HS nhận xét, bình chọn câu viết hay, sáng tạo, điều chỉnh hoặc gợi ý HS tự sửa chữa nếu dùng kết từ chưa phù hợp (nếu có). B. Viết – HS chọn 1 đề trong 2 đề bài đã cho: Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc hoặc bộ phim hoạt hình em đã xem. Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.	+ Quan sát Mặt Trời và các vì sao. + Dựa vào những mốc lớn trên đường bay. – Đọc lại văn bản, tìm từ ngữ theo yêu cầu. – Suy nghĩ, vận dụng kiến thức đã học về dấu gạch ngang để chọn ra đáp án đúng. – Tìm từ đồng nghĩa với từ “ổ” và phù hợp với ngữ cảnh sử dụng. – Một số HS lên bảng viết câu. – HS đọc và chọn lựa 1 trong 2 đề. – HS thực hiện theo hướng dẫn, yêu cầu của GV.
--	---

* Các dạng đề này HS đã được hướng dẫn cách làm và thực hành qua nhiều tiết học nên GV có thể yêu cầu HS viết vào giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn. Lưu ý: GV chú ý những HS còn hạn chế về học tập để hướng dẫn, sửa chữa.

– GV gọi cá nhân các nhóm trình bày, nhận xét, bình chọn đoạn viết hay.

– GV đề nghị sửa chữa với những bài viết chưa đạt yêu cầu (nếu có) theo phiếu học tập gợi ý dưới đây:

Phiếu học tập

Với đoạn văn em đã viết, hãy dựa vào các tiêu chí dưới đây để nhận xét, đánh giá chỗ chưa đạt và chỗ cần điều chỉnh:

Stt	Tiêu chí đánh giá	Chưa đạt	Cần điều chỉnh
1	Cách mở đầu đoạn văn		
2	Cách giới thiệu nhân vật trong sách/phim (Đề 1); thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình (Đề 2)		
3	Cách kết thúc đoạn văn		
4	Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng		
5	Cách dùng từ, đặt câu		
6	Có dùng biện pháp so sánh, nhân hóa		
7			

– HS thực hiện tại nhà.